VĂN HỌC

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ

thảo luận về tiểu thuyết lịch sử

nam dao ● nguyễn mộng giác

từ ảo đến thực

trần doãn nho

thành ngữ trong tiếng việt

hồng huy

đi thăm con cháu thái dương thần nữ

tràm cà mau

đọc "con nữ" của đỗ quỳnh dao

nguyễn mộng giác

văn

võ đình ● lâm chương ● hoàng nga

phạm hải anh ● thùy dương

thơ

tô thùy yên ● cao xuân tứ ● trần mộng tú

thu tứ ● sương mai ● xuyên trà

cổ ngư ● nguyệt thu ● vạn giả

tin văn

thế quân ● trần văn tích

197

THÁNG 9 2002

VănHọc

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ

Phát hành mỗi đầu tháng

❖

Ban Chủ biên: Mai Kim Ngọc, Thạch Hãn,
Châu văn Thọ, Nguyễn Mộng Giác

Chủ Nhiệm: Châu văn Thọ
Chủ bút: Nguyễn Mộng Giác
Tổng Thư Ký: Thạch Hãn

❖

Đại diện Văn Học ở Âu châu:
Mrs. Lê Tất Luyện, 15 Place Souham, 75013, Paris,
FRANCE
Phone: (33) 1 45 83 19 12

❖

Đại diện Văn Học ở Úc châu
Mr. Nguyễn Khắc Phú, 14 Lester Road, Padstow,
NSW 2221, AUSTRALIA
Phone: (02) 9771-1770

❖

Đại diện Văn Học ở Houston, Texas
Mr. Ngu Yên, 2055 Westheimer # 130
Houston TX 77098
Phone: (713) 524-6262

❖

Đại diện Văn Học ở New Orleans, Louisiana
Nguyễn Khánh Hòa
2025 La Quinta Via, Harvey, LA 70058
Phone: (504) 368-4728

Thư từ, bài vở, tiền bạc, xin gửi về Văn Học
PO Box 1359 Garden Grove, CA 92842-1359 USA
E.Mail: tapchivanhoc@aol.com
Homepage trên Internet: nhanvan.com/vanhoc.htm
Phone: **(714) 894-8535**

Số đăng ký tại Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ: ISSN—0885—128X

Văn Học

số 197 ● tháng 9, 2002

VĂN HỌC	2	thư tòa soạn
NAM DAO - N. M. GIÁC	3	thảo luận về tiểu thuyết lịch sử
CAO XUÂN TỨ	26	*sapa*
TRẦN DOÃN NHO	27	từ ảo đến thực
TRẦN MỘNG TÚ	37	*gọi tên thượng đế*
HỒNG HUY	39	thành ngữ trong tiếng việt
THU TỨ	51	*quen lạ xa gần*
TÔ THÙY YÊN	52	*thấm thoát đời ta*
TRÀM CÀ MAU	54	đi thăm con cháu thái dương thần nữ
SƯƠNG MAI	79	*M*
NGUYỆT THƯ	80	*đầu dốc*
VÕ ĐÌNH	81	tập tàng
XUYÊN TRÀ	83	*ngày chủ nhật*
LÂM CHƯƠNG	84	những đoản văn rời
HOÀNG NGA	95	lễ hội
CỔ NGƯ	106	*biển*
VẠN GIẢ	107	*biển cạn, bóng trăm năm*
PHẠM HẢI ANH	108	nhạn bay vạn dặm
THÙY DƯƠNG	113	cái giường của tôi
NGUYỄN MỘNG GIÁC	119	đọc "con nữ" của đỗ quỳnh dao
THẾ QUÂN	127	tin văn
VĂN HỌC	151	giới thiệu sách mới
VĂN HỌC	112	hộp thư

Copyright by authors and Văn Học, 2002
Tác giả và Văn Học giữ bản quyền, 2002

Thư Tòa soạn
Văn Học

Một trong những tin buồn trong tháng qua là ông Trần Độ đã từ trần ở Việt Nam, sau một thời gian dài liên tiếp bị những căn bệnh của tuổi già hành hạ. Cái chết của ông, cùng với cách cư xử của chính quyền Việt Nam sau khi ông mất, một lần nữa cho thấy cái gọng kềm khắc nghiệt của quyền thế đối với những khát vọng nhân bản chung của đám đông. Nếu ông bằng lòng với vai trò một người làm chính trị, có lẽ ông sẽ thăng tiến trong hệ thống quyền lực một cách dễ dàng, hay ít ra ông đã được hưởng một tuổi già sung túc, tiện nghi dành cho các công thần. Nhưng ông không muốn chọn con đường dễ đó. Lương tâm ông, khát vọng nghệ sĩ của ông muốn ông sống trung thực, thấy cái gì chính ông và các đồng chí của ông làm sai thì phải nói sai, và sòng phẳng nhận trách nhiệm trước lịch sử.

Vinh dự và tai họa bắt đầu từ lựa chọn can đảm ấy. Đã đành Trần Độ không thể làm gì được khi ông đang ở trong guồng máy, và ông chỉ có thể lên tiếng khi đã về già, và bị đẩy ra khỏi guồng máy quyền lực. Nhưng tiếng nói của một người "có thẩm quyền" trong cuộc như tiếng nói của Trần Độ có ảnh hưởng rất lớn đối với những người có thiện chí và khao khát tự do dân chủ trong nước. Đó là tiếng nói của lương tâm chính trị, và một lời cảnh tỉnh cần thiết.

Trong tư cách một người làm chính trị, Trần Độ là một người làm chính trị thất bại. Nhưng trong tư cách một người trí thức, một văn nghệ sĩ, ông là một trí thức văn nghệ sĩ chân chính. Vị thế xã hội của ông, trên thực tế, một phần nào đó là lá chắn an toàn để những tiếng nói lương tâm khác mạnh dạn cất lên.

Văn Học xin chia buồn với gia đình ông Trần Độ, và mong ước những điều ông tâm nguyện hồi sinh thời sẽ thành hiện thực.

Thảo luận về tiểu thuyết lịch sử

Nam Dao - Nguyễn Mộng Giác

Như đã loan trên số báo trước, Văn Học xin đăng tải cuộc đối thoại bằng e-mail giữa nhà văn Nam Dao và nhà văn Nguyễn Mộng Giác về Tiểu thuyết lịch sử, lấy hai cuốn tiểu thuyết có chung một bối cảnh lịch sử là thời Tây Sơn (Gió Lửa của Nam Dao và Sông Côn Mùa Lũ của Nguyễn Mộng Giác) làm căn cứ để thảo luận. Văn Học hy vọng trong thời gian tiếp theo, sẽ có nhiều văn hữu tham gia cuộc thảo luận hữu ích này.

Nguyễn Mộng Giác

Trước hết, xin thú thực với anh là đọc những cuốn tiểu thuyết lịch sử của anh (Gió Lửa, Đất Trời) vất vả hơn đọc các truyện ngắn và kịch của anh rất nhiều. Đó là kinh nghiệm của riêng tôi, không biết các độc giả khác thế nào. Tôi tự tìm hiểu, và thấy hình như khả năng thưởng thức tác phẩm văn chương của mình có phần cổ điển, và bị giới hạn của kiến thức. Tôi thích những vở kịch của anh nhất, sau đó mới tới truyện ngắn, rồi tiểu thuyết lịch sử. Lại tần mần tự tìm hiểu thêm, tôi nghĩ có lẽ khi anh dùng thể loại nào có chung một trục qui chiếu và thói quen cảm thụ với tôi, tôi dễ thông cảm với anh hơn khi anh dùng những thể loại có trục qui chiếu khác.

Trở lại thể loại tiểu thuyết lịch sử, đề tài chúng ta thảo luận hôm nay. Khi viết Sông Côn Mùa Lũ, tôi vẫn nghĩ mình đang viết một cuốn TIỂU THUYẾT-LỊCH SỬ, nghĩa là đang chịu những qui luật thành văn hay bất thành văn của hai thể loại "tiểu thuyết" và "lịch sử". Tiểu thuyết, nói cho cùng (trừ những thí nghiệm khai phá muốn làm khác đi mà thất bại nhiều hơn thành công) là một thể loại văn chương nhằm thỏa mãn nhu cầu muốn ngóng chuyện thiên hạ của người đời. Người viết tiểu

thuyết là người kể. Người đọc tiểu thuyết là người muốn nghe kể. Người kể chuyện, giống như ông thầy đứng trên bục giảng giảng bài cho sinh viên ngồi phía dưới, phải kể thế nào để người nghe hiểu được câu chuyện của mình, nghĩa là cả hai bên phải nói cùng một ngôn ngữ, dùng cùng một tần số cho tín hiệu phát và thu, có chung một trục qui chiếu của lý luận và phương cách diễn đạt. Mà theo tôi, căn bản của tiểu thuyết là chuyện thế sự, là chuyện con người và cuộc đời. Ngay cả những tiểu thuyết truyền kỳ hay viễn tưởng bạo dạn nhất như truyện kiếm hiệp Kim Dung, phim khoa học giả tưởng Mỹ, truyện ma quỉ của Bồ Tùng Linh, truyện thần kỳ như Tây Du Ký, căn bản hấp dẫn và lôi cuốn người nghe người đọc người xem những tác phẩm ấy vẫn là: những nhân vật huyễn tưởng ấy cư xử y như người đời, y như những độc giả khán giả. Con người, đời sống trong tiểu thuyết cần thiết cho thể loại này hơn bất cứ thể loại nào khác. Nếu Nguyễn Du viết một thiên tiểu luận sâu sắc về thuyết "tài mệnh tương đố" chắc ngày nay không ai thèm đọc, nhưng ông lại làm khác đi, thuật rất tài cái ghen lạ lùng của Hoạn Thư, tả rất giỏi cảnh lầu xanh ở tận bên Tàu. Xét về tư tưởng, Nguyễn Du là một nhà tư tưởng xoàng. Nhưng ông là một tiểu thuyết gia đại tài, một nhà thơ lớn. Còn nếu hỏi tả cái ghen hay như Nguyễn Du thì ích lợi gì, tả cảnh lầu xanh giỏi rồi... "so what?" thì lại qua một vấn đề khác.

Về "lịch sử", hình như tôi cũng nhìn khác anh. Khi viết Sông Côn Mùa Lũ, tôi chú trọng phần tiểu thuyết hơn phần lịch sử. Nhưng trong phần lịch sử, tôi không dám mạnh tay gạt phăng những gì còn ghi lại trong tài liệu lịch sử. Tôi chia nhân vật Sông Côn Mùa Lũ làm hai tuyến: tuyến những nhân vật lịch sử, tôi giữ lại những nét chính, chỉ giải thích hoặc cải chính những sự kiện lịch sử theo quan điểm của tôi, như giải thích vai trò mờ nhạt của Nguyễn Lữ, tô đậm con người văn hóa và dung tục của Nguyễn Huệ, công lao và vai trò lịch sử của Nguyễn Nhạc, thực lực và giá trị tượng trưng của La Sơn phu tử...Tuyến thứ nhì là đám đông dân chúng vô danh không ghi trong sử sách. Chính ở tuyến này tôi tự do tưởng tượng và dùng họ để diễn giải lịch sử theo ý mình, và qua họ, cho lịch sử thêm phần da thịt của tiểu thuyết.

Tôi giải thích dài dòng như thế về quan điểm viết tiểu thuyết lịch sử của tôi, để xin anh giải thích nhận định sau đây của anh Phạm Trọng Luật trên Hợp Lưu số 62 (Xuân Nhâm Ngọ tháng 12/2001 & 1/2002):

"Gió Lửa là tiểu thuyết lịch sử, đúng như tác giả đã giới thiệu, tất nhiên. Nhưng Gió Lửa của Nam Dao không đơn giản chỉ là một truyện dài về những biến động và con người trong đời sống chính trị xã hội Việt

Nam, vào thời điểm Trịnh tàn Lê mạt ở cuối thế kỷ 18. Có gì trong mẫu hình văn hóa của chúng ta khiến đất nước này luôn luôn bị rình rập bởi một cuộc nội chiến? Đấy là câu hỏi xuyên suốt từ quá khứ đến tương lai, mà bản thân tập truyện là lời giải đáp của chính tác giả.

Bằng một câu hỏi tương tự, Nam Dao dường như muốn mời gọi độc giả thử nghiệm thêm một cách đọc khác. Với Gió Lửa, ngoài lối thưởng thức thông thường về khả năng tưởng tượng hay nghệ thuật hư cấu trong tiểu thuyết, ngoài cả sự thẩm định về tính đích thực hay tính chính xác của lịch sử, hãy cùng tác giả suy ngẫm về sự lặp lại của một phong cách hành xử và sự thích đáng của một một mô hình tâm lý xã hội trong tác phẩm"

Nếu tôi không lầm, thì nhận định của anh Phạm Trọng Luật cũng là nhận định của anh khi viết Gió Lửa.

Tìm hiểu nguyên do của một mẫu hình văn hóa VN từng khiến dân tộc chúng ta liên miên chìm đắm trong nội chiến và bạo lực, xây dựng một mô hình mới thích đáng hơn. Đó là những tư tưởng lớn cao vọng lớn. Nhưng giao phó những cao vọng và tư tưởng lớn ấy cho tiểu thuyết, liệu có năng nề lắm không, cho tiểu thuyết gia? Liệu có thích hợp không, cho thể loại tiểu thuyết? Qua cách anh "mạnh tay" nặn lại tiểu sử Nguyễn Lữ, hay bạo dạn xây dựng một nhân vật thông kim bác cổ như Trọng Thức, tôi nghĩ anh "dùng" tiểu thuyết và lịch sử như những "phương tiện" để trình bày tư tưởng và cao vọng của anh. Nếu thực như thế, tại sao không viết thẳng các tư tưởng ấy ra bằng một biên khảo xã hội học?

Nam Dao

Về TIỂU THUYẾT, anh viết:

Tiểu thuyết, nói cho cùng (trừ những thí nghiệm khai phá muốn làm khác đi mà thất bại nhiều hơn thành công) là một thể loại văn chương nhằm thỏa mãn nhu cầu muốn ngóng chuyện thiên hạ của người đời. Người viết tiểu thuyết là người kể. Người đọc tiểu thuyết là người muốn nghe kể. Người kể chuyệnphải kể thế nào để người nghe hiểu được câu chuyện của mình, nghĩa là cả hai bên phải nói cùng một ngôn ngữ, dùng cùng một tần số cho tín hiệu phát và thu, có chung một trục qui chiếu của lý luận và phương cách diễn đạt. Mà theo tôi, căn bản của tiểu thuyết là chuyện thế sự, là chuyện con người và cuộc đời. (Trong tiểu thuyết) căn bản hấp dẫn và lôi cuốn người nghe người đọc người xem những tác phẩm ấy vẫn là: những nhân vật huyễn tưởng ấy cư xử y

như người đời, y như những độc giả khán giả.

Điểm cốt tử của những nhận định trên ở vế cuối tôi vừa trích. Tôi lan man một chút rồi sẽ bàn đến điểm này. Trước hết, tôi nghĩ rằng khi độc giả có tác phẩm trong tay, thử đọc, rồi gấp sách lại và quên tác phẩm đi thì quả thật tác giả không thể bảo rằng mình thành công với độc giả đó. Số độc giả có phản ứng tương tự là số đông, ở thời điểm (đại) này, tác giả tất chỉ còn hy vọng rằng độc giả ở một thời điểm (đại) khác sẽ có phản ứng thuận lợi hơn. Tác giả, vì thế, phải làm thế nào để độc giả (thường là một mẫu hình trừu tượng) không gấp sách lại, bị ám ảnh. Thậm chí, ở mức hấp dẫn cao hơn, độc giả đó bị tác phẩm đẩy đến tình thế phải rà xoát lại một số giá trị, quan điểm, nhận định. Và cuối cùng, anh ta thay đổi một số suy tư trong khi, và nhất là sau khi, đọc tác phẩm. Và vì thế, dẫu đồng ý với anh là *(Trong tiểu thuyết) căn bản hấp dẫn và lôi cuốn người nghe người đọc người xem những tác phẩm*, nhưng tôi không hoàn toàn chia sẻ rằng văn chương chỉ nhằm *thỏa mãn nhu cầu muốn ngóng chuyện thiên hạ của người đời* và bắt buộc rằng, bên kể và bên nghe chuyện, *hai bên phải nói cùng một ngôn ngữ, dùng cùng một tần số cho tín hiệu phát và thu, có chung một trục qui chiếu của lý luận và phương cách diễn đạt.*

Gần như một sự tất yếu, căn bản của tiểu thuyết là chuyện thế sự, là chuyện con người và cuộc đời. Nhưng anh viết (Trong tiểu thuyết) căn bản hấp dẫn và lôi cuốn người nghe người đọc người xem những tác phẩm ấy vẫn là: những nhân vật huyễn tưởng ấy cư xử y như người đời, y như những độc giả khán giả. Tại sao? Anh nghĩ thế nào về nhân vật Don Quichotte trong tiểu thuyết của Cervantes? Bó nhân vật tiểu thuyết vào tâm thế, kiến thức của độc giả (nhưng độc giả nào? Là mẫu trừu tượng trong ý thức người viết?) dĩ nhiên là phát và thu cùng một tần số, nhưng điều này có đem lại được sự hấp dẫn nói rộng ở phần trên không? Muốn mới, nghĩa là có sáng tạo, tôi nghĩ tác giả phải nhằm phá vỡ *một trục qui chiếu của lý luận và phương cách diễn đạt* đã trở nên cái đã xuất hiện, mà xuất hiện nhiều lần thì dễ nhàm, và do đó tất nhiên không có khả năng hấp dẫn ở mức cao nhất là đổi cách nhìn của người đọc. Ở đây, xin nói thêm là tôi không hề có cái vế *văn dĩ tải đạo* trong đầu. Làm gì có cái *đạo*, hiểu như một tập hợp giáo điều luân lý, mà thật ra, lương thiện mà nói, chỉ có trong tác phẩm *cách thế chủ quan* của tác giả trước sự đời, sự người . Vì vậy, tôi luôn luôn xác nhận trách nhiệm của người viết. Anh ta muốn chia sẻ, thuyết phục người đọc. Và người đọc hành xử

theo trách nhiệm của mình.

Về LỊCH SỬ, anh viết:

Về "lịch sử", hình như tôi cũng nhìn khác anh. Khi viết Sông Côn Mùa Lũ, tôi chú trọng phần tiểu thuyết hơn phần lịch sử. Nhưng trong phần lịch sử, tôi không dám mạnh tay gạt phăng những gì còn ghi lại trong tài liệu lịch sử. Tôi chia nhân vật Sông Côn Mùa Lũ làm hai tuyến: tuyến những nhân vật lịch sử, tôi giữ lại những nét chính, chỉ giải thích hoặc cải chính những sự kiện lịch sử theo quan điểm của tôi, như giải thích vai trò mờ nhạt của Nguyễn Lữ, tô đậm con người văn hóa và dung tục của Nguyễn Huệ, công lao và vai trò lịch sử của Nguyễn Nhạc, thực lực và giá trị tượng trưng của La Sơn phu tử. Tuyến thứ nhì là đám đông dân chúng vô danh không ghi trong sử sách. Chính ở tuyến này tôi tự do tưởng tượng và dùng họ để diễn giải lịch sử theo ý mình, và qua họ, cho lịch sử thêm phần da thịt của tiểu thuyết.

Quan niệm về Lịch Sử của tôi quả có khác: Tôi bị ảnh hưởng công việc chuyên môn, là khảo sát tính Động trong Kinh tế và Môi sinh. Cho ba vật thể có chuyển động và để những chuyển động đó tương tác lên nhau (problème des 3 corps của H Poincarré), tính động của cả hệ thống có khả năng trở thành không thể dự đoán, không có qui trình: hệ thống tiềm ẩn khả năng loạn động (dynamic chaos), có những điểm nhảy nhổm không liên tục (R Thom), vv...Lịch sử xã hội, biết bao nhiêu yếu tố Động, và cái khả năng loạn động nói trên là có. Hệ thống loạn hay không, thật chỉ vì một yếu tố tưởng là nhỏ (cái vẫy cánh của một con bướm ở Costa Rica có thể là nguyên nhân cho một trận bão lớn ở Bắc Kinh, chẳng hạn), và thường là sinh ra do ngẫu nhiên. Vì thế, cái khiến tôi chú tâm là khả năng chuyển đổi của lịch sử. Câu hỏi trong công việc của tôi luôn luôn là: tại sao nó thế này mà chẳng thế khác (trong Gió Lửa, tại sao nước ta không canh tân như Nhật vào thế kỷ 17, 18? Tại sao khối văn hóa Hán với tư tưởng chủ đạo Khổng Mạnh ù lì trong khi Âu Châu, chiếm ưu thế kỹ thuật, đã sản sinh vào thế kỷ 18- 19 ra những tư tưởng về Dân chủ, quyền con người? Giá mà Nguyễn Huệ không chết sớm thì????). Dĩ nhiên, cái thế này so với cái thế khác nói lên cái khao khát, hoài bão, và là những chọn lựa có ý thức của cá nhân tôi (đã thưa ở trên là văn chương, với tôi, không chỉ phục vụ nhu cầu ngóng chuyện thiên ha, giải trí, tìm thấy mình vì những nhân vật huyễn tưởng trong tiểu thuyết cư xử y như độc giả), những chọn lựa liên hệ mật thiết đến hiện tại một xã hội (là nước ta) và nhất là tương lai xã hội ấy. Nói như vậy, Gió Lửa là loại tiểu thuyết có chủ đề (roman à thème), như tôi có

nói rõ (để khẳng định trách nhiệm của người viết), cũng cùng nhận định như của Phạm Trọng Luật. Trong bài đó, cách nhìn Gió Lửa qua tổng quan của Weber là một cách nhìn tôi chia sẻ một phần. Thật ra, tôi có khuynh hướng diễn giải lịch sử một cách biện chứng hơn, và thích thú quan điểm của anh Tạ Chí Đại Trường khi anh đề cập đến sự xuất hiện một tầng lớp con buôn (Nguyễn Nhạc, Nguyễn Hữu Chỉnh), nhưng họ chưa có khả năng hoán đổi lịch sử

Tôi xin khoan nói đến những điều đó, nay tâm sự đôi điều. Viết Gió Lửa là viết sau khi tôi đã dứt bỏ mọi ràng buộc tâm lý với những quyền năng quyền lực đương đại, giữ cho mình sự tự do gần như tuyệt đối, và chỉ chịu sự "kiểm duyệt" của chính mình và riêng mình mà thôi. Vì thế, Gió Lửa thai nghén hàng chục năm, sinh nở ở nơi không có kìm kẹp mà cũng chẳng phải là chuyện mẹ tròn con vuông. Hoàn cảnh Gió Lửa, khác xa với Sông Côn Mùa Lũ. Thế nhưng trong Sông Côn Mùa Lũ, anh vẫn giữ được cái tâm thế tương đối ung dung, đôi khi đến bàng quan, trong khi giai đoạn lịch sử trong Sông Côn Mùa Lũ là một giai đoạn đầy biến động. Đọc, tôi đi tìm phần hồn của tác giả. Và đây là điều ngạc nhiên đầu tiên của tôi. Anh có thể nào cho tôi biết thêm về cái tâm thế của anh khi làm một công việc dài hơi là Sông Côn Mùa Lũ, trong một tình thế sống có thể coi là ngặt nghèo, về cả tinh thần lẫn vật chất?

Nguyễn Mộng Giác

Anh chưa trả lời câu hỏi của tôi, vì như anh đã viết, cả hai quan niệm về tiểu thuyết và lịch sử của chúng ta đều có nhiều khác biệt. Tôi xin trả lời về những câu hỏi của anh về tiểu thuyết trước, sau đó mới trả lời câu hỏi anh nêu ra ở cuối thư.

Anh nêu trường hợp Cervantes viết Don Quichotte để gián tiếp biểu lộ sự bất đồng với tôi khi tôi viết: "Căn bản của tiểu thuyết là chuyện thế sự, chuyện con người và cuộc đời,căn bản hấp dẫn lôi cuốn người nghe người đọc người xem những tác phẩm ấy vẫn là: những nhân vật huyễn tưởng ấy cư xử y như người đời, y như những độc giả khán giả". Vâng, thưa anh, tác phẩm của Cervantes có thể xem là một dấu mốc quan trọng của lịch sử về tiểu thuyết, không phải vì Cervantes đặt hẳn ra một trục qui chiếu mới, một thang giá trị mới vượt ra khỏi nhân gian, mà vì ông đã lật mặt nạ những hiệp sĩ trong các sử thi hoành tráng, cho độc giả thấy cái yếu đuối, tầm thường, đáng thương của con người, nghĩa là đã kéo những mẫu hình lý tưởng do lý trí đặt định xuống tầm thấp thực sự của họ. Cervantes lớn lao vì ông xác định được vai trò của tiểu

thuyết trong tiến trình của tiểu thuyết Âu châu. Tiểu thuyết không phù trợ tôn giáo và quyền lực để tô hồng những mẫu hình lý tưởng do các định chế ấy đặt hàng. "Lý do hiện hữu của tiểu thuyết là khám phá những gì mà chỉ có tiểu thuyết mới khám phá được", như Milan Kundera viết trong The Art of the Novel. Lịch sử ghi ngày đó tháng đó một ông tổng thống đọc bài diễn văn hùng hồn phát động một cuộc chiến tranh "trừ bạo". Tiểu thuyết gia không quan tâm tới nội dung bài diễn văn đó. Không cần đọc, đã biết trong đó chỉ chứa những lời sáo và rỗng. Tiểu thuyết gia tò mò muốn biết trong thời gian soạn thảo bài diễn văn đó, đám quần thần của tổng thống đã nói những gì, ai văng tục khi nghe ý kiến mình bị phản bác, ai ngay ngáy lo bị ông tổng thống cách chức vì ninh không được khéo, buổi tối trước ngày tuyên chiến bà vợ ông tổng thống có cho ông ngủ yên để ngày mai ông đủ sức khỏe biểu diễn sự hùng hồn cần thiết hay không. Tiểu thuyết gia cũng quan tâm tới những gì xảy ra cho người dân thường sau khi tổng thống tuyên chiến. Các bà vợ lính nghĩ gì, các bà mẹ có con sắp nhập ngũ lo âu thế nàoToàn những chuyện ai cũng biết, nhưng ai cũng quên khi có những lời phỉnh nịnh hão huyền rót vào tai họ. Nhờ Cervantes mở đường mà tiểu thuyết Âu châu về sau càng ngày càng đào sâu vào sự thực của con người và cuộc đời, nhờ thế con người qua tiểu thuyết ngày càng phong phú, huyền nhiệm, khó hiểu, không dễ dàng xếp họ vào một phạm trù có sẵn nào, kể cả phạm trù thiện ác, tốt xấu, chính tà. Nguyễn Du không cần Cervantes khai thị vẫn tạo ra được những mẫu nhân vật tiểu thuyết rất mới: chúng ta thử hỏi Thúc Sinh, Hoạn Thư là người thiện hay ác, tốt xay xấu? Khó trả lời lắm!

Tôi xin dành phần trả lời của tôi về lịch sử cho lá thư sau, để xin trả lời câu hỏi anh đặt ra cuối thư. Anh viết: "Hoàn cảnh Gió Lửa khác xa với Sông Côn Mùa Lũ. Thế nhưng trong Sông Côn Mùa Lũ, anh vẫn giữ được cái tâm thế tương đối ung dung, đôi khi đến bàng quan, trong khi giai đoạn lịch sử trong Sông Côn Mùa Lũ là một giai đoạn đầy biến động. Đọc, tôi đi tìm phần hồn của tác giả. Và đây là điều ngạc nhiên đầu tiên của tôi. Anh có thể nào cho tôi biết thêm về cái tâm thế của anh khi làm một công việc dài hơi là Sông Côn Mùa Lũ, trong một tình thế có thể coi là ngặt nghèo, về cả tinh thần lẫn vật chất?"

Vâng, tôi viết Sông Côn Mùa Lũ trong bốn năm từ 1977 đến 1981, là thời khổ nhọc gian nan nhất của đời tôi. Tôi có viết về chuyện này trong một bài nhan đề "Nhìn lại những trang viết cũ" đã đăng trên tạp chí Việt ở Úc, và đã đăng lại trên Văn Học số 167 (tháng Ba năm 2000). Có thể nói những năm sống dưới chế độ Cộng sản sau tháng Tư 1975 đã

làm cho tôi "chín" hơn. Trước 1975 tôi viết theo kinh nghiệm của người khác, cho người khác. Sau 1975, tôi viết theo kinh nghiệm của tôi, và viết cho tôi. Cuộc sống cả vật chất lẫn tinh thần quá ngặt nghèo, bất trắc; trong cùng khổ con người trở thành cùn mằn tráo trở; trong sợ hãi mọi người co mình lại bảo vệ lấy bản thân hoặc hại người khác để mua lấy sự an toàn giữa cơn bão; những kinh nghiệm xót xa ấy, tôi nếm đủ. Khi bị hoạn nạn, dĩ nhiên bạn bè đều xa lánh. Chẳng những thế, họ còn nói thêm vào để người chịu nạn bị tội nặng hơn. Ban đầu, tôi ngỡ ngàng. Nhưng về sau, tôi hiểu. Họ vẫn hiểu tôi, thương tôi. Nhưng họ bất lực, không giúp gì cho tôi được. Rồi họ áy náy, cảm thấy lương tâm không yên. Rồi để cho lương tâm ngủ yên, họ phải tìm cách chứng minh rằng tôi đáng tội, họ không can thiệp là phải. Không có lửa sao có khói. Vô tình họ biện hộ cho người vung vãi quyền sinh sát lên đầu nạn nhân là người thân người quen của họ.

Với những kinh nghiệm chua chát ấy, đáng lẽ tôi phải thét lên căm hờn. Sông Côn Mùa Lũ đáng lẽ phải là cơn bão lửa. Nhưng không! Những chương chính trong Sông Côn Mùa Lũ tập 4, tôi viết giữa hai lần ở tù. Phần Kết từ viết sau khi được phóng thích khỏi Trại giam Cựu Chiến binh Vũng Tàu. Và như anh đã ghi nhận, khó tìm ra dấu vết những nhục nhằn gian khổ ấy trên các trang viết của tôi. Anh hỏi Tại sao?

Có lẽ là do bản tính của tôi. Tôi vốn nhút nhát, vụng về trong giao tế, phản ứng chậm trước các thử thách. Mỗi lần bị hãm hại hoặc bị chửi bới, dĩ nhiên phản ứng đầu tiên là giận dữ. Giận đến líu lưỡi nói cà lăm nên không thể trả miếng ngay người chửi mình. Chờ cho hết cà lăm, thì cái tính nhút nhát thụ động lại chi phối. Tôi tìm ra được những thắng lợi tinh thần theo kiểu Ả Q., và thế nào cuối cùng tôi cũng đi đến kết luận: Họ đáng thương hơn đáng ghét. Anh đọc kỹ chắc thấy Phần Kết từ của Sông Côn Mùa Lũ đầy cả lòng xót thương. Dấu vết của một thời loạn ly trong truyện của tôi đó.

Tôi đã viết kỹ hơn về chuyện này trên Văn Học số 176. Để anh khỏi mất thì giờ lục lại đống báo cũ, tôi xin trích lại một đoạn liên hệ:

"Nguyên nhân sâu xa, là từ bản tính của tôi. Nhìn lại gần trọn đời mình, tôi xếp tôi vào loại "thường thường bậc trung" như đại đa số những người quanh tôi. Gia cảnh trung bình đủ ăn, kiến thức vừa đủ để hiểu những vấn đề thông thường, tính tình thì cũng nhàn nhạt không có gì độc đáo, nổi bật giữa đám đông. Trong Mùa Biển Động tập III, tôi đã tự vẽ chân dung mình khi cho Ngữ quan sát ông Văn bằng những dòng như sau:

"Ngữ nhớ ông Văn qua hình ảnh một ông thầy cung cách chững chạc, mặc áo sơ mi trắng thắt cà-vạt, đứng trên bục gỗ giảng giải say sưa lời hay ý đẹp của cổ nhân. Lời ông trầm bổng theo vui buồn của văn chương, từ cảnh bịn rịn tiễn đưa chồng ra trận trong Chinh Phụ Ngâm cho đến cảnh chết đứng của Từ Hải..Ông Văn trở thành mẫu mực của sự lựa chọn trầm tĩnh, của sự chịu đựng hiên ngang, của sự lặng lẽ đạt đạo. Ngữ vô tình thêm thắt cho cha nhiều nét cao cả để làm cái mộc che mình, suy diễn những yếu đuối của cha thành sức mạnh tinh thần, nên chàng không khỏi hụt hẫng khi nhận ra rằng ông Văn cũng chỉ là một người bình thường như mọi người bình thường trên đời. Ông chậm chạp hơn là chững chạc. Ông rụt rè hơn là trầm tĩnh. Cách nói, ngay cả nói chuyện với con, vẫn dè dặt giữ kẻ hơn là hùng hồn thuyết phục"

Một người "thường thường bậc trung" như thế, khó lòng sáng tạo ra những mẫu đời phi thường. Thay vì rán rướn lên tầm cao của những anh hùng liệt nữ, tôi lại kéo họ xuống thấp ngang tầm của tôi. Điều đó không tránh được. Dù tác giả có ngụy trang khéo léo cách nào, nhân vật tiểu thuyết vẫn luôn luôn là bản sao của chính người viết. Thế giới tiểu thuyết là bản ngã tác giả phóng chiếu ra ngoại giới, tạo thành một thế giới mang trọn bản ngã ấy. Giới phê bình vẫn xưng tụng lối viết khách quan như một mẫu mực của tiểu thuyết. Đó là luật lệ dành cho đa số. Những tiểu thuyết gia bậc thầy như Feodor Dostoievski hay Milan Kundera xem thường luật tắc đó, nói thẳng với độc giả đây là những hình nộm tôi nặn ra để chúng thay nhau nói hộ tôi, sống hộ tôi. Trong khi nhiều nhà văn khác thích chọn những mẫu người phi thường, khác thường, dị thường, bản tính khiến tôi thích chọn những mẫu người, mẫu đời bình thường, tầm thường. Suy từ mình, tôi định nghĩa con người bình thường là con người thụ động, ích kỷ, nhút nhát, rụt rè trước quyền lực, làm được cái gì cao cả cũng phải bị hoàn cảnh thúc đẩy đến chỗ không có lựa chọn nào khác, và khi ra khỏi hoàn cảnh đặc biệt ấy, lại trở về với lối sống tầm thường cố hữu. Trong hai bộ trường thiên của tôi, ngay cả trong Sông Côn Mùa Lũ mà một trong những nhân vật chính - Nguyễn Huệ - là anh hùng dân tộc, nhân vật tiểu thuyết tôi dựng nên đều nói năng, hành xử, suy nghĩ, vui buồn theo tâm lý thường tình. Nguyễn Huệ của tôi không giống Nguyễn Huệ trong sách báo Miền Bắc, cũng không giống Nguyễn Huệ của Nguyễn Huy Thiệp. Có độc giả bảo đọc Sông Côn Mùa Lũ sao thấy Nguyễn Huệ thân quen gần gũi quá, không cách biệt oai vệ như trong sử sách. Tôi trả lời chỉ vì quí vị cũng thường thường bậc trung như tác giả Sông Côn Mùa Lũ, và chúng ta xài chung một món hàng thích hợp với khẩu vị. Đơn giản thế thôi."

Nam Dao

Tôi vẫn nhớ câu anh hỏi, thế thì tại sao không viết "tiểu luận về...", mà lại chọn tiểu thuyết để...Anh biết là "cắn răng" viết hàng trăm trang, lại làm cái nghề chuyên "tiểu luận" (về kinh tế) mà dám chuyển sang cái công việc viết văn (lại xông thẳng vào truyện dài về những vấn đề khá tổng hợp là lịch sử), lại bắt tay vào làm ở cái tuổi "tri thiên mệnh", thì tôi quả là liều kiểu thí mạng cùi điếc không sợ súng. Nhưng trước khi "liều" mình (qua cái vốn thời gian ngày càng hạn hẹp với chúng ta), tôi băn khoăn trăn trở chẳng phải hàng năm mà là hàng chục năm, và hẳn tôi chẳng thể tránh né, sẽ trả lời anh. Nhưng xin anh cho khất vào đoạn cuối cuộc trao đổi thú vị này: tôi trả lời liền, nhỡ chúng ta hết chuyện (chứ không phải truyện) ngay mất thì sao?

Quay về Sông Côn Mùa Lũ. Tập1, chuyện anh viết về "phất cờ", phất cờ thì cờ nào cũng được , miễn là thắng. Đọc câu ấy, tôi liên tưởng đến "ba ngọn cờ" trong các bài nói về chính sách cách mạng vào thập niên 70, kéo cho đến thời kỳ gần cuối 80. Tập 4, anh nói về thân phận những người "chân đất", hỏi rằng với cuộc khởi nghiã Tây Sơn đã dẫn đến sự thiết lập một Đế chế mới với hoàng đế Quang Trung, liệu họ có "đổi đời" được không? Nhưng anh phớt qua câu hỏi, rồi tảng lờ câu trả lời! Và bằng cái hình tượng một cô bé có kinh nguyệt lần đầu, anh mớm vào dự tưởng của độc giả rằng đời sống vẫn cứ nối tiếp, thì (tôi thêm vào) có hề chi? Dựa vào lịch sử, anh kể một câu chuyện (*ch*) có đủ hỉ nộ ái ố lạc dục (dĩ nhiên ở cái mức độc giả ai cũng có thể identifier mình vào), nhưng ***ch*** chưa phải là ***tr***, *chuyện* (có thể kể như trong thời chữ viết chưa phát triển) chỉ là cái cớ để viết *truyện*. Vậy giữa *chuyện* và *truyện*, cái khác ở chỗ nào? Cervantes viết như mũi xung kích đầu tiên vào "thần quyền" kiểu Trung Cổ bên Âu Châu. Gió Lửa thì kêu lên, đừng lấy đất nặn Thành hoàng rồi xì sụp vái mà quên đi thân phận mình, mất hết tự do, và "ù lì" hóa một lịch sử đầy máu và nước mắt lẽ ra có thể khác đi. Và tôi vẫn hoang mang, chưa thực sự nắm bắt và hiểu cái Sông Côn Mùa Lũ chuyển tải. Phải chăng, vì nếu tiểu thuyết là kể *chuyện*, thì cái tôi gọi là *truyện* không quan trọng, và chuyển tải của tiểu thuyết chỉ là tập hợp các chuyện kể? (Mở một dấu ngoặc về cái anh lắm lời Kundera, tôi thích cái discours của anh ta về Diderot (cuốn Jacques, le fataliste) hơn là những ca ngợi kiểu hát thánh kinh về Cervantes, quên rằng truyền thống tiểu thuyết có trước Âu Châu (và khá quan trọng) ở bên Ấn Độ và Trung Quốc. Liệu người Việt chúng ta có quá bị ảnh hưởng văn hóa

eurocentriste không? Nói thật, tôi đọc Tam Quốc Chí, Tây Du Ký, Liêu Trai Chí Dị, chưởng Kim Dung...vẫn thấy khoái hơn đọc nào là Nabokov, G. Steiner, vân vân và lăng quăng phía trời Âu với những hậu hiện đại, hậu hậu hiện đại, trong và ngoài ngoặc, tuti quanti...)

Nay xin nói thêm về việc xây dựng tiểu thuyết lịch sử: trong Gió Lửa, cái khung lịch sử đã được sử dụng như phương tiện cấu tạo tiểu thuyết, và sau đó thì tiểu thuyết lại là phương tiện để tác giả thể hiện những tư duy, biện minh và dự phóng cho chủ đề trên lịch sử (Gió Lửa nhằm giải thích một trong những nguyên nhân của những cuộc nội chiến là cái tương quan giữa con người VN và quyền lực), tìm cách *đến với độc giả, thuyết phục họ, nếu không được thì quyến rũ, khích động suy tư, gây ra những nghi vấn để tạo cái nhu cầu xét lại những điều tưởng đã là "đinh đóng cột" cho độc giả,* không chỉ *bằng* và *qua* lý luận, mà vận dụng tất cả, từ cảm xúc đến trực giác, thậm chí từ những yếu tố siêu linh đến những cái ta thường gọi là mê tín dị đoan, nghĩa là bằng tổng hợp những *chất người,* thứ chỉ tiểu thuyết mới chuyên chở nổi.

Nguyễn Mộng Giác

Câu anh hỏi về chuyện "phất cờ" và sự thất vọng của anh khi đọc xong bộ truyện vẫn chưa tìm ra "thông điệp" tôi muốn Sông Côn Mùa Lũ chuyển tải, chứng tỏ có khác biệt lớn giữa anh và tôi về chuyện viết để làm gì.

Tôi không đạo đức giả đến độ bảo "viết chẳng để làm gì cả, viết chơi thôi mà!!" Không ai dại dột chơi một trò chơi nhọc nhằn như thế. Có nhiều trò chơi nhẹ nhàng mà hấp dẫn hơn. Tôi viết do nhu cầu tinh thần của tôi trước tiên, không do thúc đẩy của thị trường. Nhưng tôi không viết cho một mình tôi đọc. Tôi viết "để" người khác đọc, mong họ chia sẻ với tôi những điều tôi ấp ủ trong lòng. Tới đây, anh và tôi có lẽ có cùng một suy nghĩ. Nhưng cũng từ đây, mỗi người đi mỗi đường. Tôi không biết giải thích thế nào nên mới vịn vào bản tính. Để người khác chịu đọc mình và chia sẻ tâm sự với mình, tôi cố gắng nói chung một "ngôn ngữ" với họ. Hơn thế nữa, do bản tính, tôi không bao giờ dám nghĩ mình có điều gì hay ho để dạy họ, có điều gì khôn ngoan để hướng dẫn họ. Qua thời loạn, tôi mới thấy sách vở, kiến thức, trí tuệ nhiều lúc không "sáng suốt" bằng trực giác và óc thực tiễn. Cùng lạng quạng như nhau, tôi với bạn đọc của tôi cùng dìu nhau mò mẫm tìm lối thoát ra khỏi mê lộ này. Chúng tôi là bạn đồng hành, không phải là diễn

giả và cử tọa. Cho nên thú thực với anh là trước khi viết Sông Côn Mùa Lũ, tôi không có một "thông điệp" nào rõ ràng để gửi đi cả! Ban đầu là một lời hứa với anh bạn Nguyễn Thành Hải trong quán cà phê, "viết về thân phận giới trí thức văn nghệ sĩ trong thời loạn". Để tránh trước những tai họa bất ngờ có thể đến do chuyện viết lách, tôi chọn thời điểm hai thế kỷ trước làm bối cảnh. Nhưng càng tìm đọc tài liệu sử, càng thấy hấp dẫn, càng thấy con người trong thời loạn, nhất là giới nho sĩ, sao mà đáng thương. Có thể nói "thông điệp" của Sông Côn Mùa Lũ là lòng xót thương đó. Một thứ thông điệp mơ hồ, vô bổ, và yếu xìu, phải không anh?

Anh viết tiểu thuyết với một thông điệp rõ rệt, và cũng công bố rõ đây là một cuốn tiểu thuyết luận đề. Lịch sử, tiểu thuyết là những phương tiện để anh chuyển tải luận đề đó. Tôi thì nghĩ mình chẳng sáng suốt gì hơn bạn đọc của mình, cái xe mình đang lái cũng cà rịch cà tang thôi, chở mớ tâm sự rối rắm của mình còn ì ạch huống hồ chở thêm những thứ nặng nề như sứ mệnh này thông điệp kia. Trong thầm lặng, tôi phục anh sao lạc quan tự tín quá. Nhưng cũng trong thầm lặng, tôi nghĩ anh bắt cái xe văn chương chở những thứ hàng quá sức chịu đựng của nó. Tôi nói như thế, có đúng với chủ trương của anh về tiểu thuyết lịch sử hay không?

Nam Dao

Anh Giác ơi, tôi chẳng lạc quan tự tín đến thế đâu! Sống cái thời nói chí ít là tao loạn vừa qua và vẫn còn tiếp diễn hôm nay, với mọi lọc lừa bỉ ổi của lịch sử chung (từ Giải Phóng dân tộc đến Cách Mạng vô sản, qua Đổi Mới (nới cũ), song lại vòng về Phong Kiến tân thời chung chăn chiếu Mafia) và với thân phận riêng (vô tổ quốc), tôi lênh đênh trôi nổi, không sở cứ và căn cước, cuối cùng chỉ bám vào mình và cố gắng tồn tại trước những vấn nạn từ quá khứ còn kéo dài dài đến hiện tại và có khả năng tiếp diễn trong tương lai. Tôi tra vấn nó, và vì là một trong vô số nạn nhân, tôi mời gọi mọi nạn nhân cùng thân phận "đặt vấn đề". Thế thôi, chứ hai chữ "sứ mệnh" và "thông điệp" thì quả là quá tải cho tôi, và tôi e, nếu không cẩn thận mà nó thành "tuyên ngôn, chính sách", thì nó đè đến sụm cỗ xe văn chương thường rất dị ứng với những món hàng thể loại đó. Vì thế, cái tiêu chuẩn hàng đầu của tôi là Tiểu thuyết. Sau là Lịch sử, với bối cảnh và những con người của quá khứ. Và khi xếp chung lại thành Tiểu thuyết Lịch sử thì khó mà tránh được luận đề. Chung cục của luận đề thì vẫn là con người, vừa là chủ thể và, có lẽ khá oái oăm, cũng vừa là nạn nhân của lịch sử.

Về Tiểu thuyết Lịch sử, xin anh cho tôi nói thêm tại sao tôi lại chọn cái hệ Lịch sử => Tiểu thuyết => Lịch sử? Nếu chỉ chuyển tải sự người sự đời, chỉ tiểu thuyết, cần chi đến lịch sử ở hai đầu chuỗi tương quan trên? Nói thế, tức là phủ định thể loại tiểu thuyết lịch sử? Lịch sử nếu chỉ áp đặt lên tiểu thuyết những sự cố lịch sử, những con người có tên lịch sử (và dĩ nhiên là cái thành kiến của độc giả về những yếu tố và những con người lịch sử đó), tức là bó hẹp tiểu thuyết, vậy thì lý lẽ gì lại có thể loại tiểu thuyết lịch sử? Tôi xin phép nêu một câu trả lời, hy vọng soi sáng một vài nét trong Gió Lửa.

Sử dụng lịch sử, đối tượng của người viết là một tập thể có chung lịch sử đó trong quá khứ. Tập thể đó tồn tại, vậy nó có hiện tại và một tương lai nào đó. Quá khứ, hiện tại, tương lai nói trên qua tiểu thuyết sẽ thể hiện qua *sự người sự đời* không chỉ cho từng con người riêng tư mà là con người bất khả tách ra khỏi cái tập thể đó. Nếu quá khứ không có gì để đặt ra vấn đề, hiện tại là cái chấp nhận được, và tương lai, hệ luận của cái hiện tại đó, là điều bất biến thì quả là lịch sử không cần nữa: lịch sử cáo chung, chẳng phải trong tiểu thuyết, mà là với cả quần thể con người, với xã hội, với cả một nền văn hóa (như cái tiêu đề của Fukuyama cách đây chục năm, The End of History and the Last Man, Mc Millan, NY, 1992). Còn viết tiểu thuyết lịch sử, có nghĩa là ít nhất đối với người viết, lịch sử chưa cáo chung: quá khứ còn mù mờ, hiện tại không chấp nhận được, và cái tương lai mong ước không chỉ là sự nối dài đơn điệu của hiện tại. Với tôi, tiểu thuyết lịch sử là một phản kháng toàn bộ và có ý thức của những cái đã thành lịch sử, để nhằm đến một tương lai khác với cái nối dài của quá khứ, kiểu nối đơn điệu máy móc, thụ động, không sinh khí. Vì thế, tiểu thuyết lịch sử gói ghém chủ đề cho một tập thể chứ không chỉ ê a sự người sự đời cá lẻ. Trong Gió Lửa ngay từ lời ngỏ, tác giả thú rằng bị những cơn nội chiến VN ám ảnh, và đề nghị tránh cái thảm họa đó trong tương lai bằng cách "cắt bỏ phần nhiễm độc trong tâm thức", tức là một giải pháp văn hóa. Chuỗi Lịch sử => Tiểu thuyết => Lịch sử thành tương quan hai chiều Lịch sử<=>Tiểu thuyết. Phản ứng tức thời là, với một vấn đề đặt ra rõ đến thế, một thiên tiểu (hay đại đi chăng nữa) luận về nội chiến, dẫn từ kinh nghiệm trên thế giới đến trường hợp VN, dùng nào là mô hình tâm lý, xã hội...này nọ, là cái hình thức trông như tự nhiên nhất, hợp lẽ nhất. Nhưng câu hỏi tiếp là, ai đọc tiểu (đại) luận? Bao nhiêu người? Thành phần nào? Thế hệ nào? Và muốn đi đến với độc giả không chỉ qua lý luận và nhận thức mà còn muốn kết cấu *sự đời* với cả *cái tình người* thì liệu hình thức tiểu

(đại) luận có chuyên chở được không? Tiện đây, xin nói thêm về mặt phản diện của chuỗi tương quan Lịch sử =>Tiểu thuyết => Lịch sử. Như mặt trái một đồng tiền, nó là Con người => Lịch sử => Con người . Như vậy, con người là chủ thể tạo ra lịch sử, nhưng đồng thời bị chính cái lịch sử nó o ép trói buộc như một nạn nhân, và vì thế là nạn nhân của chính mình. Nhìn dưới góc độ này, vấn đề văn hóa rõ nét. Tổng hợp lại hai mặt chính diện và phản diện trong quan điểm vừa trình bày, ta gặt chuỗi tương tác hai chiều Con người<=>Lịch sử <=>Tiểu thuyết. Tóm lại, tiểu thuyết lịch sử không chỉ là bối cảnh lịch sử, những danh nhân, sự kiện lịch sử. Đối tượng của nó, là con người trong một mẫu (mô) hình văn hóa. Và là con người ở dạng động của cuộc tồn sinh, nghĩa là luôn tra vấn cái mẫu hình đó ngõ hầu có một tương lai không cáo chung và phi lịch sử.

Gió Lửa viết ra, thiết nghĩ cách tôi trả lời những câu hỏi trên khá rõ ràng. Còn lại là sự tương quan giữa quá khứ, hiện tại và tương lai trong tiểu thuyết lịch sử. Xin trích góp ý của tôi trên báo Văn, số 65, tháng năm 2002, trang 17-21:

"Với một nhà văn, lịch sử không là những xác chết và những sự cố biên niên ù lì. Trong tiểu thuyết lịch sử , quá khứ là lịch sử nhìn bởi nhà văn, *nhà văn như chủ thể*. Đó là thứ quá khứ tái chiếm hữu và tái tạo từ vị thế hiện tại của chủ thể, với ý thức về giới hạn của sự truy lùng chân lý "*khách quan*", một từ lẽ ra không bao giờ nên có ngoài cái chúng ta quen miệng gọi là khoa học tự nhiên !

Tiếp cận quá khứ từ vị thế hiện tại dĩ nhiên đèo bòng vào lịch sử được tái tạo qua tiểu thuyết những *vấn nạn hiện tại*. Ở điểm này, đèo bòng đó đến khi thì từ ý thức, khi vô thức, nhưng ít hay nhiều đều nhằm truy nguyên nguồn căn của những vấn nạn, vì lẽ hiện tại nào cũng là tổng hợp những thành tựu và những thất bại trong quá khứ.

Mặt ngược lại, tiểu thuyết lịch sử mang khả năng *phê phán* hiện tại qua cách *đảo ngược* và *xoay ngang* những sự cố cũng như tính chất những con người trong quá khứ. Tưởng tượng, Nguyễn Huệ không chết sớm, Minh Mệnh không tàn sát giáo dân, Tự Đức nghe và làm theo điều trần của Nguyễn Trường Tộ, v.v...thì hôm nay thế nào? Với cách nhìn như vậy, hiện tại mang cái khả năng "*khác được*". Tiểu thuyết lịch sử, trên quan điểm này, không trốn chạy. Lẩn vào quá khứ để chiếm hữu và tái tạo lịch sử, tiểu thuyết là sự dấn thân của nhà văn nhằm phục sinh một hiện tại cần tháo gỡ hầu thoát khỏi những bế tắc tiêu vong. Vì thế, tiểu thuyết lịch sử hoá ra một tập hợp những dự phóng về một tương lai có thể có được. Chính sự khả hữu này làm đổ mồ hôi trong công việc

viết văn. Và tiểu thuyết lịch sử, nói cho cùng, phải là máu cũng như nước mắt người viết."

Anh nhắc chuyện cụ Tố Như. Thật là may cho chúng ta, cụ không viết tiểu luận về thuyết Tài Mệnh tương đố, một mặt vì tự thân thuyết đó nó nhạt nhẽo vô duyên, một mặt nó lại do ông anh xếnh xáng nào đó bên Tàu lẩn thẩn bày ra trước. Cụ kể truyện tài mệnh qua chuyện nàng Kiều họ Vương, và sau khi được nghe giảng Việt văn thuở học trung học, tôi cũng biết là những Hoạn Thư, Tú Bà, Sở Khanh , Thúc Sinh, Từ Hải chỉ cần vài nét là đủ để cụ truyền đời cái *tài họa bằng ngôn ngữ* quả là đặc sắc của cụ. Nhưng cái cụ để lại, có phải chỉ là cái nét tài hoa đó không? Bây giờ, cứ xem phim thì thấy, chọn tài tử thiện, ác, hung , bệnh, tâm thần...thì mấy tay experts ở Hollywood chúng nó cũng biết rằng Tú Bà mà "nhờn nhợt màu da, ăn gì cao lớn đẫy đà làm sao", hay anh Từ Hải mà "Râu hùm hàm yến mày ngài, vai năm thước rộng thân mười thước cao" thì thế là "lột" nhân vật lắm. Cứ thay *họa bằng ngôn ngữ* qua chính hình ảnh ở thời đại này với phim, video, là xong (có thể vì thế, tiểu thuyết hiện nay lắm khi chẳng thèm tả nhân vật). Tôi nghĩ cụ Tố Như của chúng ta khổng lồ bởi cụ *dám* (tôi nhấn mạnh, *dám)* viết hơn hai ngàn câu thơ theo *thể lục bát dân gian*, bằng *tiếng nôm*, cái tiếng ta nói để truyền thông cho nhau, và cụ làm nó giàu lên, đẹp lên (tôi có kể, trong 1 bài ký, 'Một vị thuốc đắng, một vị thơ', rằng nhà thơ Hoàng Cầm có *mắng* tôi, dặn là phải đọc kỹ Truyện Kiều (*Tr* chứ không phải *Ch*) để mà vun xới cho cái vốn ngôn ngữ của mình). Cụ làm một cái việc công phá vào thành trì bảo thủ của các ông đồ cao giọng "nôm na là cha mách qué", và công việc làm văn của cụ là một hình thái cao của Cách Mạng. Đó không là cái việc "mua vui cũng được một vài trống canh" đâu ! Cụ khéo giấu cái "chủ đề" việc viết lách của cụ nên rao lên như vậy thôi. Và, tôi, tôi đâm ra cũng phải làm như cụ: tôi không viết tiểu luận. Tôi viết tiểu thuyết, và có chủ đề lịch sử, nghĩa là cho một không gian với quá khứ, hiện tại và tương lai, nên tiểu thuyết của tôi là tiểu thuyết lịch sử. Xin lưu ý anh, với chủ đề không là lịch sử mà là huyền thoại thì tôi sử dụng không gian khác, như trong Tiếng Cồng, truyện dài, Thivăn, 2000, dùng văn phong hiện đại hơn, khác với văn phong cổ điển trong Gió Lửa và Đất Trời. (Mở ngoặc, tương quan giữa thể loại tiểu thuyết và văn phong là một vấn đề rất thú, nhưng ta hãy để bàn nhau sau).

Đến đây, tôi thế là đã trả lời câu hỏi còn nợ anh. Đọc lại, thấy trao đổi trên quá trừu tượng. Bây giờ, làm thế nào để cụ thể hơn? Có lẽ ta

nên đi sâu vào việc xây dựng tiểu thuyết, và hy vọng sẽ từ những vấn đề xây dựng nhân vật, chọn lựa sự kiện lịch sử vvchúng ta nêu lên những điểm tương đồng cũng như dị biệt giữa Sông Côn Mùa Lũ và Gió Lửa.

Trước tiên, Gió Lửa chỉ có 150 trang gồm chương 8, 10, 11 và một chút trong chương 12 trong tập 2 (Gió Đàng Trong) là dính đến nhà Tây Sơn và các nhân vật lịch sử như Huệ, Nhạc, và Lữ. Trong số 150 trang đó, *trọng tâm là hư cấu ra Lữ*, con Nguyễn Thiếp, một người có tầm cỡ vì tầm nhìn, yêu con người, mong muốn hòa bình, tạo yếu tố hoà hợp hòa giải với Nguyễn Ánh, sẵn sàng mở ra với Tây Phương, trọng đạo và phần tâm linh. Lữ may chữ Tâm đính vào cờ đỏ Tây Sơn nhưng chung cục thì lấy cờ quấn làm khố rồi theo Sơn nhân lên rừng, thôi không ở với đám người tăm tối trong chém giết quyền lực. Đồng thời, cũng trong 150 trang đó, sự việc xoay quanh cách hành xử và can thiệp của Toàn Nhật và Trọng Thức, là hai nhân vật tiểu thuyết 100%, cộng vào với những nhân vật phụ như Nguyễn huy Tự, Nguyễn Du. Vì thế, Gió Lửa hư cấu chính lịch sử, tạo ra cái *khả năng khác với lịch sử* ghi bằng biến cố và sự kiện có chép trong chính sử (độ thực hư, nguyên nhân và hậu quả của những sự cố đó thì tuỳ diễn dịch, không có gì ở đây có thể gọi là khách quan được). Cái *khả năng khác đi được* đến từ Trọng Thức, kẻ lênh đênh qua Pháp tháp tùng Hoàng tử Cảnh, có được sự hỗ trợ chừng mực và tính toán của Huệ, được đưa ra trong Gió Lửa như một minh quân chứ không đơn thuần là một tướng tài bách chiến bách thắng. Ngược lại, Sông Côn Mùa Lũ gần 2000 trang, xoay quanh nhà Tây Sơn với những nhân vật hư cấu (gia đình Giáo Hiến chiếm phần quan trọng) sống thân gần Huệ, Nhạc, và phần nào Lữ, vẫn mờ nhạt như hình ảnh Lữ trong chính sử. Ra đời sau Sông Côn Mùa Lũ, tiểu thuyết về gia đình Tây Sơn và nhân vật Nhạc, Huệ, Gió Lửa chỉ dính dấp một tí đến chuyện riêng của Huệ qua cách "mượn" nhân vật An trong Sông Côn Mùa Lũ, nhằm quay trở lại cái tiêu đề hạnh phúc bình thường cuả con người, cái mà Huệ không cho đượcAn nên nàng mới lấy người khác. Để hiểu nó qua cái đói, Huệ cuối cùng chạm mặt cái chết, phút lìa đời vẫn không gặp được người yêu, kêu "An xem, chết thế này bình thường chứ hả?" (trang 414). Trong khi Sông Côn Mùa Lũ là tiểu thuyết trên cuộc "trần ai" của Huệ, Gió Lửa dàn trải ra nhiều cảnh đời. Nhưng cái thói quen thích "anh hùng" và danh nhân khiến người đọc chỉ chú tâm đến Huệ, nhân vật rất thứ yếu trong tiểu thuyết Gió Lửa, quên mất biết bao nhiêu nhân vật khác, có những kẻ thật tầm thường mà lại rất quan trọng. Như lão Hài, người lính già. Như Mai, vợ Trọng Thức. Như bà vãi treo cổ chết sau khi cho một đám lính trẻ sắp chết thỏa nhục tình với mình.Xin tạm ngưng trên khía

cạnh này, để giữ nối tiếp với thư anh gửi.

Ở đây tôi muốn quay lại câu anh trả lời tôi, đào sâu một vấn đề, là sự phóng chiếu của tác giả trên những nhân vật tiểu thuyết mà trong trường hợp Sông Côn Mùa Lũ anh tự cho mình là "thường thường bậc trung" và rồi anh hùng hào kiệt đều bị kéo xuống cái mức ta cứ tạm cho là đời thường ấy. Nhưng với những thành tựu lẫy lừng, Nguyễn Huệ trong lịch sử là một nhân vật khác thường. Những kẻ làm ra lịch sử như Huệ có thể nào mà "thường thường bậc trung" được không? Chẳng chỉ Huệ, rồi những Nhạc, Chỉnh, Sở, Nhậm... cũng vậy, thời thế đẩy họ khiến khó mà họ tồn tại theo phương cách "thường thường bậc trung". Và nếu nhân vật tiểu thuyết lúc nào cũng là sự phóng chiếu của tác giả thì tôi e rằngkhông tránh được sự đơn điệu bởi tác giả thì chỉ là một cá thể với một số cá tính nhất định. Dĩ nhiên, tiểu thuyết là 100% chủ quan, người viết thể hiện cái Tôi, như anh kể Kundera với Dostoevski (và hàng trăm người khác kể từ trào lưu Lãng mạn ở Tây phương). Nhưng cứ đơn cử Dos, ông ta có đâu đơn điệu. Thế có nghĩa là ông ta không chỉ phóng chiếu tính chất cá nhân của riêng mình lên nhân vật. Trong toàn bộ tác phẩm của nhà văn kỳ tài này, nhân vật đi từ mức thiên thần xuống mức quỉ sứ, lúc thế này, lúc thế khác, cứ như con thoi chạy giữa những thái cực cuả sự khả thể trong đời sống con người nói rộng, chứ không bó vào một cái khung nào, kể cả phong cách tác giả. Và anh nghĩ sao nếu có người bàn rằng tiểu thuyết là "vượt thường", vượt nhưng "cứ như là không" là tiểu thuyết hay, và sau, nếu sự vượt thường thành ra lẽ đương nhiên và chuyện tất yếu, thì đó là đại tác phẩm?

Nguyễn Mộng Giác

Chúng ta lại qua một phạm vi khác là: Viết thế nào? "Vượt thường" (như anh nhấn mạnh, từ *chuyện* phải nâng lên thành *truyện*) hay cứ "thường thường bậc trung"? Những danh nhân lịch sử như Nguyễn Huệ, Nguyễn Nhạc, Nguyễn Hữu Chỉnh, Ngô Thì Nhậm làm sao "thường thường bậc trung" được? Tôi cho các "ngài" tai to mặt lớn có tên trong lịch sử thực chất cũng chỉ là người tầm tầm như đa số chúng ta thôi, cái hào quang họ có không do thực chất của họ, mà do thứ quyền lực xã hội họ có trong tay, làm người khác phải run sợ khép nép. Tôi kinh nghiệm điều này nhờ cuộc đổi đời lớn lao sau 1975. Những ông một thời hét ra lửa, sao nhấp nhánh trên cổ áo, kẹp ba-tong đi duyệt binh, trong thất thế trở thành những ông già nhếch nhác, than thở luôn miệng và lẩm cẩm một cách chân thành. Đâu là con người thật của ông tướng thất thế ấy?

Tôi không tin những người làm chính trị có thiên mệnh nào (dĩ nhiên ngày nay không ai tin những điều phù phiếm ấy) nhưng tôi cũng không tin họ có khả năng vượt trội hơn đa số. Họ chỉ hơn ở chỗ "dám làm" những điều đa số không dám làm. Như chuyện giết người hàng loạt chẳng hạn. Lỡ nghĩ như thế, làm sao tôi cho họ "vượt thường" được. Cũng có những người làm chính trị vượt thường ở chỗ họ dám phủ nhận toàn diện những cái đang có, và xây dựng một tổng thể mới hợp lý hơn, hứa hẹn một thứ hạnh phúc vĩnh cửu và chân lý toàn diện. Kết quả của những giấc mộng vượt thường ấy ra sao, chúng ta đã chứng kiến hết thảm họa trong thế kỷ vừa qua. Thành thử tôi rất ngại những giấc mộng lớn. Những giấc mộng con con, theo tôi, dễ thương hơn.

Nhưng nói rộng ra, chuyện này thiên hạ đã nói nhiều. Các nhà lý luận, tùy khẩu vị từng thời, phân chia văn chương thành hai dòng song hành: vị nghệ thuật và vị nhân sinh, dương tính và âm tính, cái cao cả và cái dung tục, vĩ mô và vi mô, hay như mới đây trên Hợp Lưu số 66 (tháng 8 & 9/2002) anh Ngân Xuyên có dịch một bài của nhà phê bình Nga Fazil Iskander, trong bài đó ông dùng một thuật ngữ mới: văn chương ở nhà và văn chương vô gia cư.

"Văn học ở nhà có đặc điểm nhân tính giản dị khiến anh muốn được sống bên cạnh các nhân vật của nó, anh được ở dưới mái nhà bè bạn, anh được che chở tránh những cơn bão táp thế giới, anh sống cùng những người chủ nhà thân thiện, dễ mến. Và ở đây, trong ngôi nhà ấm cúng và hiếu khách, anh có thể cùng với chủ nhà suy tư đàm luận về các số phận của thế giới cũng như về những tác động của các cơn bão thế giới.

Văn học vô gia cư không có bức tường nào che chắn, nó mở toang ra trước mọi cơn bão thế giới, nó dường như thử thách anh trong những hoàn cảnh của cơn bi kịch thực sự, anh bị lôi cuốn, hấp dẫn bởi cảnh tượng vực thẳm của cuộc sống, nhưng anh không bao giờ muốn sống bên cạnh vực thẳm đó. Vả chăng điều này còn phụ thuộc nhiều vào tính cách người đọc.

Văn học ở nhà, chủ yếu là sự hiền minh (Puskin, Tolstoi). Văn học vô gia cư, chủ yếu là trí tuệ (Lermontov, Dostoievski)."

Nếu theo cách phân loại trên, thì vâng, tôi là người chủ trương văn chương ở trong nhà, cuộc đời này dù sao vẫn còn rất đáng sống, con người dù sa đọa đến đâu cũng rất đáng thương, vòm đời bụi bặm này dù sao cũng là một mái nhà che mưa che nắng cho tất cả chúng ta. Anh thuộc các nhà văn vô gia cư, báo động một trận đại hồng thủy nhân loại đang cận kề mà không ai hay biết. Họ điếc, anh phải hét lớn vào tai họ,

mong họ thức tỉnh.

Nam Dao

Vâng. Quan điểm của tôi cũng có những chỗ giống với Fazil Iskander. Nếu có hét, trước hết tôi hét lên nỗi kinh hoàng của tôi đã. Hét rồi tỉnh dậy, tôi kể lể cơn mộng ác để tự an thần, với thành tâm mong mỏi chẳng sẽ còn một ai cũng mộng mị kinh hoàng như tôi. Và hét để giải mộng ác bây giờ, hầu hy vọng mộng lành về sau. Hy vọng thôi anh ạ, biết đâu cũng chỉ lại là lạc quan tếu!

Phân loại trên quan điểm nhân sinh, tôi nghĩ, có hai loại văn: thứ văn chương của hiền giả, tin vào và tạo ra trong tác phẩm sự an bình hằng cửu, lấy gốc là đời sống. Đời sống sẽ tiếp nối qua những bềnh bồng lịch sử, và có gian nan, cay đắng thì rồi sẽ cũng qua, cái còn là nhân tính, là con người. Ví dụ, Tolstoi, Balzac trong văn chương, hoặc Renoir trong hội họa, chẳng hạn. Người viết có thể quằn quại với hoàn cảnh sống (và viết) của mình, nhưng văn chương (nghệ thuật) họ lại biểu tỏ điều ngược lại, vẫn chừng mực, trầm tĩnh, sâu xa, hài hòa và mang niềm hy vọng như cái nền trên đó lịch sử tiếp tục. Tôi có cảm tưởng đó là cái nét chính của văn chương Nguyễn Mộng Giác, chứ cái lẽ vì anh "thường thường bậc trung" nên anh hùng hảo hán bị kéo về cái mức "bậc trung" là cách nói dễ thương, nhưng nói cho có mà thôi. Loại thứ hai, là văn chương của đập phá và tuyệt vọng. Kể như Dostoevski, Kafka làm thí dụThứ văn chương của tôi thuộc hạng thứ hai: nó hướng về sự hài hòa như một lý tưởng. Nó không mang đủ niềm tin về tương lai và coi hy vọng là lẽ đương nhiên. Trong cái bềnh bồng của lịch sử, đời sống (cho ra sống) và nhân tính có thể bị vùi dập đến độ hoàn toàn triệt tiêu. Vì vậy, như chủ thể, con người phải đương cự và tạo ra cái lịch sử của mình, với ý thức về sự bất ổn có tính cơ cấu, và sự phủ định niềm tin nói trên như đương nhiên. Chính vì thế mà trong Gió Lửa, mang mang một niềm gì như tuyệt vọng, chí ít thì là thất vọng. Và từ đó, nó thành một lời kêu, kêu thương rồi kêu gọi. Một đàng là thân phận thiết tha, đằng kia là chủ thể quyết liệt giữ lấy sự tồn sinh của mình. Nếu văn chương của Sông Côn Mùa Lũ là loại hiền giả nhân đạo, bao dung, thân thiết với độc giả, tạo ra một mái ấm văn chương mời độc giả vào bình tĩnh luận bàn về thế giới, quá khứ và tương lai con người, thì Gió Lửa thuộc loại văn chương thứ hai. Nó bắt người đọc vào một cuộc tự xét xử, với đe dọa cuả thứ tương lai bấp bênh, quá khứ mù mờ và niềm bất ổn hiện tại. Nó đẩy độc giả vào một thử thách chênh vênh bên bờ vực thời

gian, phải đi tới, và xin chớ tin vào định mệnh. Nghịch lý thay, thế mà Sông Côn Mùa Lũ lại được sinh đẻ trong hoạn nạn cùng cực, giữ được tâm thế hiền giả, trong khi Gió Lửa, thì bà đỡ là bà đỡ trong một thế giới an bình, nhà hộ sinh đủ tiêu chuẩn vệ sinh một nước tân tiến, và không hề có một điều gì trong đời sống cá nhân tôi buộc văn chương của tôi phải bi phẫn, khốc liệt và lắm lúc cực đoan, đòi sám hối như với lời nguyền của Chế Mân trong chương kết của Gió Lửa. Nhưng nghĩ cho cùng, thật đó có phải là điều nghịch lý hay không? Phải chăng có sống ở cực này thì mới có điều kiện tâm, sinh lý để nhìn vào một cái cực đối nghịch kia, như một phương cách giữ thăng bằng trên bước đi chông chênh của văn chương?

Đọc Sông Côn Mùa Lũ, tôi bị những nhân vật đời thường quyến rũ, và tự hỏi, tại sao? Cũng như khi mới đây tôi đọc Tuyển Tập Võ Phiến, những nhân vật ở quê anh với bao cảnh đời bi đát trong thời cuộc đã chinh phục tôi. Đó là những nhân vật "có thật", và sức thuyết phục của chữ nghĩa cũng đến từ cái "thật" ấy. Nhớ lại, Naipaul cũng có quê, và có những nhân vật "có thật", để viết. Rồi Marquez, ông ta chẳng nói rằng ông viết đi viết lại mãi những cuộc đời ở quê ông, làng Aracataca, thành thị phố Macondo trong Trăm Năm Cô Đơn sao? Thì ra họ là những nhà văn có quê hương. Tức là một cội nguồn sâu thẳm, có đất, có người . Họ viết, viết mãi về cái họ sở hữu trong tâm hồn, như tiếng chuông leng keng trong một truyện ngắn của Võ Phiến. Trong tác phẩm của anh, như nói ở trên, những An, Lãng, Kiên, ông giáo Hiến, Lợi... là những nhân vật gây cho tôi ấn tượng. Và đến bộ Mùa Biển Động, họ *lại xuất hiện* dưới những tên khác, sống những tình thế khác, nhưng rồi hình như họ tiếp nối cái thân phận, cái dở dang trong Sông Côn Mùa Lũ. Phải chăng, các anh có quê hương, các anh có thể viết mãi về cái các anh có trong tâm hồn? Còn tôi, phải chăng tôi viết về một *quê hương huyễn tưởng*, thứ quê hương của đứa con lãng tử trên bước đi hoang không có ngày về? (Như anh biết, tôi rời quê hương khi chưa hẳn thành niên. Và tôi sống cái thảm kịch chiến tranh VN qua TV, radio, báo chí) Đó có phải lý do Gió Lửa vừa thực vừa ảo? Người viết nào mà chẳng viết trong cái thân phận của chính mình? Tất cả là ở đấy, từ phong cách văn chương cho đến cấu tạo tiểu thuyết! Và đi cho đến tận cùng cái thân phận của mình là cách duy nhất để xác định mình hòng tự cứu rỗi ở một hiện tại chưa "thỏa hiệp" được !

Nói đến đây, đã rõ là tôi không phản bác một quan niệm tiểu thuyết lịch sử khác với công việc viết văn của tôi: như trình bày với anh, nó gắn bó hữu cơ với cái thân phận của tôi, và điều này, nói cho gọn là do ông

Trời (viết hoa, và ca thán làm chi). Ngược lại, tôi thèm có một quê nhà, như anh Phiến, như anh để giảm cái phần hư cấu "hiện thực huyền ảo". Quê tôi nó chập chờn: 9 tuổi di cư, vừa quá 18, du học.. và sang năm là kỷ niệm tứ thập niên lưu vong! Theo thời gian lịch sử, Đất Trời rồi Gió Lửa. Sau Gió Lửa, thì đến Bể Dâu, viết về một thời cận đại. Một trong những tiêu chí tôi tự đặt cho mình là sẽ bớt huyền ảo, mong có thể hiện thực hơn, nhưng để nó thành một bộ Đất Trời - Gió Lửa - Bể Dâu, tôi đã bị cái văn phong trong Đất Trời và Gió Lửa nó bó chân bó tay một phần nào đó rồi.

Nói chuyện về Gió Lửa với anh, và phần nào sự mang nặng đẻ đau ra nó, là để tâm sự: từ đó, anh hẳn thấy cái giới hạn của tác giả, và sự bất toàn của tác phẩm nhìn dưới một góc độ. Đó cũng là cái bất toại của chữ nghĩa, bởi những con chữ cũng không thể có được sự toàn năng huyền diệu khiến tác giả và độc giả thành Một. Nhưng biết đâu chính cái khúc khuỷu quanh co trong tương quan đọc-viết lại chẳng là bước đặt chân cho những sáng tạo mới. Hy vọng là lịch sử cũng vậy.

Nguyễn Mộng Giác

Tôi đã có nhiều cơ hội để nói về những "mang nặng đẻ đau" của hai bộ trường thiên tôi viết. Cuộc đối thoại của chúng ta đã dài. Xin anh dùng lời cuối để nói về những "mang nặng đẻ đau" Gió Lửa.

Nam Dao

Mang nặng đẻ đau Gió Lửa ra sao? Có lẽ tôi cũng như nhiều người cùng thế hệ trăn trở với thế cuộc, nỗi ám ảnh về một cuộc nội chiến kéo dài (từ thời Mạc triều?) đau đáu trong lòng từ khi biết nghĩ. Khi xưa (cũng chẳng xưa lắm, cách đây dăm ba năm thôi) tôi buồn thì vẽ vẽ làm thơ, không thể dành thời gian nghĩ đến viết tiểu thuyết hay bất cứ thể loại nào cần dài hơi như Kịch, Truyện ngắn. Ở tư thế một người yêu văn chương, tôi có cái duyên may quen biết nhiều nhà văn, nhà thơ. Họ già cũng có, trẻ cũng có. Tiếng tăm cũng có, không tiếng tăm cũng có. Và tôi gặp Trần Vũ, kết bạn, vừa thích văn chương vừa thích rượu chát nên chén chú chén anh linh tinh, hết tiền thì rượu 5 francs một chai cũng vẫn cứ ngon. Năm 97, chúng tôi đi xem El Sola múa ở Paris, xem xong thì một bọn, có Vũ Hồi Nguyên, Phan Nguyên, Trần Vũ và bạn là T, rồi tôi cùng nhau lạc vào một cái hầm rượu trên đường St Germain. Nhạc rầm rầm, rượu thì Vũ Hồi Nguyên khai là "nhân" ngày sinh nhật nên chẳng

ai chê, và chuyện không biết thế nào mà chuyển đến đoạn Trần Vũ rên là thơ VN lạm phát, đọc không zô, và vv và vv. Tôi len vào, bênh cho nàng thơ tội nghiệp. Rượu vào lời ra, tôi chê văn để vớt vát "cứu" thơ, bảo văn Trần Vũ không có tư tưởng, chưa là cái gì cả (nói thế chứ Trần Vũ sáng giá lắm) và chàng tuổi trẻ này liền xạc lại "anh ngon anh viết (dĩ nhiên là văn) coi !". Chết, làm thế nào đây. Hay là...liều (nói vui thôi, *bất bình tắc minh*, chứ ai lại lao vào một cái nghiệp chỉ vì một câu khích bác!).

Thì liều. Chọn đề tài, đề tài đã và đang ám ảnh, không khó. Vấn đề dàn trải trong lịch sử, vậy cái thể tiểu thuyết lịch sử là bắt buộc (viết tiểu luận thì để Trần Vũ ôm bụng cười à?). Nhưng có chủ đề, đã có gì là tiểu thuyết đâu! Muốn viết tiểu thuyết, viết thế nào, cấu trúc ra sao, văn phong gì. Rồi nhân vật, tình tiết cho những chuyện kể. Về cấu trúc, nhân dịp tìm Walter Scott, kẻ khai sinh ra tiểu thuyết lịch sử Âu Châu xem sao. Đọc, chán phèo. Nhớ đến Ba Người Ngự Lâm Pháo thủ, không lẽ thế, đùa nghịch kiểu phiêu lưu ký không hợp cho mục đích viết theo chủ đề. Đọc Tam Quốc Chí, Thủy Hử, Đông Chu Liệt Quốc. Thú vị hơn, có lẽ Ta mang nhiều đặc thù văn hóa Tàu. Nhắm đại chúng, thôi, nhất là Kim Dung rồi. Gió Lửa phải viết kiểu chương hồi, nhưng làm thế nào mỗi chương là một truyện ngắn, thế mới có thể gửi đến báo văn học hải ngoại chứ. Như vậy, để hấp dẫn bạn đọc thì chẳng lẽ đánh chưởng, phát chỉ lực, khua kiếm Độc cô cầu bại rồi để kết thì "..ghé vào tai bảo như vầy, như vay". Chết, báo đứng đắn ai người ta in cho kiểu đó. Thử ghé mắt vào chương hồi Tây xem ra sao vậy. Đọc J. Cortazar, không, không phải cái Ta khoái. Hỏi Trần Vũ, chàng tuổi trẻ chỉ Pérutz. Dở ẹc. Thôi, tìm cái cách của mình, kết hợp Tây-Ta, có dịp thì nhét Bồ Tùng Linh pha chế với Marquez hay Borges, có sao đâu. A, zậy mà không phải zậy. Trần Vũ kêu, văn phong phải mới. Thử nghiệm: mới mà tổn hại đến độ làm biến đi cái không khí lịch sử thì sao? Thì lại quay lại văn phong cổ điển, vừa vừa phải phải. Thật là kỳ thú: văn chương có khác chi nấu nướng cho lắm đâu. Nhưng có kẻ nhắc, cẩn thận, cái khẩu vị người ăn là quan trọng. Ai ăn? *Bất tri tam bách dư niên hậu, thiên hạ còn ăn nước mắm không?* Vậy thì cứ viết theo đúng khẩu vị mình. *Văn chương thiên cổ sự, Thất đắc thốn tâm tri.* Nói theo Đỗ Phủ quả là an tâm.

Chương nhập của Gió Lửa, là Tiếng Đá, đăng trên Thế Kỷ 21 làm hai lần (quên là phải viết ngắn ngắn, sợ lố lăng giành chỗ người khác như ở chợ). Rồi sau là Chim trong lồng (Văn Học), Ẩn sủng (Hợp Lưu, gọi là ân sũng). Có tiếng vọng từ Hoàng Khởi Phong. Tôi gửi cho chàng này bản thảo tập 1 (Lửa Đàng Ngoài), và ít lâu sau có hồi âm, khuyên

"nới ra, ông viết như người ta lèn lúa, đọc mệt quá!". Nhưng có tí hồi âm, bớt cô đơn. Nhà thơ Lê Đạt đến Paris "bị" đọc 2 chương đầu, "dội", và an ủi tác giả bằng cách nói, rất nhỏ nhẹ, "..cậu viết cũng được!", và tác giả phản ứng, như một cầu thủ bóng đá "...thế nào là cũng được? Cũng, cũng là cái... gì!". Kể lại, dĩ nhiên là có chút gì như cái nét "ngựa non háu đá" (hoặc dùng chữ Lê Đạt, chú mày làm như chú là Tiếu Ngạo Giang Hồ), nhưng tình thực để thú với bạn, rằng khi viết Gió Lửa thì tôi rất "run", chẳng biết nó đi về đâu. Và như hệ luận, thế thì mình là ai! Lê Đạt nhắc, trong thân tình, "ta thấy chú mày dọa chúng ta thì dọa đã nhiều, nhưng chưa thấy chú mày viết lách gì". Thế là tôi viết một lèo. Hết đi nỗi sợ viết, viết ngắn hay dài, nhưng cứ canh cánh, độc giả của Gió Lửa là ai? Mười bốn tháng thì viết xong Gió Lửa, nửa năm sau đó Mai Ninh tổ chức cho "ra mắt sách" ở nhà Phan Nguyên. Trần Vũ đọc đít-cua, thưa quí vị, tác giả *trẻ* này bỏ làm thơ và vì thế tác phẩm đầu tay là một cuốn tiểu thuyết lịch sử gần 500 trang. Nghĩ lại cái kỷ niệm trong hầm rượu ở St Germain lại vẫn tranh lòng ! Và biết ơn các bạn văn đã, dẫu không khỏi ngờ vực, vẫn luôn ủng hộ tinh thần ! Sau khi Gió Lửa chào đời, có thêm Phan huy Đường, Phạm trọng Luật, và Nguyễn thanh Nhã quan tâm. Nguyễn Gia Kiểng cũng chia sẻ với tôi một số quan điểm, và bên Cali, Đoàn nhã Văn viết về Gió Lửa với cái cảm nhậy khá đặc biệt.

Hẳn là còn rất nhiều điều để "thưa thốt", nhưng cả anh và tôi, có lẽ chúng ta phải dành chỗ đó cho những nhà biên khảo phê bình. Tôi xin phép không đào sâu vào cả Sông Côn Mùa Lũ cũng như Gió Lửa qua cách tạo nhân vật, dựng tiểu thuyết, tâm lý, sự cố, tính chính xác và không chính xác . Vì sao? Để trả lời, xin kể lại một câu chuyện (*ch* chứ không phải *tr*): Genet là một tội phạm nhưng viết văn, văn hay đến độ nhiều nhà văn Pháp vào đầu thập niên 50 viết thư xin ân xá cho ông, trong đó có Sartre. Nhà văn kiêm triết gia này đã giới thiệu văn chương Genet bằng cách viết gần 700 trang "tiểu luận" về tác phẩm của Genet dầy chưa đầy 300 trang (đăng lại trong tuyển tập văn Genet do nhà Gallimard xuất bản), và Genet, quẳng tập bản thảo khi gặp Sartre trong một quán cà phê khu St German-des-Prés, sau đó không viết lách chi được khoảng bốn năm để thoát ra khỏi cái thành kiến Sartre để vào đầu độc giả về những tác phẩm của mình. Khi chúng ta viết về việc mình làm, tôi không khỏi có cảm giác vào một nơi bên ngoài đề *XXX*, đèo vào hàng chữ *no cover, no minimum,* và phải trình diễn một *cái gì đó* có lẽ chúng ta chẳng nên phô trương. Cho đến nay, tôi vẫn thấy rằng tác

Sapa

Cao Xuân Tứ

Tặng H.

con mắt ngấp nghé
sau màn sương muối
mắt sâu hơn nòng súng
nhả khói phủ lên mặt lên tóc
lên người

từng bước nhấc lên
cao quá ngực
bậc thềm khách sạn V
quên mất tuổi đá ong

nhìn xuống thăm thẳm
đời mình và em
ngồn ngộn
màu xuân

vén tấm màn sương
ghé nhìn
màn chợ tình cụp lạc
của mình riêng
qua con mắt-nòng-súng
Hmong

giả phải để tác phẩm một mình đi suốt cái thân phận của chính nó. Một mình, không cà kheo, như dạng những Lời Ngỏ trong Gió Lửa và Đất Trời, chỉ vì tội tác giả chưa thực bụng tin độc giả. Mea culpea. Lỗi tại tôi, lỗi tại tôi mọi đàng. Nhưng một ngày nào Đất Trời và Gió Lửa sẽ đến tay bạn đọc không cần Lời Ngỏ. Ngày ấy, chỉ còn tác phẩm. Tôi không can dự, và độc giả toàn quyền với trách nhiệm đọc và phán xử của mình.

Từ ảo đến thực

Trần Doãn Nho

Truth is true only within its system.
(Lạt ma Deshung)

1.

Người ta vẫn thường cho rằng hư cấu là thuộc tính của văn chương. Chỉ có nhà văn, nhà thơ mới cần sử dụng đến hư cấu. Thực ra, theo tôi, hư cấu là thuộc tính của con người trong sự đối phó thường xuyên với ngoại giới, với cuộc sống. Nói cho rốt ráo, trước khi con người tác động một hành vi gì vào hiện thực, thì nó phải biết hư cấu, nghĩa là phải biết hình dung, tưởng tượng, bịa đặt.

Bằng màu sắc, con người đưa hư cấu vào hội họa. Bằng âm thanh, con người đưa hư cấu vào nhạc. Bằng ngôn ngữ, con người mang hư cấu vào văn chương nghệ thuật, triết lý. Bằng niềm tin, con người đưa hư cấu vào tôn giáo. Theo tôi, *một trong những hư cấu vĩ đại nhất và cũng ngang trái nhất của con người là chân lý*. Vì là hư cấu cho nên dù vẫn quan niệm chỉ có một, chân lý lại được hình dung ra thành nhiều khái niệm, tên gọi khác nhau tùy theo khung cảnh văn hóa, điều kiện môi trường, trình độ phát triển và... cũng tùy theo áp lực của tình thế và có khi do sự áp đặt của các thế lực độc đoán. Nghĩa là mỗi người hay mỗi nhóm người hay mỗi cộng đồng con người tự chọn lựa cho mình một khái niệm hay một hình ảnh gọi là chân lý. Và hầu như không "chân lý" nào chịu chấp nhận "chân lý" nào.

Vì cho chân lý của mình là duy nhất đúng, là tuyệt đối nên người ta có xu hướng biến chân lý của mình thành giáo điều, quy phạm bất biến, vĩnh cửu có thể áp dụng cho mọi hoàn cảnh, tình huống. Chẳng những thế, người ta còn đi xa hơn: biến chân lý của mình thành chân lý của mọi người. Và do thế mà có sự kiện: rao giảng chân lý của mình. Anh rao giảng chân lý của anh, tôi rao giảng chân lý của tôi nhằm mục đích

giữ niềm tin và lôi cuốn người khác tin theo chân lý của mình. Rốt cuộc, chân lý đâm ra cũng tranh chấp lẫn nhau.

Để bảo đảm sự tồn tại của chân lý của mình, người ta hiện thực hóa nó qua hình thức trung gian: tổ chức. Một tổ chức thật chặt chẽ là một hiện thực, nhưng là *một hiện thực đầy hư cấu*. Sức mạnh của nó xuất phát từ một ý thức đã được "hư cấu" kỹ càng. Từ thứ ý thức đó người ta cột chặt vào nhau, ràng buộc vào nhau. Hiện thực được huy động toàn diện để phục vụ các mô hình hư cấu. Hiện thực bây giờ, lạ thay, bắt đầu trở thành vô thường, tạm bợ nghĩa là thành hư cấu. Còn hư cấu, theo lập luận ở trên thì mới là hiện thực và là hiện thực duy nhất. Chẳng những thế hiện thực bên ngoài còn được cắt xén, lắp ghép làm sao cho vừa với cái khuôn hư cấu. Tựa tựa như các đạo diễn cắt bỏ, xén bớt những chi tiết không thích hợp trong văn bản trước khi đưa nó lên sân khấu hay đóng thành phim cho phù hợp với hoàn cảnh và điều kiện trình diễn.

2.

Tôi có một kinh nghiệm nhỏ. Hồi năm 1982, lần đầu tiên ra miền Bắc, xe ngừng tại thị xã Hà Tĩnh, tôi dành phần lớn thì giờ đi quanh tò mò quan sát một thị xã xã hội chủ nghĩa. Đường phố vắng teo, trên đường một vài cán bộ đạp xe đạp, một vài em nhỏ chạy quanh, một vài cửa hàng quốc doanh vắng vẻ. Nổi bật nhất vẫn là những khẩu hiệu. Trông như tôi đang đi trong một khu ngoại ô vắng vẻ hay trong một cái làng quê nào đó. Một thị xã mà như thế này sao? Tôi sửng sốt tự hỏi. Sau này, đi nhiều nơi trên miền Bắc - có lẽ chỉ trừ Hà Nội và Hải Phòng là còn có đôi chút "thành phố" - tôi mới hiểu ra rằng những thành phố miền Bắc là như thế. Hóa ra chúng không phải là hiện thực, mà xuất phát từ mô hình tiền chế, một trong những hư cấu xã hội chủ nghĩa: ngăn nắp, trật tự, an ninh và...buồn. Tôi quen với khung cảnh phố xá hào nhoáng, đông người, buôn bán sầm uất, xe cộ ngược xuôi. Hình ảnh những "thành phố buồn" cũng như các khẩu hiệu, những cánh đồng giăng dây cấy lúa (cho thẳng hàng), những chiến dịch thi đua hao người tốn của và cả "ao cá bác Hồ" chẳng hạn đều thoát thai từ hư cấu (mặc dầu chúng được gọi là "hiện thực xã hội chủ nghĩa"). Tóm lại, vẫn là hiện thực, nhưng là một hiện thực đầy hư cấu. Thực mà ảo. Ảo đi vào thực.

Trong lúc đó, một thành phố Mỹ như New York xôn xao, sầm uất, ngất ngưởng, năng động với những ngôi nhà chọc trời và hàng chục cái "hộp người" vĩ đại khác, nhìn từ bên trên là một loại đô thị lý tưởng:

giàu sang, hùng mạnh, tự do, biểu trưng cho một sức sống văn minh, một loại hình tượng rất "Mỹ" với "hiện thực đen" ở phía trái: mafia, nghiện hút, mãi dâm, bạo động...Trong một New York đa dạng như thế, người ta thực hiện hai công trình đặc trưng: tượng Nữ Thần Tự Do (thế kỷ 19) và Trung Tâm Thương Mại Thế Giới (thế kỷ 20). Có thể nói Trung Tâm Thương Mại Thế Giới, vừa to lớn về thể hình lại vừa đầy ắp tham vọng về mục đích, là một tiếp nối đầy ý nghĩa với tượng Nữ Thần Tự Do trong việc chinh phục thế giới. Ý tưởng về một trung tâm thương mại như thế đã có ngay từ sau khi chiến tranh thế giới lần II vừa chấm dứt. Nhưng phải đến cuối thập niên 1960 và đầu thập niên 1970, nó mới trở thành hiện thực: một quần thể cao ốc gồm có bảy tòa nhà và một trung tâm buôn bán lớn nhất thế giới. Nó là cơ quan đầu não của nhiều trung tâm thương mại khác trên toàn thế giới, tất cả nằm trong một tổ chức quốc tế gọi là "The World Trade Centers Association" (WTCA). Tổ chức này được thành lập vào cuối thập niên 1970 có khoảng chừng 300 chi nhánh nằm trong 97 nước do Guy F. Tozzoli, lúc bấy giờ là trưởng cơ quan "Port Authority's World Trade Center Department" là cơ quan sở hữu chủ Trung Tâm Thương Mại Thế Giới, sáng lập. Trong một bài diễn văn đọc trước tổ chức này tại Geneva năm 1989, Guy F. Tozzoli phát biểu: "Những trung tâm thương mại thế giới không chỉ làm cho công cuộc giao thương quốc tế trở nên thuận tiện và xây dựng sự thịnh vượng về kinh tế nhưng mà còn thúc đẩy sự cân bằng và hòa bình giữa những quốc gia trên thế giới đến một mức độ cao hơn. Thương mại và kinh doanh được thực hiện hàng ngày ở trong và xuyên qua những trung tâm thương mại thế giới vượt lên trên chủ nghĩa quốc gia hẹp hòi cũng như những hàng rào cản về chủng tộc và chính trị trong quá khứ".

Minoru Yamasaki, kiến trúc sư chính của công trình, nói rõ hơn về hướng đi của trung tâm này trong một bài phát biểu sau khi hoàn tất công trình như sau: "Thương mại thế giới có nghĩa là hòa bình thế giới và do vậy, những cao ốc của Trung Tâm Thương Mại Thế Giới ở New York ...đã có một mục đích cao hơn là chỉ cung cấp chỗ cho những người thuê mướn. Trung Tâm Thương Mại Thế Giới là một biểu tượng sống cho sự cống hiến của con người đối với hòa bình thế giới(...) và ngoài nhu cầu bó buộc biến cơ sở này thành một di chứng cho hòa bình thế giới, Trung Tâm Thương Mại Thế Giới, do tính quan trọng của nó, sẽ trở nên biểu tượng cho niềm tin của con người vào nhân loại, nhu cầu của nó đối với phẩm giá cá nhân, niềm tin của nó trong sự hợp tác của con người, và xuyên qua sự hợp tác, là khả năng của con người tìm thấy sự cao cả của mình".

Đối với chúng ta, những điều đại loại như thế nghe cũng xuôi tai và trông bộ cũng hợp lý. Nhưng những người Hồi giáo (nhất là những phần tử cực đoan) vốn nhạy cảm với tất cả những gì gì là sản phẩm của phương Tây, hiểu hoàn toàn khác. Trung Tâm Thương Mại Thế Giới chẳng qua chỉ là cái bình phong để người Mỹ (và Tây phương) thống trị thế giới. Nó tượng trưng cho một thứ quyền lực mới (ngoài quân sự) trông có vẻ nhẹ nhàng hơn, đáng yêu trong việc đẩy thế giới Hồi giáo - vốn đã yếu kém và lệ thuộc - lún sâu thêm vào sự lệ thuộc, vào sự yếu kém để đi tới chỗ suy tàn. Nói khác đi, đó là một trong những mô hình trong kế hoạch toàn cầu hóa nền kinh tế thế giới, là hư cấu vĩ đại của một nước Mỹ sau chiến tranh lạnh.

Và thế là, họ quyết tấn công. Vào tháng 2/1993, một chiếc xe *van* chứa đầy chất nổ đã phát nổ tại bãi đậu xe ngầm dưới đất của trung tâm. Vụ tấn công do Sheik Omar Abdel Rahman và 9 phần tử Hồi giáo của các xứ Soudan, Ai Cập, Mỹ, và Jordan thực hiện gây nên thiệt hại đáng kể: giết chết 6 người và làm bị thương 1042 người. Nhưng những thiệt hại như thế chưa có gì là to lớn so với nhiều vụ khủng bố khác nhắm vào các quyền lợi Mỹ ở nước ngoài. Và chẳng thấm vào đâu so với cuộc tấn công lần thứ hai vào Trung Tâm này ngày 11/9/2001. Cuộc tấn công (hay đúng hơn là một cuộc tổng tấn công) được chuẩn bị lâu dài, kỹ lưỡng, phối hợp nhịp nhàng, với quyết tâm cao độ nhằm thu đạt một kết quả có tính chất quyết định. Tôi thích gọi đó là cuộc *tấn công của một hư cấu vào một hư cấu*. Hậu quả lại vô cùng hiện thực: 3.000 người chết và toàn bộ Trung Tâm bị phá hủy hoàn toàn. Ảo đã đi vào thực!

3.

Theo tin tức cho biết, một trong những khuôn mặt chính chỉ đạo cuộc hành trình hư cấu đưa chuyến bay số 11 của hãng hàng không *American Airlines* lao ngay vào tòa nhà phía bắc của Trung Tâm vào lúc 8 giờ 45 phút sáng ngày 11/9/2001 là người thanh niên Ai Cập có tên là Mohamed Atta.

Mohamed Atta là ai?

Sau ngày 11/9, John Hooper, phóng viên tờ nhật báo Anh The Observer đã tìm cách dựng lại nhân dáng của nhân vật này bằng cách tiếp xúc với các bạn bè cũng như những người đã từng quen biết hay tiếp xúc với anh ta như cô gái Amal người Palestine, Volker Hauth, bạn đồng học ở Hamburg (Đức quốc) - người đã cùng đi đây đi đó nhiều lần với Atta, kể cả Ai Cập - , Helga Rake và Matthias Frinken, bạn cùng hãng xưởng,

giáo sư bảo trợ luận án ra trường Dittmar Machule tại đại học Hamburg, Brad Marrick, chủ một công ty cho thuê xe tại Florida, vân vân. Atta, tên đầy đủ là Mohamed el-Amir Awad el-Sayed Atta, 33 tuổi, sinh ở Ai Cập, cha là một luật sư. Anh theo học kiến trúc ở Cairo sau ghi danh học ở đại học Hamburg, Đức quốc, ngành kế hoạch hóa đô thị (town planning). Những người bạn anh cho biết, Atta là một con người hai mặt: có lúc thì tỏ ra hướng nội, rất kín đáo và dè dặt nhưng có lúc lại rất linh hoạt và chu đáo. Một số người cho rằng, anh ta thuộc loại người "thần kinh phân liệt tự ý" (willful schizophrenia) dẫn đến chỗ sẵn sàng giết người nhân danh nhân loại, nhân danh tinh thần nhân bản. Khác với những nhận định sai lạc lúc đầu, Atta là người học hành thông minh, tính tình phóng khoáng, kết bạn với đủ hạng người, từ Thiên chúa giáo ôn hòa cho đến những phần tử Hồi giáo cực đoan. Hồi mới sang Đức, anh tỏ ra là một thanh niên bình thường như mọi người, nhưng về sau này, sau một chuyến đi về thăm nhà trở lại, anh hoàn toàn đổi khác: để râu kiểu những thành phần Hồi giáo cực đoan (fundamentalist) và gia nhập tổ chức "Engineers Syndicate", một trong 3 tổ chức chuyên nghiệp do phong trào Hồi giáo cực đoan "Muslim Brotherhood" kiểm soát. Và lúc này, anh không giấu giếm quan điểm của mình: thù ghét bọn nhà giàu và Mỹ. Nhiều lần, Atta nói với bạn bè "Tất cả sự cầu nguyện và hy sinh của tôi, cái sống và cái chết của tôi là dành cho đấng Allah, vị Chúa của mọi thế giới". Trong đời sống thường nhật, Atta quan tâm đến người khác, không chỉ là những người Hồi giáo nghèo mà thôi. Theo Brad Warrick, chủ nhân công ty cho thuê mướn xe "Warrick's Rent-a-Car" ở bãi biển Pompano, tiểu bang Florida, khi thuê xe anh ta đã báo cho chủ biết là đèn báo hiệu nhớt xe sáng lên chứng tỏ xe hết nhớt. Sau này khi trả xe vào ngày 9/9 - hai ngày trước khi lái máy bay đâm vào Trung Tâm Thương Mại Thế Giới - anh ta còn nhắc nhở cho Warrick về đèn báo hiệu nhớt nói trên.

Trên đây chỉ là vài nét về một trong những người đã bay những chuyến bay hư cấu vào ngày 11/9. Cho đến nay, người ta cũng chưa biết gì thêm về tổ chức đứng đàng sau vụ khủng bố (Al Qaeda), cách tuyển mộ, huấn luyện cũng như các trạng thái tâm lý của những người tự nguyện thi hành sứ mạng. Nhưng để có một cái nhìn khái quát về hành trạng của những người Hồi giáo cực đoan hiện đại, ta cũng có thể tìm thấy ở những người Palestine ôm bom tự sát trong phong trào *antifada* chống Do Thái hiện nay ở Trung Đông.

"Theo hầu hết những nhà chuyên môn, động cơ quan trọng nhất hình thành nên cách hành xử của những người ôm bom tự sát là sự trung

thành với tổ chức. Họ trải qua những tiến trình tương tự như những tiến trình được sử dụng bởi các lãnh tụ của giáo phái Jim Jones và Solar Temple. Những người ôm bom được tổ chức vào thành từng tổ nhỏ và trải qua vô số giờ huấn luyện tâm linh cùng với nhau trong một khung cảnh cảm động. Họ được giáo dục về những chi tiết của Jihad (thánh chiến), nhắc nhở về nhu cầu phải trả thù, và tái bảo đảm về những phần thưởng mà họ có thể mong mỏi ở kiếp sau. Họ được cho biết rằng gia đình họ sẽ được bảo đảm có một chỗ cùng với Thượng Đế và rằng có những phần thưởng đáng kể cho gia đình ngay trong kiếp này, kể cả tiền bạc, hàng ngàn đô la do chính phủ Irak hay một số cá nhân người Á Rập và nhiều nhóm hảo tâm khác có cảm tình với chính nghĩa. Cuối cùng, họ cũng được cho biết rằng thiên đàng nằm ngay phía bên kia của kíp nổ, rằng cái chết sẽ được cảm thấy chẳng có gì khác hơn một cái véo tay.

Các thành viên của những nhóm như thế diễn lại những chiến dịch trong quá khứ. Những tân binh ôm bom thỉnh thoảng được cho nằm trong những nấm mộ rỗng, để cho họ có thể cảm nghiệm cái chết thanh thản như thế nào. Họ được nhắc nhở rằng cuộc sống sẽ mang lại bệnh, già, bội phản mà thôi. Một người tình nguyện ôm bom nói với Hassan (ký giả tờ The New Yorker) "Chúng tôi ở trong một tình trạng thường xuyên được thờ kính. Chúng tôi nói với nhau rằng nếu bọn Do Thái mà biết chúng tôi vui sướng như thế nào khi được chết, chắc bọn chúng tức lắm. Những ngày đó là những ngày đẹp nhất trong đời tôi!" (The culture of Martyrdom, David Brooks, The Atlantic Monthly, June/2002).

Những vụ ôm bom tự sát được được điều hợp bởi những tổ chức rất chặt chẽ tuyển mộ, huấn luyện, truyền giáo và thưởng công. Họ không tìm kiếm những người bị bệnh tâm thần hay những kẻ tuyệt vọng mà tìm những người bình thường, có trình độ giáo dục cao và sẵn sàng cống hiến mạng sống cho chính nghĩa, đại loại như anh chàng Mohamed Atta. Theo Hassan, phóng viên tạp chí The New Yorker trong một bài phóng sự về phong trào *antifada*, không ai trong số những người ôm bom là những người vô giáo dục, nghèo khổ hay tuyệt vọng. Hiện nay, sư tuẫn giáo đã trở thành mục tiêu chính của ngành truyền thông các xứ Á Rập. Vô hình chung, nhiều đề tài khác bỗng trở nên thứ yếu, kể cả ý tưởng về một Palestine độc lập vốn là đề tài ăn khách trước đây. Quả thật, hiện tượng ôm bom tự sát trông bộ rất phù hợp với thời đại truyền thông mở rộng, đặc biệt là truyền hình. Hàng ngày, hệ thống truyền hình các nước Á Rập liên tục chiếu trên nhiều kênh những hình ảnh vô cùng độc đáo: những đoạn băng hấp dẫn ghi lại hình ảnh và lời phát biểu vĩnh biệt của những người tình nguyện ôm bom tự sát cùng cuộc

phỏng vấn cha mẹ, thân nhân của họ; cảnh tượng vừa sinh động vừa kinh khiếp của những vụ đánh bom thành công: nhiều phần thân thể bầy nhầy, máu me bắn tung tóe và vương vãi khắp nơi giữa những nhà hàng, hay cao ốc bị phá hủy; cảnh những "đám cưới" hư cấu giữa những người tuẫn giáo và những trinh nữ gặp nhau trên thiên đàng, các "đám cưới" này được thông báo rộng rãi trên báo chí địa phương y như thiệp mời đám cưới thực để thân nhân và bạn bè có thể đến tham dự. Tác động thật lớn: những vụ ôm bom tự sát càng ngày càng được người Palestine ủng hộ. Các cuộc thăm dò công luận cho thấy, có đến 70 hay 80 % người Palestine tán thành việc ôm bom tự sát.

Theo nhận xét của những thông tín viên khi phỏng vấn các thành viên tình nguyện hay thân nhân của họ, trong quá trình ôm bom tự sát, sự hân hoan, khoái lạc thế chỗ cho sợ hãi và đắn đo. Nhiều thanh thiếu niên ghi danh tình nguyện bày tỏ cảm giác bồn chồn, mong tới ngày đến phiên mình "đi chết" y như người ta mong đến ngày cưới hay ngày đi nhận một phần thưởng quý giá nào đó. Khi đi thi hành nhiệm vụ, trong một vài trường hợp, lúc bị phát hiện trước khi đến địa điểm, có cậu đã vội vàng bấm kíp nổ mặc dù chẳng sát hại được ai, có lẽ vì sợ không còn cơ hội được chết để lên thiên đàng. Những sự kiện như thế nói lên đặc điểm của chủ nghĩa khủng bố kiểu mới: *người khủng bố không cần tìm cách thoát thân*. Họ không phải là những người cảm tử. Họ không hy sinh. *Họ thưởng thức cái chết*. Chính từ chỗ đó mà hư cấu đi vào hiện thực. Khát vọng về đời sau đã có tác dụng tích cực vào chính đời này, nơi mà những người khủng bố đã từ khước, đã để lại đàng sau cho người khác. Một điều nghịch lý: dường như cái chân lý hư cấu này, đối với kẻ thực hiện, lại là hư cấu đôi: một mặt, hắn từ khước hiện thực này - một mặt, hắn lại dùng cái hư cấu đó để thay đổi hiện thực. Nghĩa là, bản chất của việc khủng bố là thay đổi cái hiện thực mà hắn phủ nhận. Thay đổi thành một cái khác, có lẽ cũng là hư cấu: một thế giới tốt đẹp hơn, vắng bóng kẻ thù, một thế giới mà chính anh ta sẽ không bao giờ được hưởng, không bao giờ thấy, và cũng không chắc là sẽ có hay không.

4.

Cái chân lý hư cấu này rõ ràng là khác hẳn một số giáo phái khác, chẳng hạn như giáo phái Heaven's Gate ở Hoa Kỳ. Vào các ngày từ 23 đến 26 tháng 3/1997, 39 tín hữu, nam có nữ có, trẻ có già có thuê biệt thự *Rancho Santa Fe* (San Diego, California) để tụ họp nhau, chia sẻ

tâm tình, ăn uống, hù khú và có lẽ tập trung bàn luận về một chốn thiên đàng mà họ sẽ đến. Rồi, ăn mặc thật đẹp, mỗi người nằm một chỗ và lặng lẽ ra đi. Họ chọn từ bỏ thế giới này, từ bỏ hẳn, xem như nó không hiện hữu vì theo Marshall Herff Applewhite, người sáng lập ra Heaven's Gate, thì thể xác chỉ là "những thùng chứa linh hồn tạm thời. Hành động hóa thân và chia cách cuối cùng khỏi trần thế là sự cắt đứt hay cách ly khỏi thùng chứa vật lý con người hoặc thể xác nhằm giải thoát khỏi kiếp nhân sinh". Họ ra đi, không phiền ai và không làm sứt mẻ một chút hiện thực nào. Họ chỉ có một hư cấu duy nhất: thiên đàng của họ. Hành động tự sát trông có vẻ ích kỷ: chỉ giải thoát cho họ. Có lẽ vì họ không có kẻ thù nào cần phải tiêu diệt. Họ an nhiên đi vào cõi hư cấu thuần túy của họ. Ngược lại, những phần tử của chủ nghĩa khủng bố hiện đại (những *suicide bombers, shoe bomber, 9/11 hijackers*) biết rõ họ có kẻ thù, nhận diện rõ chân dung kẻ thù và những nhược điểm của nó: tính dễ tổn thương, và dĩ nhiên, sợ chết. Họ chỉ muốn mượn hư cấu để thay đổi hiện thực. Nói cách khác, họ biến cái ảo thành thực.

Chẳng biết giờ này, những người tự sát đó đã gặp nhau ở cõi hư cấu mà họ mong muốn chưa. Nhưng những kẻ thù của họ thì thật là thấm đòn hiện thực. Toàn nước Mỹ sống trong khung cảnh của tất cả những hậu quả tệ hại nhất sau 11/9. Họ phải từng bước thay đổi cấu trúc và tâm lý để đối phó với không những hậu quả về mọi mặt của biến cố 11/9 mà còn để ngăn chận những cuộc tấn công khác, không biết sẽ xảy ra lúc nào, ở đâu và bằng phương cách nào. Họ chuẩn bị "hư cấu lại" toàn bộ và không chừng hy sinh luôn cả những nguyên tắc căn bản vốn đã tạo nên vinh quang cho nước Mỹ: tự do, dân chủ, nhân quyền - những thứ mà họ nỗ lực duy trì ngay cả trong những lúc đen tối nhất qua các cuộc chiến tranh nóng và cuộc chiến tranh lạnh trong thế kỷ 20. Chẳng hạn như để bảo đảm an ninh nội địa và dễ dàng phát hiện các phần tử khủng bố, nghe nói họ sẽ ban hành một biện pháp an ninh qua đó, một người Mỹ sẽ phải do thám 10 người Mỹ khác. Về chính trị nội bộ, trong thời gian vừa qua, chính trường Mỹ đã sôi động hẳn lên vì những tiết lộ liên quan đến ngày 11/9. Tình báo Mỹ đã nhận được những tin tức cho thấy đáng lẽ họ phải biết trước vụ khủng bố. Đảng Dân Chủ phê bình chính quyền Cộng Hòa đã chẳng làm gì để chặn đứng vụ khủng bố. Còn chính phủ Bush thì biện luận rằng, những nguồn tin nhận được rất mơ hồ, không thể nào biết được. Còn kinh tế thì bị ảnh hưởng nặng nề: tỷ lệ thất nghiệp tăng vọt, ngân sách liên bang và các tiểu bang thâm thủng và thiếu hụt trầm trọng khiến nhiều chương trình phúc lợi bị bãi bỏ, nhiều cơ quan tiểu bang và thành phố phải sa thải nhân viên, buộc về hưu

sớm, một số tiểu bang phải tăng thuế để bù đắp sự thiếu hụt. Gần đây nhất hãng hàng không lớn thứ 6 ở Mỹ là US Airways đã nạp đơn khai phá sản vào ngày 11/8/2002 do hậu quả của vụ khủng bố. Đó là bên trong. Còn bên ngoài nước Mỹ, quân Mỹ rải ra khắp thế giới để lùng tìm các phần tử Al Qeada với một kế hoạch cũng đầy hư cấu là tiêu diệt được hết hệ thống khủng bố và mầm mống của chúng trên toàn thế giới. Hơn hết thảy là một nỗi lo lắng âm thầm trong quần chúng. Người ta không biết là sẽ bị tấn công bằng cách nào và ở đâu: *suicide bomber, car bomb, dirty bomb* hay đầu độc nguồn nước, dùng những chiếc máy bay nhỏ, dùng xe bồn xăng, xe cứu thương...Càng tưởng tượng lại càng cảm thấy kẻ thù có vô số cách để tấn công khủng bố. Và dường như không có biện pháp đề phòng nào được xem là đủ. Vì khác với các loại tấn công khác trước đây, trong cuộc tấn công khủng bố kiểu mới, *chất gây nổ và người làm nổ là một*. Và *tất cả mọi vật đều có thể biến thành phương tiện và vũ khí tấn công*. Còn đối tượng tấn công thì bất kỳ, không cần phân biệt dân thường hay quân sự, cơ sở nhà nước hay tư nhân.

Ở Israel, không khí lại càng nóng sốt, khẩn trương hàng ngày. Những vụ nổ bom tự sát liên tục từ quán cà phê đến xe bus, từ những đường phố bình thường đến các cao ốc, cửa hàng đặt toàn thể xã hội Israel vào trong một môi trường chiến tranh y như thể vô hình: chẳng biết kẻ thù thực sự là ai, ở đâu và họ nhắm vào mục tiêu nào. Những cuộc tấn công tuyệt vọng mà Israel tiến hành nhằm vào các thành phố đông dân cư ở Palestine chẳng những không chận đứng và giảm bớt mà còn làm tăng thêm các cuộc tấn công tự sát. Trong một bài báo có tựa đề "Israeli Youth: I don't want to die today", thông tín viên CNN ghi nhận không khí và tâm thức đặc biệt của người Israel hiện nay qua câu chuyện kể về hai thiếu nữ Israel đang sống tại Jerusalem. Một cô tên là Liat Margalit cho biết, hầu hết thì giờ rảnh rang bây giờ, cô phải ở nhà. Cô nói: "Những điều hết sức bình thường trong đời sống mà một thiếu nữ chúng em làm, chúng em không còn làm được nữa. Chúng em không thể nào đi khiêu vũ ban đêm , không thể nào đi dự lễ tốt nghiệp. Thực sự là chúng em không thể làm gì được cả. Y như thể chúng em bị nhốt trong một cái lồng". Thỉnh thoảng cần thiết lắm cô mới đi xuống phố nhưng vừa đi vừa lo, chẳng biết một vụ tấn công tự sát có thể xảy ra bất cứ lúc nào, bất cứ ở đâu. Những ngày đầu khi phong trào *antifada* vừa mới khởi phát, sau một vụ nổ bom là Margalit và bạn bè cô có thể đi ra ngoài những ngày tiếp đó mà không phải lo sợ gì cả, vì nếu có một cuộc tấn công nữa thì cũng phải năm ba ngày hay cả một tuần lễ sau. Nhưng bây giờ thì mọi sự không như thế nữa. Các cuộc nổ bom diễn ra thường

xuyên. "Khi em đi vào quán, em chẳng biết phải ngồi ở đâu cho an toàn, ngồi sát tường, ngồi phía trước hay phía sau? Một tay khủng bố có thể bất thần bước vào và nổ bom. Em chẳng muốn chết hôm nay đâu. Em còn trẻ quá mà, em chỉ mới có 18 tuổi đầu!". Cha mẹ cô nhắc nhở đêm ngày là đừng có đi ra ngoài. "Em biết phải làm sao đây? Nếu em bỏ mất tuổi trẻ của em thì em còn có gì trong cuộc sống nữa đâu? Em chẳng muốn tuổi trẻ của mình cứ như bị ai cướp đi mất"

Cô gái khác, Efrat Ravit, 21 tuổi, may mắn sống sót trong một vụ nổ bom vào ngày 9 tháng 3/2002 rồi tại quán cà phê "Cafe Moment", nhưng đầu và chân bị thương nặng, phải giải phẫu đến cả 10 lần. "Còn đau lắm, em nói thật là còn đau lắm". Trước đây, cô chẳng bao giờ chịu ở nhà, cứ đi la cà hết quán cà phê, tiệm nhảy đến nhà bạn, đấu láo, nhậu nhẹt. Bây giờ thì đành chịu. Cô rơm rớm nước mắt: "Em chẳng muốn bị thương một lần nữa. Sắp đến ngày sinh nhật của em rồi mà đành chịu. Bỏ hết. Chẳng tiệc tùng gì. Cứ phải nằm nhà suốt thôi. Y như thể người ta đã cướp đi mất cuộc đời em rồi. Chán ơi là chán!".

Hư cấu đã đi vào hiện thực, bằng một con đường khác. Thế giới đâm ra lộn tùng phèo: ảo mà thực, thực mà ảo.

5.

Nghĩ cho cùng, hư cấu văn chương có lẽ là thứ hư cấu "hiền lành" nhất. Nó không bạo động. Nó không nhằm thay đổi hiện thực theo ý riêng của mình. Khác với những giáo chủ và những lãnh tụ, nhà văn, nhà thơ không sáng tác ra chân lý và không áp đặt lên người khác bất cứ một thứ chân lý nào, nói gì tìm cách áp đặt chân lý của mình lên toàn nhân loại. Họ có thể kêu rêu, than thở, khóc thương, chưởi mắng...tùy thích. Nhưng khi nhất quyết rằng chỉ có mình là nhất, là đúng, là tuyệt đối thì họ đã không còn làm văn chương nữa. Bản thân văn chương, theo tôi, phải là một cái gì thiếu, hụt, khiếm khuyết, không toàn hảo. Nó luôn luôn là một cái gì dang dở. Nó luôn luôn ảo. Và có lẽ sẽ không bao giờ biến thành thực.

Trần Doãn Nho
(8/2002, ngày giỗ đầu biến cố 11/9)

Gọi tên Thượng Đế

Trần Mộng Tú

Hô to tên Thượng Đế
đi giết hàng ngàn người
Cũng nhân danh Thượng Đế
bỏ bom xuống giết người

Người cám ơn Thượng Đế
hồn xác được bình an
Người trách móc Thượng Đế
dung túng những nghiệp oan

Người cầu khẩn Thượng Đế
được sống đến bình minh
Người kéo áo Thượng Đế
nhập cuộc chơi tử sinh

Thượng Đế dang hai tay
nhân loại kéo hai ngả
che chở được bên này
bên kia hồn tơi tả

Thượng Đế thật hoang mang
nghe tên mình réo gọi
nhìn thịt xương nổ toang
niềm tin khét mùi khói

Thượng Đế có mấy tên
hình Người có mấy dạng
da Người có mấy mầu
áo khăn nào Người khoác

Đền thờ Người ở đâu
trong tòa nhà trang trọng
giữa sa mạc mênh mông
hay ngay trên mũi súng

Linh hồn nào khuất oan
tro than nào vô tội
lưỡi dao nào cắt đứt
Thượng Đế với loài người

Mỗi ngày nhân loại gọi
Thượng Đế bao nhiêu lần
như chiếc mộc để chắn
toan tính của mũi đâm

Thượng Đế thật tội nghiệp
ngơ ngác giữa sinh linh
giơ tay ôm lấy mặt
không muốn nhớ tên mình.

Thành ngữ trong tiếng Việt

Hồng Huy

Tất cả các ngôn ngữ có vốn từ vựng phong phú đều có thành ngữ. Từ vựng càng phong phú, thành ngữ càng nhiều. Nếu chỉ so về số lượng, thì số thành ngữ của tiếng Việt không nhiều bằng số thành ngữ của tiếng Anh, tiếng Pháp, và tiếng Hán. Nhưng tính tỉ lệ giữa số thành ngữ và từ vựng, thì tiếng Việt có tỉ lệ cao hơn. Lý do là vì người Việt chúng ta, trong khi nói, trong khi viết, thích dùng những ý, những mẫu có sẵn. Những mẫu, những ý ấy được những thế hệ trước tạo ra, những thế hệ sau ứng dụng quen, trở thành thành ngữ. Nhưng hệ quả không dừng lại ở đó. Thế hệ ngày nay chắc chắn cũng tạo ra được những ý, những mẫu mới, để những thế hệ sau này dùng. Số thành ngữ hiện dụng sẽ có thêm một số mới, nhưng cũng có thể bớt đi một số cũ mà người ta không thích dùng nữa. Đó là cái thế tất nhiên trên con đường phát triển của một sinh ngữ.

Nhưng, thành ngữ là gì? Trước khi đi vào nội dung, thiết tưởng chúng ta cần tạm đồng ý với nhau về một số từ ngữ chuyên môn, và về một vài đặc điểm trong hiện tình tiếng Việt, để dễ hiểu nhau:

1-Chúng ta hãy dùng từ "ngữ pháp" để chỉ cách nói, cách viết đúng một ngôn ngữ. Ngày xưa, học giới thường dùng từ "văn phạm" vào chỗ này. Nhưng chữ "văn" (viết văn, làm văn) và chữ "phạm" (khuôn phép) đã thu hẹp phạm vi và chuyên môn hoá môn học, khiến người thường (không phải là học sinh, thầy giáo, nhà văn...) có thể nghĩ là môn học không liên quan gì đến họ. Từ "ngữ pháp" (cách nói đúng) có phạm vi rộng, dễ phổ cập hơn.

Nhưng xét về mặt ngữ nghĩa lý thuyết cũng như mặt phạm vi ứng dụng, "ngữ pháp" nói đây chính là "văn phạm", một thuật ngữ ngày trước chúng ta vẫn quen dùng để dịch chữ "grammaire" của tiếng Pháp,

và chữ "grammar" của tiếng Anh.

2-Tiếng Việt của chúng ta cũng đã có một số sách ngữ pháp soạn thảo khá công phu, nhưng cho đến nay, vẫn chưa có cuốn nào được mọi người hoàn toàn chấp nhận. Thế cho nên, mọi vấn đề chúng ta nêu ra ở đây đều có tính cách gợi ý, đề nghị, hoặc thử nghiệm.

3-Chúng ta hãy gọi những chữ như "ăn", "nhà", "ngon", "rộng", là từ; gọi những chữ như "ăn uống", "nhà cửa", "ngon lành", "rộng rãi", là từ ghép; gọi những chữ đã quen đi với nhau thành một nhóm, như "nói cho đúng", "tối như mực", "lỡ ông lỡ thằng" , là nhóm chữ , hoặc ngữ.

Đi vào phạm vi ứng dụng trong câu, tùy trường hợp chúng ta sẽ gọi những nhóm chữ ấy là "quán ngữ", là "khởi ngữ", là "khí ngữ", là "trợ ngữ", là "trạng ngữ", v.v...

Về mặt ý nghĩa, chúng ta cũng sẽ phân biệt "thành ngữ" và "tục ngữ"... Đồng thời, vạch ranh giới cho các câu tục ngữ, với những câu ca dao, ngạn ngữ, phương ngôn, danh ngôn ...

4-Trong những thành ngữ thông dụng hiện nay, có một số có "dị bản" tức là khác nhau một đôi chữ, từ đó dẫn đến cách

hiểu khác nhau. Chúng ta cũng nên thảo luận để thống nhất ý kiến nên dùng câu nào, nên hiểu câu ấy theo nghĩa nào.

*

Bây giờ, chúng ta đi vào chủ đề thành ngữ. Như trên đã nói, tiếng Việt có nhiều thành ngữ. Nói cách khác, trong khi nói và viết, người Việt chúng ta hay dùng thành ngữ. Thay vì nói "đêm ấy, trời rất tối", chúng ta nói "đêm ấy, trời tối đen như

mực"; thay vì nói "ông ta suốt ngày làm việc khổ cực", chúng ta nói "ông ta suốt ngày đầu tắt mặt tối".

Như vậy, chúng ta nhận ra một đặc điểm về công dụng của thành ngữ: Thành ngữ không phải là một cách phát biểu duy nhất đúng, cũng không phải là cách nói bắt buộc, mà là một cách nói thường được chọn lựa. Trong khi nói hoặc viết (từ đây, tôi sẽ dùng một mình chữ "nói", cho gọn), chúng ta dùng thành ngữ là muốn lời phát biểu có chỗ dựa, mong người nghe hiểu tắt theo lối ước lệ.

Chẳng hạn, khi nghe nói một ông nào đó "rán sành ra mỡ", không ai mất công suy nghĩ xem sành có rán ra mỡ được không, hoặc ông kia có chịu khó rán sành để lấy mỡ không, mà ai cũng hiểu ngay là ông ta rất hà tiện, rất chắt mót. Khi nghe nói một người đàn bà nào đó có dung nhan "chim sa cá lặn", không ai thắc mắc rằng trước nhan sắc của một người đàn bà đẹp, chim có sa và cá có lặn thật không, mà ai cũng hiểu ngay là người phát biểu muốn cực tả cái nhan sắc của người đàn bà kia.

Tóm lại, thành ngữ tạo ra sự mặc nhiên hiểu nhau giữa người nói và người nghe, qua ngữ nghĩa có tính cách ước lệ, đã được thừa nhận theo truyền thống.

Thành ngữ không phải luôn luôn gọn hơn, ít chữ hơn lời nói thường. Có lắm khi thành ngữ dài hơn. Chẳng hạn, nói "rất tối" chỉ tốn hai chữ, nhưng nói "tối như đêm ba mươi" phải mất năm chữ; nói "rất keo kiệt" chỉ mất ba chữ, nhưng nói "vắt cổ chày ra nước" phải tốn năm chữ. Nhưng nhiều người vẫn nghĩ là dùng thành ngữ thì lời nói hàm súc hơn. Vì đâu? Vì thành ngữ luôn luôn có tính cách tu từ, được coi là hay hơn , là ý nhị hơn lời nói thường.

Xin trở lại với những thành ngữ cực tả một đêm tối trời. Chúng ta có thể nói: Đêm ấy trời rất tối, chúng tôi nhìn chẳng thấy gì cả. Nói như vậy cũng rất rõ, nhưng chưa phải là cực tả, chưa có hình tượng gì. Cho nên có khi chúng ta chọn cách nói khác: -Đêm ấy, trời tối đen như mực; *... tối ngửa bàn tay không thấy; ... tối như hũ nút ; ... tối như đêm ba mươi.* Cả bốn câu đều có tính cách cực tả, hoặc dùng hình tượng. Câu đầu dùng sắc độ; câu thứ nhì nói đến tầm nhìn; câu thứ ba giả tưởng hoàn cảnh (ai chui vào trong hũ mà biết trong ấy tối); câu cuối đề cập đến sự bất thường của cái đêm đang nói (không phải là đêm cuối tháng, nhưng tối đen như một đêm nguyệt tận).

Nhận ra tính cách ước lệ của các thành ngữ, tức là chúng ta hiểu những nhóm chữ tu từ ấy có ý nghĩa tương đối hơn là chính xác, nặng về nghĩa bóng hơn là nghĩa thực. Không ai hiểu thành ngữ "bị đè đầu cỡi cổ" theo nghĩa đen là bị kẻ mạnh đè đầu xuống và ngồi lên cổ, mà chỉ hiểu theo nghĩa bóng là bị áp bức; không ai nghĩ thành ngữ "khỏe như vâm" là thực sự mạnh như voi, mà chỉ hiểu là mạnh hơn bình thường. Hiểu một cách đồng tình châm chước như vậy, để mà dùng thành ngữ, để mà nghe thành ngữ, tức là chúng ta cầu viện ở thành ngữ cái công dụng cực tả, đôi khi có phần thậm xưng.

Về hình thức cấu tạo, thành ngữ là những nhóm từ cố định, quen đi với nhau để truyền đạt một ý nghĩa theo ngôn ngữ truyền thống. Chữ "cố định" ở đây cũng có nghĩa tương đối. Chúng ta nói "dày gió dạn sương", nhưng cũng có thể nói "gió sương dày dạn "; chúng ta nói "dễ như trở bàn tay", nhưng cũng có thể nói "dễ như lật bàn tay". Trật tự của các từ trong nhóm có thể thay đổi, thậm chí từ cũng có thể thay thế, miễn là nói lên được nguyên ý. Tôi nói "dữ như cọp", nhưng bạn có thể nói "dữ như beo", và không ai cân nhắc câu nào đúng hơn câu nào.

Không biết từ đời nào, ông cha chúng ta ghép những từ ấy lại thành nhóm với nhau để nói lên cái ý nghĩa kia, người đồng thời và người đời

sau nghe thuận tai, bắt chước nói theo. Ngày nay, chúng ta tiếp tục dùng, và gọi tên những nhóm từ đó là "thành ngữ".

*

Cũng giống như trong những ngôn ngữ khác, trong tiếng Việt, ngoài những thành ngữ, còn có những nhóm từ khác quen đi với nhau. Nếu chỉ căn cứ vào yếu tố quen đi với nhau mà thành nhóm, thì chúng ta cũng có thể gọi tất cả những nhóm từ ấy là thành ngữ. Nhưng nếu còn dựa vào những yếu tố khác như vị trí trong câu, chức năng ngữ pháp, hoặc ý nghĩa riêng, thì chúng ta sẽ nhận ra không phải tất cả đều là thành ngữ. Tiếng Việt ngày nay đã đạt đến trình độ tinh luyện, chúng ta cũng nên thử phân biệt thành ngữ với những dạng thức tương tự.

Xin nêu thí dụ cụ thể để nhận định:

1-Để xác định phạm vi rộng hẹp của ý sắp trình bày, chúng ta thường mở đầu: -Nói chung thì ... (nói một cách tổng quát; nhìn chung; đại thể; đại cương mà nói...) -nói riêng thì... (đi vào chi tiết; nhìn riêng; để cho được rõ ràng hơn; chuyên biệt mà nói...).

Để khẳng định tính chất của ý sắp trình bày, chúng ta thường mở đầu: -Thành thực mà nói; nói chí tình; nói cho đúng; nói thật với nhau; nói mà không sợ quá lời; v.v...

Đây là những nhóm từ quen dùng, lịch sử có lẽ cũng không dài lắm. Một người nào đó dùng trước, chúng ta dùng theo, và ai cũng hiểu theo một ý. Vậy, chúng ta có thể gọi chúng là "thành ngữ" chăng? Có thể lắm. Nhưng các nhà ngữ pháp đã đặt tên cho chúng là "quán ngữ" (những ngữ quen dùng). Về mặt được dùng lâu ngày thành quen trong ngôn ngữ, thì "quán ngữ" không khác "thành ngữ". Nhưng để phân biệt, chúng ta hãy để ý điểm này: Thành ngữ thường có nội dung so sánh, còn quán ngữ chỉ là một cách nói.

2-Xét về mặt niên kỷ, quán ngữ phần nhiều ít tuổi hơn thành ngữ. Trong các tác phẩm cổ văn ra đời cách nay vài ba trăm năm, có thể có những thành ngữ "đẹp như tiên", "đen như cột nhà cháy", nhưng chắc chưa có những quán ngữ như "nói riêng với nhau mà nghe", "để bà con dễ thông cảm"...

3-Những quán ngữ được dùng để mở đầu một câu như trong các thí dụ nêu trên, thường được gọi là "khởi ngữ" (ngữ

bắt đầu câu). Nhưng trong thông dụng, quán ngữ không phải luôn luôn là khởi ngữ. Nói cách khác, quán ngữ không phải lúc nào cũng đứng đầu câu để làm khởi ngữ. Quán ngữ có thể đứng giữa câu, cuối câu. Khi đó, quán ngữ sẽ mang tên theo chức năng ngữ pháp.

Thí dụ: Tình hình sách báo tiếng Việt ở hải ngoại, nói chung, cũng

có điểm đáng mừng.

Nằm ở giữa câu, ý nghĩa không khác khi nằm ở đầu câu, nhưng quán ngữ "nói chung" không có chức năng mở đầu câu nên không được gọi là "khởi ngữ". Ở đây, nó có phận sự đưa đẩy. Chúng ta hãy gọi nó là "chuyển ngữ".

Bây giờ, chúng ta thử đặt "nói chung" ở vị trí cuối câu: Tình hình sách báo tiếng Việt ở hải ngoại cũng có điểm đáng mừng, nói chung. Nghe hơi mới, nhưng vẫn được. Về tên gọi, chúng ta có nên gọi quán ngữ này là "kết ngữ" không? Thiết tưởng không nên. Gọi thế sẽ trở thành cầu kỳ tế toái, vì tuy rằng ở đây "nói chung" không nằm ở giữa câu, nhưng vẫn làm phận sự đưa đẩy lời nói. Cũng như trường hợp chữ "thưa ông" trong hai câu này: -Thưa ông, tôi đã làm xong. -*Tôi đã làm xong, thưa ông.* Vị trí khác, nhưng chức năng không khác.

Vậy, khi quán ngữ đứng ở đầu câu, chúng ta gọi là khởi ngữ; nếu chúng đứng ở vị trí khác, chúng ta gọi là chuyển ngữ. Nếu lười gọi tên riêng, chúng ta gọi chung chúng là quán ngữ.

*

Đến đây, đã có gì làm ranh giới giữa "thành ngữ" và "quán ngữ" chưa? Thiết tưởng đã có, nhưng chưa được minh bạch lắm. Xin nhắc lại và thêm:

-Thành ngữ và quán ngữ đều là những nhóm từ quen dùng đối với mọi người. Có thể có người không thích dùng, nhưng nghe vẫn hiểu đúng ý.

-Thành ngữ luôn luôn hàm ý so sánh, nhận xét, nặng về nội dung. *Quán ngữ chỉ mở ý, chuyển ý, nặng về hình thức.*

-Về số lượng, thành ngữ nhiều hơn quán ngữ thập bội. Nhưng tính số lần được dùng, thì quán ngữ được dùng nhiều hơn. Kiểm một cuốn sách khoảng 200 trang, không chắc đếm được đến 20 thành ngữ; nhưng có thể đếm được cả trăm quán ngữ mở đầu câu như "thật ra", "nhìn chung", "nói cho đúng"...

-Dịch một quán ngữ tiếng ngoại quốc ra tiếng Việt rất dễ (một số quán ngữ thông dụng trong tiếng Việt ngày nay có dạng gốc ở tiếng Anh, tiếng Pháp), nhưng không dễ gì tìm được,

những thành ngữ đồng nghĩa trong hai thứ tiếng. Thường chỉ có thể dịch theo ý.

*

Bây giờ,chúng ta thử phân biệt thành ngữ và tục ngữ. Việc này khó hơn việc vừa rồi.

Cũng xin lấy thí dụ để phân biệt.

Xin nêu những câu có chữ "sống" và chữ "chết":

1-Sống lâu hơn giàu lăm (sức khỏe quí hơn của cải);

2-Sống chết có số (con người không làm chủ được sự sống chết của mình, vậy nên an nhiên mà sống cho phải đạo làm người);

3-Sống cái nhà, già cái mồ (già ở đây có nghĩa là chết. Khi sống, người ta cần ngôi nhà cho rộng rãi tiện nghi, khi chết đi, cần có ngôi mộ cho tươm tất. Câu này có ý biện minh cho

những việc cố công làm nhà cửa và xây sinh phần trong phong tục của người Việt-Nam. Cũng có ý khuyên con cháu nên lo cho cha mẹ, ông bà về nơi cư trú khi sống và nơi an nghỉ khi qua đời);

4-Sống đồng tịch đồng sàng, chết đồng quan đồng quách (tịch sàng là chiếu giường; quan quách là hòm chôn người. Ca ngợi và khuyến khích tình nghĩa keo sơn giữa vợ chồng);

5-Chết vinh hơn sống nhục = Sống đục sao bằng thác trong (mạng sống là trọng, nhưng cũng có khi con người phải chọn cái chết để bảo toàn danh dự);

6-Chết bờ chết bụi = Chết đường chết chợ (cực tả cảnh khốn cùng không nhà cửa, không người thân, lúc cuối đời của những người bất hạnh);

7-Thập tử nhất sinh (trong hoàn cảnh nguy hiểm, mười phần chết một phần sống);

8-Chạy bán sống bán chết (chạy thoát thân trong hoàn cảnh vừa nguy hiểm vừa khẩn cấp);

9-Chết đứng như Từ Hải (gặp chuyện bất ngờ khó xử, không biết phải nói năng đối phó ra sao, chỉ đứng lặng thinh; cũng nói là "đứng chết trân");

10-Sống vất sống vưởng (cực tả cảnh sống khổ cực lê la của một người khốn cùng).

Còn nhiều câu nữa, nhưng bao nhiêu đó nghĩ cũng tạm đủ để biện biệt. Năm câu đầu (1-5) có ý khuyên bảo; năm câu sau (6-10) chỉ mô tả. Những câu đầu là "tục ngữ"; những câu sau là "thành ngữ".

Thật ra, ranh giới giữa tục ngữ và thành ngữ không luôn luôn rõ ràng như đối với những câu vừa nêu. Chẳng hạn, những câu sau đây là tục ngữ hay chỉ là thành ngữ?

-Chết lỗ chân trâu = Chết vũng trâu nằm = Đi năm sông bảy suối về chết lỗ chân trâu: Câu này có ý phàn nàn cho một người có khả năng, có kinh nghiệm sống, mà phải chịu thất bại, trong một hoàn cảnh không đáng. Tuy cũng có ý khuyên phải thận trọng trong những lúc tưởng là dễ

dàng, nhưng ý khuyên không rõ ràng. Ý khuyên chỉ rõ ràng khi có ngữ cảnh hỗ trợ: -Tôi biết tài anh, nhưng anh không nên quá coi thường kẻ địch, coi chừng chết lỗ chân trâu đấy!

-Vào sinh ra tử: Khi chưa có ngữ cảnh, mấy chữ này chỉ diễn tả cảnh chiến đấu cực kỳ nguy hiểm của một người dám đem mạng sống của mình ra thử thách. Nhưng nếu mục đích chiến đấu không cao cả, thì không ai đem câu này mà gán cho. Mới nghe, thì ý nghĩa có vẻ trung tính (neutral, neutre), nhưng thật ra cũng có ý tán dương. Trong thông dụng, người nói chỉ cầu viện đến những chữ này khi cần khen chê: -Anh ấy đã biết bao lần vào sinh ra tử để cứu bạn đồng đội; -Hai người đã từng vào sinh ra tử với nhau, mà bây giờ coi nhau như kẻ thù.

Về mặt cú pháp, tục ngữ là nhóm chữ lồng trong câu, nhưng cũng có thể tự mình làm thành câu riêng. Nhiều tục ngữ có cấu trúc chủ ngữ (sujet) - vị ngữ (prédicat). *Sống lâu* là chủ ngữ; *hơn giàu lắm* là vị ngữ. Thành ngữ thường không có cấu trúc đó. *Sống vất sống vưởng* là nhóm từ không có chủ ngữ.

*

Ở trên, chúng ta đã tách biệt tục ngữ từ thành ngữ nói chung. Chúng ta cũng đã tách biệt từ thành ngữ ra quán ngữ, và từ quán ngữ ra khởi ngữ và chuyển ngữ.

Dưới đây, chúng ta sẽ đề cập thêm đến những nhóm từ và những câu đồng dao có thể lẫn với thành ngữ, và những câu thường được gọi là tục ngữ nhưng đáng có tên gọi khác.

Trong tiếng Việt, có rất nhiều nhóm từ được hình thành theo phép tiệp âm, gọi là "từ láy". Nếu chỉ gồm hai chữ, như "lem nhem", "bập bõm", "khật khù", thì không ai gọi là thành ngữ. Nhưng một khi chúng tự nhân đôi thành nhóm bốn chữ, như "lem nhem luốc nhuốc", "bập bà bập bõm", "khật khù khật khưỡng", thì cũng có người gọi là thành ngữ. Theo ý tôi, chúng ta nên gọi là tù láy.

Có những nhóm từ trong những bài hát trẻ con (đồng dao) được lấy dùng trong chuyện người lớn, rồi lâu ngày có vẻ như thành ngữ. Chẳng hạn bốn chữ "dung giăng dung giẻ". Mấy chữ này nguyên là của bài đồng dao: Giung giăng giung giẻ, dắt trẻ đi chơi... Về sau, người ta dùng rộng, theo ý vui đùa: Sáng hôm qua, tôi gặp cô cậu ấy giung giăng giung giẻ ngoài phố. "Giung giăng giung giẻ" ở đây có nghĩa là vui vẻ nắm tay nhau đi chơi. Dù được dùng nhiều đến đâu, nhóm chữ này cũng không phải là thành ngữ.

Có sách ngữ pháp xếp câu "Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn" vào loại tục ngữ. Một cuốn ngữ pháp khác trích dẫn bốn chữ "cây quế

giữa rừng" từ một truyện ngắn có ý phàn nàn cho một cô gái xinh đẹp nết na mà lấy phải một người chồng vũ phu, và gọi đó là thành ngữ. Tôi nghĩ đây chỉ là những trường hợp lẻ tẻ, chưa nên gọi là thành ngữ. Nên trả chúng về cho những bài ca dao nguyên thủy.

Và tiện đây, chúng ta cũng nên phân biệt tục ngữ với những câu gần giống: Cách ngôn, ngạn ngữ, danh ngôn, phương ngôn.

Một điểm cần nói ngay: Trong phạm vi này, chữ "ngôn" và chữ "ngữ" là đồng nghĩa, có thể thay cho nhau được. Chúng ta quen nói như trên, nhưng vẫn có thể nói: Tục ngôn, cách ngữ, ngạn ngôn, danh ngữ, phương ngữ. "Ngôn" và "ngữ" ở đây đều có nghĩa lời nói.

Tục ngữ : Trong thông dụng, "tục ngữ" còn được gọi là "lời tục". "Tục" đây là "thế tục", không phải "thô tục". Thay vì nói "tục ngữ có câu", có thể nói "lời tục nói rằng".

Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng là "tục ngữ. Nhưng "đen như mực", "sáng như đèn" là thành ngữ. Xin nhắc lại và nhấn mạnh: Tục ngữ có ý bình phẩm, phê phán, khuyên bảo, hướng dẫn. *Thành ngữ chỉ mô tả, đánh giá, thường là qua so sánh.*

Cách ngôn : Chắc các bạn cao tuổi còn nhớ những ngày còn học ở bậc sơ học? Hằng ngày, trên bảng đen, ngoài nhóm chữ ghi số học sinh, số hiện diện, số khiếm diện, và ngày tháng, thầy giáo còn ghi những câu, đại để như: -Tiên học lễ, hậu học văn; -Đói cho sạch, rách cho thơm... Trong những cuốn luân lý, tập đọc, cũng có ghi những cây ấy. Đây là những câu cách ngôn.

"Cách" có nghĩa là "cách thức". Cách ngôn là lời nói mẫu mực, đáng noi theo.

Ngạn ngữ : Là lời của người xưa còn truyền lại. Tất nhiên phải là "lời hay ý đẹp", chớ chỉ là xưa không thôi, thì xưa mấy cũng không đủ. Chẳng hạn câu "Chích khuyển phệ Nghiêu" (Chó của tên Chích sủa vua Nghiêu; ý nói ai có chủ nấy; vua Nghiêu là bậc vua thánh, nhưng con chó kia chỉ coi một mình Đạo Chích là chủ, nên sủa vua Nghiêu). Câu này chỉ có nghĩa thực dụng, không được coi là "ngạn ngữ". Nhưng những câu sau đây thì được coi là ngạn ngữ: -Điểu tận cung tàng, thố tử cẩu phanh (Hết chim thì cung bị đem cất, thỏ chết thì chó săn bị làm thịt; ý nói thói đời bội bạc); - Phú nhuận ốc, đức nhuận thân (Của cải làm cho nhà cửa thành đẹp đẽ; đức độ khiến con người trở nên tươi tắn).

Không có qui luật nào qui định, nhưng thường được coi là ngạn ngữ những câu ý nghĩa thật hàm súc. Cụ thể là những câu không dài lắm.

Danh ngôn: Là những lời nói hay và đúng đến mức sâu sắc, được truyền tụng, được người đương thời và hậu thế nhắc lại.

Danh ngôn là của danh nhân. Một lời nói tuy hay, nhưng của một người không nổi tiếng, khó trở thành danh ngôn. Cũng vậy, một người nổi tiếng, nhưng lúc ngẫu hứng nói một câu gì đó, xảo diệu về mặt trí thuật thì có, nhưng mẫu mực về đạo hạnh thì không, thì lời ấy cũng không được coi là danh ngôn. Người ta có trích dẫn thì cũng là để cười chơi mà thôi.

Một đặc điểm của danh ngôn, có thể dùng để phân biệt với cách ngôn, ngạn ngữ, là biết người phát biểu. Trích dẫn danh ngôn, luôn luôn phải ghi tên người nói, có khi còn phải ghi hoàn cảnh nói nữa. Tóm lại, tục ngữ, cách ngôn, ngạn ngữ là khuyết danh, nhưng danh ngôn là của riêng một người. Cũng như ca dao là của chung, nhưng những câu thơ dù có nhiều phong vị dân gian mà biết được tác giả là ai, thì vẫn không xếp vào ca dao được.

Phương ngôn: Ngày nay, có một số từ điển và sách ngữ pháp dùng từ này để gọi tiếng riêng của một địa phương, giống như từ "phương ngữ". Sách của người Trung-Quốc cũng dùng "phương ngôn" theo nghĩa này.

Nhưng ngày trước, chúng ta đã dùng từ "phương ngôn" theo nghĩa "danh ngôn". Trường hợp này, nếu viết chữ Hán, chữ "phương" phải viết với bộ "thảo", có nghĩa là "thơm". Phương ngôn là lời nói thơm tho, đậm vị đạo đức, đáng lưu truyền.

*

Những câu tục ngữ, ngạn ngữ, cách ngôn... đều là thành phần cố cựu của tiếng Việt. Nhưng cũng giống như tiên tổ cao đời đối với con cháu ngày nay, biết là dòng dõi, nhưng không biết kỹ. Có khi còn hiểu sai.

Xin dẫn một ít trường hợp phổ biến:

-Nghe bốn chữ "đầu tắt mặt tối", ai cũng hiểu là ý muốn nói "làm việc quần quật suốt ngày", nhưng "mặt tối" thì còn luận nghĩa được (là bận "tối tăm mặt mũi" chăng?), còn "đầu tắt" là cái gì?

-Để chỉ một cách nói năng cộc lốc, nghe không thuận tai, người ta hay dùng thành ngữ "dùi đục chấm mắm cáy". Nhưng ai lại lấy cái "dùi đục" mà chấm vào mắm làm gì?

(Dùi đục là một dụng cụ thợ mộc và cũng là vật gia dụng, bằng gỗ thật cứng [trắc chẳng hạn], to bằng bắp tay, dài hơn hai gang, dùng đánh lên cán đục để lưỡi đục xắn vào gỗ. Tục ngữ có câu: Dùi đánh đục, đục đánh săng [săng là gỗ]. Nghĩa bóng là cấp cao ép xuống cấp giữa, cấp giữa ép xuống cấp dưới).

Có phải nguyên thủy câu này là "dùi đục giã mắm cáy", rồi lâu

ngày chuyển biến thành ra khó hiểu chăng?

Trong bếp của người Việt ngày xưa, dùng để giã tiêu, giã cua... người ta có một cái cối nhỏ bằng sành hoặc bằng gỗ, và một cái chày gỗ, hình dáng và kích thước cũng tương tự như cái dùi đục của thợ mộc. Trong lúc cần giã thứ gì đó, mà chỉ có cái cối, thì người ta cũng có thể lấy dùi đục làm chày, cũng giống như tạm dùng cán dao vậy. Dùi đục đầu không tròn như chày, tất nhiên kết quả không tốt: Giã cáy thì cáy không nhuyễn, lại khua lộp cộp không êm. Chẳng khác mấy với những lời lẽ thô kệch, không lọt tai thiên hạ.

-Để tả dáng đi lảo đảo, xiêu vẹo, chân nọ vấp vào chân kia của người say rượu, người ta hay dùng thành ngữ "chân nam đá chân xiêu", hoặc "chân đăm đá chân chiêu". "Đăm", "chiêu" đều là từ cổ, có nghĩa là "bên mặt", "bên trái". "Chân đăm đá chân chiêu" có nghĩa chân mặt vấp vào chân trái. "Nam" và "xiêu" trại ra từ "đăm" và "chiêu".

Nhưng ngày nay, chúng ta có từ ghép "đăm chiêu" để tả dáng vẻ của một người đang lắng trí suy tư. Sự chuyển nghĩa thật là khó hiểu. Tại sao nguyên nghĩa là "bên phải bên trái" mà lại có thể chuyển thành "suy nghĩ"? Có phải suy nghĩ nhiều quá, đến nỗi quên cả ngoại cảnh, không để ý gì đến bên trái bên mặt của mình không? Xin thử đặt một câu "giả tưởng": -Kẻ cuồng sĩ ngồi trầm ngâm bên án thư suốt mấy trống canh, không lý gì đến hai phía đăm chiêu.

Qua nhiều đời, "suy nghĩ nhiều = không đăm chiêu" biến thành "đăm chiêu = suy nghĩ". Có lý chăng?

Dù sao, từ cái dáng đi như muốn ngã mà trở thành trầm lắng suy tư, tức là đã đổi từ vật chất sang tinh thần, từ anh say rượu thành nhà hiền triết, rõ ràng là biến dở thành hay. Vậy, chúng ta cứ yên tâm dùng "đăm chiêu" theo nghĩa ngày nay, không cần bận tâm tới cái xuất xứ của nó nữa.

-Ngày nay ai cũng hiểu thành ngữ "lang bạt kỳ hồ" (hoặc gọn hơn: lang bạt) theo nghĩa "rày đây mai đó". Nhưng nghĩa nguyên thủy của mấy chữ này khác hẳn, gần như ngược lại.

Đây là một thành ngữ của cổ văn Trung-Quốc. Kinh Thi có câu tả dáng một con sói già như vầy: Lang bạt kỳ hồ, tái trí kỳ vĩ (sói bước tới thì đạp cái yếm cổ, bước lui thì vướng cái đuôi). Cũng giống như mấy chữ "tấn thối lưỡng nan". Du nhập vào tiếng Việt, nghĩa gốc mất hẳn. Chuyện của một con sói già được chuyển giao cho một con người trẻ (Có ai già mà còn lang bạt kỳ hồ nổi). Và nghe rất văn chương? Văn chương hơn cả câu "tang bồng hồ thỉ"!

-Vắng chủ nhà gà mọc đuôi tôm: Gà con được chừng hơn tháng, ở

đuôi có lú (nhú) ra mấy cái lông cứng trông giống như đuôi con tôm, gọi là "gà lú đuôi tôm". Qua giai đoạn này, gà mới trở thành "gà giò". Nhưng không hiểu sao, gà giò chỉ được kể là thịt mềm ăn ngon, còn gà mà mọc đuôi tôm thì được coi là sung sướng vui chơi thỏa thích. Hễ chủ nhà đi vắng, thì gà thừa dịp mọc đuôi tôm ra. Hễ người lớn đi vắng, thì con nít tha hồ chơi đùa nghịch phá; hễ chủ đi vắng thì người làm ngồi chơi bỏ bê công việc... Nghĩa bóng dễ hiểu, nhưng nghĩa đen không dễ. Lông đuôi của gà đến độ thì mọc, chớ đâu phải muốn mọc lúc nào cũng được?

Nghe hơi vô lý, nên đã có người chữa lại: Vắng chủ nhà gà vọc niêu tôm. Có lý hơn một chút, nhưng cũng chưa phải là hoàn toàn. Niêu tôm ở đâu mà sẵn để cho gà vọc như thế? Lại chữa lần nữa: Vắng chủ nhà gà bươi bếp. Nghe rất có lý, nhưng hiền lành, vì thường thấy quá.

-Theo quan niệm cũ, hai bên thông gia cân xứng với nhau về gia thế, thì được gọi là "môn đăng hộ đối". Nhiều người nói như vậy. Nhưng như vậy là trật đấy các bạn. Phải là "môn đương hộ đối" mới đúng chữ. Chữ "đương" này có thể đọc là "đang", nhưng không thể đọc là "đăng".

"Môn" là cửa lớn, "hộ" là cửa nhỏ; "đương" và "đối" đều có nghĩa là địch lại được. Bên nhà trai có "môn" thì bên nhà gái phải có "môn" để đương lại; bên nhà gái có "hộ" thì bên nhà trai phải có "hộ" để đối lại. Nếu không, thì không đương đối. Như trong cuộc đấu phú với Vương Khải, Thạch Sùng thiếu cái mẻ kho, không đương đối, thành phải thua vậy.

Tuy nhiên, "môn đăng hộ đối" nghe đã quen tai. Bạn nào không thích đổi, thì xin cứ nói như cũ. Cái sai cũng chẳng có gì nghiêm trọng.

*

Cuối cùng, chúng ta thảo luận một chút về vần điệu của những câu thành ngữ, tục ngữ...

Tiếng Việt nhiều âm điệu, người Việt thích làm thơ, thích cách nói cân xứng, nên những câu truyền thống của chúng ta nhiều câu có vần, có đối; nếu không, thì cũng phải nhịp nhàng, để nghe cho thuận tai.

Có đối: Dài lưng tốn vải; ngồi không ăn sẵn; văn hay chữ tốt; sáng tai họ điếc tai cày; có công mài sắt có ngày nên kim.

Có vần: Dây cà ra dây muống; đi hỏi già, về nhà hỏi trẻ; biết thì thưa thì thốt, không biết thì dựa cột mà nghe; đi với Phật mặc áo cà sa, đi với ma mặc áo giấy.

Có vần có đối: Năm cha ba mẹ; già đòn non lẽ; của chồng công vợ; sai một li đi một dặm; ăn theo thuở ở theo thời.

Câu đặt có vần, có đối thì đọc lên nghe êm tai. Nhưng trong thực tế, sự chuộng thuận âm cũng có khi làm cho khó hiểu.

Nghe câu "cái nết đánh chết cái đẹp", ai cũng hiểu theo nghĩa đối với người đàn bà, đức hạnh quan trọng hơn dung nhan. Nhưng sao không nói "cái nết quí hơn cái đẹp" mà lại phải dùng chữ "đánh chết"? Nói như vậy, không sợ có người hiểu lầm rằng đàn bà hễ có nết na thì nhan sắc mất đi hay sao? Chẳng qua người đặt muốn dùng chữ "chết" để cho có vần với chữ "nết" phía trước.

Nghe câu "già kén kẹn hom", ai cũng nghĩ ngay đến trường hợp của một người (thường là đàn bà) quá khó tính trong việc chọn lựa người bạn trăm năm, cuối cùng phải sống cô độc, hoặc gặp phải một người phối ngẫu không ra gì. Nghĩa bóng là như thế, xưa nay không ai thắc mắc. Nhưng câu này chắc chắn có nghĩa đen. Về nghĩa đen, "già kén" có nghĩa là "để kén tằm quá lâu trên hom, không gỡ đem ươm đúng ngày"; nhưng "kẹn hom" nghĩa là gì? Có phải là "làm vướng hom, khiến hom không đủ chỗ cho lứa tằm chín tiếp theo lên làm kén không"? "Kẹn" có thể là chữ cổ, có nghĩa là "chật", nhưng không lấy gì làm chắc. Tóm lại câu "già kén kẹn hom" đã thông dụng theo nghĩa ước lệ, nhưng truy nguyên, cũng không chắc hiểu đúng. Chẳng qua từ đời thuở nào, người đặt muốn dùng chữ "kẹn" để có vần với chữ "kén", không lường được chuyện con cháu đời sau không hiểu nổi chữ ấy.

Thử đối chiếu với một câu cấu trúc rất giống và nghĩa khá gần: -Già néo đứt dây. Muốn gộp nhiều cây gỗ thành một bó chặt, hoặc kéo hai cây trụ lại gần nhau, mà sức tay không không làm nổi, người ta buộc một vòng dây thật bền rồi dùng một đoạn cây ngắn mà xoắn, càng xoắn thì càng chặt, nhưng nếu xoắn quá mức thì dây sẽ đứt. Làm như vậy, tiếng nhà nghề gọi là "néo"; "già néo" là néo quá căng. Rút kinh nghiệm từ một công việc cụ thể, ông bà chúng ta khuyên con cháu không nên quá găng trong cách khu xử, để tránh đổ vỡ, tránh hỏng việc.

Thử đặt một giả thuyết: Nếu như với câu này, người nói cũng chuộng hình thức, muốn cho chữ "néo" có vần với một chữ đi sau, thì câu có thể là "già néo nẹo dây", và ngày nay, chúng ta cũng phải tìm hiểu xem chữ "nẹo" có phải là chữ cổ và có nghĩa là đứt hay không.

Cũng may, trong số thành ngữ tục ngữ, những câu vì có vần mà trở nên khó hiểu cũng không bao nhiêu. Gặp những trường hợp ấy, chúng ta chỉ nên dùng và hiểu theo nghĩa bóng đã được mọi người chấp nhận, không cần mất công tìm về tận gốc.

Tuy nhiên, không phải tất cả những chữ nghe lạ tai đều khó hiểu đối với mọi người. Có thể trong thông dụng không gặp, nhưng trong tự

Quen lạ xa gần

Phường phố nào đây
Hai mấy năm rồi sao trông vẫn lạ
Tiếng gì đây
Nghe mòn lỗ nhĩ như cứ chưa quen
Hừm...
Lạ lùng cái quen lạ lạ quen
Cái xa ngút thời gian xa ngoài vạn lý thấy gần
như chưa hề chia cách
Cái sờ sờ trước mắt nhơ nhớn chung quanh
từng ấy năm rồi lại xa lắc xa lơ

Thu Tứ

điển có. Có thể người miền này không hiểu, nhưng người miền khác hiểu. Chẳng hạn, với câu "khôn sống mống chết", các tự điển đã chú nghĩa "mống" là "dại; với câu "khôn cho người dái dại cho người thương", các tự điển đã chú nghĩa "dái" là "nể sợ". Người miền Nam nghe câu "ăn nên đọi, nói nên lời" có thể lấn cấn với chữ "đọi", nhưng người Huế thì hiểu ngay là "bát".

Ngoài ra, còn có những trường hợp trong câu chữ nào cũng thông dụng, nhưng vì chúng đổi chỗ cho nhau, hoặc nguyên là đi cặp bây giờ tách ra, nên trở thành khó hiểu.

Chúng ta quen nói "lời ăn tiếng nói", rồi vì quá quen, không thắc mắc "lời ăn" là gì. Điểm lạ tai này do việc tách chữ: "Ăn" và "nói" nguyên đi cặp với nhau thành "ăn nói", và chữ "ăn" mất nghĩa đi, chỉ còn chữ "nói" giữ nghĩa; "ăn nói" tức là "nói". Nếu đặt theo kiểu không tách chữ, thì câu sẽ là "lời tiếng ăn nói". Nhưng nói như vầy, nghe sao thuận tai?

Chúng ta quen nói "vạch mặt chỉ tên", nhưng có thể nguyên thủy câu này là "chỉ mặt vạch tên"; cũng như câu "ăn không ngồi rồi" (rồi = rổi), có thể nguyên thủy là "ngồi rồi ăn không". Dùng quen, người đời sau đảo lại cho thuận miệng.

Đặc tính của cách nói thuận miệng có cả hay lẫn không hay. Hay là nghe nhịp nhàng linh động. Không hay là mở cửa cho cách nói buông tuồng. Chẳng hạn như từ câu "bán trời không văn tự", người thích kiểu nói thuận miệng liền đổi ra câu "bán trời không mời thiên lôi"; từ câu hai vế "khôn cho người dái, dại cho người thương", có người đã kéo thêm vế thứ ba "đừng dở dở ương ương chúng ghét".

Hồng Huy

Thấm thoát đời ta

Tô Thùy Yên

Tôi bây giờ cha mẹ không còn,
Các em hao hớt, bạn thưa vắng
Đời rẽ quặt vô chừng,
Người cùng đi một đỗi.
Giữ của nhau thương nhớ làm tin,
Thôi mong gì đổi trả.
Khi trước cho là đã tận tình,
Bây giờ thấy vẫn sót.
Gió dứt, tan hình tướng.
Chim qua trời mang theo vệt bay.
Mây nước chuyến làm người.
Câu thơ soi mệnh viết mà khóc,
Hồn chữ nhuần lần nữa nỗi đau.
Sống đã phải đa mang
Lòng mình vốn nặng nhất.
Nghiệp dữ theo chân, bị đuổi xua,
Náu lẩn vào mê hãi.
Nắng mưa thấm thoát đời ta.
Mối mọt căn nhà rệu rã.
Đòi phen năm tháng cũ dò về,
Chó già lạ hơi sủa.
Chuyện đời như thất thiệt.
Vàng đá còn không giữ nổi mình,
Biết nhờ đâu xác chứng?

Tuổi hạc cách ly ta.
Cõi người xa ngoài tầm
Những giác quan suy đuối.
Có đi ngàn dặm cũng là quẩn,
Càng nhìn trời đất, càng hoang mang.
Bữa qua bữa dọn mình,
Cầu gặp chút vui rớt,
Làm của ăn đường đi phôi pha.
Ngóng quanh quất nghe vang quạnh quẽ,
Thấy trăng sáng quá, ngủ không đành,
Những mong có người thức chuyện vãn,
Mai chia tay, mang theo phần trăng.
Thế giới những ba ngàn,
Trước giờ qua được mấy?
Quê nhà nghe nói có,
Chỉ dấu không tìm ra.
Con vượn non xa khóc ảo ảnh.
Còn ta lộn chuyến, nén mà đi
Sức già, đến lúc phải bỏ bớt,
Bỏ lại bên đường cái bóng ta.

Tháng 7. 2002

Đi thăm con cháu Thái Dương Thần Nữ

Tràm Cà Mau

Vì ham cái vé máy bay hạ giá, tiết kiệm được mấy chục đồng cho mỗi người, mà chúng tôi làm một chuyến du lịch qua Nhật. Kết quả là đắt hơn vài ngàn, cho cả hai vợ chồng, nếu so với giá vé và chi phí của các hãng du lịch tổ chức. Lại chỉ đi được một ít nơi mà thôi. Ban đầu, chúng tôi muốn đi thăm vùng thủ đô Tokyo cho biết, nhân tiện thăm thêm hai gia đình anh em chú bác, cô cậu cũng ở trong thành phố nầy. Sau khi mua vé máy bay xong, bà xã tôi lục internet liên mạng, tìm được vô số dữ kiện về khách sạn, đường xe điện, đường xe buýt, có kèm giá cả và chỉ dẫn, và in ra cả bản đồ xe điện ngầm, xe buýt có màu sắc sặc sỡ. Có ghi rõ từng khu, từng ga xe, hướng dẫn cách đi đến từng khách sạn, đi theo hướng nào, mấy ngã tư thì quẹo trái, quẹo phải. Bản đồ có ghi bằng chữ Latin chứ không phải toàn thứ chữ chấm phết như bùa chú của Nhật bản. Bà xã tôi nói rằng, dễ vô cùng, muốn đi đâu, thì cứ theo màu sắc của con đường vẽ trên bản đồ mà tới. Tôi thì không lạc quan, chỉ một việc nhỏ nhất, là làm sao biết được xe lửa đã đến ga nào mà xuống cũng đã là một vấn đề. Không có một chữ Nhật lận lưng, làm sao mà hỏi được ai. Điều tôi lo nhất là khi đang đi du lịch, mà cần đi tiêu đi tiểu, thì làm sao mà nói, mà hỏi. Nước Nhật chứ đâu phải Mỹ mà nơi nào cũng sẵn có nhà vệ sinh công cộng cho mình xài. Tôi nhớ trong sách du lịch có viết rằng, nước Nhật sạch sẽ và ngon lành lắm, nhưng xin bạn đừng ngạc nhiên khi thấy đàn ông Nhật vén quần đứng xả vòi rồng bên đường, vì không có nhà vệ sinh. Giống như ở Việt Nam mình ngày xưa, các ông taxi hay ngồi xuống úp mặt vào bánh xe, kéo quần tè vào lườn xe. Không lẽ mình phải thủ sẵn một cái chai và cái áo dài lùng thùng để trùm lại khi cần làm việc khẩn thiết. Tôi nhớ lần đầu tiên đi xe đò từ Sài gòn về miền Trung, khi xe đến một vùng đồi núi cây cối lúp xúp gần

Phan Thiết thì dừng lại. Đàn ông đàn bà trên xe vội vã nhảy xuống, rần rần chạy mau về phía núi. Tôi ngơ ngác không biết có chuyện gì xảy ra mà thiên hạ chạy đi xem nhiều như thế. Tôi cũng vội nhảy xuống xe, chạy theo về hướng đó. Chạy được một đoạn, thì tôi đỏ mặt xấu hổ quay lui, tẽn tò khi thấy hàng chục cái mông đàn bà trắng hếu đang chĩa về phía tôi. Thì ra xe đò ngừng cho hành khách chạy vào bụi rậm ven núi đi tiểu.

Tôi vốn có thành kiến về nước Nhật qua sách vở, báo chí và truyền thông. Tôi cảm phục dân tộc đó vì biết họ, với hai bàn tay và khối óc, không có tài nguyên thiên nhiên, đã xây dựng được đất nước thành một cường quốc quân sự trước thế chiến thứ hai, và thành một cường quốc kinh tế sau khi thua trận đầu hàng Đồng Minh. Nhưng tôi không thể thông cảm cho cái tư tưởng và hành động trung quân mù quáng, chết cho Thiên Hoàng, mổ bụng tự tử vì Thiên Hoàng. Thiên Hoàng Hiro Hito của họ, dưới mắt tôi là một gã mặt mày không được sáng sủa chi lắm, có vẻ lù đù, cận thị nặng, và không biết nhục khi thua trận, không dám nhận trách nhiệm, mà đổ lỗi cho đám quân phiệt để cầu mạng sống cho riêng mình. Tôi càng không cảm tình vì hành động hung bạo của quân đội Thiên Hoàng khi chiếm đóng vùng Á Châu, họ tàn sát hàng trăm ngàn người vô tội khi vào Nam Kinh bên Tàu, giết cả ông bà già, con trẻ, không tha một ai. Binh sĩ Thiên Hoàng vô cùng tàn bạo với tù binh trong đệ nhị thế chiến. Nước Nhật còn có trách nhiệm làm hai triệu người Việt Nam chết đói vào năm 1945, khi đó dân số Việt Nam chưa đầy 18 triệu, nghĩa là chết trên mười phần trăm dân số. Qua phim ảnh, tôi thấy người Nhật khi nào cũng bấng nhấng, khi nào cũng chạy chạy như là gấp gáp lắm, ăn uống cũng hốt hoảng, nói năng thì như nạt nộ gây gổ nhau, và hở một chút là vung kiếm chặt đầu, đâm xuyên bụng người khác, xem mạng người như ngóe.

Đọc sách báo, thấy giá cả và đời sống Nhật đắt đỏ đến ớn lạnh, một ký cá hồi có khi bán cả trăm đô la, một trái dưa cũng bảy tám đô, thịt bò cũng cả vài chục đô một ký. Thức ăn thì sống sít, và ăn uống như mèo ăn, cái gì cũng chút chút, chút chút vài ba miếng tí teo. Dưa thì hai lát, hành thì ba cọng ngắn, thịt một cục nhỏ rí. Một anh bạn tôi bảo dân Nhật là tổ sư của người Huế, dĩa thức ăn của người Huế thì nhỏ tí ti và ít xịt, quơ một ngoại đũa là hết cả dĩa. Thế mà dĩa thức ăn Huế có thể chia thành mười dĩa ở Nhật. Tôi từng nghe một ông đầu bếp năm sao tiệm Nhật bảo rằng thức ăn Nhật đã nghèo nàn mà dở. Nhà cửa thì chật chội, được tính bằng đơn vị "chiếc chiếu", nhà 5 chiếu, nhà 3 chiếu, nghĩa là diện tích căn nhà bằng chừng đó thôi. Chiếu của Nhật có tiêu chuẩn

khoảng một mét chiều ngang, hai mét chiều dài.

Trước khi đi Nhật, mấy ông bạn Mỹ trong sở đã từng đi Nhật, sống ở Nhật vài ba năm, cho mượn sách về nước Nhật, về Tokyo, Kyoto nhưng chúng tôi làm biếng, không đọc. Các ông cho biết nếu mà không đến Cố Đô Kyoto, là xem như chưa đến Nhật. Bởi vậy, chúng tôi định mua một cái vé xe điện cao tốc, gọi là "bullet train" - tàu đầu đạn- có thể đi nguyên tuần bất cứ đâu, mà không trả thêm tiền. Nhưng sau khi nói chuyện điện thoại với người bà con ở Nhật, họ nói không cần phí tiền như vậy, họ có thể mua cho vé đi về một chuyến, và đặt trước cả chỗ ngồi, khỏi phải đứng mệt khi tàu đông. Mua trước cho vé đi "tua" thăm các thắng cảnh của cựu đế đô nầy.

Máy bay từ San Francisco đến phi trường Narita, Tokyo, đi ngược chiều quay của quả đất về hướng tây, nên mặt trời như luôn luôn rọi trên đầu chúng tôi, những vùng máy bay đi qua đều là buổi trưa. Nhưng khi đến nơi thì phải xem như buổi trưa của ngày khác, sau một ngày trên lịch. Đến phi trường, thủ tục cũng giản dị, không phải chờ đợi rồng rắn dài mất thì giờ. Đi qua cửa quan thuế, không phải dúi tiền cho ai cả, họ vui vẻ, dễ dàng, tin vào lời khai của mình. Hai gia đình bà con đến đón chúng tôi tận phi trường. Cô em con bà dì có chồng làm cho chính phủ liên bang Mỹ, phục vụ trong ngành công binh cho lục quân Mỹ đồn trú tại Nhật, nhờ vậy chúng tôi được đi xe buýt của căn cứ từ phi trường về doanh trại Mỹ, khỏi tốn tiền xe. Nếu đi taxi thì cũng phải trên trăm dollars, mà đi xe buýt phi trường thì cũng chừng ba bốn chục đô mỗi người, rồi sau đó phải lấy xe lấy tàu đi thêm nữa mới đến nơi. Ông em chú bác, thì đã ở Nhật cả hơn ba mươi năm, đi du học rồi ở lại luôn sau khi miền Nam thua trận. Anh em ôm nhau bùi ngùi sau ba mươi năm xa cách. Bây giờ chú có dáng dấp của một ông Nhật chính cống. Còn chúng tôi, thì không thể giống Mỹ được và không có nét nào của Mỹ cả. Tôi cảm động, đời sống ở Nhật bận rộn, tất bật đến thế, mà chú cũng dành thì giờ đem cả gia đình ra đây đón chúng tôi. Ngồi bên nhau trên xe buýt, chúng tôi nhắc lại một vài kỷ niệm xưa khi còn ở Sài gòn. Tôi thầm nghĩ, xưa ai mà ngờ có ngày tan tác, thất tán gia đình, bạn bè, mỗi người một quốc gia, làm lại cuộc đời khắp các xứ trên thế giới nầy đâu. Đứa bé trai sáu tuổi con của chú, rất thân thiện khi gặp tôi lần đầu, nó nói tiếng Nhật pha tiếng Việt. Nó là đứa cháu đích tôn của chú tôi, nếu còn sống, chắc chú tôi sung sướng hãnh diện lắm.

Xa lộ ở Nhật có lẽ cũng không nhiều và không rộng lắm, lưu lượng xe cộ không đông đúc như xa lộ Mỹ, nhưng cũng phải chạy chậm vì khá kẹt xe. Mỗi bên có hai đến ba lằn đường, và đi mỗi khoảng thì có trạm

thu tiền đường, chúng tôi tạm gọi là tiền mãi lộ. Tiền nầy rất đắt so với các xứ khác. Ở Nhật đất đai chật chội hiếm hoi, dân chúng dùng phương tiện chuyên chở công cộng, vừa nhanh chóng, vừa rẻ tiền, mà rất thuận lợi. Xe điện có nhiều hệ thống bao trùm các thành phố, xe tới liền liền, không phải chờ đợi lâu lắc dài cổ và phí thì giờ. Bởi vậy nên người em con chú tôi ở Nhật đã 30 năm mà vẫn không mua xe, vì không cần thiết và cũng vì ngày trước ở ngay trung tâm thành phố Tokyo, một chỗ đậu xe phải trả khoảng bốn trăm đô mỗi tháng, không phí tiền làm chi. Đường phố thì đa số đều chật hẹp vô cùng, có lẽ ngày xưa vừa cho xe ngựa chạy, nay thì xe chạy hai chiều trên một lần đường, hai xe tránh nhau thì hết cả lòng đường. Lề đường cho bộ hành đa số đều rất hẹp hoặc không có. Thế mà thỉnh thoảng cũng thấy có xe đậu choán hết một nửa đường, các xe khác đi qua phải né sát về phía lòng đường còn lại. Luật ở đây cho phép đậu trên lòng đường khi phần còn lại đủ cho một xe đi qua, với điều kiện chủ xe phải lảng vảng đâu đó, để khi cần thì dời xe đi. Lái xe đường phố thì chật chội, dễ gây tai nạn, lái xe xa lộ thì tiền đường quá đắt, nên dù có xe, người ta cũng ít sử dụng. Đa số, mua chiếc xe năm bảy năm mà chỉ chạy vài chục ngàn dặm thôi. Có lẽ còn chạy ít hơn các cụ già ở Mỹ khi về hưu mắt kém, tay run, hết gân, chỉ cần xe đi chợ mà thôi. Bởi vậy nên bạn tôi mua chiếc xe Toyota, mới chạy có hai chục ngàn dặm, chỉ có chín trăm đô la. Một bà khác trong căn cứ Mỹ, bảo là xe bà phải đem cho đi, và sẽ mua xe khác, vì xe đã chạy đến bốn mươi lăm ngàn dặm rồi. Có phải dân Nhật chơi xe sang hơn dân Mỹ không? Có lẽ là không, vì ở Mỹ, nghèo mạt rệp cũng phải có một chiếc xe làm chân mà chạy kiếm miếng ăn. Không có xe là kẹt cứng. Ở Nhật, phải là dân khá, mới chịu nổi phí tổn chơi xe. Riêng một cái bằng lái xe thôi, cũng phải tốn đến trên năm ngàn đô la Mỹ mới lấy được, mà khó khăn lắm, không phải dễ dàng như ở Mỹ. Giá xăng lại rất đắt, chỗ đậu xe không có, mà phải thuê chỗ đậu xe hàng tháng. Mua xe, thì hãng bán xe sẽ chịu luôn bảo hiểm sửa xe cho người mua. Nghĩa là phải bán chiếc xe tốt, không hư hại lặt vặt, còn không thì lỗ sập tiệm. Xe ở Nhật mà chết máy làm kẹt lưu thông, thì chủ xe trả tiền phạt đến chóng mặt, cho nên không ai dám lái xe cà tàng ra đường nếu không chắc rằng xe mình không chết máy bất tử.

Từ phi trường về nhà cô em bà con cũng gần hai tiếng, xe đưa chúng tôi về tận căn cứ Mỹ tại Tokyo. Chồng cô là kỹ sư Công Chánh, làm việc cho chính phủ Liên bang Mỹ, chuyên lập dự án xây dựng và sửa chữa các công ốc thuộc các căn Mỹ cứ trên toàn nước Nhật. Chồng cô em nầy là bạn cũ của tôi thời trước. Chỉ có hai vợ chồng thôi, mà anh

được cấp một căn nhà rộng thênh thang, ba phòng ngủ hai phòng tắm trong một cao ốc sang trọng. Bàn ghế, giường tủ cũng được trang bị đầy đủ, toàn cả những thứ đóng bằng gỗ quý. Điện nước cũng khỏi phải trả tiền.

Tôi tưởng đến nhà bạn là phải cởi dép và ngồi xệp dưới sàn trên tấm chiếu bên cạnh cái bàn thấp, mà chuyền nước trà. Tôi chuẩn bị cho cái chân và cái lưng sẵn sàng chịu đau đớn vì phải ngồi xệp trên sàn nhà. Nhưng không, trang bị bên trong hoàn toàn theo lối Tây phương, không có chút gì là Nhật Bản cả. Bếp núc rộng rãi sáng sủa, phòng tắm cũng rộng thênh thang, phòng ngủ rộng, có nhiều ngăn tủ đựng áo quần, lớn có thể đi vào được. Hoàn toàn Mỹ, chẳng có chút chi Nhật cả. Căn nhà nầy tọa lạc trong một căn cứ lục quân Mỹ. Không có vẻ gì là một căn cứ quân sự, vì không thấy lính tráng đâu cả, mà cũng không có những dãy nhà ngay hàng thẳng lối có những phòng rộng mà trong đó quân nhân đặt giường san sát. Căn cứ nầy giống như một khu phố khang trang của một thành phố nhỏ bên Mỹ. Đường sá tráng nhựa phẳng phiu, vòng vèo ngăn nắp, sạch sẽ. Những căn nhà đủ loại, đủ kiểu, cỏ trồng cắt xén gọn gàng, hoa nở sặc sỡ. Chỉ thấy có chút quân sự là bốn cổng ra vào, có trạm gác, lính Nhật gác cổng, soát thẻ vào ra, và cúi rạp mình chào khi khách đi qua. Bạn chở tôi lên xe đi quanh khu doanh trại xem cho biết. Đây là bưu điện Mỹ, giống như một trạm bưu điện trung bình bên Mỹ, có nhân viên bưu điện ngồi quầy, xài tem Mỹ và tiền Mỹ. Bên kia là nhà tập thể dục rộng lớn, bên trong có trang bị đầy đủ dụng cụ, có huấn luyện viên, và có cả hồ bơi. Có cả khu tắm tồng ngồng theo lối Nhật Bản, mà hồi mới qua đây, vợ bạn tôi chưa quen nên thường hay quàng cái khăn che tạm dưới bụng trước khi vào bồn tắm. Sau đó, thấy tấm bảng ghi cấm đem khăn vào, vì sợ làm mất vệ sinh. Cũng lạ, tắm chung không sợ mất vệ sinh, mà đem cái cái khăn tắm vào phòng thì không cho. Có người bảo rằng không dám vào tắm các nơi trần truồng đó, không phải vì e thẹn, không phải vì ngượng, mà sợ lỡ ra " cái của nợ" nó chỉa thẳng ra bất tử thì có nước mà độn thổ. Dù không có tà ý trong đầu, khi mà mình càng cố kềm chế nó, thì nó càng dễ sinh sự làm mất mặt. Nghe đâu luật lệ trong hồ tắm rất nghiêm ngặt, phải tắm trước bên ngoài thật sạch sẽ, không phải vào hồ mà kỳ cọ ghét ra hàng đống đen như con sâu. Vợ tôi hỏi: " Nếu đã tắm bên ngoài sạch sẽ rồi thì bày đặt vào hồ làm chi cho thêm bẩn vì nước tắm chung, và thêm xấu hổ vì phơi bày cái của nợ ra." Ông chồng cô em tôi nói: " Kỳ lắm, khi nào vào bồn nước cũng cảm thấy muốn đi tiểu, có lẽ vì áp suất nước ép lên người, cố nín mà không được, phải đi ra tìm nhà tiểu mà xả. Những

người làm biếng, thì tiểu đại vào hồ, ai mà biết được, vào đó tức là tắm nước tiểu thiên hạ chứ có sạch sẽ gì?" Bên kia đường là nhà sách, chúng tôi vào xem, có bán đủ thứ sách như một tiệm sách bên Mỹ. Từ sách học, sách về nấu ăn, về thể thao, du lịch, vệ sinh, luyện tập tâm linh, tiểu thuyết, thơ văn. Nhiều nhất là loại học tiếng Nhật cho người ngoại quốc. Tiếng Nhật cho Mỹ, Pháp, Đức Ý, Phi, Đại Hàn, Thái Lan, Mễ và có cho cả người Việt Nam nữa. Thế thì cần chi mà về Mỹ mới tìm được sách muốn mua. Nhiều cuốn dày mỏng khác nhau. Có cả một cuốn sách riêng dạy về những câu thông dụng trong tình yêu. Tôi lật sơ qua, thấy những chương chào hỏi, làm quen, mời đi ăn, đi chơi, tỏ tình, khi âu yếm, trên giường lúc yêu đương, và cả mục khi gây gổ cãi nhau, và mục cuối cùng là những câu nói khi li dị. Thật là chu đáo cho một cuộc tình từ khởi đầu đến kết thúc, có đủ ngôn ngữ để truyền thông mà không phải quơ tay múa chân lung tung ra dấu bằng ngôn ngữ quốc tế. Ngoài tiệm sách ra, còn có một thư viện lớn, nhân viên có thể đến mượn sách đọc. Đủ các loại sách, như một thư viện của thành phố. Trong một khu khác, có nhiều quán ăn Mỹ, có quầy rượu. Anh bạn cho biết, mỗi chiều thứ sáu có tổ chức ăn khỏi trả tiền, chỉ phải tự trả tiền bia, tiền rượu, không uống thì khỏi trả gì cả, ăn thả giàn. Được gọi là "giờ sung sướng". Những quán ăn bên trong căn cứ nầy bán giá rất rẻ, so với bên ngoài, và còn rẻ hơn những quán ăn chính trên đất Mỹ. Một buổi trưa chúng tôi vào ăn theo lối bao bụng mà chỉ trả mỗi người năm đô la thôi. Chắc chính phủ có bù lỗ cho người thầu nhà hàng mới có được giá đó. Có lẽ không phải loại quán "quốc doanh" của quân đội. Vì e cái gì mà dính đến quốc doanh thì cũng bê bối, bầy bừa, không có chất lượng, và đối xử với khách hàng như lũ ăn mày. Trong khu nầy, cũng có những quán cà phê, quán rượu, nhạc sống ban đêm và nhạc qua máy hát. Trong quán còn có máy đánh bài, loại mà bên Việt Nam đặt tên cho là "Tên Cướp Một Tay", để các quân nhân xa nhà có nơi mà cúng tiền cho mau hết.

Khu chợ Mỹ, bán đủ các thứ hàng hóa chuyên chở từ Mỹ qua, giá rẻ như hoặc rẻ hơn các siêu thị bên Mỹ, lại không có thuế. Thức ăn cũng chở từ Mỹ qua, không biết quân đội họ điều hành tài tình thế nào, mà giá thức ăn so với Mỹ, thì có phần rẻ hơn chút đỉnh. Đương nhiên thức ăn và các thứ như bia, rượu, thì bên ngoài doanh trại, giá gấp nhiều lần bên trong. Tôi thấy mình nghĩ sai khi lần đầu nghe anh bạn tình nguyện xin đi Nhật, tưởng đâu cái đất đỏ bên Nhật sẽ nghiền nát anh. Cả các thứ vật dụng như áo quần, đồ điện tử, máy truyền hình, tủ lạnh, computer, cũng rẻ hơn Mỹ. Chắc chắn là rẻ hơn giá ở ngoài phố Nhật. Trên sân cỏ, có chưng bày những xe mẫu kiểu mới nhất, của các hãng sản

xuất Mỹ. Và giá hàng rẻ hơn tại Mỹ, bởi vậy cho nên, nghe đâu, đông đảo người mua xe tại Nhật mà trao hàng tại Mỹ. Trong khu chợ, còn có các tiệm ăn Mỹ, Mễ và các tiệm trò chơi điện tử cho trẻ em con nhân viên giải trí. Sân chơi dã cầu rộng mênh mông, có hàng rào lưới cao chừng hai mươi thước bao quanh. Có trường học Mỹ riêng cho con em học đến hết bậc trung học mà khỏi trả học phí. Có thể nói những căn cứ nầy là một thành phố tiêu biểu thu lại, không thiếu một thứ gì mà xứ Mỹ có.

Mấy năm trước, khi bạn tôi nộp đơn tình nguyện đi Nhật, vì thương bạn, tôi có ý gián tiếp, bóng gió can ngăn. Vì tôi nghĩ, mình ở Mỹ đã hai mươi năm, có gia đình, có bạn bè, có cộng đồng người Việt chung quanh, ăn nói cũng tạm được, tiếng Mỹ cũng đã quen, mà còn thấy trong lòng không vui trọn vẹn, vẫn còn một vướng mắc quê hương nào đó, một chút lạc lõng, không hoàn toàn hòa đồng với xã hội. Huống chi đến một nơi, một chữ cũng không biết, không nói được, không nghe được, lạ lùng, thì chắc chắn buồn lắm, hoang mang còn hơn cái hồi mới đi định cư nữa. Nhưng tôi lầm, bạn tôi sống ở đây, chẳng khác nào sống trên đất Mỹ, nói tiếng Mỹ, mua đồ Mỹ, ăn lối Mỹ, sống lối Mỹ, không cần tiếp xúc đến cái xã hội chật chội đất đỏ và lạ lùng của Nhật bên ngoài vòng rào trại. Bên ngoài căn cứ là một xã hội chật chội, đất đỏ hối hả. Nhà liền nhà, phố liền phố, không có vườn cây, không có thảm cỏ, hoa trồng trên những thẻo đất nhỏ nhắn trước nhà, trong góc sân. Đường chật vừa đủ cho hai xe né tránh sát nhau. Bộ hành không có lối đi riêng. Thế mà bên trong doanh trại, thì nào là sân chơi trẻ em hai ba cái, thảm cỏ xanh, công viên trồng cây, hồ nước, sân banh, đường rộng hai bên có lề cho bộ hành đi. Không biết người Nhật họ có khó chịu khi thấy cảnh tương phản nầy không, có lẽ họ cũng không ưa nhưng khôn ngoan im lặng. Đi làm việc cho chính phủ liên bang Mỹ tại Nhật, bạn tôi cho biết, riêng tiền phụ cấp đất đỏ thôi, cũng ăn tiêu mà chưa hết, lương chính thức chưa bao giờ đụng tới. Anh cho biết, có một anh chàng kỹ sư công nghệ họ Bùi, suốt mười mấy năm nay đi làm tại ngoại quốc cho chính phủ liên bang Mỹ. Không biết để tiền lương ở đâu và làm gì cho vơi bớt. Bạn tôi tiếc là không biết sớm về các công việc làm cho chính phủ liên bang như thế nầy. Vợ bạn, là cô em bà con của tôi, đúng một người đàn bà Việt Nam thuần túy, chìu chồng, dịu dàng và tuân phục, cưng chồng như một ông hoàng nhỏ. Không biết bạn tôi có thấy điều đó hay không. Cô chìu cả những cái gàn cái chướng và cái tư tưởng đôi khi hơi độc đoán của chồng. Giữa thời đại nầy, có lẽ ngay cả đàn bà Nhật, cũng hiếm hoi người còn có cái phong cách thuần thục Á Đông còn lại đó.

Bạn tôi là một người có phước, nhưng không phải vì vậy mà cô em họ tôi là người vô phước, vì cô cảm và tìm được cái vui, cái sung sướng rất giản dị là đem hạnh phúc lại cho gia đình, tạo cho gia đình không khí dịu dàng ấm áp. Ngày xưa Tây thuộc địa cũng sướng không bằng bạn tôi bây giờ. Bạn chỉ thiếu bồi bếp hầu hạ nữa mà thôi. Thì ra quân đội Mỹ chăm sóc quá chu đáo cho người của họ, không trách chi ngân sách quốc phòng là một con số khổng lồ so với các ngân sách khác. Bởi vậy, những quốc gia theo đuổi sức mạnh quốc phòng thì kinh tế dễ lụn bại, ngoại trừ những nước đã có sẵn sức mạnh và tài nguyên dồi dào. Giá như cả thế giới, đừng ai muốn ức hiếp xâm lăng ai, đem tiền bạc tài nguyên và nhân lực ra mà xây dựng kinh tế, xã hội, thì nhân loại chắc mau đến gần thiên đàng.

Ngày hôm sau, chúng tôi lấy xe điện về trung tâm Tokyo. Đổi hai chuyến xe, và mất gần một giờ, thì về đến ga Shinjuku. Đọc lỏm bỏm chữ Tàu, tôi đoán có lẽ ga nầy có nghĩa là "Tân gia cư". Ông em bà con tôi bảo là ý nghĩa gần như vậy. Được biết rằng, mỗi ngày, có khoảng hai triệu lượt hành khách qua lại ga nầy. Ga là một mạng nhện đường hầm có nhiều từng, mỗi từng có nhiều tuyến đường xe. Có cầu thang và có thang cuốn qua lại. Bên trong ga rộng mênh mông, có nhiều tiệm tạp hoá, tiệm ăn. Như một khu phố, một ổ kiến. Người người lũ lượt hàng mười nối đuôi nhau di chuyển tấp nập như nước lũ. Từng đoàn người hàng ngang, chạy rần rật, trai gái già trẻ, gấp gáp, làm tôi liên tưởng đến thế trận biển người của mấy ông Trung Cộng đem nướng quân thí mạng. Tưởng phá một tổ kiến cũng không thấy bọn kiến xôn xao đông đảo như vậy. Người người gấp gáp, chạy cho kịp chuyến chiếc tàu kế. Không phải chuyến tàu kế thiếu thì giờ cho khách chuyển xe, mà cái đuôi chờ lên tàu dài lòng thòng, nếu xếp hàng gần cuối đuôi, thì có hy vọng phải chờ chuyến tàu sau nữa. Khi tàu dừng, thì khách bên trong xôn xao chen lấn tìm ngõ thoát ra khỏi cái trùng vây dày đặc. Có nhiều cô kẹt bên trong, không ra kịp, mà tàu đã chuyển bánh, nước mắt rưng rưng. Khách bên ngoài tuy có xếp hàng, cũng phải rướn mình mà chen vào lòng xe. Nếu có mang đồ đạc kềnh càng thì khó hy vọng lên được tàu. Khách lên chật cứng, có khi nhân viên hãng xe phải đứng ở cửa, nén ém hành khách lại, để đóng cửa. Chúng tôi may mắn vào được trong toa tàu chật như nêm, phía trước, phía sau, hai bên đều có người khác ép sát. Khi tàu di chuyển một lúc, thì như gạo được lắc, cảm thấy đỡ chật chội. Báo chí có đăng là một số thanh niên du đãng, mua vé lên tàu vào những lúc đông đúc chật chội, để cọ quẹt và áp sát người vào những cô gái đẹp. Có cô phải khóc quay về nhà thay váy, vì bị chúng

bẩn nước bẩn vào. Chuyến tàu tôi đang đi chật chội, nhưng không thấy các thứ du đãng đó, mà thấy hành khách có vẻ lịch sự. Đa số đều mang cà vạt, áo vét, đàn bà cũng ăn mặc rất sang trọng, đứng đắn. Nhìn họ, thấy toát ra cái phong thái của một dân tộc văn minh, có văn hóa cao. Họ không làm gì cả, nhưng nhìn cách ngồi, cách đứng của họ, có vẻ tôn trọng người kế bên. Không hỗn độn như những hành khách các xứ khác. Vợ tôi nói nhỏ với tôi: " Anh xem, chúng mình có khác gì người Nhật đâu, cũng mắt hí, miệng vẫu, da vàng, y hệt".Tôi nhìn quanh, và thấy thật đúng như vợ tôi nhận xét. Đa số người Nhật có thân mình thon thả, khỏe mạnh. Rất ít có những bà thân mình bồ tượng, phục phịch. Các cô gái thì trang điểm kín đáo, nhìn da mặt, da môi, thấy phơn phớt rất tự nhiên, không có son phấn lòe loẹt, đỏ chót, hoặc tím bầm trên môi. Tôi tưởng là họ không dùng son phấn, nhưng vợ tôi bảo là họ cũng có trang điểm, nhưng họ dùng màu tự nhiên, cho nên tưởng như không trang điểm. Da mặt đa số đàn bà Nhật rất mịn màng, trắng trẻo. Vì trang điểm kín đáo, nên trông họ rất trẻ, trẻ hơn cái tuổi thật của họ rất nhiều. Rất ít những người đàn ông có cái bụng ỏng nước lèo mà mông thì teo rí. Có lẽ họ ăn uống nhiều rau cải và đi bộ nhiều nên ít người mập. Những ông già, bà già, với thân mình thon thả, tráng kiện, và di chuyển cũng nhanh nhẹn. Tôi thấy có bà già có lẽ đã trên bảy mươi tuổi, còn mang guốc cao gót, và chạy rất nhanh trong sân ga để đuổi cho kịp chuyến tàu.

Tôi nhìn ra hai bên đường rầy xe, thấy nhà cửa chồng chất lên nhau san sát, nhỏ mà sạch sẽ, khang trang, nhiều căn nhà như cái chuồng cu lớn. Vài cái ban công chút xíu có kê ghế trông gọn gàng xinh xắn. Ngồi đó mà khà chút rượu, ngắm trăng lên, ngâm vài câu thơ hài cú thì thật tuyệt diệu. Những nơi đậu xe thì chật chội cheo leo, không biết làm cách nào mà họ có thể chuyển chiếc xe hơi vào nơi bí hiểm khó khăn đó. Xa xa, hoa anh đào nở rộ làm thành chiếc màn hồng bên chân trời. Xe điện chạy cũng khá nhanh, có lẽ tiện lợi hơn đi xe hơi nhiều. Ga nào hành khách cũng đông đảo, xôn xao.

Chú em bà con dẫn chúng tôi và gia đình đi thăm phố chính của Tokyo, nơi đây có tên là " Ngân Tỏa" (Jinza), vợ tôi hỏi có phải nghĩa là tiền văng ra vung vãi không, chú nói là đại khái hiểu như vậy. Khu nầy đường rộng mỗi bên có nhiều lằn cho xe chạy, nhà cao từng san sát, phố sá sang trọng, nhiều nhà hàng lớn có kiếng mặt tiền, hè phố rộng rãi khang trang. Đi trong khu phố nầy, tôi không có cảm giác là đi qua một xứ lạ. Có cái thân thuộc như đi trong khu tài chánh của San Francisco, của Philadelphia, của New York. Có lẽ những phố lớn của các thành phố văn minh khung cảnh giống nhau. Điều đáng chú ý nhất là đường

phố rất sạch sẽ, không một cọng rác, sạch như có lau chùi. Tôi nghĩ dân Nhật tự trọng, không xả rác bừa bãi, và đồng thời có người quét dọn thường xuyên.

Tôi thấy trên những cột đèn thành phố có gắn bảng quảng cáo triển lãm tranh của Claude Monet, một họa sĩ Pháp ở thế kỷ thứ 18. Tưởng là loe ngoe mấy mạng đi xem, không ngờ khách xem tranh xếp hàng làm thành cái đuôi dài cả chừng năm sáu trăm thước, ngoằn ngoèo qua bốn góc phố, cái đuôi xếp hàng gập lại nhiều lần. Bây giờ tôi mới biết dân Nhật ham chuộng nghệ thuật đến mức nào. Hình như trình độ văn hóa của một dân tộc tỷ lệ thuận với trình độ yêu chuộng nghệ thuật của dân đó. Không trách chi nhiều thanh niên Nhật qua Pháp du học hội họa, mỹ thuật, và là khách hàng thường xuyên của khu Montmartre, nơi sản xuất được nhiều nhất các nghệ sĩ nghèo và đói rách của thế giới. San Francisco ở Mỹ là một thành phố có đông đảo nghệ sĩ, và đông đảo người ham chuộng nghệ thuật, có nhiều phòng triển lãm tranh nổi tiếng, thế mà chưa bao giờ tôi thấy người đi xem tranh xếp hàng dài như hôm nay.

Đã quen đi qua các thành phố lớn, tôi không thấy gì đặc biệt trên phố Ngân Tỏa (Jinza) nầy. Cũng chỉ nhà cao, nhiều cửa hiệu thương mãi to lớn, sang trọng san sát, tráng lệ, mênh mông và hàng hóa chất đầy.

Buổi trưa, chúng tôi ghé vào một tiệm ăn "bao bụng" ngay phố chính. Một người của nhà hàng đứng trước cửa đón chào chúng tôi bằng một cái gập mình xuống thật thấp, như cúi lạy, làm tôi hốt hoảng, theo phản ứng tự nhiên, phải đứng né qua một bên, để tránh cái lạy đó. Quán ở trên lầu cao, bên trong có nhiều phòng nhỏ, ngăn chia khách hàng cách biệt nhau ra. Phải cởi giày bỏ vào hộc tủ, lấy chìa khóa mang số để khi ra thì nhớ hộc nào. Mỗi người, mang dép vải của nhà hàng vào chân, trong phòng ăn có cái bàn thấp, và nệm gối mỏng để ngồi. Mỗi gia đình ngồi trong một phòng riêng rất kín đáo. Tiền ăn mỗi người tương đương với mười hai mỹ kim, ăn đầy bụng thì thôi. Tôi thầm nghĩ rằng, quán ăn sang như thế nầy tại Nhật, mà chỉ mười hai đồng thôi, thì chắc chỉ có húp nước cháo với tàu hủ kho. Nhưng khi đi lấy thức ăn, thì tôi thấy cũng có rất nhiều món, có cả tôm, cá, thịt, rau xào, sushi, chừng hai chục nồi thức ăn. Nhiều món ăn cũng ngon và hợp với khẩu vị của chúng tôi. Chúng tôi tận tình thưởng thức các món đã nấu chín. Không dám động đến sushi là thứ sống sít, tanh tao. Thức ăn tại tiệm nầy, tuy không dồi dào bằng các tiệm ăn bao bụng ở Mỹ, nhưng cũng xem như là đầy đủ. Thật không ngờ, tôi nghĩ là ở Nhật đất đỏ, và thức ăn hiếm quý lắm, nhưng không, giá cả cũng không cao hơn ở Mỹ là bao nhiêu. Phòng bên

cạnh có chừng hai chục ông bà lão, già lụ khụ. Họ ăn uống và bàn luận chuyện gì không biết, mà thỉnh thoảng nghe có tiếng vỗ tay và tiếng cười vui vẻ. Các cụ già mà họp nhau lại được như thế nầy, thì thấy đời sống họ hạnh phúc và sung sướng quá. Chúng tôi ăn uống chậm, và như nghỉ ngơi cho đỡ mỏi chân để chiều nay còn đi bộ nhiều hơn nữa. Căn phòng rất biệt lập, ấm cúng. Có lẽ những phòng ăn như thế nầy, thu hút được nhiều khách hàng hơn là ngồi ăn chung đông đảo. Và cũng tiện cho các ông Nhật bà Nhật có quan hệ tình cảm bất chính, kín đáo, không ai thấy ai mà về báo cáo. Tiệm ăn ở Nhật không có quyền cho tiền bồi bàn, thứ tiền ăn xong để ra bàn, mà người Mỹ gọi là tiền " tip", Tây gọi là " pourboire", nghe đâu bây giờ bên Việt Nam gọi là tiền "boa". Chú em bảo rằng, có nhiều khách hàng không biết, bỏ tiền " tip" lên bàn, thì nhà hàng cho người chạy rượt theo trả lui. Cũng là một điều hay. Theo kinh nghiệm của các người từng đi làm bồi bàn, thì đa số các tiệm ăn Việt nam tại Mỹ, chủ nhà hàng thu hết tiền "tip", không cho người hầu bàn. Khách hàng biết vậy, nhưng vì lịch sự cũng phải cho tiền "tip".

Chúng tôi đi bộ đến thăm Hoàng cung. Chỉ đứng phía ngoài hoàng thành mà thôi, nhìn vào bên trong chẳng thấy gì. Thành cũng không cao lắm, mà hào chung quanh cũng chẳng sâu. Không biết bên trong ra sao, chứ bên ngooài thì giống như dinh thự của một phú gia. Nếu đem so với thành nội Huế, thì tôi có cảm tưởng như Hoàng cung Nhật nhỏ hơn nhiều lắm. Đứng bên ngoài chẳng có gì. Nhiều đoàn khách du lịch đến xem. Có lẽ đến để nói rằng mình đã đến xem hoàng cung rồi, để biết rằng nó chẳng có gì cả. Nhưng đi Nhật, mà nói chưa thấy hoàng cung cũng là một thiếu sót chăng. Chúng tôi cũng thấm mệt vì đi bộ, ra ngồi nghỉ dưới bóng mát của công viên. Hai cháu nhỏ chạy nhảy tung tăng, cười đùa vui vẻ. Có lẽ các cháu ít khi đến được các nơi rộng rãi để chơi đùa, vì đất chật, người đông.

Buổi tối, chúng tôi ghé tiệm ăn trên đường về. Tiệm lớn, thực khách đông đảo. Cũng bàn thấp, và ngồi bệt. Mỗi bàn được ngăn cách nhau bằng những bức ngăn thấp. Các cô bồi bàn trẻ, ăn vận như những nữ hiệp khách. Đầu chít khăn, lưng thắt đai, và mang sau lưng một cái máy vi tính bỏ túi, quần bó ống và mang giày vải. Cái máy vi tính để ghi nhận món ăn khách hàng, chuyển thẳng vào nhà bếp, và chuyển qua máy tính tiền. Các cô chạy thoăn thoắt, như các hiệp khách đi hành hiệp. Bưng món ăn cho khách hàng cũng chạy, dọn bàn cũng chạy, thu tiền cũng chạy. Các cô chạy qua lại, nhanh nhẹn. Tôi thì ngại các cô chạy như vậy, lỡ vấp ngã, thì xối cả nước sôi vào thực khách. Mỗi khi

thấy các cô bưng thức ăn chạy qua, thì tôi nghiêng người sẵn sàng tự vệ. Không biết an toàn lao động ở Nhật có nghĩ đến vấn đề nầy không. Trong lúc chúng tôi đang ăn, cháu bé lững chững đi ra, bị một cô hầu bàn chạy vấp, may mắn không can gì. Phải nói thức ăn trong tiệm nầy không hợp với khẩu vị của chúng tôi, nhắm mắt mà nuốt, để đêm nay đỡ đói, không đến nỗi như cực hình, nhưng cũng khó khăn lắm mới điều khiển được thức ăn đó trôi qua cổ họng. Mì thì cứng và bở, miếng tàu hủ trông vàng lườm ngon lành lắm, nhưng lại ngọt lự, rất khó nuốt. Có lẽ vì không quen chọn món ăn theo kiểu Nhật, nên hai vợ chồng tôi nhìn nhau mà cười thôi. Tôi thấy chú em và vợ chú thưởng thức món ăn ngon lành lắm, những miếng cá sống đỏ lòm, những khúc cá mực trắng tươi, có lẽ ăn quen rồi thành ngon chăng. Canh nấu theo lối Nhật cũng nhạt phèo, lợn cợn như nước rửa bát.

Ăn tối xong, chúng tôi ra ga xe điện về nhà. Đường phố ban đêm sinh hoạt ồn ào, náo loạn, không khác chi ở Hồng Kông, Thượng Hải. Không như ở Mỹ, ban đêm là phố phường vắng hoe, cửa đóng then cài, người người rút vào nhà và đi ngủ sớm để chuẩn bị sức khỏe cho ngày làm việc hôm sau. Nhìn sinh hoạt thành phố ban đêm, tôi thấy có cái gì quen thuộc của Sài gòn, Chợ Lớn ngày xưa mà từ lâu chúng tôi đã mất đi. Dường như đời sống ban đêm mới thực là sống cho mình, sống để tận hưởng hương vị cuộc đời, mà người dân sống tại Mỹ ít khi có. Xe điện ban đêm rộng rãi hơn và kiếm được chỗ ngồi dễ dàng. Chúng tôi về nhà cô em họ, uống trà, ăn bánh và nói chuyện cho đến khuya.

Tôi kể chuyện đi làm ở Mỹ cho chú em nghe, rằng lâu lâu tôi nhảy qua sở mới vì được trả lương cao hơn. Chú nhìn tôi có vẻ ngạc nhiên, và cho biết, đi làm ở Nhật khó khăn hơn, họ chuộng người trung thành với chủ, làm cả đời cho một công ty, bỏ việc để qua công ty khác là thiếu trung thành, là hành động không đứng đắn, đáng chê trách. Bởi vậy, bỏ sở cũ mà đến xin việc sở mới, người ta cứ nghĩ rằng mình là người không đứng đắn, nên cũng không muốn thuê mướn mình. Kỷ luật ở sở cũng khá gắt gao, trong khi làm việc, mỗi ngày bị bắt buộc phải tập thể dục tập thể, dong tay, múa chân, nhảy xổm. Tôi nghĩ tập thể dục là điều tốt, nhưng tôi cảm thấy không thích bị bắt buộc, thà để mình tự tập lấy, rồi làm biếng mà quên tập, còn hơn là bị ép buộc. Có vẻ như nó động chạm quá nhiều đến cái tự do riêng tư của mỗi người.

Đêm đã khuya, mà tôi thấy nhiều người áo vét, cà vạt, mặt mày mệt mỏi, hơi thở nồng mùi rượu, tay ôm cặp còn lang thang trên đường. Tôi hỏi cô em họ. Cô nói:

" Ở Nhật, đàn ông thường thường về đến nhà khoảng mười, mười

một giờ đêm. Làm hết việc, chứ không phải làm hết giờ. Bởi vậy cho nên đàn ông Nhật sau khi ra khỏi sở, mệt quá, và để bớt nóng đầu, vào quán nhậu, uống rượu, tán khảo, rồi mới về nhà. Vào quán uống rượu sau khi tan sở đôi khi gần như một sinh hoạt xã giao bắt buộc, phải đi uống với bạn, với xếp, để bàn cãi thêm công việc, để lấy lòng nhau. không thì không bao giờ được tiến thân và khi làm việc gặp khó khăn từ mọi phía."

Tôi góp ý:

"Mệt quá nhỉ. Thế thì vợ con ai chăm lo cho? Về nhà đã khuya, lại rượu hành cho mệt nhừ. Hạnh phúc gia đình ở đâu? Ở Mỹ mà như vậy thì sớm vác chiếu ra tòa, lãnh giấy li dị, mất nhà mất con."

Cô em tôi cười:

" Các bà vợ Nhật đã quen chồng về nhà khuya khoắt lúc nửa đêm như thế, nên không có gào la khóc lóc, hỏi anh đi chơi với con quỷ cái nào mà giờ nầy mới mò về nhà? Nghe đâu nhiều đàn bà Nhật tân thời, thích sống độc thân hơn là lập gia đình để vò võ chờ đợi ông chồng say sưa trở về nhà vào lúc nửa đêm. Người Nhật xem công việc sở là ưu tiên số một. Việc sở trọng hơn việc nhà, quan trọng hơn hạnh phúc gia đình."

Vợ tôi chen vào:

" Đấy cô Hương bạn cùng sở với em, có chồng làm cho hãng Nhật tại Mỹ, cô không chịu cảnh chồng đi sớm về khuya, anh chồng phải xin nghỉ việc để đi tìm sở khác. Ông chủ sở bảo chồng cô rằng, bỏ vợ đi để giữ lấy việc làm, việc sở quan trọng hơn chứ. Thật cũng khó mà hiểu nổi. Có lẽ bên Nhật mất sở là chết đói chăng? Có lẽ là không. Sao mà xem hạnh phúc gia đình không bằng công ăn việc làm? Đi làm là để kiếm tiền nuôi dưỡng hạnh phúc gia đình, chứ đâu phải để xả thân hy sinh phục vụ túi tiền ông chủ?"

Tôi hỏi thăm về việc học hành ở Nhật, chú em nói là ở Nhật, đi học là phải cày bừa tận lực. Học " gạo" không kể ngày đêm. Anh chị học sinh nào nào ngủ một đêm trên bốn giờ, thì không có hy vọng gì thi đậu vào đại học. Mỗi năm có vô số thanh niên tự tử chết vì thi trượt tú tài, trượt đại học. Tôi nói với chú rằng, chuyện thi rớt tự vẫn thì ngày xưa bên Việt Nam mình cũng có lác đác, nhưng là hãn hữu ở Mỹ. Tại Mỹ, chưa bao giờ nghe chuyện tự vẫn vì hỏng thi. Chú em tôi còn cho biết, các ông chủ cơ sở kinh doanh, cũng tự tử chết rất nhiều khi công ty hay cơ sở kinh doanh bị phá sản. Họ chết vì danh dự, vì không thành công. Có người bảo, không chừng họ chết đi là khỏe, khỏi phải lo nghĩ lôi thôi, khỏi phải cực nhọc vì nợ nần, vì cơm áo trong tương lai. Tôi cho chú hay, ở Mỹ, làm ăn thất bại là thuê luật sư khai phá sản, phè cánh

nhận ra, nợ nần phủi hết, ai mất rán chịu. Khỏe re, không ai chết cả. Chú nhìn tôi bằng con mắt nghi ngờ, không tin.

Tôi ghé thăm một người bạn là giáo sư đại học tại Tokyo, chúng tôi quen nhau khi ông bà qua Mỹ dự buổi hội thảo quốc tế về giao thông. Khi ở Mỹ, tôi có mời ông bà về nhà ăn cua rang muối và thịt bò chiên, vì nghe hai thứ nầy rất đắt và hiếm hoi ở Nhật. Trước khi đi, chú em tôi đã dặn sẵn một vài phép lịch sự căn bản tại Nhật, cho chúng tôi khỏi bỡ ngỡ. Nhưng chúng tôi gần như quên cả.

Khi vào nhà, vợ chồng tôi cũng cởi giày để lăn lóc bên ngoài. Chú em tôi nhặt các đôi giày, xếp lại ngay ngắn, và chỉa mũi giày ra ngoài đường. Chú thì thầm: " Để giày lăn lóc như thế nầy họ cho mình là thiếu lịch sự. Phải xếp cho đúng cách, ngay ngắn, và mũi giày chỉa ra ngoài. Mình không làm, thì chủ nhà họ cũng sẽ làm, và đánh giá mình cách khác." Vợ tôi cười và nói thầm: " Có phải xếp ngay ngắn và mũi giày chỉa ra, để khi chủ nhà có đuổi, thì mình cũng chuồn cho mau phải không?"

Ông chủ nhà trịnh trọng trong bộ Âu phục màu xám nhạt, có đóng cà vạt, áo vét ba mảnh, gập mình cúi xuống thật thấp chào chúng tôi. Tôi cũng bắt chước cong người lại như con tôm chào ông mà cái lưng hơi rêm rêm. Bà vợ ông từ bên trong, chạy ra từng bước ngắn lúp xúp, bà quấn mình trong đống vải áo kimono hoa hòe lóng lánh sặc sỡ. Bà cúi mình xá mấy xá liên tiếp, tôi cũng trả lễ. Khi tôi cúi càng thấp, thì bà cúi càng thấp hơn, đến nỗi như cái đầu bà gần chấm đất, mà hai mắt bà thì nhướng lên nhìn vào tôi để chứng tỏ là bà lịch sự khiêm tốn. Tôi có cảm giác bà thi đua với tôi, xem ai cúi mình thấp hơn. Rồi tôi bỗng có ý nghĩ là nếu mình nằm mẹp xuống sàn, thì không biết bà làm sao mà cúi cho thấp hơn.

Tôi bưng món quà tặng gia chủ. Tôi đã được biết trước là ở Nhật, đi đến bất cứ nhà ai, vì bất cứ lý do gì, cũng phải có quà cáp đưa tặng. Không có quà, dù lớn dù nhỏ, thì chủ nhà buồn lắm, và cho rằng mình không có tình với họ. Khi tôi đưa quà, chủ nhà từ chối không nhận, tôi cũng hơi buồn, định cất món quà đi, nhưng chú em cứ lấy cùi chỏ mà thúc bên hông tôi mãi, tôi đưa ra một lần nữa, chủ nhà cũng khoát tay từ chối. Tôi đã thấy mình hơi quê, ngượng, định rút món quà lui. Chú em đoán được ý tôi, đưa tay dúi món quà ra trước, và làm như năn nỉ chủ nhà để họ nhận món quà cho mình. Nài nỉ cho đến lần thứ tư, chủ nhà mới thu nhận món quà của tôi. Tôi định nói với chú em rằng, người ta chê quà của mình, thì tại sao lại ép uổng họ làm chi. Về sau tôi mới biết phong tục của họ, trước khi nhận quà phải từ chối ít nhất là bốn lần, mới

là lịch sự. Càng bị từ chối, thì kẻ cho quà càng phải nài ép dữ dội cho đến khi người ta nhận quà mình mới thôi. May quá, tôi không phải là dân Nhật, nếu không thì suốt đời tôi chẳng có một cô hạn gái nào, vì khi tôi tặng quà cho ai, chỉ một lần thôi, họ không nhận là tôi mang về, bởi tôi hay tôn trọng ý người khác, không muốn ép uổng và làm trái ý ai. Sau nầy, trước khi tôi về Mỹ, chú em tặng tôi món quà, tôi không từ chối lần nào, còn hăm hở cầm lấy và toét miệng ra cười vui vẻ, để chứng tỏ là mình thích nón quà, theo lối xã giao thông thường. Lúc đó, tôi đọc được ánh mắt ngạc nhiên lạ lùng của chú em và vợ chú, có lẽ họ đã thành người Nhật, và không hiểu được tại sao ông anh mình nham nhở, thiếu lịch sự đến thế.

Chúng tôi vào phòng khách, ngồi xuống sàn, toàn sức nặng hai mông đè lên đôi chân. Ngồi lâu đau đớn nhức mỏi cả bàn chân và cả đôi mông, cũng phải cắn răng mà chịu. Tôi trở qua trở lại đổi thế ngồi lia lịa. Khi chân mỏi và đau quá, tôi quên mất lời dặn của chú em, bèn co chân rảy mấy cái thật mạnh ra phía trước. Bà chủ nhà hoảng vía như có chuyện động trời xảy ra, chú em tôi thì mặt nhăn như cái bị, đè chân tôi xuống, và nói nhỏ: " Đừng, đừng. Người ta cho là thiếu lịch sự, và hỗn láo lắm. Có mỏi chân thì rán chịu, chứ đừng làm thế. Kỳ cục." Tôi ngồi im, vừa ngượng mà vừa tê chân. Biết thế thì thà đừng nhận lời ăn cơm với ông bà nầy cho cái chân đỡ chịu cực hình. Ông chủ nhà thì cười mỉm, có vẻ thông cảm cho cái cực hình mà khách đang chịu. Trong lúc ăn cơm, vợ tôi nói là thức ăn lạt quá, nhờ tôi với tay lấy chai xì dầu. Tôi cầm chai xì dầu mà rắc vào chén của vợ tôi. Chú em tôi á lên một tiếng, chận tay tôi lại. Ông bà chủ nhà và hai người con cũng tròn mắt nhìn chúng tôi với vẻ ngạc nhiên, khủng khiếp, như tôi vừa phạm một sai lầm khó dung thứ. Chú em tôi đỏ mặt giải thích:

" Chỉ có phù thủy và thầy cúng mới được phép tưới xì dầu vào chén cơm, và chỉ làm được cho người chết mà thôi. Người thường, thì rót xì dầu vào đĩa nhỏ mà chấm thức ăn."

Mặt tôi nóng bừng, vì phạm từ sai lầm nầy cho đến sai lầm kia. Chắc chủ nhà phiền tôi lắm, và có lẽ hai người con của họ đánh giá tôi như kẻ thiếu giáo dục. Trong bữa ăn, tôi suýt phạm thêm một lỗi lầm lớn nữa, là khi ăn ớt cay, nước mũi tôi chảy thò ra, quẹt đi mấy lần mà không hết, tôi móc khăn giấy định xì mũi, thì vợ tôi nhéo tôi một cái vào chân đau điếng, để nhắc nhở là đừng xì mũi mà rán chịu đựng. Cứ thút thít như khóc, cho mũi nước ló ra thụt vào, thì được người ta đánh giá cao, vì mình giỏi chịu đựng. Sau đó tìm một nơi kín đáo không có ai, mà xì mũi cho đã đời, cho đỡ khổ. Nếu xì mũi khi có người khác, thì là

thuộc hạng thiếu giáo dục, vô loài, người ta cười cho, và khinh bỉ. Điều nầy tôi đã được căn dặn trước.

Hôm sau, chúng tôi đi viếng khu phố Shinjuku, một khu thương mãi rộn rịp. Cũng phải bắt xe điện mới đến nơi. Hôm nay Chủ nhật, đã gần mười giờ sáng mà phố phường cũng chưa mở hết. Đây là một trung tâm thương mãi, có hàng ngàn sạp hàng nhỏ, hàng ngàn tiệm buôn bán, đủ các loại hàng, loại sản phẩm. Chú em tôi cho biết khu nầy không được sạch sẽ lắm, nhưng tôi thấy đường sá cũng không có một cọng rác. Một khu phố thương mãi lớn, người người tấp nập. Trước nhiều cửa hàng, có người ăn mặc áo vét, cà-vạt đàng hoàng, đang bắc loa, la hét, mời mọc khách hàng vào mua. Cứ ngoác miệng ra mà gào, không biết khản cổ, gào liên tu bất tận, không ngưng nghỉ. Bên góc ngã tư đường lớn, có ba anh tuổi trên dưới ba mươi, dựng một cái biển bằng giấy cứng rất lớn, có hình cái mông trần của người đàn bà, đủ lông lá, và ở chỗ tiếp giáp hai chân có màu sắc đen điu, trông vô cùng tục tĩu. Không biết họ quảng cáo cái gì, tôi không dám hỏi chú em, vì ngại vợ tôi hiểu lầm. Tôi không hiểu sao mà cảnh sát không bắt mấy ông nầy, dong cái hình tục tĩu nầy ra, có thể làm cho lũ trẻ con bị khích động mà làm điều không tốt. Trước cửa vào của một ngân hàng lớn, trong góc, có che hai tấm mành cao cỡ đầu người, trên tấm mành có dán nhiều miếng giấy nhỏ, có lẽ ghi lời khen thành tích của bà thầy bói do các thân chủ viết. Sau hai tấm mành là bà thầy bói nổi tiếng của khu phố, người ta gọi bà là "Singjuku Nohana Mama". Bà đang xem chỉ tay cho một cô gái, và có năm cô khác đang ngồi tựa mông lên thành tầng cấp làm đuôi chờ. Có một ông vô gia cư, đang ngồi tựa lưng vào tường, tóc tai dài thậm thượt, mặt mày râu ria phủ kín, coi bộ mệt và đói. Chú em cho biết, mỗi ngày cảnh sát đem tiền cho tận tay những người nầy, ước chừng năm đô la Mỹ, để họ mua thức ăn cho khỏi đói. Cho từng ngày, chứ không cho một lần, sợ họ tiêu hoang mà không có tiền mua cơm. Tôi nghĩ chính quyền địa phương cũng có lòng nhân đạo. Có lẽ những người vô gia cư nầy, cũng bị bệnh thần kinh, sống vật vờ trong ảo giác. Suốt một ngày đi phố, tôi chỉ gặp một ông vô gia cư nầy mà thôi. Đứng ở đầu cầu là một bạch y đạo sĩ, ăn mặc như một tướng công thời thế kỷ mười lăm. Áo bào rộng tay, thắt lưng bản lớn, chân bó xà cạp, đi giày ống của ông táo, đội một cái nón to như cái thúng úp trên đầu, một tay cầm thiền trượng, tay kia cầm cái bát dong lên trời cao. Ông đang đọc thần chú hay đọc kinh chi đó, cứ lải nhải mãi. Bộ áo quần trắng tinh, sạch sẽ, để toát ra cái vẻ sang trọng. Có lẽ ông ta đang quyên tiền, hay xin tiền gì đó, không biết có ai đủ can đảm để cho tiền con người sang trọng như vậy hay không. Tôi thầm

nghĩ, không biết mỗi ngày tiền xin được có đủ chi phí giặt ủi cho bộ đạo y trắng tinh kia chăng? Tôi đứng lại thật lâu để xem có ai bỏ tiền vào cái bát của đạo sĩ không, chờ lâu quá, mà không thấy ai cho, tôi bỏ đi. Trên phố, đường chật chội, xe cộ cũng khá đông, bãi đậu xe là những cái nhà, có giàn sắt để chồng xe lên nhau. Có người vận hành giàn sắt đưa xe lên xuống. Cũng là một lối giải quyết chỗ đậu xe. Tôi thấy xe đạp cũng treo chồng chất lên nhau, để có thể tiết kiệm khoảng không gian.

Chú em đưa tôi vào một khu thương mãi, người Nhật gọi là "departo", có lẽ đó là danh từ nói tắt của tiếng Anh là department story mà người Nhật đã mượn và chuyển hoá thành tiếng Nhật. Khu thương mãi có nhiều tầng, bán đủ các thứ hàng hóa, không khác chi các khu thương mãi khác của các xứ tân tiến. Đặc biệt ở tầng cuối cùng dưới đất, là một cái chợ bán thức ăn nấu sẵn. Thức ăn hàng hà sa số. Đủ các thứ cá, thịt, tôm, cua, rau, bánh kẹo, đã nấu sẵn, làm sẵn. Đặc biệt nhất là dưa muối, có thể nói là có hàng trăm thứ dưa khác nhau làm bằng đủ thứ rau, trái, và chất liệu ngâm dưa. Người bán hàng mời khách ăn thử dưa có những thứ dưa rất dòn, ngon, và mùi vị đặc biệt. Với hàng trăm thứ dưa khác nhau nầy, người Nhật đáng được tôn vinh làm sư tổ về món dưa của thế giới. Bây giờ tôi mới biết dân mình chỉ có dưa cải, dưa món, dưa mắm, hơn được một chục loại dưa, chưa đáng trình độ học trò về món dưa của dân Nhật. Vợ tôi cho rằng, ăn dưa là một lối hà tiện của những vùng đất hiếm hoi thức ăn. Bởi vậy nên miền Bắc, miền Trung nước mình ăn dưa nhiều hơn dân miền Nam. Tôi đứng lại xem làm sushi ở một quầy hàng, thấy một con cá tươi thịt đỏ lòm, bề ngang chừng một tấc tây, bề dài chừng bốn tấc, trải lên bàn, cơm dẻo được đắp lên một lớp dày. Họ dùng vải ém lại cho chặt, rồi cắt thành từng lát mỏng. Thế là có thể đút vào miệng mà nhai miếng cá sống có dính chút cơm. Vợ tôi rùn vai thè lưỡi và kéo tôi đi. Cứ nhìn cái khu chợ thức ăn nấu sẵn nầy thì suy ra dân Nhật ít nấu nướng. Mà có thức ăn nấu sẵn bán nhiều và ngon như thế nầy, thì tội chi mà nấu ăn cho mệt. Chắc chi tự nấu đã ngon hơn và rẻ hơn. Tôi giục vợ tôi mua đủ thứ cá chiên, bánh trái, và thịt nấu, trông ngon lành lắm. Giá cả cũng rất phải chăng. Họ bỏ thức ăn vào hộp, bao bọc bên ngoài bằng giấy hoa, cột lại cẩn thận, sau đó bỏ vào bao ni lông sạch sẽ, đẹp hơn cả mấy món quà tặng Giáng Sinh mà tôi thường nhận được. Vợ tôi cho rằng dân Nhật là giống dân ưa điếu đóm nhất trên thế giới, nên gói quà đẹp. Bây giờ tôi mới bớt thành kiến là món ăn Nhật nghèo nàn, và tưởng đa số chỉ là tẩm bột và chiên dầu. Những tô mì sợi của Nhật, trông thấy rất bắt mắt vì cách trang hoàng, màu sắc rực rỡ, khêu gợi cái thèm ăn, tưởng là ngon lắm, nhưng

rất khó nuốt nếu chưa quen ăn. Theo tôi, thì tô mì của người Trung Hoa ngon hơn tô mì của Nhật đến mười lần, mà tô mì của Trung Hoa thì thua xa tô mì Việt Nam, thua xa tô hủ tiếu Nam Vang, tô bún bò, tô phở.

Khi đi trên phố, tôi mua mấy cái bánh ra ăn, chú em cản lại, bảo rằng lịch sự ở Nhật không cho phép vừa đi vừa nhai nhồm nhoàm. Ăn ngoài đường cũng có thể được, với điều kiện phải có ghế ngồi. Tôi chỉ vào cái quán nhỏ bên đường, có mấy người đứng úp mặt vào tường mà húp mì nước, hỏi tại sao những người kia đứng ăn mà không ai nói gì. Chú em giải thích là họ đứng ăn trong quán, và úp mặt vào tường, không ai thấy, ở Nhật người ta ăn đứng trong tiệm là thường. Vợ tôi muốn đi ăn quán Việt Nam tại Nhật xem nấu ăn ra sao, nhưng đường xa, không tiện. Chú em cho biết có tiệm Việt Nam tại Tokyo, mở đã hơn ba mươi năm nay, vẫn còn sống sót, chén bát của quán nầy sứt mẻ lung tung, trong khi người Nhật thì rất trọng hình thức trong nghệ thuật ăn uống. Hiện nay, tại Tokyo đã có gần chục tiệm Việt Nam, dân Nhật đã biết và bắt đầu thích các món ăn của dân mình.

Khi xô cửa đi vào cầu tiểu, thấy hai cô con gái đang tung tăng đi ra, tôi đỏ mặt vội vã thối lui, nghĩ là mình đi lầm phía dành cho đàn bà, nhưng thấy chú em tôi vẫn mạnh dạn tiến vào. Thì ra ở Nhật, cầu tiêu đi chung. Vào trong nhà cầu, tôi ngạc nhiên thấy loại cầu tiêu ngồi chồm hổm như bên Việt Nam mình, mà mấy ông Tây gọi là cầu tiêu Thổ Nhĩ Kỳ. Ban đầu tôi thấy tức cười, vì bàn cầu đặt ngược, người đi tiêu ngồi quay mặt vào tường, mông đưa ra phía ngoài cửa. Khi nghĩ kỹ lại, thì thấy họ có lý, vì nếu có ai vô tình mở cửa ra, thì chỉ thấy cái mông mà thôi, không biết mông ai, người bị nhìn cũng không phải ngượng. Trường hợp nầy giống mấy cô gái miền sơn cước bên Việt Nam mình, khi làm vệ sinh, có ai đi qua, thì chỉ cần lấy nón úp mặt các cô lại mà thôi, không cần che chỗ bí hiểm làm gì, vì của đời ai cũng thế mà thôi. Đi cầu xong, tôi mới giật mình tìm không ra giấy đi cầu. Tôi sực nhớ có người đã dặn dò là cầu tiêu công cọng ở Nhật không có giấy đi cầu. May quá, tôi lục túi quần được mấy cái khăn giấy, mừng hết lớn. Nếu không có khăn giấy, thì e không biết làm sao đây.

Chú em tôi cho biết, tiếng Nhật là một trong những ngôn ngữ khó học nhất, vì phải nhớ mỗi mặt chữ, và văn phạm cấu tạo lạ lùng hơn các thứ ngôn ngữ khác. Túc từ đặt trước, chủ từ đặt sau. Ví dụ như khi nói " tôi về nhà" thì phải sắp đặt chữ theo thứ tự là "nhà về tôi". Khi nghe một người nói câu gì, thì phải nghe cho hết câu đã, mới xác định được câu nói của họ. Khoan hớn hở khi mới nghe nửa câu. Vì họ đặt phủ định túc từ ở sau cùng của câu nói. Khi nghe ai nói: " Tôi yêu anh..." thì khoan

vội mừng, vì phải chờ chữ quyết định cuối cùng đã. Nếu nghe thêm chữ " không" nữa, tức là tôi không yêu anh. Thế mới rắc rối chứ. Có lẽ người bộp chộp mà ở Nhật thì hố to nhiều chuyện.

Tôi ra phố, khi cần thiết nói tiếng Anh với người Nhật, họ ít khi trả lời, tôi tưởng người Nhật ít kẻ học tiếng Anh. Nhưng về sau mới hiểu là họ ngượng, nói tiếng Anh sợ sai, chứ không phải là không biết. Trên bác tiếng Anh tại Nhật, tôi thấy có rất nhiều quảng cáo cần người dạy tiếng Mỹ, và điều kiện tiên quyết phải là người sinh tại Mỹ. Điều nầy làm tôi nhớ lại các giáo sư Anh văn thời xưa, các thầy tập cho chúng tôi cách nói sai, và không bao giờ sửa lại được nữa, y như mấy ông Tàu bán hủ tiếu ở Chợ Lớn nói tiếng Việt.

Chú em giới thiệu tôi với một nhà thơ người Nhật, ông nầy móc bóp đưa cho tôi tấm danh thiếp. Tôi thò tay cầm lấy và cất ngay vào túi. Tôi đọc được vẻ thất vọng trên khuôn mặt và trong đôi mắt của ông. Về sau chú em tôi giải thích rằng, người Nhật gặp nhau là trao đổi danh thiếp. Người không có danh thiếp là chẳng làm ăn gì được cả. Không có danh thiếp thì xem như hạng cầu bơ cầu bất, chẳng có giá trị gì. Khi trao và nhận danh thiếp, thì phải đưa và nhận bằng hai tay. Nhận xong không phải đút ngay vào túi, mà phải nhìn kỹ càng vào cái điều họ khoe trên danh thiếp, dù mình đã biết tỏng họ là ai rồi. Đừng viết lên danh thiếp của họ, làm thế là xúc phạm. Tôi nhận danh thiếp bằng một tay và cất ngay vào túi, không có danh thiếp trao đổi lại, thì ông thi sĩ kia không thất vọng sao được. Tôi đi du lịch, mang danh thiếp theo làm chi! Vả lại, tính tôi không ưa trao danh thiếp cho ai, nhận danh thiếp thì được. Đâu phải như cái anh chàng Từ Hải trong truyện Kiều, đi chơi bời trụy lạc, mà cũng đưa danh thiếp ra khoe. (*Thiếp danh đưa đến lầu hồng. Hai bên cùng liếc, hai lòng cùng ưa*). Không biết thời nay có còn ai dại dột làm thế không? Cảnh sát kiểm tục chắc mừng lắm, tha hồ mà lấy chứng cớ đưa ra tòa.

Chiều hôm đó, chúng tôi được tiếp chuyện với hai vợ chồng người Nhật khác, họ có người con gái sắp du học ở Mỹ, tại đại học Berkeley, gần thành phố tôi cư ngụ. Họ muốn gởi gắm cô con gái, nhờ chúng tôi thỉnh thoảng chiếu cố và săn sóc. Nhưng họ không đi thẳng vào vấn đề, chỉ nói chuyện quanh co, bóng gió, lang bang. Đã được chú em dặn sẵn, người Nhật không bao giờ mặc cả thẳng thừng, không bao giờ nói toạc móng heo ra, chỉ bóng gió loanh quanh, và hai bên ngầm hiểu mà thỏa thuận nhau. Chú còn dặn thêm, đừng bao giờ nói " không", đừng bao giờ bác bỏ đề nghị của ai. Thật là khó. Ở Mỹ, nói có và nói không rõ ràng, mà còn đưa nhau ra tòa kiện tụng lung tung nữa là. Tôi nhớ các

thanh niên bạn tôi ở Huế, khi yêu và muốn quen cô nào, cũng không dám đi thẳng vào vấn đề tình yêu, mà nói loanh quanh là muốn làm bạn, muốn quen trong một liên hệ trong sáng, không hậu ý, không vẩn đục, thơ mộng. Và các cô cũng loanh quanh, chỉ muốn làm em gái thôi, không có tình ý gì. Thì ra, người Nhật giống thanh niên Huế trong thời đại tôi quá.

Sáng thứ bảy, một người bạn cũ của tôi, đến thăm và dự định đưa chúng tôi đi thành phố Yokohama chơi. Anh đi vượt biển được tàu Nhật vớt, ở lại định cư, và lấy vợ Nhật. Những năm đầu thì đi làm phu khuân vác ở bến tàu, khổ nhọc lắm, nhưng bù lại, có tự do. Những năm sau nầy nhờ buôn bán làm ăn khá, mở hãng xuất nhập cảng, vận chuyển hàng hóa giữa Nhật và Việt Nam. Vợ tôi có hẹn với vợ chú em tôi nên không đi được, tôi đi một mình. Anh bạn nầy là một tay chơi thứ thiệt, không có món ăn chơi nào mà anh bỏ qua. Anh lái xe đưa tôi về Yokohama, một thành phố hải cảng, đưa tôi đi thăm phố Âu Châu và phố Tàu. Khu phố Âu, thì nhà cửa đường sá giống như một thành phố nhỏ bên Ý. Đường cũng hẹp, phố thấp. Khu Phố Tàu thì có bốn cổng ở bốn góc, sơn màu đỏ như cổng vào khu phố Tàu ở San Francisco. Buổi trưa chúng tôi ăn cơm Tàu, cơm Tàu ở đây không giống đâu cả, hương vị ơn ớn, cố gắng lắm mới nuốt hết một phần ba đĩa.

Anh bạn chỉ cho tôi thấy cái khách sạn có tháp cao đồ sộ, có tượng, có cây cối trồng đẹp đẽ. Anh nói đó là "khách sạn tình yêu". Anh cho biết ở Nhật có rất nhiều loại khách sạn loại nầy, để người ta thuê vài giờ, làm chuyện yêu thương vợ chồng. Vì nhà cửa chật chội, vợ chồng muốn có tự do yêu nhau, mà không phải len lén vì sợ con cái nghe tiếng động, nghe tiếng kêu rên lạ tai. Hoặc không muốn trùm mền múa lân che giấu con cái còn nhỏ. Người đàn bà Nhật khi sung sướng trong tình yêu, không gào thét gầm gừ như đàn bà Âu Châu, mà kêu là " đau, đau quá". Anh bạn kể, lần đầu tiên gần gũi vợ, nghe kêu đau, anh phải ngưng lại nhiều lần và định bỏ cuộc luôn. Nhưng sau nghe vợ giải thích, anh mới hiểu. Loại khách sạn nầy rất phổ biến tại các thành phố lớn. Trang bị bên trong rất điệu đàng. Có giường rung, có kiếng bốn mặt tường, và kiếng trên trần nhà để người sử dụng thấy hình họ trong đủ mọi tư thế. Còn có cả máy quay băng nhựa ghi lại cuộc chiến đấu vật lộn trên giường. Loại khách sạn nầy tổ chức rất chu đáo và cẩn mật. Sân đậu xe được che kín, để người trong phòng nhìn ra không thấy xe của người khác, không thấy ai vào ra. Khi mướn khách sạn, và đưa chìa khóa, khách hàng cũng được bảo mật. Nhân viên khách sạn cũng không thấy mặt người mướn phòng, vì chìa khóa và tiền được đưa qua một cái

lỗ nhỏ. Đi vào và đi ra bằng hai lối khác nhau, không ai gặp ai cả, các ông bà lén lút tình ái yên tâm mà vi vút. Nhưng cũng có nhiều ông khi ra về, hoặc vì mệt quá, hoặc gấp gáp mà quên lấy cuộn băng video, để lại đó. Có khi bà vợ cũng lén lút đi chơi với một ông bạn khác, vào thấy cuộn video chiếu hình chồng mình lăn lộn trên giường với người khác thì về nhà cũng phải im thin thít. Anh bạn nói rằng, có lẽ vì loại khách sạn nầy, mà đàn ông Nhật hư hỏng hơn, bồ bịch nhiều hơn. Và các bà Nhật cũng dễ có cơ hội hơn để đi tìm nguồn tình cảm khác bù đắp vào cái lạnh lùng của hôn nhân, khi mỗi ngày vò võ chờ ông chồng nồng nặc mùi rượu trở về nhà lúc nữa đêm. Khi đi qua một công viên, tôi thấy nhiều cặp, không phải là trai gái, mà là các ông bà, sồn sồn có, luống tuổi có, ngồi vuốt ve ôm ấp nhau trên các ghế đá ở các nơi khuất lấp. Nếu là vợ chồng, thì việc chi mà phải có thái độ lén lút như vậy? Ai cấm vợ chồng họ ngồi ở nhà nói chuyện tâm tình? Anh bạn tôi nhận xét rằng, không phải chỉ đàn ông Nhật hư mà thôi, đàn bà cũng hư lắm. Anh thú thật với tôi, anh cũng lén vợ, liên hệ tình cảm với vài cô khác.

Buổi chiều, anh bạn dẫn tôi đến xem một khách sạn "hòm". Khách sạn nầy có nhiều hộc trên tường, mỗi chiều rộng chừng một thước tây, dài hai thước. Giống như các hộp chứa người chết ở trong các nhà xác. Người thuê chui vào trong đó mà nằm, cuối hộp, có một cái truyền hình nhỏ xíu, và có ngọn đèn lờ mờ cho khách đọc sách, có cái đồng hồ báo thức vừa là radio để nghe tin tức, nghe nhạc. Hành lý phải để trong các hộc tủ khóa bên ngoài. Anh bạn cho biết là đã từng ngủ loại khách sạn nầy nhiều lần rồi. Lần đầu tiên, có cảm giác như nằm trong hòm, cũng cảm thấy rờn rợn, và sau đó cả tháng còn sợ huông.

Sáng sớm hôm sau, chú em đưa chúng tôi ra nhà ga để lấy tàu lửa đầu đạn đi về Kyoto, cố đô nước Nhật. May mà có chú đưa ra chỉ ngõ vào, nếu không, thì cái ga có nhiều từng nhiều nhánh như màng nhện, thì chúng tôi sẽ lúng túng không biết đi ngõ nào. Tàu đầu đạn có ghế ngồi rộng rãi, sạch sẽ, sang trọng. Tàu chạy êm như ngồi trong phòng khách nhà, không nghe tiếng rùng rùng, không lắc lư. Tôi để ly nước mà không thấy bị sóng sánh. Ông soát vé ăn mặc lễ phục, đội nón kết, oai như một thủy sư đô đốc, nói năng lễ phép dịu dàng. Một cô bán hàng, cũng mặc đồng phục, đẩy xe nước ngọt đi qua, cô rao hàng, tiếng rao thật nhỏ, văng vẳng, như sợ hành khách nghe tiếng cô rao. Trước khi đi qua toa tàu khác, cô quay lại cúi gập mình chào hành khách. Thì ra dân tộc nầy lịch sự quá, không phải khi nào cũng gấp gáp, nạt nộ như tôi tưởng. Khi lên tàu, chúng tôi nghe loan báo sẽ đi đâu, ghé tỉnh nào, qua vùng nào. Và trong lúc tàu lửa di chuyển, cũng có một hàng quang báo,

bằng chữ Anh, cho chúng tôi biết tàu đang đến đâu, ga kế tên gì. Rõ ràng, không thể lạc đường được. Miễn đừng có ngủ quên khi đi qua cái ga mình muốn xuống. Hai bên đường, chúng tôi thấy nhà cửa nho nhỏ, hai ba từng san sát. Có nhà nằm ngay dưới trụ đèn cao thế. Ra ngoại ô, thấy ruộng vườn rất ngăn nắp, sạch sẽ, khang trang và cắt xén gọn gàng, đẹp như công viên. Ruộng sát ngay nền nhà không chừa một khoảng cách nhỏ nào. Nông dân trồng trọt dùng toàn cơ giới. Tôi ngạc nhiên, đi mấy trăm dặm mà không thấy bóng một con trâu, con bò, hoặc dê, ngựa. Gia súc đem dấu đâu hết? Hai bên sườn đồi, những vồng trà xén đẹp như cây kiểng. Tôi thấy vài cái nghĩa địa cheo leo sườn đá, trên rẻo đất chật hẹp, với những tấm bia mộ thấp san sát, có lẽ người ta chôn hũ tro xương bên trong ô đất nhỏ. Nghĩa địa trông u buồn và nghèo nàn lắm.

Chúng tôi đến Kyoto vào buổi trưa. Ga chính Kyoto là một khu thương mãi lớn, nhiều từng, bán đủ các thứ hàng hóa sang trọng, và có cả ba bốn chục quán ăn lớn nhỏ, rộng mênh mông. Không có ai hướng dẫn cả, cũng không cần hỏi đường ai, chỉ đi theo hướng dẫn trên bản đồ của khách sạn. Ra ngoài ga, rẽ phải, đi hai góc đường, rẽ phải lần nữa, đi thêm một đoạn, nhìn qua trái, thì thấy ngay tên Century Hotel. Tôi chuẩn bị tinh thần để nằm trên tấm chiếu trải dưới sàn nhà mà ngủ. Nhưng tôi thất vọng, vì khách sạn nầy có giường, có bàn, có phòng tắm như tiêu chuẩn khách sạn Tây phương. Tôi muốn nằm trong khách sạn kiểu Nhật, nằm sàn, tắm chung, cho biết mùi vị, nhưng chú em tôi tưởng tôi thuộc giới trưởng giả sang trọng, không đặt thuê các loại tiêu biểu Nhật mà thuê khách sạn kiểu Tây phương. Được nằm như nằm đất trong khách sạn kiểu Nhật mới có cái khoái cảm của người đi du lịch. Vào khách sạn, chúng tôi hơi ngượng vì ăn mặc xuềnh xoàng, chung quanh chúng tôi mọi người đều đóng bộ, áo vét, cà vạt, áo kimono lễ phục, sang trọng sáng sủa, nước hoa thơm phức. Chúng tôi thấy mình bần hàn quá, lên phòng thay áo quần cho khá hơn một chút, nhưng cũng chỉ áo quần đi du lịch tầm thường thôi.

Buổi sáng chúng tôi xuống phòng ăn khách sạn điểm tâm. Nhìn vào giá một bữa ăn sáng hai mươi lăm đô la Mỹ, vợ tôi nói, may mà đã tính vào giá thuê phòng rồi, nếu không, thì thà chết đói còn hơn. Trong phòng, thực khách ăn mặc trịnh trọng, nghiêm trang, áo kimono, áo vét. Cô hầu bàn cũng mang kimono thùng thình, cúi thấp chào, hai tay dâng tấm thực đơn ra, và hỏi chúng tôi ăn cơm hay ăn cháo. Vợ tôi cười, nói với tôi rằng, họ tưởng mình sắp đi làm ruộng hay sao mà buổi sáng định cho ăn cơm cho đầy bụng? Một thoáng suy nghĩ, vợ tôi xác định một tiếng "

cơm" rất rõ ràng, tôi đưa mắt nhìn, vợ tôi giải thích: "Mình ăn cho no mà đi chơi. Giá đắt thế nầy tội gì không ăn cho đỡ tiếc tiền." Chừng mười phút sau, cô hầu bàn bưng ra hai mâm cơm. Mỗi mâm tôi đếm được mười hai cái dĩa nho nhỏ, một tô cơm có nắp đậy, một tô canh nước đục nhờ nhờ như nước rửa bát có rắc vài hạt mè đen. Trong mỗi dĩa nhỏ, có sớn một chút thức ăn: tương hoa cải xanh, mù tạt vàng, ba cọng hàn! chẻ đôi ngắn bằng lóng tay, bốn cọng đậu luộc, năm cọng rau nhỏ như tăm xỉa răng, một quả mận khô ướt nhẹt đen đìu xấu xí, ba lát dưa, miếng tàu hủ nhỏ vàng ngậy mỏng dính nổi lều bều, một lát cá kho tí ti, và những thứ khác tôi không biết là thức gì. Tí ti, tí ti mỗi thứ một chút, như vét đâu đó trong thùng rác vương vãi những vụn thức ăn mà cho vào đĩa. Vợ tôi húp một chút nước canh và nhăn mặt nói: " Thúi hoắc, nhạt như nước rửa bát". Tôi cứ ăn, dù trái mận chua lè, dù tương cải cay rát lưỡi, dù canh nhạt và thúi hoắc, những thứ không hợp với khẩu vị. Người Nhật ăn không chết, mà họ thấy ngon, thì có lẽ lỗi tại cái lưỡi mình, chứ không phải vì họ nấu ăn dở. Tôi rán căng họng nuốt hết thức ăn trong các dĩa với một thứ khoái cảm tự hành hạ cái miệng mình.

Ngồi kế bàn chúng tôi, là một mệnh phụ mặt bôi trắng toát như hát bội, mang bộ kimono xúng xính sang trọng nhiều mầu sắc lòe loẹt. Gương mặt trầm tĩnh uy nghiêm. Bà mệnh phụ dùng hai tay bưng tô canh đưa lên miệng và húp thành tiếng sộp sộp rất lớn. Vợ tôi tròn mắt ngạc nhiên nhìn qua, tôi đá chân vợ tôi dưới bàn ý muốn bảo đừng dòm người ta.

Cô hầu bàn lúp xúp vướng víu trong bộ kimono đến hỏi chúng tôi là mọi sự có hài hòa không? Vợ tôi dài giọng ra như các bà người Mỹ khen xã giao: "Tuyệt, tuyệt vời". Cô gập mình lia lịa để cám ơn.

Ăn xong, chúng tôi ra bến xe buýt đưa du khách đi tua. Đa số là người Nhật, hướng dẫn viên du lịch nói tiếng Nhật, giọng cô ngọt, thanh và êm ái, như ca hát. Tôi không hiểu cô nói gì, nhưng cũng nghe êm tai. Thỉnh thoảng cả xe cười ồ lên, không hiểu họ cười chuyện gì, nhưng chúng tôi cũng không nhịn được cười và cười theo. Trong một ngày, mà xe đưa chúng tôi đi thăm được năm thắng cảnh nổi tiếng nhất tại Kyoto. Đặc biệt nhất cho chúng tôi là đến Nhật đúng vào dịp hội hoa anh đào. Khắp nơi hoa anh đào nở hồng trời hồng đất. Những tàng hoa che lấp trời, vạn cánh anh đào theo gió rơi rơi như mưa hoa. Mặt đất cũng thành màu hồng nhạt, và khi gió thổi, thì muôn vạn cánh hoa lan tròn đuổi nhau chạy trên đường như tấm thảm hồng rung rinh. Dưới các gốc anh đào, người ta trải chiếu đông đảo, ngồi quanh, ăn uống, nhấp rượu và chuyện trò, tận hưởng cài hạnh phúc của một mùa hoa mãn khai.

Chúng tôi được dẫn đi thăm các chùa chiền, các đền thờ thần đạo. Những đền đài xây cất vào thời xa xưa mà to lớn, cao ngất, với những cây cột vĩ dại, những mái nhà mênh mông, chứng tỏ người Nhật vào thời xa xưa đó, cũng đã có kỹ thuật xây dựng rất cao. Đặc biệt nhất là sợi dây thừng vĩ đại kết bằng tóc người, khi xây đền thờ, không có loại dây nào chịu nổi sức nặng của những cây trụ gỗ lớn, dân trong vùng hiến tóc để làm dây thừng xây chùa. Vào thăm cựu hoàng cung, thấy trống rốc, không có ngai vàng, cũng không có bàn ghế, không giường sạp gì cả. Tôi sực nhớ trong các phim Nhật, các ông vua ngồi bệt giữa sàn, quần thần cũng quỳ mẹp trên sàn gục gặc nói với nhau như cãi vả. Các đền đài thần đạo, có vẻ như kiên cố và to lớn hơn các cung điện nhà vua, cũng có tường cao, hào sâu, đền đài rộng rãi. Chung quanh sân của hoàng cung có rải sỏi trắng, đi nghe lào xào dưới chân. Người ta bảo là để phòng ngừa thích khách, dù cho họ có khinh công thâm hậu đến đâu, cũng phải đi đứng chậm lại, và khó tránh được tiếng động. Cũng như sàn gỗ của hoàng cung, ván lót mỏng và ọp ẹp, đi nghe gỗ rên ken két, không phải là họ hà tiện ván trong khi xây cất, mà là biện pháp an ninh. Những cây cột, và xà nhà thì to lớn vĩ đại chắc chắn. Thế mới suy ra là các vua chúa, các sứ quân thời xưa bên Nhật thường sống trong lo âu, trong đề phòng, không yên ổn an vui. Xem phim Nhật, ít khi thấy bọn vua chúa quyền hành nầy cười, và nói những lời dịu dàng, không nạt nộ cau có.

Ngoài bức tượng Phật bằng đồng rất lớn vùng ngoại ô Tokyo, bức tượng mà mặt rất Phật quạu, mặt bí xị, không có nét thanh thản an nhiên của bậc đắc đạo. Đa số các chùa khác, thì tượng Phật rất nhỏ, đơn sơ, và không có tượng đẹp. Có những tượng bằng đá xù xì, tróc lở, du khách đến lấy gáo, xối nước lên tượng, bỏ tiền vào hộp cúng chùa, rồi đưa tay xoa vai xoa đầu bức tượng. Cái hành động xoa mó, sờ soạng bức tượng Phật làm mất vẻ trang nghiêm kính trọng trong tôn giáo. Hay là xoa mó như vậy là tỏ tình thân mật, là sờ lấy hên chăng? Vợ tôi nói: "Chắc bọn xấu lợi dụng bày ra chuyện sờ mó Phật mà phải trả tiền, đâu phải là bia ôm, cà phê ôm ở Việt Nam?" Một số rất nhiều các tượng nhỏ khác, thì nằm dưới bờ bụi ven hai đường đi, được trùm bằng những mảnh vải bạc màu, rách rưới, xơ xác, trông thảm não lắm, giống như những kẻ không nhà vất vưởng bờ bụi. Những bà Nhật đứng trước tượng Phật cầu nguyện bằng cách dong hai tay lên trời vỗ bốp bốp liên tiếp và miệng hô lớn: " Cà ri gà tồ, cà ri gà tồ ".

Tại Kyoto, một buổi chiều, chúng tôi ngồi bên ghế đá dọc theo con kinh, hai bên trồng cây để bóng mát. Dưới lòng kinh, vạn cánh hoa đào

che phủ kín mặt nước như bèo, làm thành tấm thảm lụa màu hồng. Tấm thảm chuyển động, vạn cánh hoa như rượt đuổi nhau trên mặt kinh. Trên bờ, hoa rơi như mưa, đậu lên vai, lên tóc. Khách bộ hành tấp nập đi qua. Chúng tôi ngồi nhàn nhã, vui với cái rộn rã của phố phường trong thiên nhiên thơ mộng.

Trên đường phố, chúng tôi thấy học sinh Nhật, trai gái, mang đồng phục rất đẹp mắt. Những bộ đồng phục như sinh viên sĩ quan trường hải quân, trông oai vệ, đàng hoàng, lưng đeo túi sách. Các em sắp hàng một đi bộ, nhìn vào thấy toát ra cái kỷ luật tự giác cao.

Khi nghe vợ tôi nói là sau khi về hưu, sẽ qua Kyoto thuê nhà ở năm ba tháng cho vui, chú em tôi cho biết là tại Nhật, có những ông bà già cho thuê lại một phần nhà của họ, để du khách ở trong dài hạn. Thuê nhà ở Nhật, ngoài đóng tiền cọc ra, còn phải có quà tặng cho chủ nhà. Người mướn nào tặng quà có giá trị hơn, thì chủ nhà sẽ cho họ thuê. Chú em tôi, cũng phải tặng ông chủ hai tháng tiền nhà, mới thuê được căn nhà đang ở.

Đi thăm xứ Phù Tang mấy ngày, nhiều thành kiến về người Nhật trong tôi thay đổi. Không phải đa số người Nhật lúc nào cũng loăng quăng, hốt hoảng, đi không ra đi, chạy không ra chạy, tướng dáng hùng hổ, và ăn nói gầm gừ như nạt nộ gây sự nhau. Hình ảnh mà tôi thấy trong các phim Nhật dường như mang quá nhiều kịch tính. Người Nhật tôi gặp và tiếp xúc, họ điềm đạm, nhỏ nhẹ, lịch sự, lễ độ, để toát ra cái phong cách của một dân tộc có văn hóa cao. Thức ăn của họ cũng không quá nghèo nàn và quá đắt đỏ như tôi tưởng. Nhà cửa thì chật hẹp, nhỏ bé, nhưng ngăn nắp, sạch sẽ, tươm tất. Đường phố sạch, không có ai xả rác bậy bạ, và được quét tước chăm sóc kỹ càng. Điều mà tôi cảm phục dân Nhật nhất là lòng lương thiện. Không có ông tài xế taxi nào gạt gẫm khách lạ, chở họ chạy quanh quanh để kiếm thêm tiền. Mua hàng quên lấy tiền thối lại, người bán hàng hốt hoảng chạy đuổi theo trả tiền lui, đưa bằng hai tay, để tiền lên khay, cúi gập mình lịch sự chào và trên môi cười thân thiện, không cau có trách móc. Vợ của bạn tôi kể câu chuyện vừa xảy ra trong căn cứ Mỹ mà chị đang ở. Rằng có một thanh niên Mỹ qua Nhật thăm bà con, lái xe đi chơi đêm, khuya về gây tai nạn, cán ba ông Nhật, hai ông chết một ông hấp hối. Bị bắt, khi ra tòa, anh khai rõ là đang chạy xe trong lòng đường, bỗng thấy ba bóng đen nhảy ra đầu xe, gần quá, và bất thần nên thắng không kịp. Ba bà vợ của các nạn nhân, thưa với quan tòa, đại ý rằng, xin tòa cho điều tra kỹ thêm, vì chồng của các bà hay đi chơi về khuya say sưa bí tỉ. Về sau, khi ông chồng hấp hối được cứu sống, tỉnh dậy ông cho biết hôm đó, ba ông

M

Sương Mai

em ừ: "em mới yêu tôi"
con lợn ủn ỉn nước sôi dềnh dàng
em ừ tay xách nách mang
đành chờ một chuyến chiều tàn tàn đây
hứa thì hứa đại hôm nay
dần dà hết cả kiếp này hỡi em
tóc thì trắng mãi ra thêm
mà ừ chậm quá chiều hôm mất rồi
em ừ: "em sẽ yêu tôi"
vậy thì anh đợi cánh đơi bay chiều

thách nhau, xem ông nào có đủ can đảm nhảy ra trước đầu chiếc xe đang chạy qua. Cả ba ông cùng nhảy ra một lúc. Nhờ lời nói của ba bà vợ, và nhờ lời khai của nạn nhân, anh gây tai nạn khỏi bị tù và trắng án. Nghe câu chuyện, tôi buồn mà nghĩ đến tại Mỹ, các hãng bảo hiểm khuyến cáo người lái xe đừng bao giờ nhận lỗi về mình, dù biết rõ mình có lỗi mười mươi đi rồi, cũng im lặng thôi. Biết mình có lỗi mà không nhận là thiếu lương thiện, là muốn đổ cái lỗi lầm cho mình cho người khác gánh. Vợ tôi thở dài hỏi: " Không biết bao giờ bên Việt Nam mình mới có được một phần nhỏ tấm lòng lương thiện của dân Nhật? Cả nửa thế kỷ nay, làm chuyện trăm năm trồng người, chuyên vun tưới toàn mầm hận thù, gian dối, bạc ác, đấu tranh. Con người khô cạn niềm tin yêu, biết khi nào mới thoát ra được cái di hại lâu dài đó?" Chú em tôi trầm tĩnh nói: "Chị đừng lo, tôi tin tưởng vào hồn thiêng sông núi, tôi tin tưởng vào cái thiện tiềm tàng trong lòng người, sẽ phá tan mau lẹ những ma quái, ác hại của một thời đại điên khùng. Cái nôi của những chế độ điên khùng đã tan rã, và dân họ đang trên đường bình thường hóa cuộc đời. Lịch sử đang vận chuyển, không ai có thể cản nổi bước tiến của nhân loại."

Tràm Cà Mâu.

Đầu dốc

Nguyệt Thư

sáu tháng chín, của S.

Người đã lên cao
tận đầu con dốc
chinh phục đủ chưa vũ trụ thế gian
dốc chênh vênh đã gối mỏi bước chồn
hay vẫn muốn
ruỗi rong vó ngựa

Trước mặt còn chi
cuối đường sỏi đá
bụi thời gian có bám nặng gót chân,
danh vọng phù du vệt nắng hắt lưng
quên đi nhé
cho em làm bóng mát.

Người đã vượt lên
đến đầu con dốc
bỏ đằng sau bao nghiệt ngã thăng trầm
thu xếp gọn chưa dừng bước nghỉ chân
chờ em nhé
cho dù mười năm nữa.

Đầu dốc đứng chơi
trái tim rộng mở
với tình yêu tre muôn thuở là măng
khi nhớ thương xa mấy cũng rất gần
biết sẽ gặp
bởi trong lòng vẫn có.

Cõi trú tưởng an
cũng khi lộng gió
đợi nhau về cùng biển bắc tìm chim
trời đất bao la độ lượng không chừng
lời đã hẹn
núi tìm sông sẽ gặp

Đỉnh dốc thời gian
đỉnh đời bát ngát
giữa vô cùng lòng thầm lặng nhớ nhau
xuôi chảy miên man như nước qua cầu
trong vô ngã hạnh phúc nào cũng thật.

Tập tàng

Võ Đình

Gửi NTTA & LMH

Ở miền này, có một thứ thực vật mọc hoang. La đà mặt đất, lá tròn, dẹp, cỡ đồng đô-la đúc bằng bạc ngày trước, lắc lư trên cái cọng nhỏ, trông như chiếc lọng con. Hỏi quanh, được biết người địa phương ghét nó lắm, thường kiếm mọi cách triệt hạ, gọi là "cỏ dại đô-la", *dollar weeds*. Thấy nó quen quen, ngứt một lá, nhâm nhâm. Đăng đắng, thơm thơm, giống hệt...rau má. Bèn ăn luôn một hai lá. Chờ một lúc, thấy không hề hấn gì, bèn hái một mớ, đem về nhà ăn sống. Sau, đem nấu canh. Sống, chín, đều ngon. Thế là bén mùi, ăn quen từ đó.

Ăn, bởi vì đó là một thứ rau ngon. Ăn, bởi vì cứ nghĩ rằng, *cho rằng*, đó là...rau má. Cũng bởi vì cảm thương cho nó. Thân rau má dân dã hèn mọn, cớ gì mà qua đến cái xứ văn minh tiền tiến này. Trên xa lộ sạch boong, "hoa chăm, cỏ xén, lối phẳng, cây trồng"*, người lái xe di chuyển vùn vụt, nếu có dừng lại tò mò xem xét bên đường, ắt sẽ thấy nó. Chen chúc giữa cỏ xanh, nó mọc lan tràn trên mặt đất, *như rau má*; nó có cái vị đăng đắng thơm ngon, *như rau má*; nếu nó không phải là *rau má thứ thiệt* thì cũng anh em chị em ruột thịt chi đó. Tuy nhiên, vì nơi định cư thủy thổ có khác cho nên nó mới thay hình đổi dạng tí xíu. Để sống còn. Rau má trở thành "cỏ dại đô-la".

Ăn "cỏ dại đô-la" được ít lâu thì may mắn kiếm được rau má thứ thiệt, rau má Việt nam, "má mình". Thì ra cái lá má Việt nó sần sùi chứ không trơn láng, gân lá rõ nét hơn, hương vị đậm đà hơn. Hiềm nỗi, "má mình" không phải gốc gác ở đây, không phải chính thị dân địa phương, một nây-ti-vơ *(native)* của miền đất này, cho nên săn sóc tưới bón bao nhiêu nó vẫn không sinh sôi rậm rạp như "má Mỹ", như "cỏ dại đô-la". Tuy thế, nhờ nó mà thường vẫn được bát canh tập tàng.

Tập tàng?! Nghe đâu, nguyên gọi là "canh thập toàn", trọn vẹn mười thứ rau! Nhưng dần dà, cho dễ nghe, dễ nói hơn, "thập toàn" biến thành "tập tàng". Nghe "tập tàng" quen rồi, đến khi biết được gốc gác tên chữ của món canh, vẫn từ chối gọi nó một cách văn vẻ. Vẫn gọi là "tập tàng". Canh tập tàng. Nghe, chỉ nghe thôi, đã thấy ngon hơn. Một cái tên nôm na cho một món canh dân dã.

Ngoài rau má ra, còn mấy thứ khác có thể thêm vào cho "toàn" con số "thập". Nhưng những thứ đó, đủ càng tốt, thiếu cũng xong. Quan trọng hơn cả, sau ngọn rau má, là lá rau bát bát.

Bát bát? Cái tên kỳ cục! Có người biết bảo rằng đó là *bình bát*. Ủa, sao lại bình bát? Bình bát là loại cây lớn, có trái như cái bát. Bình bát cũng là cái chén, cái tô, cái bát bằng gỗ, thiếc, hay bằng đồng các nhà sư dùng đi khất thực hay thọ trai kia mà. Nhưng thôi, để dành chuyện này cho những nhà chuyên môn về thực vật học, sinh vật học, hay Phật học... Chỉ cần biết rằng nếu "thập toàn" có thể biến thành "tập tàng" thì "bình bát" dư sức trở nên "bát bát".

Được trồng dọc hàng rào, bát bát tha hồ leo. Đọt dài vươn tới đâu là nghéo tới đó, chắc nịch. Thân dây thanh nhỏ, nhưng dai, mạnh. Cắt bớt, vất đâu đấy, không sớm thì chầy rễ cũng đâm xuống đất kiếm sống, lá non lú nhú bung ra.

Bát canh tập tàng mà thiếu rau má là thiếu cái đăng đắng, ngọt ngọt. Thiếu rau bát bát là thiếu cái dai dai, dòn dòn. Bát canh tập tàng mà thiếu rau má và rau bát bát thì cũng như cả trời đất trở nên hoang vu lạnh lẽo vì vắng bóng chỉ một người... Như nhà thơ lớn Pháp-lang-sa xưa kia đã có lần than khóc não nề.**

Chiều chiều, cầm cái rá ra vườn, loay hoay một lát là có đủ cho nồi canh.

Canh tập tàng, không nên ăn bữa trưa mà phải ăn vào lúc "trời chiều bảng lảng bóng hoàng hôn".*** Bởi miếng canh tập tàng dịu ngọt như một chiều êm ả. Bảng lảng tập tàng! Gió chiều hây hây làm nguội bớt bát canh nóng bỏng.

Đưa đũa, vén xem thử: con tôm khô, đã ngâm trước, nay được nấu với rau tươi, hân hoan ra mặt. Nó mềm thêm, dịu thêm, nó không còn là "con tôm" nữa, nó trở thành một...thực vật. Nó ngọt và thơm kín đáo, không lộ liễu, không sắc giọng, như tôm tươi. Ngoài má và bát bát ra, lại còn có vài khoanh mướp ngọt, dúm lá sam, dăm ba lá rau dền, mồng tơi, đọt khoai... Chan canh vào chén cơm nguội nguội, gắp nửa trái cà pháo muối xổi, điểm tí mắm ruốc ớt tỏi. Tưởng như tim gan phèo phổi,

Ngày Chủ nhật

Xuyên Trà

Buổi sáng đi chùa. Buổi chiều đi nhà thờ?
Phật ngồi. Chúa đứng. Trời đất bơ vơ
Quay lưng. Chỉ thấy người thiên cổ
Nhảy múa. Kêu ca giữa bụi mờ.

Buổi trưa. Gặp nhau trên con phố lạ
Kể chuyện đông tây. Chuyện nước chuyện nhà
Ly cà phê chừng nghe chưa đủ ngọt
Vị đắng quê hương sao bỗng đậm đà

Buổi tối. Xem TV nói về chiến tranh
Bom đạn vô tri. Da thịt tan tành
Địa cầu xanh xao. Mỗi ngày thêm xa lạ
Máu mủ anh em thương tích chưa lành

Nửa đêm. Nghe tiếng chim hót sau vườn
Ít ra. Đời. Cũng còn chút dễ thương
Tan trong nguyệt quế hàng hàng vô tự
Rớt xuống trần gian lớp lớp vô thường.

ruột già ruột non, chúng nó sướng rơn, chúng nó thoải mái đến độ người ăn phải giữ im lặng – chỉ nghe tiếng cà nổ lốp bốp – để đừng làm sứt mẻ cái cảm giác hòa hợp đang lan tràn trong cơ thể.

Chao ôi, bát canh tập tàng...

Chẳng biết ngày xưa, Bà Huyện Thanh Quan có từng biết đến món canh này không?

Nếu một hôm nào đó, khi "trời chiều bảng lảng bóng hoàng hôn"***, Bà Huyện có lần chiếu cố đến canh thì có lẽ văn học sử nước nhà đã ghi chép khác đi rồi. Biết đâu, cái đăng đắng của rau má, cái dai dai của rau bát bát trong miếng canh tập tàng đã giúp Bà đỡ xót xa cho cái cảnh "Ngàn mai gió cuốn chim bay mỏi"***. Biết đâu vì thế mà Bà Huyện đã không phải thắc mắc: "Kẻ chốn Chương đài, người lữ thứ/ Lấy ai mà kể nỗi hàn ôn"***. Ăn canh tập tàng, ắt cái nỗi ấm lạnh của Bà cũng phải vơi đi.

Võ Đình 2002

* Thế Lữ ** Lamartine *** Bà Huyện Thanh Quan

Những đoản văn rời

Lâm Chương

Tai trời ách nước

"Tôi sinh ra là con nhà nghèo, mắt vẫn thường nhìn xuống đất. Nhưng nhìn xuống như thế mãi, nhiều lúc tự thấy mỏi cổ. Cho nên bất chợt cũng đòi phen ngửa mặt trông trời..."

Đó là câu nói của ông Nhượng Tống. Còn người ở quê tôi không nhất thiết phải nhìn xuống hay nhìn lên. Họ nhìn vào chỗ nào có lợi, tùy lúc tùy thời. Ngó xuống đất kiếm tìm đào bới cái ăn. Ngước lên trời cầu mong trúng số độc đắc. Nhìn vào con người với nhau thì cơ tâm máy động, và từ đó, họa phúc phát sinh bằng những mánh khóe lường lận, mưu mô hại người. Lẽ thường xưa nay là vậy.

Sau một thời gian đi đày tơi tả, tôi trở lại nhà ba tôi. Nhà nghèo lắm. Gia đình sa sút thảm hại. Cơm rau đắp đổi qua ngày.

Tôi hỏi ba tôi: "Sân trước vườn sau trống trải. Sao không nuôi con gà con vịt, để thỉnh thoảng có thêm miếng thịt cho bữa ăn gia đình?"

Ba tôi nói: "Nuôi sao được? Gà vịt chạy qua nhà hàng xóm thì không về nữa."

"Lòng người biến đổi đến thế ư?"

"Lòng người không biến đổi. Chỉ thời thế đổi thay thôi."

"Trước kia, gà vịt nhà ta chạy qua nhà hàng xóm, không mất. Nay, vượt qua rào giậu thì không còn. Như thế, không phải tại lòng người ngày nay tham hơn ngày trước sao?"

"Tính tham bao giờ cũng có sẵn trong lòng người. Ngày trước, sở dĩ không bộc lộ vì đời sống tương đối đầy đủ. Ngày nay, đời sống khó khăn thiếu thốn là môi trường thuận tiện cho tính tham nẩy mầm phát triển."

"Lỗi này do thời thế gây ra chăng?"

"Đó là nhìn hiện tượng ngoài da, chưa thấy được cái bệnh nằm trong tim phổi."

"Lỗi này do chế độ gây ra chăng?"

"Mày vẫn chưa khôn ra. Đặt những câu hỏi có tính cách phê bình chỉ trích chế độ, là điều cấm kỵ."

"Phải nói thế nào để không phạm điều cấm?"

"Tất cả mọi tội lỗi xấu xa bây giờ, đều phải nói là do tàn dư của chế độ Mỹ ngụy để lại."

"Nhưng chế độ cũ đã mất từ lâu rồi?"

"Tiếng *nhưng* không được dùng một cách tùy tiện. *Nhưng* có nghĩa là *xét lại*. Bao nhiêu người đã bị thân tàn ma dại, hoặc bỏ mạng vì cái tội *xét lại* rồi đấy. Chế độ này luôn luôn khẳng định bằng hai tiếng *nhất định*. Mày hãy mở mắt mà nhìn những điều đang xảy ra. Chính quyền địa phương sửa sang mở rộng chợ búa, xây thêm rạp hát, thành lập những khu vui chơi giải trí, trong khi người người đang khốn đốn. Họ coi đó là con đường sẽ đem lại phúc lợi cho người dân."

"Con nghĩ, những thứ ba vừa kể là phương tiện đem lại nguồn lợi cho nhà nước. Trường học và bệnh viện mới là phúc lợi của người dân chứ?"

"Mày nghĩ sao bằng đảng và nhà nước nghĩ? Ngày nay, trong học đường không dạy điều đạo đức, ngoài xã hội không nói điều liêm sỉ. Người ta chỉ nói đến cái lợi. Khi đã coi cái lợi nặng dường sinh tử thì nhân nghĩa cũng vất đi. Kẻ hám lợi thái quá, lòng thường dấy lên những mưu toan phản trắc, lọc lừa."

"Như thế, nhân tâm điên đảo cũng chỉ vì trời làm nghèo đói chăng?"

Ba tôi ngước mặt nhìn trời, như ông Nhượng Tống, đòi phen cũng ngửa mặt trông trời. Trời thì cao và im lặng. Mọi sự thất bại của con người ngày nay, cứ đổ thừa cho tại trời ách nước. Thế là xong.

Kẻ dở hơi

Từ ngày ấy, tôi lìa xa xứ sở, bon chen kiếm sống ở quê người. Lòng vẫn khắc khoải khôn nguôi về một nơi chốn, mà từ đó tôi được sinh ra.

Mười lăm năm sau, mang cái tâm trạng ngựa Hồ chim Việt, tôi trở lại quê nhà. Ba tôi, giờ đã nằm trong lòng đất. Bao nhiêu u uẩn một kiếp người, ông đem theo nói cùng giun dế.

Ba tôi mất đi, để lại căn nhà cho thằng em út của tôi làm nơi nương tựa và thờ phượng. Bàn thờ là chiếc tủ đứng, mua từ hồi chị tôi mới đi lấy chồng, mấy chục năm về trước. Mặt bàn thờ lót bằng những tấm

giấy báo cũ, loang lổ những dấu nước đổ đã khô. Trong lư hương, khói nhang tàn lạnh. Trong khuôn kiếng, lộng hình ba tôi chụp sau ngày đất nước đổi thay thể chế chính trị. Đôi mắt ông như đang dõi trông về một cõi mịt mùng xa xôi nào đó. Đôi mắt vừa mang cái vẻ tiếc nuối, vừa phảng phất nỗi u buồn. Khung hình bằng gỗ sơn màu cánh gián, thời gian làm mờ đi nước bóng ban đầu. Kế bên khung hình ba tôi là ảnh má tôi. Má tôi mặc chiếc ái dài the thâm, tay cầm chiếc khăn nhỏ làm dáng khi chụp hình. Bà ngồi trên chiếc ghế dựa, tay đặt lên thành ghế, điệu bộ thiếu tự nhiên. Khuôn mặt và cặp mắt vô hồn ngơ ngác của người đàn bà miền quê. Má tôi mất lúc tuổi còn xanh, tóc còn đen. Hai di ảnh ba má tôi để gần nhau, trông như hai cha con. Trên mặt bàn thờ, tàn nhang và bụi phủ, lâu ngày không có bàn tay lau chùi quét dọn.

Tôi đứng nhìn bàn thờ, lòng đầy phiền muộn.

Thằng em tôi biết ý, vội bào chữa: "Người sống lo cho nhau chưa xong. Còn tâm trí đâu mà lo đến người đã chết?"

Tôi nói: "Mày không thắp nhang mỗi ngày, nhưng ít ra cũng phải quét bụi cho cái bàn thờ cha mẹ được tươm tất chứ?"

"Các ông ở nước ngoài về, ông nào cũng ăn nói ngon lành cả. Cứ chôn chân ở xứ này đi, rồi sẽ biết đá vàng."

"Mày nói vậy là ý gì, tao không hiểu?"

"Thực tế lắm. Có gì mà không hiểu? Ở đây, ngoài những kẻ mánh mung có được tiền dư bạc để, thành phần còn lại đa số đều chạy ăn từng bữa. Lúc đói không nghĩ điều gì cao hơn miếng ăn. Các ông là Việt kiều, mặt có nạm vàng. Thử đặt mình vào cuộc sống của chúng tôi, chỉ một thời gian ngắn thôi, vàng phai sẽ lòi ra mặt chuột. Các ông sẽ hết nhi nhô lên mặt cao cả dạy đời."

Tôi trừng mắt: "Tao chỉ nói về cái bàn thờ cha mẹ. Mày nói tùm lum đến chuyện khác làm gì?"

Mặt thằng em vênh lên, cái kiểu của kẻ bất cần đời: "Anh đừng tưởng cho tôi vài trăm đô la, rồi lớn lối bắt nạt được tôi. Nhà bên Tây, bên Mỹ cửa nẻo kín bưng, bụi không vào được. Các ông sạch sẽ lắm, biết rồi. Nhà ở đây, cửa trước cửa sau đều mở trống toang, xe cộ chạy ngoài đường cuốn bụi phả vào mặt không kịp phủi. Cái mặt còn bị lem luốc, nói chi đến chuyện chăm chút quét bụi bàn thờ? Các ông có tiền, nặng phần trình diễn hình thức bề ngoài, nhưng trong lòng rỗng tuếch. Chúng tôi nghèo, mãi tất bật với miếng ăn, việc thờ phượng cha mẹ, tưởng nhớ để ở trong lòng."

Tôi lắc đầu, không thèm cãi lý với thằng em bướng bỉnh. Tôi đi tìm cây chổi lông gà để quét dọn cái bàn thờ.

Thằng em hỏi: "Anh tìm gì?"

Tôi nói: "Chổi lông gà."

"Không có. Chỉ có nùi giẻ rách này thôi."

Nó vất cho tôi chiếc áo cũ dùng lau bàn, rồi đi qua đi lại hút thuốc.

Bàn thờ phượng mà nó để đủ thứ linh tinh. Quyển vở học trò ghi chi chít số tiền thu nhập, chi tiêu hàng ngày. Cây viết chì còn dài độ hai lóng tay. Cái nhíp nhổ râu. Gói thuốc lá đang hút dở. Hộp đựng kim chỉ. Mấy quyển truyện kiếm hiệp cũ mèm. Cả những chiếc xe hơi nhỏ làm đồ chơi cho con nít nữa, trời ạ! Thằng em bê bối, tiện đâu vất đó. Nó vất những thứ này lên bàn thờ.

Dọn xong, tôi nằm trên chiếc võng đu đưa. Khí trời hừng hực như hơi tỏa ra từ lò sấy. Con nhỏ cháu vội đem lại cái quạt máy đặt kế bên. Cái quạt trụi lủi, chỉ còn cánh quạt, không có lưới chắn an toàn. Quạt cũ mòn xộc xệch, khua lên cồng cộc.

Tôi nói: "Quạt không có lưới chắn, con nít thò tay vào nguy hiểm. Thôi, tắt đi."

Thằng em nói: "Đứa nhỏ nhất nhà này mười tuổi. Nó không chơi dại."

"Nhưng cũng phải đề phòng rủi ro chứ?"

"Nhà giàu đứt tay, ăn mày đổ ruột. Chúng tôi thuộc diện ăn mày, đứt tay là chuyện nhỏ."

"Mày có cái giọng mỉa mai cay đắng đó, từ bao giờ vậy?"

Nó không trả lời, ngước mặt nhìn lên cao, mắt chớp chớp. Chắc nó muốn bắt chước ông Nhượng Tống ngước mặt nhìn trời, nhưng trời đã bị mái nhà che khuất. Nó thở dài.

Người về từ nước ngoài

Buổi tối. Tôi ngồi quây quần với gia đình thằng em, nơi gian nhà giữa. Trời vẫn oi bức. Dưới bàn đốt nhang muỗi, mùi nhang không xua nổi đàn muỗi đói.

Chúng tôi ăn ổi chấm muối ớt, dưới ánh đèn vàng vọt. Mọi vật trong nhà đều quen thuộc. Nhìn vật nhớ người. Tôi nhớ lại từng cử chỉ ba tôi sử dụng những đồ vật này hàng ngày. Hình bóng già nua của ông như còn gắn liền với đồ vật. Từ ngày ba tôi mất đi, thằng em tôi không sắm thêm vật dụng gì mới.

Tôi vừa ăn ổi vừa đập muỗi.

Con nhỏ cháu nói: "Đêm nay muỗi nhiều quá."

Thằng em nói: "Muỗi đánh hơi được mùi lạ."

"Con có nghe mùi gì lạ đâu?"

"Có chứ. Mùi Mỹ."

Con nhỏ cháu cười hì hì, trong khi thằng em tôi mặt lạnh như tiền.

Tôi nói: "Chó sủa người lạ. Muỗi nhà mày chỉ bu vào tao thôi."

"Đúng vậy. Nó biết lựa người có da có thịt béo bở. Chứ bu vào bọn thiếu máu thì ăn được cái giải gì?"

"Tao thấy mày luôn cay cú. Bất mãn hận đời vì nghèo khổ ư? Hãy đào mả cha mấy thằng Cộng Sản lên mà chửi. Chính nó là nguyên nhân của bệnh nghèo đói."

"Anh về đây ăn nói giữ mồm, chừa lại con đường ra đi."

"Đó! Mày thấy chưa? Mày không dám nói động tới chúng nó, bọn phải chịu trách nhiệm về sự nghèo khổ của đất nước này, và gia đình mày. Cay cú với tao làm gì? Tao chỉ là thằng trốn chạy bọn quạ diều chồn sói mà thôi."

Ngừng một hồi lâu, thằng em nói: "Tháng trước có thằng con của mụ Tư Lúa từ Canada về. Hồi trốn đi, nó ốm như con cò ma. Giờ về dẫn theo con vợ. Hai đứa tròn như hột mít. Miệng nhóc nhách nhai kẹo cao su như trâu nhơi cỏ. Mặt nhơn nhơn tự đắc. Nó than, trời nóng quá không ngủ ở nhà được, phải dẫn nhau ra khách sạn. Trước kia, nó đã từng ở chốn này, sao không than? Má nó ăn đời ở kiếp nơi đây thì sao? Cái thứ có chút tiền, tự nhiên lên mặt. Trưởng giả học làm sang là thế. Thiên hạ thường nói giàu sang, nhưng tôi thấy có nhiều thằng giàu nhưng không sang. Bản chất nó là thằng bần tiện. Lại nói nghèo hèn. Tôi nghèo nhưng không luồn cúi nịnh bợ ai. Sao gọi là hèn?"

"Mày không hèn, nhưng mặc cảm tự ti và có tính ganh tị."

Thằng em có vẻ tức: "Tôi tự ti cái gì, ganh tị với ai?"

"Mày tự ti về sự thua kém người khác, ganh tị với con của mụ Tư Lúa."

"Tôi mà thèm ganh tị với thằng ấy à? Nó có tiền thì kệ mẹ nó chứ!"

"Đúng. Nó có tiền thì kệ mẹ nó. Động chạm gì đến mày mà mày hằn học?"

"Tôi hằn học thế nào?"

"Người ta nhai kẹo cao su, mày nói như trâu nhơi cỏ. Cái kiểu so sánh mạt sát người ta như vậy là tự ti biểu hiện qua thái độ hằn học. Tiền nó kiếm được cũng do công sức lao động đổ mồi hôi sôi nước mắt. Nó cướp giật gì của mày đâu?"

"Có tiền, cái mặt nó hất lên trời. Dễ ghét!"

"Cũng được thôi. Nó không cần phải cúi gằm mặt xuống đất lượm bạc cắc như mày."

Thằng em dụi mạnh điếu thuốc vào chiếc dĩa gạt tàn, cử chỉ tức giận.

Tôi nói: "Thằng con mụ Tư Lúa thoát được cuộc đời tăm tối. Đáng lẽ mày phải mừng cho nó, chứ sao lại ghét? Mày ganh tị, không muốn người khác hơn mày. Đó là tính xấu."

"Nói chuyện với anh nghe chán chết. Năm nay tôi bốn mươi hai tuổi. Tôi không còn bé để anh lên mặt dạy đời như ngày xưa nữa đâu."

"Dù mày già bạc tóc, tao vẫn phải dạy mày!"

Thằng em khịt mũi: "Hừ...!"

"Hừ hè cái gì? Không đúng sao?"

Hỏi chuyện ở Mỹ

Tôi giăng mùng ngủ dưới sàn gạch. Cái mùng trắng lâu ngày ngả sang màu vàng ố, hôi mùi mốc. Tôi vẫn thản nhiên. Nếu sơ ý tỏ một chút khó chịu nào, thằng em sẽ tự ái. Tôi nằm, mồ hôi ướt đẫm dưới lưng. Con mèo nhỏ cũng chui vào nằm kế bên. Tôi vuốt ve con mèo ốm đói, tâm trí lan man chuyện cũ, trằn trọc hoài không ngủ.

Hồi má tôi còn sống, nhà có nuôi con mèo mướp. Người miền quê nuôi mèo để bắt chuột. Trong bữa cơm, mèo quanh quẩn lượm lặt ăn những đầu tôm xương cá vất dưới gầm bàn. Người ta không cho mèo ăn no. Mèo no hay chui vào xó bếp nằm ngủ. Mèo đói thường siêng năng rình mò bắt chuột. Kiếm không ra chuột thì chịu đói vậy. Có lẽ con mèo nhà tôi đói lắm. Ban đêm, nó lục lạo thế nào làm đổ cả nồi thịt kho ngày Tết của má tôi. Bà tiếc của và giận quá, lỡ tay đập chết con mèo, quăng xác ra bờ rào ngoài xa. Hôm sau, bỗng thấy con mèo nằm bẹp dí trong bồ lúa. Nó hồi sinh và quay về lúc nào không ai biết. Một tròng mắt của nó lòi ra. Má tôi ôm con mèo, khóc vì ân hận. Từ đó, con mèo một mắt kém khả năng bắt chuột, nhưng bù lại nó luôn được ăn no. Tôi gọi tên nó là chột.

Ngày gia đình tản cư tránh giặc, không ai nghĩ đến chuyện đem theo con chột. Nửa năm sau, thời thế tạm yên, gia đình trở về chốn cũ. Ngôi nhà đổ nát vì bom đạn chiến tranh. Cỏ dại tiêu điều mọc kín lối đi. Mọi người còn đang bồi hồi, con chột xuất hiện quấn quýt bên chân. Tôi mừng như gặp bạn cố tri. Thời gian yên ổn không lâu, gia đình tôi lại tản cư lần nữa. Và lần này, tôi nhốt con chột vào chiếc lồng đan bằng trúc mang theo. Đến chỗ ở mới, người quen cảnh lạ, con chột đi mất sau đêm đầu tiên. Gia đình tôi không bao giờ hồi cư nữa. Con chột có quay về nhà xưa hay thất lạc phương nào?

Nghĩ đến con chột, tôi thương con mèo nhỏ ốm đói của nhà thằng em. Tôi trở dậy tìm thức ăn cho nó. Lúc đó là ba giờ khuya. Vợ của thằng em cũng thức dậy nấu nước lèo, ram thịt chuẩn bị bán bánh canh và bánh mì vào buổi sáng.

Nó hỏi: "Anh thức chi sớm vậy?"

Tôi nói: "Suốt đêm không ngủ được."

"Chắc lạ chỗ?"

"Không. Có lẽ do giờ giấc thay đổi từ đêm ra ngày, từ ngày ra đêm."

"Ở bên Mỹ anh làm nghề gì?"

"Chẳng làm gì cả."

"Làm sao sống?"

"Cứ tiếp tục thở. Xứ Mỹ không thiếu khí trời."

Vợ thằng em lắc đầu: "Anh hiểu lầm ý em. Em muốn hỏi, tiền đâu mua đồ ăn để sống?"

Tôi nói: "Mỹ cung cấp."

"Phải làm việc gì, chứ không lẽ tự nhiên họ cấp tiền cho anh?"

"Anh khai bị bệnh khùng."

"Nhưng anh có điên khùng gì đâu?"

"Thì cứ khai vậy là được."

"Dễ vậy sao?"

"Không dễ. Phải có lý mới được. Anh nói, trong thời kỳ chiến tranh, bom đạn Mỹ dội xuống Việt Nam quá nhiều. Tiếng nổ ầm ầm đinh tai nhức óc làm khủng hoảng tinh thần, nên bây giờ, lúc nào anh cũng nghe lùng bùng trong đầu như có tiếng trời gầm. Do đó anh bị khùng. Họ phải bắt đền vì chính họ làm anh bị khùng."

"Lạ thật! Người Mỹ dễ tin thì thôi. Nếu vợ chồng em đi Mỹ, khai bị khùng có được ăn tiền không?"

"Không."

"Tại sao? Em cũng nói vì bom đạn..."

"Nhiều người nêu cùng một lý do, họ sẽ nghi ngờ và xét lại."

Vợ thằng em tủm tỉm cười hoài. Không biết nó cười chuyện gì.

Lúc sau, nói hỏi nữa: "Anh nghĩ vợ chồng em khai bị gì thì chắc ăn nhất?"

"Điếc."

"Ô hay! Điếc cũng được ăn tiền à? Nhưng phải nói thế nào cho người ta tin?"

"Không cần phải nói gì cả. Mình mới qua Mỹ, không rành tiếng Anh. Ai nói gì, mình cũng ú ớ không trả lời. Nó tưởng mình bị điếc. Thế

là ăn tiền."

Vợ thằng em bật cười: "Em hỏi thiệt, anh nói chơi. Vậy mà nãy giờ em cứ tưởng..."

Tôi cũng cười.

Mùi phi hành tỏi và thịt rang thơm phức.

Tôi nói: "Cho con mèo miếng mỡ. Nó thèm lắm."

Những nhà bình luận nghiệp dư

Thằng em tôi che thêm cái chái trước hiên nhà làm quán ăn. Trời chưa sáng hẳn, vợ chồng nó đã bày hàng. Vợ bán bánh canh. Chồng bán bánh mì, kiêm bồi bàn bưng bánh canh cho khách. Phía bên phải chái hiên, nó cho một cặp vợ chồng trẻ bán cà phê. Khách uống cà phê, luôn tiện ăn bánh canh, hoặc ngược lại. Việc buôn bán nương tựa vào nhau mà sống.

Nhìn cái quán của thằng em, tôi thấy hết nỗi nghèo nàn cơ cực.

Vợ nó cho biết: "Hôm nào bán khá thì đủ ăn. Bán ế, lỗ vốn. Mùa mưa thường bị ế, ông xã nhà em phải xoay qua nghề cầm bút."

Tôi ngạc nhiên: "Trời! Nó cũng biết viết văn à?"

"Không. Ảnh cầm bút viết thư xin tiền các anh chị ở nước ngoài. Ảnh thường nói đùa là nghề cầm bút, em quen miệng nói theo."

Tôi chỉ biết lắc đầu cho cái kiểu làm ăn vá víu, tạm bợ qua ngày của vợ chồng thằng em.

Cái mặt bất mãn kinh niên của thằng em tôi, thường khinh khỉnh. Nhưng khi nó dọn bàn cho khách thì tươi cười, xã giao đúng mức.

Lúc nó vào trong, tôi hỏi nhỏ: "Mày vất cái bản mặt khó ưa đi đâu rồi?"

Nó nói: "Tiền."

"Tiền mua được cái mặt của mày sao?"

"Tiền không mua được. Tôi mang mặt nạ."

"Chỉ có mấy đồng bạc mà mày chịu mang mặt nạ. Tao cho mày mấy trăm đô la, sao mặt mày không thay đổi?"

"Anh cho tôi là bổn phận của người anh lo cho thằng em. Anh em ruột với nhau mà nói chuyện ơn nghĩa gì? Anh muốn tôi giở trò đóng kịch nịnh bợ tâng bốc anh hả? Xoàng quá! Anh làm tôi thất vọng."

"Chính tao mới thất vọng về mày."

"Anh chê tôi, chê cái nhà của ba để lại thì xách va li ra khách sạn nằm chổng cẳng lên trời cho sướng, như con của mụ Tư Lúa vậy. Việc gì phải ở lại đây chuốc lấy bực mình?"

"Khốn nạn! Mày hay lấp liếm từ chuyện nọ xọ chuyện kia. Tối nay, tao sẽ nói chuyện với mày."

"Anh chỉ giỏi bắt nạt em út trong nhà."

"Mày câm miệng đi."

Mặt nó lại khinh khỉnh: "Anh hỏi tôi, tôi trả lời. Anh bảo câm. Câm thì dễ, nói mới khó."

Nói xong, nó bỏ ra đứng nơi chỗ bán bánh mì, móc thuốc hút.

Khách hàng ăn bánh canh, hoặc uống cà phê là những anh Tư, anh Tám, chú Ba, cậu Bảy... Mọi người đều quen nhau. Họ là người chòm xóm láng giềng. Họ uống một ly cà phê đen nhỏ, nhưng ngồi rất lâu. Khách ngồi lâu chỉ tốn nước trà. Có người ngồi từ sáu giờ sáng đến mười một giờ trưa. Tôi thật không ngờ có kẻ "đóng trụ" lâu bền đến thế. Sau này mới hiểu ra, họ muốn đi làm nhưng không tìm được việc. Nằm nhà mãi cũng chán, họ ra quán cà phê ngồi đấu hót cho qua thì giờ. Họ nói với nhau đủ thứ chuyện. Thời tiết nắng mưa, trên trời dưới đất, năm châu bốn biển. Chuyện gì cũng nói được. Tôi ngồi bàn kế bên hóng chuyện, và lấy làm thú vị về sự hiểu biết rất "trời ơi đất hỡi" của họ.

"Thằng Mỹ bị thằng Áp Ga Nít Tăng chơi đau vố này, ông nội nó cũng phải ỉa cứt ra quần."

"Chưa ăn thua gì đâu. Cơ sở của nó lớn lắm. Nó có hàng trăm tòa tháp. Chỉ mới quánh sập được hai tòa, những tòa khác vẫn vươn lên."

"Tin mới nhất, thằng Mỹ bắt đầu xua quân chơi lại thằng Áp Ga Nít Tăng."

"Đó. Đó. Cái đó mới chết đó. Nhưng tin đó lâu rồi, không phải mới nhất đâu. Quân Mỹ đã tiến tới Căng Đa Ha hay Căng Gu Ru gì đó, nghĩa là vào sâu trong nội địa của thằng Áp Ga Nít Tăng. Theo nhà bình luận Liên Xô, thằng Mỹ sẽ bị sa lầy còn tệ hại hơn sa lầy ở ta."

"Mỹ lập quốc hai trăm hai mươi bảy năm, chỉ thua hai trận lớn. Một ở ta, và một ở I Rắc. Hồi ở ta, ta còn nhân đạo cho nó xuống tàu rút lui. Khi quánh với I Rắc nó không dám vào, chỉ đứng xa xa ngoài sa mạc thụt hỏa tiễn. Thằng I Rắc cũng chơi lại bằng hỏa tiễn không đối không, địa đối địa . Rốt cuộc thằng Mỹ ôm đầu máu. Lần thứ ba này, nó gặp thằng Áp Ga Nít Tăng. Theo đài nói, quân dân Li Băng đã rút bỏ nhiều cứ địa. Tôi đoán biết ngay rằng, tụi này áp dụng chiến thuật tiêu thổ kháng chiến, dụ cho địch thọc vào thật sâu. Cuối cùng phản công quánh cho một trận. Con đĩ mẹ của thằng Mỹ cũng chạy sút quần. Nhưng chạy đi đâu? Đầu đít đã bị khóa. Để rồi coi..."

"Sao quân dân Ly Băng lại chiến đấu ở Áp Ga Nít Tăng?"

"Ly Băng là cái đảng cầm quyền của Áp Ga Nít Tăng. Cũng như

nước ta có đảng Cộng Sản vậy."

"Tôi thắc mắc, sao lại nói Mỹ lập quốc hai trăm hai mươi bảy năm? Con số đó lấy ở đâu?"

"Có vậy cũng hỏi. Hồi Mỹ thua ở ta, nó lập quốc đúng hai trăm năm. Từ đó đến nay là hai mươi bảy năm. Cộng hai con số đó lại, không phải hai trăm hai mươi bảy sao?"

"Thằng Áp Ga Nít Tăng trải qua nhiều cuộc kháng chiến. Hết Liên Xô, giờ tới Mỹ. Tụi nó đã có kinh nghiệm về chiến tranh du kích. Đào địa đạo luồn sâu trong núi như hang chuột. Bom đạn Mỹ dội không ăn thua."

"Tôi nghe nói thằng Mỹ có bom tinh khôn như quỷ, khi thả xuống bom tự động tìm cửa hang chui vào rồi mới nổ."

"Tuyên truyền láo khoét, chiến tranh tâm lý nhằm khủng bố tinh thần. Hồi ở ta, nó cũng thả bom đìa, bom chùm, bom lửa nhưng ăn nhằm gì? Nói nghe chơi, các loại cánh cụp cánh xòe (1), con ma (2) không đủ gãi ngứa. B52 (3) chỉ đào ao nuôi cá cho ta."

Trên đây là những lời bình luận của những người du kích cũ. Họ đã hy sinh hết một thời tuổi trẻ đi làm cách mạng thần kỳ chống Mỹ cứu nước. Bây giờ, họ về vườn với hai bàn tay trắng. Họ tỏ ra là người am hiểu thời cuộc. Khi nói chuyện, ít nhiều họ cũng nhắc về cái thời kháng chiến cũ. Coi đó là hào quang anh hùng của lớp người ngày trước, bọn trẻ ngày nay không thể thay thế.

Buổi trưa, trời nóng dữ. Vợ chồng thằng em thu dọn đồ nghề. Hàng cà phê còn bán lai rai.

Khách quen vào quán, có người ở trần, có người mở áo bày cái ngực lép xẹp lòi xương. Họ ngồi vào cùng một bàn. Chuyện khác lại bắt đầu.

"Trời nóng quá!"

"Ảnh hưởng Eo Ni Nô làm thời tiết thay đổi bất thường. Xứ mình nóng chết người, nhưng báo đăng nhiều nơi trên thế giới bị lũ lụt."

"Eo Ni Nô là cái gì vậy?"

"Đó là hiện tượng mặt trời. Tiếng chuyên ngành của nha khí tượng là Eo Ni No. Năm nay, mặt trời nóng hơn những năm trước. Nước nơi này bốc hơi, bay qua nơi khác làm mưa lũ."

"Sở dĩ năm nay nóng dữ như vầy, một phần cũng do nhà máy của các nước văn minh tiên tiến thải khí độc làm lủng bầu không khí. Bầu không khí đã lủng thì tia hồng ngoại tuyến của mặt trời chiếu thẳng xuống, không có gì ngăn cản được. Tia này có thể làm ung thư da."

"Theo lẽ tự nhiên, mỗi năm quả địa cầu nóng hơn vài độ. Bây giờ

lại thêm ảnh hưởng Eo Ni Nô làm tan chảy khối băng trên miền Bắc Cực, nước tràn xuống gây ra nạn ngập lụt. Miền Tây năm nào cũng lụt, nguyên nhân từ đó mà ra."

"Đại diện các nước đã có họp bàn, tìm biện pháp chận đứng các nhà máy thải khí độc để cứu vãn bầu không khí, nhưng không anh nào thi hành đúng mức. Cha chung không ai khóc là vậy."

"Nếu dẹp hết các nhà máy thì chính nước ta cũng kẹt, đừng nói các nước văn minh khác."

"Nước ta làm gì mà kẹt? Dẹp là dẹp mấy cái nhà máy chạy bằng nguyên tử lực. Chất thải của nó làm lủng bầu không khí. Nhà máy nước ta xài xăng dầu, không gây ảnh hưởng."

Tôi nghe một cách thú vị những lời tán hươu tán vượn như thế.

Khi họ phủi đít ra về, tôi hỏi thằng em: "Nhóm trước là những nhà cách mạng ra rìa. Nhóm sau là ai vậy?"

Thằng em sừng sộ: "Hỏi làm gì? Nghe lén chuyện người khác, cái miệng anh cười châm biếm. Khinh người hả? Họ là khách hàng quen thuộc của tôi đó."

"Biết họ là khách quen rồi. Nhưng họ là ai?"

"Thầy giáo hưu non. Nông dân không có ruộng. Lái buôn sạt nghiệp... Đủ thứ thành phần sa cơ thất thế. Được không?"

Lâm Chương

(trích Những Đoản Văn Rời)

(1) máy bay F1, F2

(2) máy bay Phantom

(3) máy bay B52

Sau khi xuất bản và phát hành rộng rãi khắp nơi
hai tác phẩm văn chương quan trọng:
Xóm Cầu Mới *của Nhất Linh* và Đất Trời *của Nam Dao*
nhà xuất bản **Văn Mới** phát hành một tác phẩm khác
trong tháng Tám 2002:

Con Nữ

tuyển tập truyện ngắn đầu tay
của *Đỗ Quỳnh Dao*

Sách dày 180 trang, trình bày mỹ thuật, giá 10 Mỹ kim
Mời bạn đọc bốn phương tìm mua, tìm đọc.

Lễ hội

Hoàng Nga

Vũ nói với tôi, Phiên sẽ sang chỗ chúng tôi vào tháng mười. Giọng Vũ vui như con nít; cái thằng, nói mãi, mới chịu đi.

Vũ vui, bởi bao nhiêu năm rồi, Phiên cứ như một người mai danh ẩn tích lâu ngày, chẳng chịu rời khỏi nơi định cư. Tháng mười, thành phố chúng tôi có những ngày lễ hội lớn, đến gần cả triệu nghìn người trên thế giới đổ về tham dự. Hầu hết phòng trong khách sạn đều được dành từ đầu mùa lễ Phục Sinh; nên khi thành phố xôn xao trẩy hội, nghe Phiên bảo muốn nghỉ ngơi ở một chỗ riêng tây, chúng tôi đã phải vất vả lắm, đến chảy cả nước mắt mới tìm ra được một căn phòng đơn trong cái khách sạn mini, bé tí xíu, cách nhà chúng tôi độ năm ba phút đi bộ, cách nơi tổ chức lễ không đầy hai quãng đường ngắn. Và chúng tôi đã phải trả một giá cả như cắt cổ, mà người trực phòng tiếp tân còn bảo chưa thấy ai hên chúng tôi khi hí hửng kể, có một người nào đó đang sống cùng lục địa với Phiên đã đặt chỗ từ mùa xuân năm ngoái, đến giờ cuối bỗng dưng lại sợ khủng bố, sợ không tặc, bất ngờ fax sang hủy bỏ hợp đồng đúng ngay lúc Vũ gọi đến, chứ nếu không thì chúng tôi đã phải đành hẹn Phiên lại đến tháng mười... năm sau!

Phiên sang, Vũ hớn hở như sắp sửa được đi đón người yêu. Ngày nào Vũ cũng xôn xao bàn tán chương trình đó đây cho Phiên. Vũ bảo sẽ đưa Phiên sang Paris vì chắc chắn người từ lục địa khác đến Âu châu, nhất là người Việt Nam, thể nào cũng muốn biết mặt mũi kinh đô ánh sáng như thế nào. Vũ nói:

- Mình sẽ đi bằng máy bay cho nhanh, sau đó về, mình sẽ lái xe một mạch từ đây sang Wien, qua Zurich, về Gevène, rồi dừng ở Rome. Nếu còn thì giờ, mình đi Barcelona luôn, em há?

Vũ rộn rã, đi Tây Ban Nha, kiếm chỗ có đấu bò cho nó coi. Tôi chùn

vai:

- Anh Phiên chỉ sang đây có mấy ngày, đi sao nổi tùm lum nơi như vậy.

Vũ có vẻ hơi cụt hứng, nhưng vẫn không ngừng tính toán:

- Kệ nó chứ. Mình cứ sắp xếp sẵn, nó sang, bỏ nó lên xe chở đi, có cưỡng đàng trời cũng không được.

Tôi làm thinh. Lát sau, Vũ chậc lưỡi nhắc lại lời mấy hôm trước:

- Cái thằng, nói mãi mới chịu đi mà chỉ đi có chừng đó ngày!

Tuy nhiên liền ngay sau đó, Vũ bàn tiếp:

- Còn nếu không, thì thay vì đi Genève, mình ở lại Fiesch một ngày, chỗ mình nghỉ hè năm nào ở Thụy Sĩ xong sang Ý cho gần. Trên đường đi, đàng nào mình cũng băng ngang Áo và Zurich, chạy vào một vòng cho nó biết là đủ rồi, phải không? Zurich thì chỉ có... nhà băng!

Tôi im. Không góp ý với Vũ câu nào. Hôm trước trong bữa ăn sáng, Vũ bảo, nhất định Vũ phải làm bộ khó khăn, hoặc sẽ ra sức nài nỉ để Phiên ở lại thêm đôi ba ngày. Đôi ba ngày, Vũ cười, chắc có lẽ sẽ dài như thế kỷ đối với nó, nhưng kệ nó chứ, miễn nó ở lại thôi! Tôi đã cười theo cho có với Vũ. Vũ than thở:

- Mấy lần mình sang nó, đều gặp lúc nó chẳng có nhiều giờ cho mình.

Tôi chùn vai. Vũ bảo tôi:

- Mà cả em cũng thế, đi đâu em cũng hối hả như chạy giặc.

Tôi gượng gạo chống chế:

- Đi chơi, em cũng muốn biết nơi này, nơi nọ; anh Phiên ít thì giờ, không chịu đi theo mình, biết sao giờ!

Vũ nhăn mặt, thiệt tình! Rồi Vũ loay hoay tìm cách để chuyến đi xa của Phiên lần này, dẫu ít ngày, cũng sẽ được tròn trịa. Hai ngày liền, suốt trong bữa ăn sáng, Vũ cứ tẩn mẩn mở bản đồ ra xem tới xem lui, tính toán từng ly từng chút giờ đi về, cộng trừ nhân chia từng lộ trình bắt buộc, từng phút nghỉ ngơi trên đường. Sau đó Vũ còn gọi điện thoại cho vài ba người quen và cả văn phòng du lịch để tham khảo ý kiến, tìm ra giải pháp đẹp ý nhất.

Vũ bận bịu, rối mù, như mớ bòng bong; quấn qua quấn quít như em bé mới tập những bước chân đầu đời của mình. Vũ hoàn toàn không biết tôi cũng rối mù như Vũ. Tôi cũng lạng quạng những bước không thăng bằng, cũng lo đến tối tăm mặt mũi; nhưng chẳng phải vì những tính toan rộn ràng, hay vì không muốn gặp người bạn thân thiết ấy của Vũ, mà chỉ vì cái khoảng thời gian vài ba ngày ngắn ngủi sáng hôm qua Vũ nói đến, là thế kỷ đối với Phiên, chắc chắn đối với tôi sẽ còn kinh rợn, còn

dài hơn biết bao nhiêu lần. Vũ không hiểu tôi đã muốn òa khóc lên được khi nghe Phiên bảo sẽ sang thăm. Vũ làm sao biết được, tháng mười, hội hè nơi thành phố chúng tôi cư ngụ, tháng mười, khi Vũ lo lắng thời tiết bắt đầu se lạnh sẽ làm trở ngại chuyến nghỉ ngơi của Phiên; thì tháng mười, tôi chỉ mong đất trời không có tháng mười...

*

Chúng tôi đón Phiên vào buổi sáng rất sớm. Hành lý của Phiên không có gì ngoài chiếc xắc tay gọn ghẽ cùng một túi xách bằng giấy cứng có món quà anh dành cho vợ chồng tôi, gồm một chai rượu đỏ của vùng anh ở mà Vũ kể cho anh nghe đang trở thành rất mode tại Âu châu; một lọ nước hoa cùng một số son phấn tôi thường dùng. Phiên làm tôi cảm động. Tôi đã không nghĩ Phiên có thể nhớ được tên hiệu nước hoa mà khi nghe Vũ nói, anh đã bảo anh chưa hề nghe qua bao giờ.

Phiên chừng như gầy đi rất nhiều so với lần tôi và Vũ sang anh vài năm trước. Đôi vai anh có vẻ hơi nhô cao hơn bình thường. Dáng có vẻ hơi cong đi, và mắt trông mệt mỏi ra hẳn. Ban đầu thoạt nhìn, tôi đã tưởng hành trình xa làm Phiên đuối sức, nhưng lúc xuống lấy xe, dưới ánh sáng nhờ nhờ của từng hầm bãi đậu, vẻ tiêu điều và xanh xao trên mặt Phiên càng hiện ra rõ nét hơn, khiến tôi chẳng còn nghĩ như vậy nữa. Tôi khẽ khàng hỏi:

- Trông anh không được khỏe cho lắm phải không?

Phiên quay lại nhìn tôi, mỉm cười. Nụ cười hiền lành và dịu dàng như một lớp ánh sáng chiếu nhẹ trên mặt cỏ một buổi đầu ngày. Nụ cười tôi từng nhìn thấy trong lần đầu tiên khi Vũ đem anh lại nhà tôi giới thiệu, trong những ngày Vũ đi xa, và cả sau dãy hàng rào kẽm gai ngày tôi thay Vũ đi thăm nuôi anh ở trại tù vượt biên. Phiên chớp mắt hỏi lại tôi:

- Lam thấy anh không được khỏe hả?

Tôi gật đầu. Phiên quay sang Vũ, mày có thấy thế không. Lúc này Vũ mới nghiêng đầu nhìn người bạn nối khố của mình một hồi, rồi chậc lưỡi:

- Chắc vợ tao thấy là đúng.

Phiên cười không đáp. Tôi quay mặt ngó lơ đi chỗ khác. Lần này tôi không muốn nhìn thấy nụ cười dịu dàng thanh thoát như nắng mới lên của anh nữa. Tự đâu đó trong tâm tôi, cái cảm giác khó chịu, nhột nhạt, dẫu không muốn, cũng đã dâng trào lên ứ nghẹn. Tôi nhớ ngay đến lần Phiên bảo tôi, "Vũ chí tình, nhưng hời hợt, ít để ý đến nhu cầu và tâm tư của người sống chung quanh mình đã đành, mà chính bản thân nó cũng vậy, chẳng biết cả nhu cầu của mình là gì. Tất cả mọi biến động, diễn

tiến trong cuộc đời, nó cứ xem như tự nhiên là phải thế. Sống cạnh Vũ, không hiểu tính, dễ buồn"...

Cái câu nói, lẽ ra để an ủi tôi, hoặc giải bày cho Vũ điều gì, nhưng với tôi, trong suốt những năm sống chung với Vũ sau này, đã trở thành sự cảnh báo, tệ hơn, còn như một ám ảnh; đến nỗi rất nhiều lần, tôi gần như đã không dám thốt lên một lời trách móc hay bực bội trước những ứng xử hết sức vô tâm của Vũ.

Tôi thu hết mọi can đảm, nói với Phiên một cách bình tĩnh:

- Vũ thì được cái lúc nào cũng tin người!

Phiên lại bật cười. Giọng cười nghe rất trong, nhưng ngắn và ngập ngừng. Khoảng giữa sự ngập ngừng là một câu nói nào đó của Vũ mà tôi đã không cần để ý đến nội dung. Tôi nghĩ thầm, chắc hẳn Phiên đang cố đoán xem tôi có muốn nhắn gửi điều gì với anh trong những lời vừa thốt ra hay chăng.

Tháng mười, cả thành phố như chỉ tập trung vào chuyện lễ hội. Đường xá chật ních người và xe cộ hướng về nơi tổ chức. Khắp nơi râm ran những bộ trang phục cổ truyền. Đàn ông quần chẽn dưới gối, được may bằng da thuộc nhuộm màu xanh rêu, kem, hoặc nâu sẫm; áo sơ mi vải thô rộng, trắng muốt, hay ca rô xanh da trời; mũ vẫn bằng da có gắn lông chim, vớ bó sát ống chân lên đến tận gối. Đàn bà thì váy xếp phùng hai lớp, may bằng nhung hoặc vải hoa nhiều màu, xanh đỏ đến vui mắt; bên ngoài choàng thêm tạp dề nhiều nếp gấp công phu, với những đường viền đăng ten, phía dưới gấu thêu thùa rất hoa mỹ; mũ và khăn cũng với những viền ren tỉ mỉ ôm sát lấy hai bên má làm lộ lên nét hiền dịu, pha lẫn chút bẽn lẽn của các cô thôn nữ xưa... Có nhiều bộ quần áo lên đến cả vài nghìn đồng.

Tháng mười. Ngày lễ gặt hái mùa màng xưa kia, giờ trở thành một lễ hội bia lớn nhất thế giới. Phiên có vẻ vui hẳn ra trong bầu không khí nhộn nhịp, khác thường, mà anh bảo chưa hề được trông thấy ở bất cứ nơi đâu. Tôi đã vô cùng ngạc nhiên khi thấy anh bật cười lên như trẻ nhỏ lúc đứng trong những lều bán bia lớn, ngẩn ngơ nhìn các cô phục vụ khách. Phiên bảo đã từng nghe nói, nhưng vẫn không tưởng tượng nổi với dáng người nhỏ nhắn đến là vậy, mà các cô có thể mang trên tay đến cả mười, mười mấy vại bia to tướng, chân bước đi thoăn thoắt nhưng không hề va chạm hay đụng phải đám đông người đang chen chúc, qua lại lộn xộn trên các lối đi.

- Đã thế mà lại không rơi vãi, hoặc bắn một giọt bia nào ra khỏi miệng ly mới khiếp chứ! Phiên vừa nói, vừa vui vẻ cười.

Vũ, dĩ nhiên lại càng hớn hở, rộn ràng hơn. Vũ hết kéo chúng tôi qua gian hàng nọ, đến gian hàng kia, rồi lại thả về các lều bán hàng lưu niệm; xăng xái kể lể đủ thứ chuyện trên trời dưới biển, tỉ mỉ giải thích từng loại bia, diễn tả cặn kẽ từng loại sắc phục của địa phương và vùng phụ cận cho Phiên nghe. Sau đó hứng chí, Vũ còn bắt Phiên ăn thử cho biết một con cá ngừ nướng, rồi một khoanh xúc xích lớn kèm theo với loại bánh mì khoanh truyền thống, đặc biệt chỉ bày bán trong dịp lễ tháng mười này.

Tôi đi chầm chậm từ phía sau hai người đàn ông; cố giữ một khoảng cách không thật quá xa, nhưng cũng không quá gần. Đầu óc khi tỉnh táo, khi mê muội. Tôi nghĩ ngợi mông lung đến nhịp sống thật đều đặn, hầu như không mấy khi gặp trắc trở phiền muộn, từ công ăn việc làm trong hãng, đến quan hệ ngoài xã hội của Vũ, tự hỏi có phải chăng Vũ đã cảm thấy quá bình an và bằng lòng với những điều mình đang nắm giữ trong tầm tay hay chăng. Tôi có cảm giác đâu đó trong lòng người phối ngẫu của tôi, chừng như những ước muốn, những khao khát hằng ngày chẳng gì có thể được gọi là to lớn, hoặc vượt quá khả năng mình có thể thực hiện được. Một vài cuộc gặp gỡ, một đôi chuyến du lịch, dăm ba buổi hoà nhạc, ít bữa ăn ngoài trời...; có vẻ cũng đã đủ. Tôi thấy như Vũ không dám ước mơ, không dám trông đợi, bởi vì Vũ không dám hy vọng. Hay nói khác đi, Vũ sợ. Sợ sự thất vọng. Sợ nếp sống bình thường biến đổi, gợn sóng.

Sự có mặt của Phiên vào những ngày hội năm này, hoàn toàn vượt lên trên mọi thứ chờ trông của Vũ. Một sự kiện khác thường, không phải chỉ vì Phiên hiếm đi chơi xa, nhưng quan trọng hơn hết là Vũ được đón, được tiếp đãi. Bầu không khí chung quanh người đàn ông của tôi chẳng còn chỉ hâm hẩm, không nóng cũng không lạnh, mà xôn xao, mà râm ran hẳn lên như có tiếng con ve réo gọi mùa hè, có bóng con én đưa mùa xuân về. Tất cả mọi sự yên ắng, lặng lờ cố hữu bỗng đột ngột biến mất. Căn nhà tôi, dầu Phiên không trú lại ban đêm, vẫn rạng rỡ hơn. Sáng sáng, dầu chúng tôi không cùng điểm tâm chung với nhau, nhưng quanh bàn ăn vẫn nô nức, rộn rã hẳn.

Lẽ ra, tôi nghĩ, mình phải tạ ơn đời, vì cuộc đời còn cho Vũ có người bạn dễ thương như thế. Lẽ ra, tôi phải tạ ơn Phiên, vì Phiên đã mang lại cho gia đình chúng tôi bầu không khí tươi mát, mới mẻ đến là vậy. Nhưng tôi đớn đau nghĩ, phải chi đó là một người nào khác, phải chi đó là một người bạn chẳng cần phải thân thiết lắm của Vũ; người nào đó, một ai đó, cũng được. Mà không phải là Phiên, không phải là người đàn ông tôi phải mất quá nhiều thì giờ cho việc loay hoay tìm đủ mọi cách,

cố gắng đủ mọi điều, để sự tiếp đón được tự nhiên, để nỗi lo sợ không làm tôi bấn loạn. Tự trong thâm tâm tôi, tôi biết, mình không thể nào không sợ người đàn ông này. Tôi vẫn không bao giờ muốn đối mặt, không bao giờ muốn có những giây phút trực diện với anh. Và không dối được, đã từng có rất nhiều lần tôi ao ước, tôi nghĩ đến chuyện, giá mà người đàn ông này bỗng thình lình biến mất đi, bỗng thình lình không còn tung tích nào nữa trên mặt đất, thì dẫu tôi chẳng vui sướng đi chăng nữa, nhưng chắc chắn lòng tôi sẽ nhẹ nhõm biết bao nhiêu!

Suốt cả ngày hôm qua, sau khi đưa Phiên về khách sạn, để Vũ ở lại đó với anh; vào sở làm, tôi gần như mất hẳn thăng bằng. Tôi gần như không làm được gì ngoài việc loay hoay tìm cách tự trấn an lấy chính mình. Và tôi đã cứ ở mãi trong tình trạng khủng hoảng như vậy, cho đến lúc trở về đón hai người đi ăn tối, nhìn thấy gương mặt tươi tắn của Vũ, mới dịu lòng xuống. Tôi chua xót nghĩ thầm, ngoài sự bình tĩnh, ngoài sự điềm nhiên phải thể hiện ra trên mặt như thế này, tôi còn phải thật điêu ngoa, thật khéo léo để đối phó với những tình huống xấu nhất; mặc dầu tôi vẫn hy vọng điều ấy sẽ không xảy ra.

Tháng mười trời đất nặng dày, lòng tôi càng nặng dày hơn nữa. Một tuần lễ Phiên ở lại nơi đây, sẽ là một trăm năm dày ải cho tôi, mỗi một giờ qua đi lúc này, chắc chắn sẽ là mỗi một giờ kinh hoàng nhất đối với tôi. Tôi lo lắng một lúc nào đó sẽ phải trực diện người đàn ông vốn biết quá rõ, tường tận, thẩm thấu rất nhiều điều về mình, như một can phạm không biết mình sẽ bị kêu án như thế nào. Tôi mường tượng, ngay giữa lúc này, nếu có một chỗ nào cho tôi trốn, có một chỗ ẩn trú nào cho tôi lánh mặt Phiên đôi ba ngày, mà phải trả bằng mọi giá, hẳn cũng sẽ dễ chịu hơn cho tôi.

Thứ bảy, thay vì sang ngay những nước lân cận như Vũ tính toán, Phiên ngỏ ý muốn đi lòng vòng quanh chỗ chúng tôi trú ngụ. Trời bỗng đột trở nên trong, có nắng, và ấm áp hơn, nên Vũ quyết định lái xe đưa chúng tôi đến một bờ hồ, thuê một căn nhà nhỏ bằng gỗ nằm chênh chếch trên sườn đồi nhìn xuống mặt nước. Chúng tôi đi cắm trại với Phiên. Buổi chiều hôm ấy, sau khi nghỉ ngơi tí chút, chúng tôi ra trước hiên nhà ngắm đất trời, Phiên bỗng hỏi tôi:

- Lam có nhớ trước ngày Lam rời Việt Nam, mình cũng đi chơi với bọn thằng Minh, gần bãi sông chỗ tụi anh đi làm rẫy không?

Tôi gật đầu. Nhưng ruột gan thót lại hoang mang. Tôi không dám nhìn Phiên vì không biết anh đang cố ý hay vô tình, mà lại nhắc đến cái ngày tôi đã thu hết can đảm đi tìm anh, kể lể cho anh nghe -hay nói

đúng hơn là để xác định với anh- về những điều kín dấu của tôi như vậy. Tôi nắm chặt hai tay lại với nhau, cố giữ không cho mình run lên, cố thầm đoán Phiên nghĩ gì, định nói lên điều gì. Nhưng tôi hoàn toàn như người mù đi trong đêm, vì giọng Phiên nghe vẫn rất mực bình thường lúc anh nói với Vũ:

- Tụi thằng Minh muốn đãi bà xã mày một bữa cá nướng ngay trên bờ sông.

Vũ gật đầu đáp, ờ tao có nghe Lam kể. Phiên bật cười, quay sang tôi:

- Nhưng chắc là Lam không biết tụi này chôm cá của hợp tác xã, phải không?

Tôi nhìn lại Phiên. Hai mắt mở to, nhưng không phải vì câu chuyện kể của anh làm tôi ngạc nhiên, mà chỉ vì vẫn không đoán ra được ý định thầm kín của anh. Tôi chao lòng nhìn Phiên vẫn mỉm cười, vui vẻ nói tiếp với Vũ:

- Bọn thằng Minh thì lúc nào cũng thích mấy cái trò quái gỡ, mày biết rồi đó.

Vũ ừ. Tôi ngồi im thin thít. Hai tai dỏng lên khi Phiên kể thêm dăm ba câu chuyện nữa cho Vũ nghe. Thỉnh thoảng, để khỏi gây sự chú ý cho cả hai người, tôi cố gượng chen vào một đôi nụ cười, dầu đã cười hết muốn nổi. Sự dịu dàng, lịch sự không hề thay đổi của Phiên; cái thái độ điềm đạm, mềm mỏng muôn thuở của anh, giữa lúc này, giây phút này, thay vì tạo ra cho tôi một cảm giác bình yên, an toàn, bỗng làm tôi rơi rớt vào cái trạng thái chông chênh như đang đứng trên vách núi. Tôi mất thăng bằng đã đành, mà phương hướng chừng như cũng không còn nhìn thấy. Tôi tự hỏi lòng, chẳng biết nên cư xử như thế nào với người đàn ông này cho phải. Hẳn nhiên, tôi không thể lạnh lùng, giữ khoảng cách; nhưng càng không thể thân mật, vồn vã. Từ hôm Phiên sang đến giờ, tôi chỉ khổ sở nghe ngóng từng hành vi, từng cử chỉ, từng lời nói từ phía anh, hồi hộp chờ đợi sự khác thường xuất hiện; khi chưa nhìn thấy, chưa bắt gặp, lòng tôi hoang mang vô cùng. Ngồi hết một buổi chiều, ăn một bữa tối, xong lại tiếp tục lao xao với nhau vài ba tiếng đồng hồ trước khi về ai về phòng nấy chuẩn bị cho chuyến đi tiếp ngày mai, tôi gần như rã cả người. Nửa đêm, tôi thức dậy, nằm ngó mông lung lên trần nhà, bỗng nhớ đến ánh mắt bàng hoàng lẫn bối rối của Phiên khi bắt gặp tôi trên con phố đông người hồi ấy; tôi nghĩ thầm, không biết cho đến lúc Phiên bật ra cái câu chuyện tày trời tôi đã làm sau lưng Vũ, thì tôi có còn đủ sức để phản kháng, tim có còn đập được nữa hay không. Tôi tự hỏi, nếu như thình lình Phiên bỗng kể cho Vũ nghe rằng chính mắt anh đã từng

nhìn thấy tôi trong tay một người không phải là Vũ trên con phố đông người ở Sài Gòn, hoặc nếu như đột ngột anh bảo, rằng chính tai anh đã từng nghe tôi xác nhận, tôi chẳng phải lúc nào cũng là người đàn bà của riêng Vũ..., thì tôi sẽ có đủ can đảm để chối quanh chối quẩn hoặc có đủ trơ tráo để gật đầu chấp nhận hay không.

Lòng tôi tê tái. Tôi nhớ đến giọng nói hiền lành và khuôn mặt nhân hậu của Phiên buổi chiều hôm tôi đi tìm anh. Lần đầu tiên tôi tự hỏi mình, chẳng hiểu vì sao trong bao nhiêu năm trời, khi Phiên không (hay chưa) hé môi kể lể điều gì cho Vũ như vậy, mà tôi vẫn không hề muốn đem lòng mang ơn anh. Tôi vẫn không hề muốn nhìn nhận sự cảm thông, sự hiểu biết và lòng ưu ái của anh đã dành cho tôi. Phải chăng vì tôi không muốn được gia ơn, hay bởi vì tôi xấu hổ trước con người ấy? Trước ngày từ giã quê nhà, thu hết can đảm, tôi đã ngồi lại với Phiên mấy tiếng đồng hồ, nói gần như hết cả sự tình cho Phiên nghe. Tôi đã bày tỏ một cách rất chân thật với anh nhiều điều, mà chắc chắn sẽ chẳng bao giờ tôi thố lộ cùng ai. Tôi nhớ Phiên đã bùi ngùi ngồi nghe tôi kể chuyện, hai mắt anh mở ra hiền dịu và độ lượng như một người mẹ đối với đứa con hoang đàng, lưu lạc vừa trở về nhà. Phiên bảo, chuyện tình cảm khó ai có thể lường được; và trước những cơn gió cuốn của cuộc đời, đâu phải ai cũng có sức để chống trả hay đứng cách vững vàng...

Tôi nhớ khi nói chuyện với tôi như vậy, Phiên đã rất nhẹ nhàng. Lời lẽ và thái độ của anh đối với tôi vô cùng ấm áp, nhưng không hiểu sao mãi cho đến giờ phút này, tôi vẫn thường tự hỏi không biết xuất phát từ điều gì, lòng độ lượng, nhân từ hay vì tội nghiệp mà Phiên đã tỏ ra thông cảm cho tôi như thế. Trước ngày đi phỏng vấn, đã có rất nhiều lần tôi nằm nghĩ đến chuyện từ chối đoàn tụ. Nhưng chẳng phải vì tôi ăn năn thống hối, tôi không dám gặp lại Vũ; mà vì tôi tự ngượng với Phiên, tự xấu hổ với chính mình. Nếu Phiên biết chuyện tình cảm đã chẳng đóng một vai trò quan trọng nào trong tôi lúc ấy, mà chỉ vì tôi muốn nếm trải, muốn thử một kinh nghiệm, muốn xáo trộn chút ít đời sống vốn phẳng lỳ của mình; thì chẳng hiểu phản ứng của anh lúc ấy sẽ như thế nào!

Cách đây vài tuần, khi tôi và Vũ đi dự đám cưới một cô bạn người Do Thái, khi người trưởng thượng trong gia tộc thình lình đấm vỡ một tấm kính mỏng ngay giữa bàn tiệc, hai đứa chúng tôi đã giật mình kinh ngạc. Đến lúc được giải thích đó là một tập tục truyền thống trong ngày cưới, biểu thị cho hạnh phúc cũng rất dễ vỡ và ngắn ngủi, nên đôi tân hôn phải cố gìn giữ những gì mình đang có trong tầm tay; Vũ đã òa lên một cách rất sung sướng, trong khi tôi lại chạnh lòng, không ngồi yên

được cho đến lúc tàn tiệc. Tôi đã nhớ đến Phiên, nhớ đến những sự việc xảy ra trong đời mình, và nhớ đến cả những điều đã thổ lộ, cũng như nghe từ phía Phiên. Lòng tôi lao chao khó chịu.

Tôi nghĩ tôi cũng như mọi người, vốn biết đời sống mong manh, hạnh phúc lại càng như gió thoảng, và giữa điều đúng, điều sai thì chỉ là một bước chân qua, một bước chân về; nhưng trong thời gian Vũ đi xa, tôi đã làm chiếc lá rơi rụng xuống đời một cách hết sức dại dột, đã để cho nhiều sự việc xảy ra với mình mà không hề kiếm cách chống đỡ...

Trong nhiều năm đầu mới sang với Vũ, cứ mỗi bận nghe nhắc đến tên Phiên, là tôi như gặp ác mộng. Lắm lần tôi đã tự nguyền rủa sự ngu xuẩn, lẫn sự hèn hạ của mình. Có khi tôi nghĩ, thà Phiên cứ như những người đàn ông thường tình khác, những người bạn thường tình khác của Vũ, đã đem chuyện riêng tư của tôi ra kể lể hết, thì mọi sự đã khác đi nhiều lắm rồi. Hoặc hơn thế, tôi chỉ cần ở lại quê nhà, chỉ cần không sang gặp Vũ nữa, là cái món nợ tinh thần với Phiên, tôi không cần phải cưu mang!

Sáng, tôi thức dậy sớm ra ngồi trước hiên nhà. Gần cả tiếng đồng hồ sau Vũ và Phiên mới lục đục trở dậy. Sau đó hai người mang cà phê ra bãi cỏ uống với nhau. Tôi cố gắng giữ lòng thật trống và đầu óc không một ý nghĩ tràn qua để chuẩn bị cho những ngày nghỉ kế tiếp. Tôi tự khẳng định ra sao thì ra; cùng lắm là tôi với Vũ sẽ chia tay nhau,bỏ nhau nếu sự thể xấu nhất xảy đến. Và tôi cũng tự nhủ sẽ không để mắt tới Phiên, tới những hành động hay lời nói của người đàn ông này nữa, để chuyến đi ít nhất ra, cũng sẽ trở thành những ngày nghỉ ngơi cho chính mình. Chúng tôi dự định lên xe vào lúc tám giờ sáng để khỏi phải chạy xuyên đường hầm khi trời nhá nhem tối. Lòng tôi dịu xuống, nhẹ nhõm hơn với những suy nghĩ ban sáng. Trong lúc tôi dọn dẹp và thanh toán tiền nhà trọ, Vũ chạy vòng ra làng đổ xăng và mua ít đồ đạc lặt vặt và trái cây. Tôi cứ ngỡ Phiên cùng đi với Vũ, nhưng khi đã xong việc ra lại hàng hiên để chờ hai người, thấy anh đang đứng tựa vào lan can nhìn ra mặt hồ, tôi hơi giật mình bối rối. Đang lúc tôi định quay vào, thì Phiên ngoái đầu lại, ngạc nhiên:

- Ủa, tưởng Lam đi với Vũ.

Tôi mỉm cười:

- Lam lại tưởng anh đi với Vũ cơ.

Phiên cười trả không nói gì. Không thể bỏ vào lại bên trong, tôi đành bước tới gần hơn phía Phiên, nhưng giữ chân lại ở phía lan can bên này, cách anh một khoảng trống bước xuống bục tam cấp. Phiên khen

không khí ở nơi chúng tôi trong lành quá. Tôi gật đầu, nhưng phải định thần dăm ba giây sau mới dám tiếp chuyện với Phiên:

- Lẽ ra anh phải sang chơi với tụi Lam lâu rồi mới đúng.

Phiên cười, có vẻ ngần ngừ trước khi đáp:

- Đúng ra là phải vậy... Nhưng Lam hiểu tính anh ngại đường xa, ngại thay đổi những gì bình thường hằng ngày. Chuyện anh vượt biên sang đến bên này, Lam vẫn bảo nếu không vì ông cụ giục giã, có lẽ chẳng bao giờ xong đấy mà.

Tôi nói:

- Nhưng kỳ này đi xong, thì anh thấy cũng... xong, phải không?

Phiên cười:

- Thì cũng xong!

Tôi im. Phiên làm thinh theo. Tôi suy nghĩ mãi, nhưng chẳng biết bắt chuyện như thế nào với người đàn ông này. Cái rào cản, tôi nghĩ dẫu mình có ba đầu sáu tay muốn phá vỡ cách mấy đi nữa, cũng quá khó. Nên tôi cứ ngóng mắt nhìn ra phía đường lộ, chờ Vũ trở lại. Càng sớm càng tốt. Tuy nhiên cuối cùng, không biết sao tôi bỗng hỏi Phiên:

- Mà kỳ này có gì làm anh thay đổi mà lại quyết định sang tụi Lam như thế này?

Phiên quay đầu ngó sang tôi, vẻ ngần ngừ ban nãy bất chợt trở về trên gương mặt hơi buồn của người đàn ông khiến dưng không tôi thót dạ tự trách thầm mình dại dột. Trời ơi, đúng ra tôi cần gì phải biết lý do, cần gì phải tìm hiểu nguyên nhân nào đưa Phiên sang đây! Tôi cần gì phải như người tử tội chờ lên máy chém như thế này!

Tôi ngó lại Phiên. Anh làm thinh một lúc rất lâu rồi nhỏ giọng đáp:

- Anh muốn gặp Vũ.

Tôi sững sờ. Cái tâm trạng hoảng sợ của những hôm trước, không muốn nhưng bỗngtrở lại với tôi chớp nhoáng như một tia lửa xẹt ngang qua bầu trời. Tôi căng cứng đầu óc, chờ đợi Phiên phán xuống một câu tàn nhẫn nào đó. Nhưng mãi, vẫn không thấy Phiên nói tiếp điều gì, tôi vờ cười:

- Anh muốn sang gặp Vũ để trả nợ đời chăng?

Vừa nói, tôi vừa quan sát người đàn ông kỹ hơn. Lúc này, anh có vẻ như đang chăm chú nhìn những gợn sóng lăn tăn vỗ vào bờ; nên cái dáng đứng hắt hiu, cái bờ vai gầy như giấy, cái cúi đầu đầy nhẫn nại trông có vẻ buồn thêm lên. Tôi cay đắng nghĩ, giá mà lúc khác, giá mà ai đó khác, chắc tôi sẽ xót xa thương cảm lắm.

Tôi chớp mắt như muốn nhắc lại câu mình vừa mới hỏi. Nhưng Phiên không trả lời tôi vội, mà anh chỉ mỉm môi cười. Nụ cười trông có

vẻ hơi khác thường. Trông hoàn toàn không được vui. Hệt như cái dáng vẻ, điệu bộ của anh tôi bắt gặp, đôi khi. Và chúng tôi cứ đứng ngó nhau như vậy trong một lúc khá lâu, cuối cùng, Phiên chậc lưỡi:

- Nếu Lam muốn, thì gọi đó là trả nợ đời cho Vũ cũng được...

Tôi cười. Nụ cười hiển nhiên chứa đầy ý nghĩa, chẳng hiểu Phiên có đoán ra được hay không, mà anh khẽ quay đi. Độ dăm phút sau, đang lúc tôi rối rắm lòng dạ chuẩn bị một cách chống đỡ hữu hiệu nào đó, thì Phiên bỗng nhỏ giọng:

- Lúc này sức khỏe của anh sa sút ghê gớm lắm Lam ạ... Bác sĩ thường khuyên anh làm điều này điều nọ để tuổi thọ không bị cắt giảm quá đột ngột như thế này. Anh không biết ai, chứ Lam thì có lẽ chắc hiểu, đối với anh, chuyện ấy không có gì là quan trọng. Anh vẫn ậm ừ với bác sĩ cho qua. Tuy nhiên gần đây, anh lại hay được nhận những lời khuyên bóng khuyên gió, đại khái bác sĩ của anh thường nhắc tới chuyện anh nên làm những điều đã dự định cho xong; như thể muốn bảo rằng anh sẽ không còn đủ thì giờ cho chính mình...

Tôi bàng hoàng, không biết mình có vừa nghe nhầm điều gì từ phía Phiên hay không. Mặt mày nóng rân ran như đang lên cơn sốt cấp tính. Phiên bật cười nho nhỏ:

- Mà Lam biết, anh thì có dự định gì ngoại trừ lời hứa với Vũ và Lam là sẽ sang đây thăm chơi...

Hai bàn tay tôi co lại. Rồi buông thõng xuống. Bên tai tôi, giọng nói nhỏ nhẻ của Phiên hệt một gió thoảng, nhẹ hẫng bay qua:

- Kỳ này, sang được đến đây rồi, thấy vợ chồng Lam hạnh phúc, anh mừng. Xưa nay anh vẫn lo cái tính Vũ hời hợt, dễ làm buồn lòng người khác, sợ Lam chịu không nổi... Anh đã dự định trước khi về, sẽ kể cho Lam nghe chuyện bịnh hoạn chuyển trở của anh; để khi việc xảy đến, tính Lam vốn bình tĩnh, Lam nói lại với Vũ cũng nhẹ nhàng...

Tôi đứng lặng. Lòng tan hoang như một buổi chợ chiều. Bấy giờ tôi mới chợt nhớ đến căn bịnh bao tử, cùng bịnh tim mãn tính của Phiên mà từ thời còn ở quê nhà, Vũ và Phiên vẫn thường hay đùa, thần chết chưa chịu rước anh đi bởi vì vạc dầu chưa kịp nóng. Đầu óc tôi bỗng rỗng trơn như một người ngu độn, tất cả mọi điều nghĩ suy và tính toan của tôi lúc này bỗng trở nên quá lố bịch, quái gỡ. Tôi hoang mang nhớ đến hôm nay đã là đầu ngày thứ tư trong chuyến đi ngắn ngủi của Phiên ở tại nơi này. Ngày mai, ngày mốt..., cuộc đời rồi sẽ còn được bao nhiêu ngày dành cho anh?

Hoàng Nga

Kỷ niệm mười năm ngày giỗ của Định

Biển

Cổ Ngư

Tôi ngồi nghe biển hát
Lời Phi châu,
Sóng bạc đầu rung mùa dĩ vãng.
Ơi em bát ngát Thái Bình Dương
Giữ hộ tôi, nhé em, màu nắng,
Còn tôi sẽ cất tặng em hòn sỏi nhỏ
Đại Tây Dương.
Một mai mở lại rương kỷ niệm,
Tôi sẽ chỉ em xem
Này vỏ sò Địa Trung Hải,
Này nắm cát sa mạc viễn tây,
Đây cành lan khô xứ Thái
Nằm ngủ yên bên nhánh lá tươi hái giữa rừng phong Gia Nã Đại,
Và tôi sẽ không ngần ngại
Rắc một chút ánh sáng Paris,
Một chút thủy tinh Venise,
Một chút kim tuyến New Delhi
Vào đêm em tóc mượt...
Nhưng rương hòm làm sao cất hết
Sóng biển Đỏ, gió biển Đen,
Từng triền đá dựng biển Manche,
Muối mặn đời biển Chết,
Những tiếng gào thảm thiết biển Đông,
Mặt trời đêm nồng nàn biển Bắc...
Ơi em! Con mắt bão xoáy tròn trên bản đồ khí tượng
Cứ cuốn lấy đời tôi theo hướng Bắc-Nam,
Cứ níu lấy tình tôi, nhưng nhớ trả về bến đỗ
Những thuyền đánh cá mùa động biển giữa năm,
Ơi em, dáng núi nằm xoải chân gió tung mù khói cát
Dụ dỗ tôi, hồn thủy thủ, bằng tiếng hát nhân ngư,
Bằng sóng cuốn ầm ào cuộn cánh tay mỹ nữ
Tình quỷ dữ khát yêu.

Ơi em mỹ miều dừa căng nhựa ngọt,
Nhớ giữ giùm tôi một chút quê hương,
Vì thơ tôi, dù trải khắp muôn phương
Vẫn mơ mùa cây trái cũ,
Vì tim tôi, dù dập dồn nhịp thủy thủ
Vẫn mong về
Yên ngủ bãi bờ em...

AGADIR-ESSAOUIRA-MARRAKECH
09.09.98-11.09.98

Thơ Vạn Giả

Biển cạn

Bình minh rớt ngoài trí nhớ
hoàng hôn nằm vạ đáy tim
dòng đời kết từ mảnh vỡ
cuộc tình đã soãi cánh chim.

Thuyền trôi vào vùng ảo tưởng
thả neo xuống cõi mênh mông
nhưng em đến từ muôn hướng
tim tôi chết đuối giữa dòng

Ngất ngư ta bên biển cạn
lòng người trăm năm còn sâu

Bóng trăm năm

Mai về ôm bóng trăng xưa
an nhiên ru giấc ngủ vừa phong sương
người đi qua hết con đường
có nghe chăn chiếu đoạn trường sau lưng
đời nhau hạnh phúc chưa từng
mà tơ duyên đã hẹn mừng ly tan

Nhạn bay vạn dặm

Phạm Hải Anh

Cái cây ngoài cửa sổ Thùy chẳng bao giờ biết tên. Tám giờ mười lăm phút sáng ra khỏi nhà, bảy giờ tối về, xoay khóa đánh tách. Cánh cửa gỗ dày, nẹp thép, sơn xanh sẫm, hai lần khóa. Bên ngoài là cái cây, đường phố. Bên trong là Thùy, đôi khi có thêm khách. Khi có khách thì bếp lửa reo vui, xào nấu, chạm cốc. Rồi thắp nến, đốt trầm hương, ngắm hoa, nghe nhạc. Không có khách buổi tối cũng qua, bằng cách nào chẳng rõ. Rốt cuộc rồi cái gì mà chẳng đi qua?

Thùy thường tiễn bạn tới gốc cây nhãn. Chỗ đó, lần nào anh bạn cũng giữ chặt tay, chẳng cho về. Con đường tối, thoảng mùi thơm mê mị của hương trầm từ am thờ thổ địa. Đêm phập phồng, nóng bừng những giằng co, đụng chạm đầu đời. Lá dưới chân xào xạc. Lá nhãn, lá vối từ nhà hàng xóm theo gió trút sang. Quả vối nhỏ bằng đầu ngón tay út, tím đỏ, vị chua chua ngọt ngọt chẳng đủ để gợi nhớ lúc sang mùa. Tháng mấy là mùa vối chín, mùa nhãn, mùa ổi, nhót, táo, hồng xiêm? Tháng mấy ngâu vàng rộ trong vườn của bà? Tháng mấy hoa gạo nở? Tháng mấy mùa sấu rụng? Khi chợt nhớ là lúc Thùy chợt biết mình đã quên quá nhiều... Mười ba năm rồi, gương mặt người bạn trai đầu tiên mờ nhạt, hình như có râu, hình như không? Cái nốt ruồi lớn lúc nằm bên má phải, lúc bên má trái. Nốt ruồi, râu và cặp môi ướt khát thèm bồng bềnh xoay đảo quanh khuôn mặt không sao định hình nổi. Giá như Thùy được ngắm chân dung mình trong ký ức anh ta. Không biết nó giống cái gì nhỉ? Là nụ cười rạng rỡ mười chín tuổi với hai vệt xoáy rung rinh trên má? Là móng sắc của con báo con bị chọc giận? Hay có thể tất cả đã nhạt nhòa như vệt sáng rớt lại của vì sao rụng từ triệu năm về trước? *Khí ngã khứ giả, tạc nhật chi nhật bất khả lưu. Loạn ngã tâm giả, kim nhật*

*chi nhật đa phiền ưu. Trường phong vạn lý tống thu nhạn... Bỏ ta mà đi, ngày hôm qua có cầm lại được đâu. Làm rối loạn lòng ta, ngày hôm nay lắm chuyện ưu phiền. Gió thổi dài vạn dặm tiễn chim nhạn mùa thu *...* Ngày ấy, trong vòng tay xiết chặt của người con trai, Thùy vùng vẫy như con chim sợ sa lưới. Chim nhạn mùa thu, bay quá xa hơn vạn dặm đường, biết đâu là chốn trở về?

Mua 129 đồng 75 xu. Trả 150 đồng. Phải trả lại bao nhiêu tiền thừa? Không được dùng máy tính. Không được tính nhẩm. Bàn tay lóng ngóng giữa những tập tiền, Thùy hoàn toàn lú lẫn, lần nào cũng trả thừa.

- Cô không làm việc được với tiền.

Bà chủ kết luận, quắc mắt về phía ông chồng như bảo: Đấy. *Lại rước vào một đứa ăn hại!* Da mặt rộm lên, Thùy nói:

- Ở nước tôi cách tính tiền khác. Tính trừ từ tiền lớn tới nhỏ, không đếm ngược lên như ở đây. Về lý thuyết tôi hiểu rồi, chỉ cần thực tập nhiều...

- Cô về nhà mà tập. Không được tập với tiền của tôi.

Bà chủ đóng sập ngăn kéo kassa lại, bỏ đi.

71 đồng 50 xu. 72 đồng. 73, 75, 80, thêm tờ 20 nữa thành chẵn 100. Cái máy tính tiền. Phải trở thành cái máy tự động đếm và trả tiền không nhầm lẫn. Đừng bỏ cuộc. *Nhân sinh ngã tài tất hữu dụng. Thiên kim tán tận hoàn phục lai.* Thời sinh viên, Thùy thường ngâm nga như thế. *Trời sinh ta tài ắt được dùng. Nghìn vàng tiêu hết rồi lại có...* Những cặp mắt học sinh lóng lánh nhìn Thùy như bị mê hoặc. Thơ Lý Bạch tuôn chảy, bức tường học đường xám xịt lùi ra xa, cuồn cuộn dâng lên ngang trời dòng nước sông Hoàng. *Quân bất kiến Hoàng Hà chi thủy thiên thượng lai. Bôn lưu đáo hải bất phục hồi. Nhược bất kiến cao đẳng minh kính bi bạch phát. Triêu như thanh ti, mộ thành tuyết. Nhân sinh đắc ý tu tận hoan. Mạc sử kim tôn không đối nguyệt.* Dòng thời gian như nước sông sầm sập từ trời cao tuôn ra biển lớn chẳng quay về. Gương sáng lầu cao ngậm nỗi buồn tóc trắng, sớm như tơ xanh, chiều ngả màu sương tuyết. Khi đắc ý hãy uống cạn giọt đời, chớ để chén vàng ráo khô phụ tình vầng nguyệt. Lý Bạch biết đời sầu mà khuyên người ta hãy vui tràn. Vai muốn mang gánh nặng cuộc đời nhưng lòng thì muốn vô ưu, vừa cuồng phóng, khinh bạc trong tiệc rượu, lại vừa u uất sầu nhân thế. Giọng thơ nửa say, nửa tỉnh, nửa như hào hứng, nửa như buồn bã, kỳ lạ hiếm có. Lý Bạch ngồi giữ két chắc chắn sẽ tính nhầm tiền. *Ngũ hoa mã. Thiên kim*

cừu. Hô nhi tương xuất hoán mỹ tửu. Ngã nhĩ đồng tiêu vạn cổ sầu. Đây ngựa lông ngũ sắc. Đây áo cừu giá ngàn vàng. Con ơi đổi rượu tất. Cùng nhau ta giết cái sầu nghìn thu. 272 đồng 35 xu. Trả bằng credit card. Lý Bạch ơi nhớ giữ cái phiếu thanh toán có chữ ký, kẻo sẽ phải lột áo thật, để đền tiền cho bà chủ. *Xử thế nhược đại mộng. Hồ vi lao kỳ sinh... ở đời như giấc chiêm bao. Làm chi mà phải lao đao nhọc mình?*

Cửa hàng nằm dưới tầng hầm của khách sạn năm sao, quanh năm sáng rực đèn, nhiệt độ điều hòa lý tưởng. Ở đây không biết đến ngoài kia nắng, mưa, ấm, lạnh. Thùy thành con búp bê di động giữa hai hàng tủ kính bày đồ gốm sứ đắt tiền. Không cần nói nhiều, miễn là tính tiền cho đúng và gập người arigatô tiễn khách. Con búp bê Á châu cần thiết cho một cửa hàng toàn khách Nhật ở chính giữa Amsterdam. Những du khách Nhật đến thăm châu Âu, chỉ nói tiếng Nhật, ăn đồ Nhật, ngủ khách sạn Nhật và mua sắm trong cửa hàng Nhật. Tuần trước có một bà già cỡ bảy mươi, mặc chiếc áo choàng hồng thắm, hai vai cánh tiên bồng bồng như sắp sửa bay lên, phía trước ngực nhún ly, thắt nơ bé bé bồng bông. Bà già đi giày nhũ vàng óng ánh, tóc cài hoa đỏ. Bà mua kim cương ở hiệu đối diện, mắt người bán hàng sáng lên khi nhận tấm credit card của bà. Hôm qua, một bà khách khác bước vào giữa cơn buồn ngủ của Thùy. Bà bảo có thói quen chỉ mua cái gì đắt tiền nhất. Thùy mỉm cười: Ước gì tôi cũng được chọn lựa như bà. Nụ cười tắt nửa chừng, mất bà khách ơ hờ, chẳng chút quan tâm đến món hàng xa xỉ vừa mua. Khách ở đây thường có vẻ mặt giống bà chủ hiệu kim cương đối diện. Người đàn bà hơn ba mươI năm ngồi dưới tầng hầm, da thiếu nắng trắng bệch. Có lẽ trắng giống những cô gái bị chôn sống làm thần giữ của, ngậm sâm chết từ từ giữa đống tiền vàng. Bà chủ hiệu ngoài sáu mươi, môi son đỏ chót trên khuôn mặt sáp nặn, hơn nửa đời người ngồi canh giữ kim cương dưới hầm. Nếu lột trần bà ấy đưa ra bãi biển lồng lộng nắng, bà ấy sẽ thế nào nhỉ?

Sẽ thế nào nếu Thùy thu mình lại thật nhỏ, bước vào bức tranh vẽ trên sứ Delft trau chuốt, nước men biếc xanh gần giống men sứ Tàu đời Thanh? Ở đó có trời mây, sông nước, hoa nở, chim hót. Ở đó Lý Bạch có thể sống được. *Bạch nhật chiếu lục thảo. Lạc hoa tán thả phi. Cô vân hoàn không sơn. Chúng điểu các dĩ qui. Bỉ giai vật hữu thác. Ngã sinh độc vô y... Nắng chiếu cỏ xanh. Hoa rụng bay tơI tả. Mây cô đơn trôi về núi vắng. Chim bầy tìm lại tổ. Vạn vật đều có nơi ký thác. Riêng đời ta lẻ loi...* Đi mãi mãi theo những dòng sông trên đĩa sứ cũng không thể về

bến bờ xưa, nhặt lại chiếc thuyền giấy trắng cô bé Thùy đã thả buổi sớm mùa xuân ấy. Người bạn gái cùng chơi thuyền giấy với Thùy giờ đã hai con. Cô ấy bảo nhiều khi thấy mình như con chó cái, quay cuồng giữa cứt đái, tã lót, cơm nước và công việc, hầu hạ bốn ông đàn ông già trẻ trong nhà. Cô ấy chỉ thèm ngủ. Một giấc thật say, thật sâu, không bị con khóc, chồng quấy rầy và chứng đau đầu kinh niên. Nếu đừng vùng vẫy khỏi đôi tay ghì xiết của người bạn trai ấy, có thể bây giờ Thuỳ cũng thèm ngủ. Chim nhạn mùa thu phải bay đi. Vạn dặm. Những con chim trên đĩa sứ chẳng bao giờ bay cả. Chúng đậu thành đôi, há mỏ hót vào lòng đĩa một điệu nhạc hạnh phúc no đủ. Hạnh phúc của bà chủ hiệu kim cương hơn ba mươi năm yên vị trong hầm giữa châu báu sáng ngời. Bà ấy đã bao giờ nhìn thấy viên kim cương vĩ đại nhất thế gian? Là đỉnh Himalaya uy nghi tuyết phủ, sáng chói lên trong nắng. Nơi ấy, anh nắm tay Thùy, từng bước một lên mãi đỉnh trời. Qua những con đường heo hút theo vết chân bầy yak lông dài. Qua cầu treo chênh vênh bờ vực sụt lở, quán trà lò sưởi bập bùng hơi nước bay nhòa dòng sông đóng băng. Mây như hồ bông nõn bồng bềnh dâng dưới chân, má Thùy hồng rực vì gió lạnh. Anh gọi Thùy musa- con chuột nhắt. Con chuột sợ lạnh, sợ đường xa đã theo anh lên tận đỉnh trời, hít không khí tinh khiết như từ thuở ban sơ. Cũng con chuột nhắt sợ nước lại theo anh xuống biển, bơi giữa đại dương ngắm san hô và cá lượn. Trùng trùng san hô kỳ vĩ kết rừng hoa lộng lẫy dưới thủy cung, từng đàn cá ngũ sắc bơi lượn dập dềnh giữa những đóa hải quỳ phập phồng như đang thở... Nhưng bây giờ anh đi, Thùy ở lại. Ở lại với dòng sông, chim và hoa chết lặng trên đĩa sứ. Ở lại nhìn sang hiệu kim cương đối diện sáng rực trong bóng tối tầng hầm.

Không gian ở đây đặc quánh. Cô đơn trườn tới như con rắn hổ, mang bành che kín bầu trời. Trong im lặng phun lên xì xì từng tia nọc độc. Này người đánh trống, thổi kèn trên đĩa sứ, hãy nổi nhạc lên, át đi âm thanh câm lặng buốt óc này. Hát rằng: *Đàn kêu tích tịch tình tang. Ai mang công chúa dưới hang trở về?*

...Chàng Thạch Sanh đến, cánh tay rộng mở. Thùy nói với chàng mời anh đi chỗ khác chơi. Ở đây chúng tôi làm ăn đứng đắn. Nhận Visa card, Master card, JCB, Dinner Club, Pin, tiền mặt thì euro, yen hoặc đô la Mỹ. Thank you. Bye bye... Nhưng mà, khoan đã, Thạch Sanh. Nếu anh thật lòng thì hãy đến, thử cùng nhau một lần xem đêm ngắn, tình dài!

Đằng sau cánh cửa khóa màu xanh sẫm, Thùy đợi. Với rượu, hoa, nhạc, nến, trầm hương. Công chúa vẫn chờ nhưng Thạch Sanh không đến nữa. Ngoài cửa sổ, vầng trăng bị bỏ quên lạnh buốt tựa đĩa băng. Cái cây không tên giống bàn tay đơn độc níu mãi lên vòm trời. *Nhân sinh phan nguyệt bất khả đắc. Nguyệt khước dữ nhân hành tương tùy. Hạo như phi kính lâm đan khuyết. Lục thủy diệt tận thanh huy phát... Người không thể với lên trăng sáng. Khi đi trăng lại mãi theo nhau. Sáng như gương bay rọi chiếu cửa son. Xóa sạch mây xanh, soi vằng vặc...* Sáng mai, tám giờ mười lăm, trăng lặn, Thùy lại xuống căn hầm sang trọng ấy. Nàng công chúa tự nguyện lưu đày. Nhưng biết rằng đâu đó, có thể tít bên kia quả đất, có một vầng trăng vẫn đợi để theo nhau. Đợi biết đến bao giờ cho đủ?....

Amsterdam, Hemelvaartsdag 2002

* Những câu thơ trích trong truyện đều của Lý Bạch

hộp thư

Thư từ liên quan về việc gia hạn, mua báo;

Justine V & Thanh Huynh (Frisco TX), Michelle Le & Nguyen Chi Thanh (Eagan MN), Le Dinh Ky (Anaheim CA), Hai Lai (Amsterdam Netherlands), Lan Nguyen (Lynnwood, trả tiền báo các tháng 4,5,6/02), Minh Van Nguyen (Mission Viejo CA), Truong van Thanh (Elk Grove CA), Special Broadcasting Service Corporation Australia, Ngô Phi Đạm (Silver Springs MD), Đoàn Lang (Belmore NSW Australia), Trung Viet Bookstore (Montreal Canada), Đỗ Đức Trọng (Bad Nauheim Germany), Minh Le (Walnut CA), Acquisitions Dept Salt Lake City Library UT (đổi địa chỉ), Nguyễn Thiệp (Oakland CA), Nguyễn văn Hai (Louisville KY), Khuê Như Nguyễn (Springfield VA), Diem Đ. Nguyen (Seattle WA), Đỗ Cẩm Vy (Anaheim CA), Nguyễn Nam An (Santa Ana, CA), Phan Hong Dieu (Chicago IL), Ngo Ba Tang (Salt Lake UT, ngưng mua báo), Nguyễn Xuân Thu (Victoria, Australia), Dan Van Le (Sugarland TX), Long Nguyen (Beavercreek OH), Lê Bửu Tấn (Fountain Valley, CA), Sương Mai (Fair Oaks CA), Phương Nguyễn (Salt Lake City UT), Nguyễn Ngọc Chi (Tustin CA), Lâm Anh Tú (Sammamash WA), Dinh H Pham (Grand Prairie TX, gia hạn đổi địa chỉ), Hồng Huy (Winnipag Canada), Võ Hồng San (Campsie Australia)

Đính chính:

Trong Văn Học số 196, trang 36, bài về Thơ văn Lý Trần của Trần văn Tích thiếu một câu thơ chữ Hán. Trước câu: *Vân thâm long ngự liễu nan phan* (hàng 3, từ dưới lên) thiếu câu: *Lục ám hạc điền kim tái đáo.* Xin quí bạn đọc thêm vào giùm. Cảm ơn quí bạn. *Văn Học*

Cái giường của tôi!

Thùy Dương

Cái giường của tôi gãy thanh dọc. Nó chưa gãy gục nhưng đã oằn đi đến khổ sở. Từ hôm nó có triệu chứng "mệt mỏi" tôi đã lờ mờ cảm nhận được. Nó không còn căng phồng, ưỡn ra một cách hãnh tiến như xưa nữa.

Tôi không mua nó về. Khi thuê nhà, nó đã nằm đó, gọn gàng, khiêm tốn. Nó là chiếc divan trong phòng ngủ. Vốn chú tâm sự "ngủ" hơn "ăn" nên nhìn nó, tôi xét nét, chả kém mẹ chồng chấm nàng dâu. Nó ngồi đó, vàng nhạt, phủ tấm ga nâu, văn hoa nhã nhặn, liên tưởng đến thiếu nữ mặc váy ngắn, khoe cặp đùi ý nhị bằng cách vắt chân điệu đà. Tất nhiên, kiểu đỏm dáng đó chỉ thoáng chốc. Nhiệm vụ của nó đâu ở phòng khách như mấy cô thư ký ẽo ợt. Nó là cái giường. Tôi ẩn nó kềnh ra. Vậy mà nó vẫn không kém vẻ khêu gợi. Nó ngả ngớn như ả nạ dòng đang lên hương. Tôi lăn ra dãn cái lưng đang muốn sụn xuống vì bê đồ. Nó nâng tôi lên, khe khẽ rung rinh, kích thích mơ hồ vào bắp thịt. Và tôi hài lòng, dù bà chủ nhà có vẻ "móc túi".

Nó yếu mệt và sụp xuống vào một ngày đẹp trời. Tôi cũng bắt chước các chính trị gia hoặc ít cũng như các chuyên gia hàng không, tìm nguyên nhân khi mọi sự đã rồi. Về nhân quyền, nó sẽ đọc tuyên án. Tôi không dám nhận là người đầu tiên hành hạ nó. Trước tôi thiếu gì kẻ đã thuê căn nhà này. Có lúc, vì ý nghĩ đó tôi chờn chợn rằng cái chỗ tôi nằm đã chồng chất biết đâu cả lũ da đen, da đỏ. Khiếp đến ngứa cả người. Nhưng ngứa là thứ bệnh ngoài da. Gãi chán rồi hết, có ai ngứa mãi được đâu, họa chăng chỉ người bị bệnh hoang tưởng mới ngứa cả đời. Hơn nữa, tôi không thuộc dòng những nhà thơ. Họ luôn viển vông với mong muốn "duy nhất", "riêng anh", "chỉ em". Gạt cái lũ đen, đỏ trong quá khứ có thể kia đi, bùi ngùi mà công nhận, cái giường "của

chúng ta" quá thiệt thòi. Tôi đổi đại từ sở hữu cho nó vì thiết tưởng, chẳng ai nằm một mình mãi. Sự ra đi của "sống lưng" nó âu cũng có góp phần của đại từ sở hữa kia. Dao động cộng hưởng với tiếng mưa thu rả rích hay rin rít, cọt kẹt của những cơn bão tuyết cuồng loạn ngoài khung cửa, mãi cũng tàn hơi, cũng theo quy luật sinh tồn. Còn nữa, thằng con 6 tuổi của tôi, đi học thì thôi, ở nhà nó "luyện" nhảy túi hơi ngay trên giường mẹ nó. Chao ôi, bạc phận cho cái giường. Chắc kiếp trước nó mang tội sát sinh nên kiếp này đêm ngày bị hành hạ thế.

Nhưng thương thì thương, mắt nhìn nó tàn tạ vẫn chán. Hai tấm lưng xưa kia nở nang, tạo dáng nay còm cõi, khom lại. Cứ nằm lên là nó co rúm, lưng chùn xuống ẩn dúi tôi vào giữa rãnh ngăn. Bao ôm ấp khéo léo ngày nào giờ biến đâu. Trọng lượng cơ thể tôi chẳng còn giãn đều từ đầu đến chân mà tập trung lại những vùng nặng nề. Vài ba nhấp nhô của tôi va ngay những điểm lồi đáng ghét của nó đến đau điếng. Từ chán sang ghét chẳng là bao. Tôi tạm ly thân với nó, bò ra nằm ké con. Thà bị thằng nhóc gác ngẹt thở còn hơn trơ mình với lồi lõm, tàn tạ.

Tất nhiên phải tìm vật thay thế. Ngày cuối tuần, tôi lao ra đường, lăm lăm địa chỉ các cửa hàng đồ gỗ lớn, nhỏ. Có đi mới biết nền công nghiệp phục vụ relax thân thể mang tính toàn cầu thế nào. Tôi lạc vào mê cung các trường phái nghệ thuật, từ Đông sang Tây, mang sắc thái từ thời Phục hưng đến cuộc cách mạng tình dục(!). Màu đỏ sẫm đầy đam mê của gỗ, những khắc chạm lượn sóng, lượn mây ẩn hiện mập mờ dưới những chiếc gối vô tình, góc chăn lật hững hờ mà các designer tài tình ném vào kéo không ít cặp mắt đậu lại, níu chân người mua. Dù không là công nương của mọi thời đại nhưng ai cấm tôi mơ được chiếm chệ trong lớp chăn đệm êm ái và mầu đỏ mây mưa đó. Xã hội đem thuế má ra để chứng tỏ tính văn minh nhưng chưa văn minh đến nỗi đánh thuế cả giấc mơ. Tôi cũng chưa khùng điên "trả thuế" cho giấc mơ tuyệt vọng của mình. Tôi lướt qua "khu quý tộc" với nụ cười lãng đạm đáp lại tấm thịnh tình của người bán hàng.

Gian hàng "tầm tầm" đông hơn. Chả gì, giá cả cũng một trong ba mặt cạnh tranh của người sản xuất. Không đứng xa ngắm nữa, tôi mạnh bạo theo gương các "thượng đế bậc trung" xông thẳng tới kiểm tra độ cứng mềm của mặt hàng. Lạy Chúa! Tôi không bao giờ muốn mình là kẻ "có mới, nới cũ" nhưng thực tế khẳng định rằng tôi đang từ từ ruồng bỏ hình ảnh thân thuộc, chiếc giường ọp ẹp của mình. Mớ đạo đức, nhân cách hay kinh nghiệm quý báu ngàn đời để lại, rằng không nên "đứng núi này, trông núi nọ" biến sạch như chùi. Quả núi tôi đang đứng sao nó vững chắc đáng ngả mình dựa dẫm đến thế. Nó hứa hẹn đầy đủ êm ấm

và chiều chuộm. Cứ nhìn những vai giường vồng lên như cánh cung, những tấm đệm dày căng, chỉ ấn nhẹ đã thấy rung khe khẽ. Cảm giác lan tỏa như bản hòa tấu chợt bừng lên khát khao rồi chầm chậm quay về e ấp.

Các model vây bủa tôi. Sang trọng pha nét thâm trầm cổ điển là đồ từ Anh, Thụy Sĩ. Thành giường bằng gỗ màu nâu, nổi những gờ nhỏ bọc đồng hoặc được khắc chìm đơn sơ nhưng đầy chất "nghệ". Lập lờ giữa "sang" và "tiện" là đồ Đan Mạch, Phần Lan. Giường đi với tủ, giá để đèn hay để dăm thứ cần... (có lẽ cần khi sắp ngủ) trông xinh xắn, ấm cúng. Trường phái gây bất ngờ và tạo nhiều ảo tưởng là đồ Italia và Tây Ban Nha. Đầu giường dóng chuỗi cọc đồng, inoc sáng bóng. Chỗ bám lý tưởng khi có cơn chấn địa trong đêm(!). Dân vùng Địa Trung Hải sao thích soi gương đến thế. Họ soi gương cả khi mất nhắm tít, quả là kỳ quặc! Đồ gỗ Nga đặt cuối gian, ăn giải số lượng. Cả vùng rừng Taiga trải kín Sibery cung cấp cho ngành công nghiệp gỗ của Nga hàng triệu triệu khối gỗ hàng năm. "Thừa giấy vẽ voi" vốn bản tính "Nga đồ sộ". Giường của họ cái nào cũng dư vững chắc. Lật thử mà coi phía dưới, có đến ba bốn "cột sống" bự như nhau. Cỡ tôi, nhảy lên đó tập thể hình mười năm cứ vô tư.

Đi tới, đi lui, ngắm qua, ngắm lại, tôi tập trung dần chúng vào phạm trù "đẹp, tốt, rẻ". Tôi biết mình đang giải bài toán vô nghiệm. Nói cách khác, nó chỉ có nghiệm khi thêm tham số người mua thuộc họ AQ. Trong hoàn cảnh này, tôi sẵn lòng đổi họ.

Tôi chấm vài chiếc như ý cũng là lúc mỏi chân, mắt hoa. Thôi thì, chín bỏ làm mười. Chiếc nào trong số này chả hơn đứt cái của đang ở nhà. Tôi tính hỏi phương thức thanh toán, vận chuyển. Lúc chờ tới lượt, tôi nhận ra mình bỏ qua một chi tiết tối quan trọng. Đó là kích thước. Tôi quá chú trọng ba điểm "chiến lược" trong kinh doanh mà quên mất chữ "hợp" rất đời thường. Mua giường đâu phải mua váy đầm mà chỉ hợp ý mình. Thật hú hồn, may chưa "tiền trao" không khó ăn món "cháo múc". Đàn bà nông nổi cũng đúng. Tôi đành ra về sau khi hỏi vuốt đuôi cô bán hàng "hụt" đầy nhiệt tình rằng mấy mẫu giường đó ngày mai có còn. Chả cần đoán câu trả lời theo công thức, nhìn đuôi mắt cô cong lên là biết mình bị "hạ giá" thế nào.

Trở về nhà trong lòng mang ít nhiều hậm hực, nhìn cái giường xấu xí, lù lù trong phòng mà buồn tê tái. Cứ như người tỉnh phải về nhà quê. Tôi xăm xăm đo đạc, thả sức tưởng tượng về một cái giường mỹ miều chạy đủ bốn góc phòng ngủ. Nhưng lại phát sinh "hậu cải tổ". Đặt góc trái ư? Vậy bàn trang điểm sẽ lấn TV. Chẳng nhẽ vì có giường mà không

xem TV hay khỏi trang điểm? Nếu muốn cả xem TV vừa "đẹp mặt" chỉ có cách tống chiếc tủ treo đồ ra khỏi phòng. Nhưng vứt đi đâu lại là câu hỏi không lời đáp. Đặt góc phải ư? Đầu chúi vào lò sưởi, mùa đông sẽ khô mũi đến đứt mao mạch khứu giác mất. Đặt sát cửa sổ cũng không xong, ngủ gió lùa, khéo "đi" sớm. Vậy còn mỗi chỗ, nơi chiếc giường khổ sở kia đang định vị. Nhưng cũng không ổn. Chiếc giường dự định nó to cao, tráng kiện chứ đâu khiêm nhường, tự ti như chiếc cũ kia. Đặt vào đó nó sẽ "lấn sân" cây đèn ngủ và bàn điện thoại. Không lẽ nào, đèn ngủ đem đặt giữa phòng, điện thoại mang ra cửa. Từ chỗ "hăng tiết vịt" tôi sắp thành quả bóng xẹp hơi. Tôi mò tủ lạnh, kều chai bia ra làm một hơi để "nâng cấp" tinh thần đang lượn xuống đáy hình sin. Cổ nhân dạy "nóng vội không được việc". Tôi quyết định "ướp lạnh" những khao khát của mình bằng chai bia thứ hai. Một ý nghĩ quan trọng nữa lại đến khi tôi cầm chai bia đi lại trong nhà, nhẩm tính xê dịch "tổng thể" chứ không chỉ phòng ngủ. Làm sao mang chiếc mới vào nhà và "tiễn" chiếc cũ ra đường? Nhà làm theo International Standard, giường tủ cũng theo đó. Khổ nỗi chủ nhà "sáng tác" nhiều lối rẽ quái đản trong căn hộ nên dù trình độ hình học không gian trung bình cỡ tôi cũng thừa ước lượng rằng hai thứ đó nếu muốn nguyên vẹn chỉ đi được qua đường cửa sổ! Phát kiến này dễ chừng knock-out tôi luôn. Nhà tôi tầng chín, chưa là viện bảo tàng để họ mang cần cẩu tới chuyển đồ. Thôi, không chừng cuộc cải tổ của tôi đi tong. Lòng nhão nhoét, vô vọng, tôi nhớ tới con bạn mình. Nó "mắc bệnh" chê chồng kinh niên. Động đâu chê đó. Tôi bảo:

- Mày làm như chịu kiếp đọa đày, gông ngục thoát không ra. Chê vậy sao không bỏ quách, khỏi mệt cái miệng?

Nó ngửng ngoảng:

- Ông Gorbachop chưa biết tương lai nước Nga ra sao đã phá tung cả hệ thống xã hội chủ nghĩa. Điên mà tao theo ông ta. Tao biết cái cũ dở mà chưa thấy cái mới chắc chắn hơn, đời nào tao làm "cách mạng"!

Trời, "chắc cục gạch" như nó, coi còn "hát cải lương" tới mệt. Còn tôi? Giờ tôi làm sao? Để được chỗ dựa ngon lành trong ngày tháng tiếp, chỉ có cách chuyển nhà. "Một lần chuyển bằng ba lần cháy" các cụ tổng kết rồi. Lằng nhằng kéo theo nào đường đi, lối lại, thông thổ, hàng xóm... và quan trọng nhất, thằng nhỏ nhà tôi phải chuyển trường. Với trẻ con không gì khổ hơn sự bất ổn định. Tâm can tôi có trăm ngàn mầm mống nổi loạn đi nữa cũng nguội lạnh vì mầm cây non nớt đó.

Tôi lân la lại gần chiếc giường của tôi. Trong nỗi buồn riêng tôi bỗng thương cảm cho nó. Đến nỗi này đâu không phải lỗi ở tôi. Tôi lang

thang, hão huyền tận đâu mà chẳng biết nó bao đêm nâng giấc tôi. Giấc mơ của tôi đã bao giờ có nó bồng bềnh trên sóng biển mải miết. Nơi những hoài vọng sâu xa, nó lạc lõng đứng ngoài. Có cái gì trường tồn cùng thời gian. Nó xưa cũ đi cũng như cuộc tình chỉ còn hằn vết tích xa xôi. Tình xưa tôi nâng niu, cất giữ như chiếc lá khô ép vào cuốn sổ đời, còn nó, hiện thực đó mà tôi nỡ lãng quên. Tôi vuốt nhẹ lên thân thể nó, chộn chạo như gặp vết thương lòng. Sao tôi không giúp nó lại trở về ngày xưa, ngày đầu tôi gặp nó.

Ý nghĩ cất bước chân. Tôi lật nó lên nghiên cứu. Gá thanh gỗ vào tạo thế nhưng không chắc được. Phải có sự nâng đỡ. Giá có vài viên gạch. À phải rồi. Tôi lệ mệ bê từng chồng sách vào phòng ngủ. Thông cảm chưa đủ, phải có tiếng nói chung mới bền vững. Tiếng nói của tôi hơi hướng cổ điển, thứ tiếng từ sách vở ra và đôi khi tràn cả vào sách vở. Chả biết đã bao giờ đời nó được nhiều "kiến thức" nâng đỡ thế chưa. Lưng nó, bộ tiểu thuyết "Chiến tranh và Hòa bình" bìa cứng đứng bên "Những người khốn khổ" cao bằng nhau chằn chặn như sinh đôi. Những thanh sườn, tôi chèn các tập chuyện ngắn được giải Nobel từ cổ chí kim trên đến bộ chuyện trinh thám Agata Kristy. Dăm ba chỗ lõm tôi lèn những tập thơ tình xuyên thế kỷ. Báo chí vô kể, từ tin tức kinh tế, chính trị tới thể thao, thoải mái trải lớp trên, lớp dưới.

Tôi mải miết xếp đặt, ấn dúi cho chiếc giường của mình. Giường của tôi đã đứng thẳng, hiên ngang không kém chiếc giường nào trên thế gian. Trước đây nó ẩn dấu nét khiêu khích hoang sơ, nay khoác ăm ắp kiến thức mới thực sự hấp dẫn. Tôi không kìm lòng được, thả rơi mình vào nó. Tiếng lạo xạo của giấy cọ vào nhau là lạ. Tuy không đàn hồi, trẻ trung như xưa nhưng âm thanh mới dường như kích thích sự khám phá nào đó trên nền tảng đang ngự trị. Tôi đê mê trong chờ đợi thăng hoa...

Cửa mở lạch xạch và tiếng giày bị đá văng lông lốc lôi hồn tôi lơ lửng đâu đó về nhập lại vào thân xác. Nghe bước chân đoán sự việc. Phản xạ có điều kiện là khả năng tự vệ của loài có neuron. Tiếng hát ư ử, lạc bè sang tận miền nào nghe tưng tức như ăn cơm sạn.

- Rượu vang mà uống cũng say.

Giọng mềm như bún là "tới" rồi. Một tuần, "quoắc cần câu" bốn ngày ở đâu đó, ba ngày còn lại "xuống chìm tại bến".

Tôi đi theo nhặt những gì rơi ra theo bước chân như một thói quen mệt mỏi. Tới phòng ngủ là đầy một ôm.

- Đã bảo hôm nay không nhậu mà tụi nó mời dữ quá, chối không lại

cưng à. Nhất định mai về sớm với... cư...ng... hớ hớ...

Chữ "cưng" cuối cùng đã méo sang tiếng ngáp. Cả tấm thân rơi bịch xuống giường. Tiếng kin kít, xào xạo của sách báo hết sạch gợi cảm, chỉ nhức nhối, chối tai. Lại hát:

- Một đời... ta bước... mắt dõi... ờ ờ ớ...

Hai chân hứng chí nện vào thành giường theo nhịp. Cái giường cũng rung lên cộng hưởng vẻ khoái trá. Chợt tôi nhận ra thành giường nghiêng dần, từ từ không cưỡng được, nó đổ chéo xuống. Mấy cuốn chuyện theo đà xoài ra tung toé. Người trên giường đã đi đến đoạn kết nghèn nghẹt xen câu tiếng Pháp không thiếu được trước khi vào giấc "C'est la vie!".

Tôi chán chường ngồi phịch xuống sàn, mục kích bãi chiến trường ngổn ngang. Cái giường nghếch một chân lên nhìn tôi diễu cợt. Sách báo không chịu làm vật thí mạng cho hạnh phúc, tự động tuồn ra từng quyển một. Người ngủ nghẹo đầu sang bên theo thế "bồ câu xã cánh".

Tôi bật cười méo mó "Ôi! Cái giường của tôi... C'est la vie!"

07/07/2002

Thùy Dương

Xin bạn đọc Văn Học tìm mua:

đợi khuya tàn bắt sống một chiêm bao

tuyển tập thơ, văn và thơ phổ nhạc của Quan Dương

Bìa của Mai Phương, chăm sóc bản thảo: Nguyễn Quỳnh Chi, trình bày nhạc bản: Phạm văn Vui. Tác giả tự xuất bản.

Quang Dương được dư luận chú ý trước hết là nhờ những bài thơ có giọng điệu bất cần, độc đáo của anh. Sau đó anh tìm thêm được những người yêu mến văn chương của anh qua truyện ngắn. Anh có nhiều độc giả vì thơ và truyện xuất hiện đều đều trên hầu hết các tạp chí văn chương ở hải ngoại.

Tác phẩm mới này gồm tám truyện ngắn, tám mươi bài thơ, và mười ba bài thơ phổ nhạc.

Sách dày 346 trang. Giá 12 Mỹ kim.

Địa chỉ liên lạc: Quang Dương

3736 Agateway Dr., Harvey, LA 70058 USA

Phone: 504-340-5394. Email: quangduong@yahoo.com

Đọc "Con Nữ" tập truyện của Đỗ Quỳnh Dao

Nguyễn Mộng Giác

Trước 1975, là một nhà giáo tỉnh lẻ, tôi ít có cơ may quen thân với hai nhà văn đàn anh Mai Thảo và Nghiêm Xuân Hồng. Sang Mỹ, Little Saigon là một khu tập trung đông đảo nhất những khuôn mặt văn nghệ Sài Gòn cũ trong một diện tích gần bốn dặm vuông, tất cả đều trở thành láng giềng gần gũi. Nhờ thế, tôi được nhiều dịp tiếp đón cả hai nhà văn ở nhà, những dịp cuối tuần. Cả hai vị đều trải qua tuổi già trong cảnh độc thân. Mai Thảo suốt đời không lập gia đình, về già sống một mình trong một căn chung cư ngay trên phố Bolsa. Nghiêm Xuân Hồng sống với vợ chồng con trai, nhưng các con bận việc làm ăn, ông phải tự lo lấy mọi việc. Những buổi chiều cuối tuần ở căn nhà đường Strait của chúng tôi là dịp hai vị được ăn một bữa cơm nóng, chuyện vãn với bạn bè lớp trẻ trong không khí ấm cúng gia đình, để những ngày còn lại sống tiếp cuộc sống cô đơn.

Dĩ nhiên cả hai vị đều tuổi già sức yếu, bệnh hoạn thường xuyên. Một lần nhà văn Mai Thảo làm bài thơ Dỗ Bệnh để đùa với nỗi bận tâm khó chịu của mình:

Mỗi lần cơ thể gây thành chuyện
Ta lại cùng cơ thể chuyện trò
Dỗ nó chớ gây thành chuyện lớn
Nó nghĩ sao rồi nó lại cho.
Bệnh ở trong người thành bệnh bạn
Bệnh ở lâu dài thành bệnh thân
Gối tay lên bệnh nằm thanh thản
Thành một đôi ta rất đá vàng.

Quả tình Mai Thảo rất thanh thản gối tay lên bệnh. Sức khỏe ông ngày càng yếu, ăn không được bao nhiêu, ngủ càng ít; bạn bè giục ông đi khám bệnh, ông phớt lờ. Cho đến lúc bệnh không "thân" với ông nữa. Bạn bè anh em phải đưa ông vào nhà thương. Cả năm trời, ông nằm yên một chỗ, ăn bằng máy, thở bằng máy, thân thể ràng buộc chằng chịt dây nhợ. Ai đến thăm, ông vui mừng ra mặt, nhưng không nói được những điều thân ái muốn nói, phải bút đàm. Ông mất khi kiệt sức và máy móc cũng bất lực.

Trước cảnh tượng phải vào nhà thương, chịu giải phẫu và sau đó bị cột chặt vào giường bệnh cho đến lúc trút hơi thở cuối cùng của Mai Thảo, nhà văn Nghiêm Xuân Hồng thường tâm sự là ông sẽ không dại dột như Mai Thảo. Ông không để cho "bọn đồ tể" trong y giới làm tình làm tội thân thể ông. Ông nhất định không đi nhà thương dù thú nhận rằng mỗi sáng thức dậy, ông có cảm giác như đang sống trong địa ngục. Hình như có hàng vạn con trùng đang gặm nhấm khắp cơ thể ông, máu trong người ông như lên cơn sôi. Phải nằm im cả buổi sáng, đến trưa ông mới cảm thấy bình thường, và buổi chiều tìm cách đi thăm người này người nọ để bớt thấy cô đơn. Về già, Nghiêm Xuân Hồng càng mê đạo Phật. Ông viết sách về Phật giáo, lâu lâu đi giảng kinh Phật ở các chùa. Một lần, chúng tôi hỏi thăm tình hình sức khoẻ của ông. Ông bảo không có đề tài nào đáng viết hơn là bệnh hoạn và cái chết. Ông biết như thế, nhưng không còn đầy đủ sức khoẻ và hứng thú để viết. Ông khuyên lớp nhà văn trẻ (trẻ hơn tuổi Nghiêm Xuân Hồng mà thôi!) nên chú tâm viết về các đề tài này. Chúng tôi không dám lên tiếng phản bác ý kiến của ông, nhưng trong lòng nghĩ chuyện đời sống (sinh) còn chưa viết hết, làm sao có thì giờ nghĩ tới lão, bệnh, tử.

Rồi đến lượt nhà văn Nghiêm Xuân Hồng ra đi. Khác với Mai Thảo, ông ra đi đột ngột, có thể nói là chủ động ra đi một cách nhẹ nhàng. Buổi sáng thứ bảy hôm đó, người bạn thường chở Nghiêm Xuân Hồng đến nhà chúng tôi mỗi chiều cuối tuần điện thoại cho chúng tôi, giọng hối hả, báo tin nhà văn đang mệt nặng. Ông vừa thều thào điện thoại cho anh, bảo phải đến gấp vì ông khó thở. Nhưng anh ấy không có xe, nên nhờ chúng tôi đến nhà xem tình hình sức khoẻ cụ Hồng ra sao. Chúng tôi đến, và thấy Nghiêm Xuân Hồng nằm một mình trong cái buồng con bề bộn đồ đạc của ông, dáng vô cùng mệt nhọc. Ông cho biết lúc nãy gần như không thở được, bây giờ đã khá hơn. Chúng tôi đề nghị gọi xe cấp cứu đưa ông đi nhà thương. Ông ngần ngừ, nhưng cuối cùng chấp thuận cho chúng tôi gọi 911. Một người bạn đồng thời cũng điện thoại báo tin cho con trai ông. Trong khi chờ đợi, ông bảo chúng tôi cất

giùm khẩu súng ông để ở hộc bàn viết. Biết chúng tôi thắc mắc, ông giải thích lúc nãy mệt quá, định với tay lấy súng chấm dứt cuộc đời mình cho nó xong đi, nhưng sức quá yếu, không với tay mở hộc bàn được. Rồi người con trai về, và xe cấp cứu đến. Bác sĩ bảo mạch tim ông quá thấp, phải ở lại nhà thương để theo dõi và chữa trị. Ông nhất quyết đòi về. Nhà thương đành để ông về sau khi làm một số thủ tục để tránh trách nhiệm bất cẩn nếu bệnh nhân có mệnh hệ gì. Nghiêm Xuân Hồng trở về căn phòng mình, có vẻ đỡ hơn, bảo con đi mua cháo. Người con mua cháo về, ông bảo để đó, ông nằm nghỉ một chốc đỡ mệt sẽ ăn. Mọi sự có vẻ bình thường. Sáng hôm sau, gia đình khám phá ông đã qua đời trong đêm.

Cái chết của hai nhà văn đàn anh để lại một ấn tượng sâu sắc trong tôi. Để lại rất nhiều câu hỏi. Trong suốt một năm dài nằm dính vào giường bệnh, thân thể bất động nhưng thần trí vẫn tỉnh táo sáng suốt, nhà văn Mai Thảo đã nghĩ gì? Nếu ông nói được hay viết được những suy nghĩ của ông trong thời gian đó, ông có "gối tay lên bệnh nằm thanh thản" được không? Tại sao nhà văn Nghiêm Xuân Hồng đã có lúc nghĩ tới chuyện dùng súng quyên sinh để thoát bệnh? Quyết định không thành ấy là sáng suốt hay do một phút yếu lòng? Ông đã cảm gì, nghĩ gì trong đêm thứ bảy lặng lẽ từ biệt cõi đời?

Nếu nhà văn Nghiêm Xuân Hồng còn sống đến hôm nay, tôi có thể vui mừng thưa với ông là có một nhà văn nữ ở Pháp viết về cái bệnh, cái chết một cách vô cùng tế nhị, tỉ mỉ và sâu sắc, trước đây chưa ai viết được như thế: nhà văn Đỗ Quỳnh Dao, với tập truyện ngắn đầu tay này.

Mười truyện ngắn của Đỗ Quỳnh Dao trong tác phẩm này là nỗi đau đớn da diết, nỗi lo bàng hoàng của mười bệnh nhân khác nhau về tuổi tác, chủng tộc, địa vị xã hội, bệnh trạng...nhưng mười bệnh nhân ấy có cái may gặp được một người bạn quí chẳng những biết chia sẻ nỗi đau thể xác và tinh thần của họ, mà còn có khả năng sử dụng một thứ tiếng Việt chuẩn xác để diễn tả những nỗi đau phức tạp ấy. Do bệnh, họ trở thành những đứa bé yếu đuối. Đỗ Quỳnh Dao ân cần lo lắng cho họ, xót xa cùng cơn xót xa của họ, băn khoăn cùng nỗi băn khoăn của họ. Bằng một ngòi bút mô tả cảm xúc và phân tích tâm lý vô cùng tinh tế, Đỗ Quỳnh Dao khiến tôi có cảm tưởng chính chị trải qua hết hoàn cảnh của mười bệnh nhân trong tác phẩm. Chị vừa là bệnh nhân vừa là những đứa bé đang cần lòng yêu thương của mẹ hiền. Đọc đoạn văn:

"Bà lão nằm nhỏ thó như đứa trẻ, gò má hóp dán vào xương và hố

mắt nhắm hõm sâu vào. Trên đầu vài chùm tóc bạc vắt lơ thơ trên gối. Dưới hai cánh mũi nhấp nhô, sợi dây nhựa tiếp oxygène ghim phập vào như cái chĩa hai lòng thòng chiếc đuôi màu trắng đục. Một vết lở dọc nơi chân trái rỉ nước vàng chung quanh miếng băng keo hút mủ. Còn lại chỉ nhúm da khô rốc như bị vắt ráo đang bọc những khúc xương nối liền" (Sau cô, cơn bão sóng)

tôi tưởng như được nhìn trở lại hình ảnh nhà văn Mai Thảo ở nhà thương Los Angeles hai tháng trước ngày ông từ trần. Hôm đó nếu không có tấm bảng ghi tên QUI NGUYEN (tên thật của Mai Thảo) treo trước giường bệnh, chắc tôi không tin cái hình hài nhỏ thó queo quắt như một đứa bé kia là Mai Thảo. Tôi không thể mô tả ông đúng hơn, gợi hình gợi cảm hơn cách Đỗ Quỳnh Dao tả bệnh nhân của chị. Và ngay cả câu hỏi liệu Mai Thảo có thanh thản gối tay lên bệnh bạn bệnh thân như lời thơ của ông hay không, Đỗ Quỳnh Dao cũng trả lời được một cách chính xác, rạch ròi. Tôi có cảm tưởng chị nói thay cho Mai Thảo:

Chung quanh tôi, là những xác chết còn tươi, những bộ xương biết cử động, những mái tóc giả đội xộc xệch, những hố mắt sâu quắm, những cái nhìn cam chịu buông xuôi, những nét mặt nhớn nhác lơ láo. ở đây cái bất thường không phải là chiếc đầu trọc lốc mà là mái tóc dày rậm. ở đây cái quen thấy không phải là gương mặt hồng hào ánh mắt tinh anh mà là gương mặt xanh mét ánh mắt lạc thần. Tôi mệt quá, tôi đau quá. Tim tôi mới 34 tuổi mà sao thoi thóp muốn ngừng, phổi tôi mới thở 34 năm mà sao nhọc nhằn muốn tắt. Thuốc chống đau chỉ ngăn được phần nào trận bão sóng dìm tôi vô cơn đau tận cùng xương tủy, nhưng không nhốt được những đợt sóng nhỏ đang âm ỉ quất roi trên tôi. Người tôi nát nhừ như bị dần trong cối, cái chày đá liên tục nện xuống giã tôi ra lụn vụn. Đừng bắt tôi uống thuốc, đừng bắt tôi chích thuốc, đừng bắt tôi vô hóa chất, tôi không muốn làm gì nữa, miệng cứ buốt lở, bạch huyết cầu cứ ra đi, xương thịt cứ bị đục ruỗng, tôi đầu hàng tôi chịu thua tôi bỏ cuộc. Tôi không chống đối nữa, vì Bệnh ở trong tôi lâu ngày Bệnh ở với tôi lâu tháng, Bệnh đã trở thành bạn-bạn bất đắc dĩ-, Bệnh cùng ăn với tôi, cùng ngủ với tôi, cùng thở với tôi và sẽ cùng đi với tôi. Hãy để tôi nằm yên, để tôi ngủ say, ngủ say một giấc dài (Sợi tình).

Xưa nay trong văn chương Việt Nam người ta có khuynh hướng muốn né tránh cái bệnh, cái chết. Nếu chuyện bất đắc dĩ không thể khác được, tác giả bắt buộc cho nhân vật chính mắc bệnh, thì căn bệnh

ấy hoặc ập đến bất ngờ "giải quyết mục tiêu" chóng vánh, hoặc mang dáng vóc siêu hình của Định Mệnh. Bệnh mà không hẳn là bệnh, nó gọn ghẽ, và đôi khi cần thiết cho câu chuyện lãng mạn thăng hoa. Ngay cả những bệnh nan y một thời như bệnh lao. Đọc Tố Tâm của Hoàng Ngọc Phách, người ta chỉ nhớ một cô Tố Tâm mình hạc xương mai mệnh yểu chứ không nhớ nàng như một bệnh nhân lao phổi. Bệnh nan y (càng nan y càng tốt) góp phần vào tình tiết bi thương lãng mạn của tiểu thuyết. Bệnh không còn là một mối đe dọa, một tai ách, một cơn tàn phá phũ phàng... Bệnh là một "sự cần thiết". Trong truyện ngắn của Đỗ Quỳnh Dao, bệnh là bệnh, nhìn ngắm quan sát không qua các biểu đồ hay bệnh án chuyên môn của y giới, mà qua lòng thương xót xa của một ngòi bút mẫn cảm.

Hắn trống hoác như cái xác không hồn. Cái xác tươi ấy thờ ơ với hiện thực, ăn mà không biết mình ăn gì, làm mà không biết mình làm gì, chỉ biết ngày qua ngày tụt dần vô trong một không gian khép chặt: không gian của cô đơn và buông thả. Nơi đây, hắn nằm co quắp như con cuốn chiếu, để mặc cho nỗi chán chường trải rộng ra trùm kín mít. Không dùng dằng ray rứt, không băn khoăn khắc khoải, mà chỉ bải hoải rã rượi, bạc nhược chán nản. Mọi năng lực ý chí như bốc hơi tan biến, hắn không muốn và cũng không còn sức làm một điều gì hết. Ngay cả làm vệ sinh hằng ngày cho chính mình, đánh răng rửa mặt tắm gội. Ngay cả uống thuốc của bác sĩ cho, lần gia đình mời đến khám bệnh. Bây giờ những ý niệm dơ sạch ốm đau... trơn trượt trên hắn và không có một chỗ trú nào trong tri thức. Ngày bần thần ngầy ngật, đêm trăn trở chập chờn, hắn bập bềnh lơ lửng không còn biết phân biệt sáng tối hay ngày tháng. Suốt ngày, chỉ muốn nằm, nằm đến đầu nhức bưng, vai rêm rả, và lưng mỏi rừ. Rồi ngồi dậy, thừ người trên ghế mây, nhìn đăm đăm cây bonsai khát khô, lá rũ vàng. Hắn không thiết ăn không thiết uống, quên bẵng cái bao tử lép cái cổ họng khô của chính mình thì còn tâm trí đâu mà nhớ đến cây? Nhìn cây chán, hắn lại đến ngồi nơi bàn gần cửa sổ. Trời có trong xanh nắng có lấp lánh thì với hắn cũng chỉ ui ui một màu chì. Tiếng xe cộ inh ỏi, tiếng nói chuyện có lào xào thì cũng không khác gì ngoài sa mạc. Ngồi chưa lâu thì hắn đã thấy mệt và trở lại giường nằm. Trong cái mênh mông của trống trải vô vọng, hắn tụt dần, tụt dần xuống tận đáy. (Con nữ)

Trong tác phẩm này, có những truyện như Sợi tình, Sau cô cơn bão sóng, Cuộn khói mong manh... là những tường thuật, mô tả, phân tích, lý giải, thâm nhập trọn vẹn và chí tình của tác giả vào tiến trình quanh

co phức tạp khởi từ cái bệnh đến cái chết, một công việc khó khăn ít có nhà văn nào mạo hiểm xông vào. Đỗ Quỳnh Dao có lẽ cũng biết như thế, nhưng chị tin vào kinh nghiệm sống của chị, tin vào sự thông cảm sâu xa giữa chị và những người bệnh chị gặp mỗi ngày. Lòng tự tín của chị có căn cứ, và chị đã thành công ngay trong sự lựa chọn mạo hiểm về đề tài và chất liệu, cho tác phẩm đầu tay.

Cả cách bàn về cái chết của Đỗ Quỳnh Dao cũng đặc biệt. Cái chết "bình thường" như tất cả mọi người có thể tưởng tượng ra:

Chị thở hắt từng hơi ngắn yếu ớt. Thoi thóp lụn dần, lụn dần, lụn dần như cây nhang tàn trong bát hương... Khí lạnh len lỏi trong máu ngấm vô tay chân khắp người, nhưng có hề chi khi tâm chị được sưởi. Môi chị tím, tay chân chị tím, người chị tím, nhưng có hề chi khi lòng chị nở nụ hồng. Quanh chị, mọi người thân đều có mặt và đang nói lời yêu thương.

Anh ngồi bên âu yếm xoa đầu chị lún phún sợi tóc nhỏ.

- Em đừng sợ cứ an tâm mà đi. ở đó đã có Cậu và Mợ chờ em sẵn. ở đó em sẽ hết đau đớn và khỏe mạnh lại như xưa. Những điều em dặn dò anh đều nhớ cả. Bây giờ anh không cùng đi với em nữa, mình phải tạm chia tay. Đến khi gặp nhau lại, hai vợ chồng mình sẽ tiếp tục làm những gì mình chưa kịp làm. Còn nhà này vĩnh viễn là nhà của em không có gì thay đổi.

Con gái chị cầm bàn tay tím lạnh của mẹ áp vào má, miệng không ngớt lầm thầm:

- Mẹ ơi, con thương mẹ, con cần mẹ...

Nơi chân giường cô bạn thân nức nở:

- Bạn cứ đi, rồi bọn mình sẽ gặp lại nhau sau và khi đó lại làm bạn thân tiếp tục.

Hỏi làm sao tâm chị không ấm áp lòng chị không nở hoa?

(Cuộn khói mong manh)

nhưng cách lý giải của Đỗ Quỳnh Dao về "chuyện bình thường" lại có cái gì "vượt thường":

- Bà nghĩ gì về cái chết?

- Ai cũng biết là mình sẽ chết một ngày nào đó. Biết vậy, rồi quên đi hoặc tránh né không nhắc lại. Đôi khi cũng có nói đến nhưng lúc đó cái chết thật xa vời mông lung không mảy may dính líu với ta. Và khi nó hiện ra thì ta hốt hoảng sợ hãi. Ta chỉ có chữ để nói về cái chết nhưng đó là những lời nói suông, mơ hồ, trống rỗng không hình tướng. Ta chỉ biết nó

là mất mát, là ngăn cách, là cái phi lý vô nghĩa, là cái không tưởng tượng ra được, và khủng khiếp hơn cả là sự kết thúc của ta. Ta cựa quậy vùng vẫy để tìm cách tự bảo vệ trước cái không biết là gì ấy đang càng lúc càng đến gần. Rồi dần dà ta thấy bình thản hơn vì nói ra được những lo sợ trong lòng, nói ra không có nghĩa là hủy diệt mà để rào giữ cái sợ dễ dàng hơn. Và nhờ vậy ta hiểu ra chết là cái gì thuộc về đời sống, là cái gì rất tự nhiên, phải đến. Hiểu ra nó là cực điểm, là lúc ta thấy rõ giá trị, nghĩa thật của cuộc đời.

Bà M. ngừng lại, siết chặt tay cô rồi nói tiếp:

- Cô biết không, tôi cám ơn cô rất nhiều vì nhờ cô tôi thấy mình vẫn là một người còn sống tuy cái chết đã kề cận. Đây nhé, tôi lấy thí dụ cho cô nghe, buổi sáng thức giấc nhìn thấy nắng, buổi trưa nghe tiếng lá tiếng gió, buổi chiều nghe trẻ tan học cười nói ríu rít ngoài đường. Lúc trước, đó chỉ là một hình ảnh một tiếng động hay một âm vang nhưng nay trở thành một cái gì rất thật rất sống. Nó cho tôi cảm giác dễ chịu an toàn là tôi vẫn còn sống. Nhiều khi tôi muốn hét to lên cho mọi người nghe: -tôi chưa chết đâu, tôi vẫn còn đây, tôi vẫn sống, tôi vẫn hiện hữu. Tôi sắp chết trong nay mai, nhưng hiện thời tôi còn sống, còn nghe, còn thấy, còn ăn, còn thở. Trên chặng đường cuối này, tôi cố gắng đi thẳng, mặt đối mặt với cái chết chứ không muốn vừa đi vừa quay lưng không dám nhìn. Lúc nào tôi cũng chủ động, tôi chấp nhận chứ tôi không cam chịu cái chết...Điều tôi mong ước là Thượng Đế đã cho tôi được sống một cách đàng hoàng từ xưa đến nay, bây giờ xin cho tôi cũng được chết một cách đàng hoàng, sống hay chết cũng đều toàn vẹn nhân phẩm.

(Sau cô cơn bão sóng)

Tôi vẫn thường ngạc nhiên thích thú khi đọc văn của những cây bút xa quê hương nhiều năm, nhiều người sống ở nước ngoài cả nửa thế kỷ mà khi viết văn vẫn sử dụng một thứ tiếng Việt tinh tế, chuẩn xác và uyển chuyển như những người hằng ngày vẫn suy nghĩ, giao thiệp, viết lách bằng tiếng mẹ đẻ. Đọc truyện của những nhà văn như Linh Bảo, Võ Đình, Mai Kim Ngọc, Đỗ Quỳnh Dao... tôi thấy rõ ưu điểm đó. Hình như tiếng Việt trong đời sống tinh thần của những nhà văn này được ủ lâu ngày bằng chất men thương nhớ quê hương, lại không vướng những tạp chất của đời thường và các biến cố thời sự, nên mỗi ngày mỗi tinh luyện, thăng hoa, sóng sánh như một thứ rượu quí. Ngôn ngữ của Đỗ Quỳnh Dao cũng đạt được mức độ tinh luyện như thế. Trong cuộc sống bình thường nơi xứ người, nhất là ở Sceaux Pháp quốc, tôi không nghĩ chị được sống trọn vẹn đời sống Việt như tôi và các bạn đồng hương ở

đây. Chúng tôi đang sống giữa cộng đồng đông đảo người Việt cùng một cảnh ngộ, cùng một kinh nghiệm về chiến tranh, cùng một số phận khi Việt Nam Cộng Hòa sụp đổ. Như đã có nhiều người nói, chúng tôi đang sinh hoạt trong một thứ "Việt Nam Cộng Hòa nối dài". Điều đó có cái lợi và cái bất lợi. Riêng về khả năng giao thiệp, và viết lách bằng tiếng Việt, dĩ nhiên chúng tôi có lợi thế hơn chị Đỗ Quỳnh Dao. Nhưng tập truyện này chứng tỏ điều "dĩ nhiên" ấy không "dĩ nhiên" chút nào. Chẳng những ngôn ngữ truyện của chị trong sáng, không vướng tạp chất, mà ngôn ngữ ấy còn đủ uyển chuyển để diễn tả được những vấn đề hết sức phức tạp, như cảm giác cô đơn bàng hoàng của người bệnh, những hồi tưởng về các vui buồn một đời của người sắp chết, tâm trạng băn khoăn giữa mặc cảm và ý thức phản kháng của những người đồng tính luyến ái...

Một ghi nhận khác về truyện Đỗ Quỳnh Dao là cách chọn đề tài. Như Mai Kim Ngọc, Linh Bảo, Võ Đình...do sinh sống lâu năm ở xứ người, Đỗ Quỳnh Dao không bị ràng buộc vào những đề tài quen thuộc của văn chương Việt Nam, là thời sự chính trị. Chị may mắn định cư ở một đất nước mà định chế chính trị được xem như đã ổn định, không còn gì phải bàn cãi nữa. Có bàn cãi chăng, là bàn cãi về phương cách thực hiện những lý tưởng của định chế đó sao cho hữu hiệu, phù hợp với biến chuyển của thế giới. Nhờ thế, những nhà văn như Mai Kim Ngọc, Linh Bảo, Võ Đình, Đỗ Quỳnh Dao thường chọn những đề tài thuộc về nhân sinh nói chung. Nhân vật của họ không cần phải mang quốc tịch Việt Nam. Họ cũng không bị buộc phải hoan hô đả đảo ai. Hạnh phúc hay đau khổ thuộc về thân phận con người, không có biên giới. Đề tài truyện nhờ thế thoát ra khỏi biên giới của một cộng đồng, một quốc gia. Đề tài của muôn nơi, muôn thuở. Như sự sống và cái chết. Như cái già cái bệnh. Như tuyệt vọng trước thời gian và hy vọng vĩnh cữu. Những đề tài ấy, một nhà văn từng trải qua bao nhiêu thăng trầm chính trị như Nghiêm Xuân Hồng, khi ở vào tuổi xế bóng, mới thấy là đề tài quan trọng. Nhưng Nghiêm Xuân Hồng không còn đầy đủ sức khỏe để viết về những đề tài ấy.

Một lần nữa, tôi muốn thưa với nhà văn Nghiêm Xuân Hồng rằng: "Đã có người thực hiện được ý nguyện của anh. Chỉ tiếc là anh không còn ở cõi đời này để đọc tập truyện Con Nữ của chị Đỗ Quỳnh Dao.

Nguyễn Mộng Giác

Tin văn

Thế Quân

* Vụ án văn học Nga: văn chương hay khiêu dâm?
* Con chim đầu đàn của văn chương Á Rập hiện đại: Adonis
* Chaim Potok: xung đột giữa đức tin và đời sống.
* Trở về với hiện thực: trường hợp Orly Castel -Bloom

*** Vụ án văn học Nga: văn chương hay khiêu dâm?**

Sinh hoạt văn chương ở Nga đột nhiên sôi động hẳn lên do một vụ kiện cáo liên hệ đến văn chương. Đứng đơn kiện là một tổ chức thanh niên có tên là "Moving Together" (về tổ chức này, xem lại TV, Văn Học số 192, tháng 4/2002). Bị cáo là Vladimir Sorokin, một nhà văn đang rất nổi tiếng ở Nga viết văn theo lối hậu hiện đại, hết sức táo bạo, tục tĩu, kỳ quái và lập dị.

"Moving Together" là một tổ chức thanh niên mới được thành lập năm rồi. Về phương diện chính trị, nhóm có lập trường ủng hộ tổng thống Nga đương nhiệm Putin và về phương diện văn hóa, nhóm phát động một cuộc vận động "trong sạch hóa" nền văn chương Nga hậu-Cộng Sản mà theo họ, hiện đang bị "vấy bẩn" bởi sinh hoạt tự do quá trớn và bởi những nhà văn theo khuynh hướng "hậu hiện đại" (post-modernism). Vào cuối tháng 6/2002 rồi, họ tổ chức một cuộc biểu tình bên ngoài rạp hát Bolshoi và trước Bộ Văn Hóa Nga để phản đối việc trình diễn một vở kịch mới, biên soạn theo "Goluboye Salo", một tác phẩm rất *"hot"* hiện nay của Sorokin. "Moving Together" tố cáo truyện không phải là một tác phẩm văn chương mà chỉ là một loại sách khiêu dâm trá hình. Tại các cuộc biểu tình, những thanh niên trong nhóm mặc áo thun, mang hình tổng thống Putin, trương những tấm bích chương có

trích dẫn những đoạn văn tục tĩu nhất từ tác phẩm trong lúc những thành viên khác xé sách và ném vào một nhà xí thật lớn làm bằng cạc tông được dựng lên ngay giữa phố. Họ kết án Sorokin là một nhà văn "đê tiện" và "vô luân".

Trước áp lực ngày càng gia tăng của nhóm, cảnh sát buộc phải thụ lý hồ sơ. Và ngày 12 tháng 7/2002, họ loan báo sẽ mở một phiên tòa để xét xử Sorokin. Theo Svetlana Petrenko, một phụ tá cho trưởng công tố Moscow, thì vụ kiện được tiến hành sau khi các công tố viên tìm thấy rằng có những phần trong tác phẩm "Goluboye Salo" (tức Blue Lard hay Gay Lard) (1999) là có tính khiêu dâm. Tựa đề, trong Nga văn, ám chỉ đến tính cách đồng tính luyến ái. Đặc biệt trong đó có một đoạn hư cấu, tác giả mô tả một cảnh làm tình giữa hai nhà cựu lãnh đạo Cộng Sản Joseph Stalin và Nikita Khrushchev. Có lẽ đây là một trong những lý do chính khiến nhiều người, đặc biệt là những người lớn tuổi và đã từng cộng tác với nhà cầm quyền Cộng Sản trước đây, tán thành lập trường của nhóm "Moving Together". Họ không muốn người ta đem những lãnh tụ của họ ra bêu riếu và làm nhục. Vụ kiện còn nhắm đến nhà xuất bản của truyện là Ad Marginem và cả những người bán sách, tức là các tiệm sách. Theo một bản tường trình mới đây trên tờ nhật báo Kommersant, cơ quan tư pháp để ý đến cuốn truyện là vì có người gọi đến sở cảnh sát than phiền về những màn làm tình giữa Stalin và Khrushchev.

Sorokin sinh năm 1955. Ông viết nhiều truyện dài, kịch và phim truyện. Một số tác phẩm được dịch ra tiếng Âu Châu và Á Châu. Nhiều nhà phê bình văn chương Nga nhận xét rằng, sau 1991 (năm chế độ CS sụp đổ ở Nga), không có tác phẩm nào xuất sắc tiêu biểu cho nền văn học Nga. Nhiều nhà văn kiếm được độc giả là nhờ những tác phẩm trộn lẫn giữa văn chương và tình dục, trong đó có Sorokin. Một số độc giả không mấy thích Sorokhin vì cho ông có lối viết văn hạ cấp. Thực ra, tác phẩm của Sorokin rất phổ biến, được nhiều thành phần trong giới trí thức và thanh niên ưa chuộng vì tính cách mới mẻ và táo bạo của nó. Ông được nhiều nhà phê bình khen ngợi là có lối viết văn bậc thầy (master stylist) vì khả năng có thể bắt chước lối văn tinh tế cổ điển của những tác phẩm thế kỷ 19 và loại hiện thực xã hội chủ nghĩa Sô-viết cộng thêm với bạo động và tình dục.

Vụ kiện cáo gây ra nhiều phản ứng khác nhau.

Cơ quan thông tấn Interfax trích thuật ý kiến của Alexei Simonov, người đứng đầu "Glasnost Defense Fund", một tổ chức chuyên theo dõi quyền tự do phát biểu, cho thấy rằng cuộc điều tra sẽ dẫn đến ý đồ kiểm

duyệt các tác giả. "Vấn đề không phải là các tác phẩm của Sorokin có chứa đựng thứ ngôn ngữ thô tục hay không, mà việc kết án bất cứ nhà văn nào lại rất nguy hiểm, xét trên quan điểm tự do báo chí". Nhà hoạt động nhân quyền Oleg Mironov, nguyên là một người làm luật thời Sô-Viết, phê phán thứ ngôn ngữ thô tục, khiêu dâm của Sorokin, nhưng cho rằng vụ khởi tố sẽ không giải quyết được gì. Nhiều người khác thì cho rằng vụ kiện chắc chắn có bàn tay giựt dây của tổng thống Putin và những người ủng hộ ông, vốn là những thành phần có quan hệ chặt chẽ với chế độ Cộng Sản trước đây. Họ muốn từng bước thử nghiệm chủ trương áp đặt sự kiểm soát nghiêm ngặt trên toàn thể xã hội (như dưới thời Cộng Sản), trước hết qua con đường văn hóa và qua một yếu tố trông có vẻ không dính líu gì đến chính trị cả: vấn đề đạo đức.

Tuy nhiên, nhiều người khác lại có một cái nhìn lạc quan hơn. Họ cho rằng vụ kiện là một sự kiện thuần túy văn chương, không dính dáng gì đến chính trị và kinh tế. Đó là một dấu hiệu tích cực cho thấy văn chương đang thực sự trở lại trong đời sống người Nga sau một thời gian dài bị đình đốn và đầy bất trắc. Vladimir Makanin, nhà văn và là chủ tịch ban giám khảo giải văn chương mở rộng Booker (giải văn chương lớn nhất và có uy tín nhất tại Nga hiện nay, trị giá 12.500 đô-la do một doanh gia giàu có tài trợ) đưa ra một nhận định rất lạc quan: "Văn chương hiện hữu, đúng là nó đang hiện hữu". Ông diễn tả văn chương Nga hiện nay "giống như một cục than hồng, nó đang đỏ hồng. Hãy cho chúng tôi thêm ít gió, ngọn lửa sẽ bùng lên". Đúng như nhận định đó, theo nhiều nhà nghiên cứu, trong khoảng chừng hai, ba năm trở lại đây, có vẻ như đang có sự hồi phục trong việc viết lách, sáng tác sau một thời gian dài chững lại. Những năm của thập niên 1990, sau khi chế độ Cộng Sản sụp đổ, cả đất nước không biết là mình đang ở đâu. Nhiều nhà văn buồn bã tự hỏi chẳng biết văn chương có còn đóng vai trò gì ở nước Nga như trước đây nữa hay không. Với nền kinh tế thị trường vừa mới du nhập ào ạt tràn vào với các hình thức quảng cáo, cạnh tranh, tiếp thị làm rối tung lên một xã hội từ lâu vốn yên tĩnh trong cơ chế xã hội chủ nghĩa, lúc đầu, nhà văn cảm thấy như mất phương hướng. Phải đợi đến khi mọi thứ dần dần ổn định, rõ nét, các nhà văn mới hình dung ra được cái xã hội mới đang hình thành với bao biến tướng phức tạp của nó và bắt đầu nhìn thấy được nên viết những gì. Bây giờ, cứ độ chừng vài tháng, lại có một tác giả viết một cái gì đó đặc biệt, dấy lên một phong trào bàn tán, khen chê sôi nổi. Các tiệm sách chật ních sách và người đợi mua. Một thế hệ những nhà văn mới xuất hiện và qua họ, cả một giai đoạn lịch sử (10 năm) thay đổi lớn lao dần dần được phản ảnh trong văn chương.

Tuy thế, văn chương thời kỳ này khác hẳn so với trước đây. Khác với nhiều nước khác, ở Nga, qua hơn một thế kỷ văn chương, nhà văn bao giờ cũng giữ một địa vị rất được kính nể. Văn chương là tiền tuyến của những phong trào đối lập muốn thay đổi chế độ chính trị hay các chính sách. Trong hoàn cảnh đó, nhà văn trở thành lương tâm của quốc gia. "Trong văn chương Nga, nhà văn thường được xem là nhà giáo", theo Makanin. Sau khi xuất bản độ vài tác phẩm, nhà văn "bắt đầu giảng dạy cho người ta về đủ thứ chuyện trên đời: từ chuyện bầu cử cho đến chuyện bếp núc, chọn nghề và vô số chuyện linh tinh khác trong đời sống. Thực ra, chẳng nhà văn muốn làm cái việc khôi hài đó, nhưng "truyền thống bó buộc họ làm". Trong thời kỳ Cộng Sản, chính quyền Cộng Sản lợi dụng truyền thống đó, bó buộc các nhà văn phải viết theo đường lối xã hội chủ nghĩa, ca ngợi Đảng và chủ nghĩa CS nhằm quy tụ quần chúng. Nhà văn nào vâng lời sẽ được cho phép in ấn thả giàn, được o bế, quảng cáo, tâng bốc trong lúc những nhà văn khác thì bị trù dập, cấm đoán, bắt bớ, dọa nạt, trục xuất hay bị thủ tiêu. Dẫu vậy, những nhà văn chân chính - "lương tâm thực sự của đất nước" - không bao giờ thiếu, ngay cả trong những giai đoạn đen tối nhất. Solzhenitsyn chẳng hạn. Ông viết những tác phẩm vô cùng can đảm, tố cáo những trại lao động khổ sai mà sự tàn bạo của chúng đã khiến hàng triệu người Liên Sô phải bị chết và những tác phẩm đó đã đóng góp một phần rất lớn trong sự suy tàn của Liên Sô. Ông bị trục xuất khỏi Nga cho đến khi chế độ Liên Sô sụp đổ mới trở về và hiện vẫn rất được kính trọng. Tuy nhiên, theo Lyudmila Ulitskaya - nhà văn đoạt giải Booker năm rồi (2001) và tác phẩm được dịch ra 20 thứ tiếng - có lẽ Alexander Solzhenitsyn là nhà văn cuối cùng của những thế hệ, theo đó, "nhà văn có thể thay đổi tiến trình xã hội hay ít nhất cũng có tham vọng như thế".

Ngày nay, Ulitskaya nói, "vai trò của nhà văn như là ý thức của quốc gia đã biến mất hoàn toàn. Văn chương hiện đại ở Nga trông cũng giống như các nơi khác trên toàn thế giới". Bây giờ nhà văn sáng tác trong một không gian và một tinh thần từ mới đến hoàn toàn mới. Họ không muốn dạy dỗ bất cứ ai. Họ nghĩ làm sao viết cho hay và bán cho chạy và làm sao họ có thể diễn tả được hết những gì họ suy gẫm. Bằng chứng là sự thành công ngoại hạng của Grigory Chkhartishvili. Tác giả này vốn là một học giả và là dịch giả Nhật văn, sau này trở thành một nhà văn rất ăn khách, viết dưới bút hiệu Boris Akunin. Ông dựng nên một nhân vật là thám tử vào cuối thế kỷ 19 tên là Fandorin. Tác phẩm nằm hàng đầu trong danh sách "best seller", bán được hơn 6 triệu bản, được quay thành phim và dịch ra nhiều thứ tiếng nước ngoài. Thành

công của Chkhartishvili được các nhà nghiên cứu xem là một hiện tượng mở đầu cho một thời kỳ văn chương mới. Vào những năm đầu thập niên 1990, sau khi Liên Xô sụp đổ, độc giả văn chương Nga chỉ có hai thứ để chọn lựa: hoặc là các tác phẩm cổ điển là thứ luôn luôn sẵn có trên thị trường hoặc là sách báo lá cải với những truyện hư cấu tầm thường, nhạt nhẽo. Thành phần độc giả này là những người mới hoàn toàn dựa trên chính họ, bằng một tinh thần mới. Họ hầu hết có trình độ giáo dục cao, kiêu hãnh về mình, muốn có thứ giải trí cao cấp. Họ chán phải đọc đi đọc lại loại văn chương cổ điển và khinh rẻ loại văn chương "rác rưởi". Họ muốn có một thứ gì nằm ở giữa cả hai loại. Nhân vật Fandorin của Chkhartishvili, được dựng trong khung cảnh của thế kỷ 19 là thời kỳ được xem như vàng son của Nga trước khi Cộng Sản nắm chính quyền, lại viết với một văn phong mới, quả là một nhân vật thích hợp với khẩu vị của tầng lớp độc giả mới.

Trong lúc đó, cũng là mới, nhưng ngược hẳn với Chkhartishvili, nhiều nhà văn trẻ xuất hiện, nổi bật với lối viết táo bạo và thực nghiệm, từ bỏ hẳn loại văn phong kín đáo, đài các cũ mà họ cho là đã trở thành sáo mòn và thiếu chất sống. Nội dung thì nhắm đến các chi tiết tầm thường, dung tục, vô nghĩa. Sorokin có lẽ là điển hình cho lớp nhà văn "mới toanh" này ở Nga hiện nay. Bắt đầu viết như một nhà văn lậu (underground writer) từ hồi còn chế độ Xô Viết với những tác phẩm luôn luôn gây ra tranh cãi - và theo một số người thì không thể đọc được -, ông cho hay ông "chẳng bao giờ xem mình là một ý thức của xã hội tương tự những nhà văn của thế kỷ 19 và 20. Lúc đó, người ta đọc nhiều. Ngay cả Tolstoy cũng cảm thấy mình như là một nhà tiên tri và người ta đến gặp ông như gặp một vị thánh. Họ thường hỏi ông đủ thứ câu hỏi từ cách sống cho đến việc hôn nhân" (...) "Tôi thì tôi chẳng thích cái trò đó. Suốt đời tôi viết cho tôi và cho chỉ mình tôi thôi. Tôi có một quan điểm đơn giản: văn chương là một thứ ma túy đối với người nghiện. Không có nó, chúng ta không sống còn được, cũng như là nếu chúng ta không có nghệ thuật nói chung vậy. Nếu văn chương là một thứ thuốc và tôi là người sản xuất thì công việc chính của tôi là làm cho nó đủ mạnh và sạch sẽ. Còn người ta sử dụng nó như thế nào, phân phối thế nào, bán thế nào và tác dụng ra sao, đó không phải là việc của tôi", Sorokhin khẳng định. Masha Lipman, phụ tá biên tập của tuần báo "Ezbenedelny Zhurnal, nhận xét: "Nhà văn có tài thích thí nghiệm hay làm một điều gì đó khác biệt, nhằm lôi cuốn những người muốn tìm một cái gì mới. Họ cố gắng gây "sốc" bằng cách viết về cái tục tĩu, bạo động. Điều cuối cùng họ muốn là làm sao diễn tả cho được được cái

dung tục, tầm thường, vô vị (mundane)".

Ngoài ra, điều hết sức khó khăn cho những nhà văn mới là làm sao nắm bắt được một cách đầy đủ những biến động lớn trong thập niên vừa qua: các rối loạn về chính trị, sự tiếp nhận kinh tế tư bản, quyền tự do cá nhân vân vân. Một số nhà văn cố phản ảnh bầu không khí thời đại mới. Chẳng hạn như Victor Pelevin hay Makanin. Pelevin với truyện "Generation P.", một *best seller* ở Nga năm 1999, thăm dò sự phi lý của nền kinh tế thị trường đang hình thành ở Nga. Một nhân vật trong đó phát biểu rằng "Đây là một thời đại vô cùng đặc biệt. Không bao giờ có một thời đại giống như thế và sẽ không bao giờ có lại. Đây tựa như một cuộc đổ xô tìm vàng". Còn Makanin thì thăm dò sự bất trắc về tương lai của Nga trong "Escape Hatch". Nhân vật chính sống trong hai thế giới: một là bóng tối, hoang vu với đám quần chúng giận dữ chiếm lĩnh đường phố và một là một thế giới giàu có, đầy ánh sáng. Nhân vật di chuyển qua hai thế giới bằng cách trèo qua một lỗ hổng trong quả đất. Manakin viết truyện này khi đế quốc Liên Xô đang bị tan rã và chẳng ai biết một nước Nga mới sẽ khai sinh ra và tồn tại như thế nào.

Các nhà phê bình văn chương cũng như những nhà văn cho rằng văn chương Nga hiện đại phải đụng độ với thời gian náo loạn của thập niên rồi. Theo Irina Prokhorova, giám đốc của tạp chí "New Literary Review", thì "Sau 10 năm, người ta đang phản ảnh lại những gì đã xảy ra đối với họ. Chúng tôi chỉ mới bắt đầu". Theo bà, cũng phải 20 hay 30 năm nữa thì những nhà văn Nga mới phân tích hết được tỉ mỉ những gì đã xảy ra. Hiện bây giờ thì "bạn không thể diễn tả các cảm giác về những năm của thập niên 1990. Quá lạ lùng: nếu bạn muốn phê phán cái gì đã xảy ra ở Nga, bạn không thể tìm thấy ở trong văn chương. Chúng tôi đang ở ngay trung tâm của cơn lốc".

Riêng đối với Sorokin, cơn lốc đang xảy ra: bị cảnh sát điều tra. Trong một cuộc phỏng vấn trên đài phát thanh, ông nói việc điều tra và kiện cáo là "hoàn toàn ngớ ngẩn. Đó là một tiểu thuyết, một tác phẩm văn chương. Nó sử dụng lối nói bộc trực và không có chỗ cho trí tưởng tượng, nhưng như thế không có nghĩa là khiêu dâm. Văn chương, cũng giống như văn hóa, phải có răng, nếu nó muốn bắt kịp với thời đại nhiễu nhương mà chúng ta đang sống. Văn hóa không nên như con mèo thiến (neutered tomcat): dễ chịu, mập mạp và hành vi nào cũng có thể đoán trước được". Những từ ngữ tục tĩu mà ông dùng không có thể quy cho là khiêu dâm vì từ lâu chúng " vốn là một phần trong nền văn hóa bình dân Nga". Theo ông, thì phiên xử được tổ chức có tính bày hàng (show trial), y như những phiên tòa chính trị dưới thời Stalin. "Cái đó có thể tạo ra

một chiều hướng báo hiệu cho một sự tẩy rửa trong toàn bộ nền văn chương và văn hóa". Nhưng mặt khác, ông lại cho rằng "Đây là một cuộc chống đối về phương diện văn chương và chống văn chương. Tôi không thể tưởng tượng một hoạt động như thế này có thể xảy ra chỉ cách đây chừng 7 năm thôi".

Theo tin của hãng AP, vào ngày 29/7/02, nhà văn Sorokin đã từ chối trả lời những câu hỏi của cảnh sát. "Tôi từ chối đưa ra những bằng chứng bởi vì tôi xem chuyện này là một điều phi lý, xấu xa và có vẻ muốn làm nhục tôi với tư cách là một nhà văn và làm nhục toàn thể nền văn chương Nga", Sorokin nói với các phóng viên bên ngoài sở cảnh sát Moscow. Trước đó, Sorokin và nhà xuất bản Ad Marginem đã đâm đơn kiện ngược nhóm "Moving Together", cho rằng nhóm đã công bố những trích đoạn của tác phẩm Sorokin mà không hề xin phép và đòi nhóm phải bồi thường thiệt hại 150.000 đô la.

Cùng ngày, một nhóm người hâm mộ đã tụ tập để ủng hộ tác giả. Những người biểu tình đã trương các khẩu hiệu: "Chúng tôi bảo vệ nghệ thuật" và "Chính nhóm Moving Together là Công tố viên và cơ quan Kiểm Duyệt". Một trong những người tham gia biểu tình, nhà làm luật Sergei Mitrokhin, phát biểu "Thật là vô cùng nguy hiểm khi nhà cầm quyền một lần nữa lại bắt đầu lợi dụng những người như thế và...tác phẩm sáng tạo của họ. Nếu chúng ta không chận đứng điều này ngay từ lúc đầu, chúng ta có thể sẽ gặp rất nhiều khó khăn trong tương lai". Luật sư Genrikh Padva của Sorokin nói thân chủ của ông nại quyền được hiến pháp quy định để từ chối đưa ra bằng chứng chống lại chính mình.

Nếu bị buộc tội, nhà văn Sorokin có thể bị kết án đến hai năm tù. Nhưng trông bộ vụ kiện cáo này còn kéo dài. Đành *wait and see* vậy!

*** Con chim đầu đàn của văn chương Á rập hiện đại: Adonis**

Tuy không phải là người được ưa chuộng nhất và không nổi tiếng bằng Mahmoud Darwich (nhà thơ Palestine, xem TV, Văn Học số 191, tháng 3/2002), không những thế lại bị nhiều người chống đối, nhưng Adonis lại được những nhà phê bình văn học xem là nhà thơ vĩ đại nhất còn sống của thế giới Á Rập. Ông là nhà thám hiểm tiên phong về thơ của thế giới Á Rập, được nhiều nhà phê bình văn học so sánh với nhà thơ T. S. Eliot của thi ca các nước nói tiếng Anh về chủ nghĩa hiện đại trong văn chương. Edward Said, nhà phê bình văn học, gọi ông là "nhà thơ Á Rập táo bạo nhất và khiêu khích nhất ngày nay". Còn nhà thơ

Sumuel Hazo, người đã dịch tuyển tập thơ "The Pages of Day and Night" của Adonis, khẳng định thi ca Á Rập chia ra hai thời kỳ rõ rệt mà mốc điểm chính là Adonis: thời kỳ trước Adonis và thời kỳ sau Adonis. "Có thơ Á Rập trước Adonis và thơ Á Rập sau Adonis", ông viết.

Adonis sinh năm 1930 ở Qassabin trên một làng quê thuộc bờ biển Latakia, Sirya. Cha mẹ là nông dân nghèo, không đủ sức nuôi con đi học. Cha ông phải dạy ông học đọc kinh Coran và thơ tại nhà. Đến năm 14 tuổi ông mới có cơ hội đến trường. Năm 19 tuổi, ông đổi tên thành Adonis, là tên của một vị thần trong chuyện thần thoại Hy Lạp. Ông học triết học tại đại học Damascus, Syria. Năm 1956, sau khi ở tù gần một năm vì tội chống chính phủ, ông trốn sang Beirut, thủ đô xứ Li Băng (Lebanon) và rồi lấy luôn quốc tịch Li-Băng. Beirut là một nơi trú ẩn sinh động của đủ loại người, trong đó không thiếu những phần nổi loạn lưu vong, rất thích hợp với một người có máu phiêu lưu và ưa thử thách như Adonis. Ông tiếp tục theo học tại "St Joseph University" ở Beirut và tốt nghiệp tiến sĩ năm 1973. Trước đó, ông nhận được học bổng sang học một năm ở Paris. Ông là giáo sư văn chương Á Rập tại đại học Li-Băng (giữa những năm từ 1970 đến 1985), giáo sư thỉnh giảng tại đại học Damascus (1976) và giáo sư tiếng Á Rập tại đại học Sorbonne (Pháp). Ông cũng được mời dạy tại một số đại học Tây phương khác. Năm 1985, ông trở về sống tại Paris.

Trong thời gian ở Beirut, cùng với một người bạn là nhà thơ Li Băng Yusuf Al-Khal, ông đứng ra xuất bản một tập san chuyên về thơ có tên là "Shi'r" (Poetry), một diễn đàn cho lối làm thơ thực nghiệm và chuyên dịch thơ của các nhà thơ Âu Châu. "Thơ thuộc thế giới Á Rập trong giai đoạn này đều thiên về lòng ái quốc và truyền thống. Chúng tôi cố gắng giúp khám phá lại tự ngã, cá nhân nhằm chống lại xu hướng bộ tộc, nghĩa là chống lại những hình thức văn hóa truyền thống. Và mặc dù chúng tôi bị tẩy chay, tố cáo là theo Mỹ và đủ thứ tội lỗi khác, mọi người đều thừa nhận rằng tất cả thơ ca Á Rập đều chịu ảnh hưởng của Shi'r". Năm 1968, ông xuất bản một tập san khác, Mawa Qif (Positons) mở rộng mục tiêu của Shi'r (bao gồm cả chính trị). "Dự tính của chúng tôi là đặt thành vấn đề toàn thể nền văn hóa và lịch sử - không chỉ thơ - nhằm làm mới lại toàn thể tư tưởng Á Rập".

Vừa là một nhà thơ vừa là một nhà lý thuyết về thơ, đồng thời cũng là một nhà tư tưởng với quan điểm hết sức cấp tiến, ông có một ảnh hưởng lớn lao không những trên những nhà văn, nhà thơ đương thời mà còn trên những thế hệ nhà thơ trẻ về sau. Ở trong thế giới văn chương Á Rập, tên của ông đồng nghĩa với từ *"hadatha"*, có nghĩa là "chủ nghĩa

hiện đại" biểu hiện rõ ràng qua thơ và các bài phân tích về thơ của ông. Những tác phẩm viết về thơ ca như *Zaman al-shi'r* (1972) là những mốc điểm quan trọng trong lịch sử phê bình văn chương thế giới Á Rập. Vai trò của ông là cung cấp cương lĩnh (platforms) cho nền văn chương đó. Ông cắt đứt với quá khứ và cách mạng hóa mọi thứ. Thơ của ông có tính thực nghiệm, tiên tri, là một tổng hợp giữa sự làm mới lại về hình thức của chủ nghĩa hiện đại và tính cách huyền bí của thi ca Á Rập cổ điển. Nó gợi nên những đau đớn tột cùng và sự cô độc tâm linh của thế giới Á Rập, kinh nghiệm độc hại của điên loạn, khoái lạc tình dục, vũ khúc hiện sinh của bản ngã và tha nhân. Nhưng hơn hết thảy, theo Adam Shatz, thơ của Adonis là sức mạnh phá hủy mang tính sáng tạo (creative destruction). Sức mạnh đó bốc cháy xuyên qua mọi thứ ông viết. Cũng như những tác giả mà ông ngưỡng mộ là James Joyce, Antonin Artaud và André Breton, Adonis bắt đầu sự nghiệp bằng cách đặt những câu hỏi về "căn cước của tự ngã, của chủ thể và của dân tộc" bằng một nỗ lực "tái-tưởng tượng" (re-imagine) một thứ ngôn ngữ khác hơn là thứ ngôn ngữ đã bị bám bụi của "thương mại và truyền thông". Ông còn gọi ngôn ngữ thi ca là một thứ "ngôn ngữ vắng mặt" (language of absence) được hiểu như là một thứ ngôn ngữ đã được tinh chế, tách hẳn khỏi ngôn ngữ đời thường. "Cách làm thơ là bạo động bởi vì nó đặt vấn đề với những khuôn mẫu có sẵn thường làm bít lối ngôn ngữ chúng ta; nó không thể đi xa lắm trong cuộc đấu tranh này nếu không có một sự cuồng nộ, một khả năng phá hủy những lời nói sáo rỗng, những hình ảnh vô ích, trống rỗng đã hình thành trong ngôn ngữ, cũng như bất hạnh thay, trong tư tưởng và tưởng tượng của nhà thơ"

"We will die if we don't create gods. We will die if we don't kill them. Chúng ta sẽ chết nếu chúng ta không tạo ra các thần thánh. Nhưng chúng ta cũng sẽ chết nếu chúng ta không giết chết họ. Đó là phát biểu có tính khẳng quyết của nhà thơ và được những nhà nghiên cứu văn chương xem như là âm vang của nhà thơ-triết gia Friedrich Nietzsche với lời tuyên bố trứ danh ngày nào "Thượng Đế đã chết". Và nghe hao hao như khái niệm "Phụng Phật sát Phật" trong tư tưởng Phật giáo. Theo Adonis, "thơ là một câu hỏi làm phát sinh ra những câu hỏi khác" (a question that begets another question). Quan điểm này là một thách thức trong không khí chung của xã hội Hồi Giáo, ở đó, nhà thơ, cũng như bất cứ ai phải tỏ rõ lập trường và cho câu trả lời. Theo ông, đó là một truyền thống, bắt đầu với Hồi Giáo, thường dùng thơ ca để tuyên truyền tôn giáo. Adonis cho rằng tính hiện đại của thi ca Á Rập gồm có một câu hỏi căn bản và quyết liệt thăm dò ngôn ngữ thi ca và mở ra

những lãnh vực thực nghiệm mới để viết. Viết ở đây là liên tục đặt nền văn minh Á Rập thành câu hỏi, trong khi đồng thời cũng đặt chính nó thành câu hỏi. Nhiều nhà phê bình gọi ông là một nhà thơ của những "nghịch lý và cực đoan" (poet of paradoxes and extremes), vì ông dường như vượt khỏi chính mình trong mỗi một tác phẩm mới. Mới đây, ông còn đưa ra một khái niệm mới về thơ, theo đó, *thơ* là một đối nghịch với *viết* nghĩa là văn bản thơ phải vượt hẳn ra khỏi khái niệm truyền thống về loại để trở thành một bài thơ toàn diện, hiện thân cho tính đa tầng, đa ngôn ngữ, đa dạng và đa cơ cấu.

Tác phẩm của ông rõ ràng là khó đọc. Chẳng hạn như "*Mufrad bi-Sighat al-jam*. Theo nhiều nhà nghiên cứu, đó là tác phẩm phức tạp nhất của ông, dày tới 400 trang, một sáng tạo vô cùng ngoạn mục, nhưng tất nhiên vẫn là một thế giới đóng kín đối với nhiều độc giả bình thường. Đã thế, ông lại phê phán không thương tiếc xã hội Á Rập cổ hủ, lạc hậu, nên ông chẳng được mấy người yêu mến. Ông thường tỏ ra hứng thú với sự nổi tiếng ngược ngạo đó, khinh bỉ loại quần chúng như là một thứ "ý niệm ý thức hệ" (ideological notion). Hiện ông đang sống ở Paris, lo hoàn tất tập 4 cuốn "Al Kitab". Tác phẩm là một cuộc du hành vào cái mà ông gọi là "The Inferno of Arab history" (biển lửa của lịch sử Á Rập) bắt đầu với chết của nhà tiên tri Muhammad cho đến sự sụp đổ của Baghdad vào tay quân Mông Cổ năm 1258. "Tôi là một trong số những người đi tìm các tệ nạn của những người Á Rập trong lịch sử riêng của họ, không phải bên ngoài nó".

Adonis có nhiều điểm tương tự như Naipaul và Fouad Ajami khi đề cập đến tình hình các xứ Á Rập và xu hướng cực đoan một cách không hay ho gì của nhiều thành phần bảo thủ ở đó. Có điều, ông viết bằng tiếng Á rập và nhắm đến đối tượng là người Á Rập. Ngoài ra, ông thẳng thắn phê phán Tây phương, nhất là Hoa Kỳ, về các chính sách ngoại giao của họ. "Hoa Kỳ giàu có, nhưng lại quá nghèo nàn và vụng về trong chính sách đối ngoại". Phát biểu về vấn đề Palestine, ông cho biết "Vấn đề Palestine thực ra nằm ngoài chuyện chính trị. Đó là vấn đề đạo đức, và đã là đạo đức thì không bao giờ nằm ở phía của kẻ cầm quyền. Người Do Thái và người Palestine phải sống chung với nhau thành một quốc gia hay một liên bang. Tôn giáo không còn là một thứ văn hóa và trở thành một huyền thoại, đối với Hồi Giáo cũng như đối với Do Thái Giáo. Cuộc chiến vẫn dằng dai không dứt chỉ vì theo ông, cả hai bên đều "là những người không thừa nhận nhau, hoàn toàn khép kín đối với nhau. Ai cũng tự cho rằng Thượng Đế luôn đứng về phía họ" (Everyone pretends that God told them his last words).

Adonis còn xuất bản tác phẩm "The Changing and the Fixed: A Study of Conformity & Originality in Arab Culture". Tác phẩm hiện bị cấm lưu hành ở các nước Á Rập vì ông dùng nó để tố cáo giới tăng lữ muốn vĩnh-cửu-hóa quá khứ, một thứ chủ nghĩa mà ông gọi là *past-ism*, một xu hướng bám chặt vào cái gì đã biết rồi và sợ cái mới, sợ tranh cãi. "Chúng tôi sống trong một nền văn hóa không dành chỗ cho những câu hỏi. Tất cả câu trả lời đều có sẵn từ trước. Ngay cả Thượng Đế cũng chẳng còn gì để nói. Cái mà thế giới Á Rập cần, hơn tất cả, là một cuộc cách mạng chủ thể tính (revolution of subjectivity), giải thoát con người khỏi truyền thống. Nếu không có cuộc cách mạng như thế, những người Á rập sẽ chỉ biết một thứ "chủ nghĩa hiện đại dùng lại" (secondhand modernity), một loại pha chế nguy hiểm của thứ chủ nghĩa tiêu thụ rỗng tuếch + bầu cử gian lận + Hồi Giáo cực đoan. "Không có nhiều văn hóa ở trong thế giới Á Rập. Nó đã hết. Nói một cách văn hóa, chúng ta là một phần của văn hóa Tây phương, nhưng chỉ như những người tiêu thụ, không là những người sáng tạo".

Sau biến cố 11/9, nhiều độc giả tìm đọc lại bài thơ nổi tiếng mà lạ lùng của ông làm vào năm 1971, có tựa đề "Qabr min Ajl New York" (The Funeral of New York hay Tomb for New York), nói về sự bốc cháy của thành phố New York. Trong bài thơ, một người vô danh đi lang thang qua khu tài chánh và Harlem, cố tìm bóng ma của nhà thơ Walt Whitman và giận dữ tưởng tượng rằng "một ngọn gió từ phía đông nhổ sập những ngôi nhà chọc trời", "một làn khói chen với lửa" và "người ta tan chảy ra như nước mắt". Phải chăng bài thơ đã là một lời tiên tri về biến cố 11/9?

Adonis không nhận như thế. "New York đối với tôi vừa là thiên đàng vừa là địa ngục. Đọc lại bài thơ, tôi cảm thấy sợ hãi", ông nói.

*** Nhà văn Chaim Potok từ trần**

Nhà văn Mỹ gốc Do Thái Chaim Potok mà tác phẩm "The Chosen" (Những người được chọn lựa) đã đưa ông lên hàng danh vọng, đã từ trần hôm 22/7/2002 vì bịnh ung thư tại nhà riêng của ông ở ngoại ô thành phố Merion, bang Pennsylvania, hưởng thọ 73 tuổi. So với nhiều nhà văn Mỹ gốc Do Thái khác như Saul Bellow và Philip Roth, Potok không phải là khuôn mặt nổi bật trong văn giới quốc tế, nhưng lại rất nổi tiếng trong cộng đồng Do Thái và truyện của ông có rất nhiều độc giả thuộc nhiều tôn giáo khác nhau tìm đọc. Nhận xét về Potok sau khi được tin ông mất, nhà văn Cynthia Ozick (cũng gốc Do Thái) phát biểu với hãng

thông tấn AP: "Ông đã tạo ra một giòng văn học mới của Hoa Kỳ vốn chưa hề hiện diện trước đó. Ông là người duy nhất viết trực tiếp từ bên trong hoạt động tôn giáo của người Do Thái hơn là từ các hoạt động xã hội. Và những tác phẩm của ông đều là những "*best seller*".

Potok, tên thật là Herman Harold Potok, con trai trưởng của một di dân Do Thái theo giáo phái Hasidic từ Ba Lan. Được nuôi dưỡng trong truyền thống của một giáo phái cực kỳ bảo thủ, ông chịu ảnh hưởng nặng nề của xu hướng bảo thủ và rốt cuộc trở thành một giáo sĩ Do Thái giáo (rabbi). Ngay từ nhỏ, ông đã thích văn chương. Ông mê đọc các tác phẩm của James Joyce, Evelyn Waugh và Ernest Hemingway. Sở thích văn chương của ông không được gia đình và trường ông theo học chia sẻ. Mẹ ông, chẳng hạn, chỉ muốn trở thành một bác sĩ giải phẫu. Những giáo sư tại đại học thì tỏ ra không bằng lòng khi thấy ông dành nhiều thì giờ để đọc các tác phẩm văn chương thay vì thần học. "Tôi biết rõ tôi sẽ là một nhà văn và là một nhà văn viết từ bên trong của truyền thống tôn giáo. Có nghĩa rằng tôi phải biết từ trong ra ngoài và không bị mù quáng vì truyền thống", ông nói.

Tốt nghiệp cử nhân Anh văn tại đại học Yeshiva, một trường thần học Do Thái chính thống ở Upper Mahattan, ông biết là trước sau gì ông cũng phải cắt đứt quan hệ với gia đình. Sau này, nhớ lại giai đoạn đó, ông phát biểu với tờ "The Philadelphia Inquirer": "Không ai có thể sáng tác truyện dài mà vẫn cứ tiếp tục ở trong bất kỳ một giáo phái cực đoan nào". Ông chọn theo học tiếp thần học tại trường "Jewish Theological Seminary", một viện thần học Do Thái bảo thủ gần đại học Columbia vì ông cho rằng đời sống nội trú sẽ cho ông nhiều cơ hội đọc được những sách vở nằm ngoài truyền thống Do Thái hơn. Trở thành giáo trưởng 4 năm sau đó, từ năm 1955 đến 1957, ông được gửi đi làm tuyên úy quân đội tại Triều Tiên. Những kinh nghiệm có được trong thời gian này giúp ông sáng tác hai tác phẩm, "The Book of Lights" (1981) và đặc biệt cuốn "I Am the Clay" (1992) kể chuyện về một gia đình nông dân Triều Tiên. Năm 1959, ông ghi danh học tiếp tại đại học Pennsylvania và tốt nghiệp tiến sĩ vào năm 1965. Ông là giám đốc biên tập của nhà xuất bản "Jewish Publication Society of America" và là giáo sư tại các đại học Pennsylvania, Bryn Mawr và John Hopkins.

Tác phẩm đầu tiên "The Chosen" (1967), vừa xuất bản là trở thành nổi tiếng ngay. Các tác phẩm khác của ông là "Davita's Harp" (1985), "The Gift of Asher Lev" (1990), "Old Men at Minight" (2001). Ngoài ra, ông còn viết kịch, truyện trẻ em, truyện ngắn và các bài nghiên cứu khác. Năm 1999, ông đoạt giải "O'Henry Award" dành cho truyện ngắn

"Moon". Ông còn viết một số tác phẩm nghiên cứu, trong đó có "Wanderings: Chaim Potok's History of the Jews" và "The Gates of November" (1996).

Truyện của Potok thường soi rõ và minh họa cuộc tranh chấp, xung đột giữa hai thế giới: thế giới tâm thức tôn giáo và thế giới trần tục. Potok viết bằng một lối viết tực tiếp mà một số nhà phê bình cho là không mấy trau chuốc, văn phong quá đơn giản và cốt chuyện thiếu phong phú. Một số người khác thì cho ông là một Hemingway thị dân với lối văn ngắn gọn, đôi lúc có vẻ như vô cảm. Nói chung, ưu điểm của Potok là ông có một lối văn tinh tế và một cái nhìn sâu sắc vào nền văn hóa Do Thái. Trong các tác phẩm, Potok lôi kéo độc giả của ông (cả những người Do Thái giáo lẫn những người không-DoThái) vào trong một thế giới rất ít được những người bên ngoài biết đến. Đó là thế giới của một giáo phái Do Thái giáo được khai sinh từ thế kỷ thứ 18 ở Đông Âu: giáo phái Hasidic (Hasidic Judaism). Giáo phái này do Ba'al Shem Tov sáng lập vào thời gian đang có cuộc truy bức và tàn sát người Do Thái tại nhiều nơi ở châu Âu và vào lúc mà, theo họ, Do Thái giáo có nguy cơ rơi vào những hình thức lý thuyết suông và chỉ chú trọng vào các hình thức lễ nghi bên ngoài. Giáo phái hoàn toàn sinh hoạt khép kín, giáo luật có tính cách độc đoán. Tất cả đều quy phục dưới sự lãnh đạo của một giáo trưởng gọi là "Tzaddik" (có nghĩa là người chân chính) là người được xem như phần tử duy nhất có liên hệ trực tiếp với Thượng Đế.

Potok mô tả chi li và rất sinh động cái thế giới riêng biệt đó. Đó là một thế giới với những người đàn ông trong những chiếc áo choàng rộng màu đen, những chiếc mũ viền lông thú, những bữa cơm chiều lễ Sabbath ngập trong ánh sáng lung linh của những ngọn đèn cầy, âm thanh pha tạp của những người Do Thái sinh hoạt trong khu phố hòa lẫn với tiếng cầu kinh trong nhà nguyện, những buổi khiêu vũ cuồng nhiệt và những buổi thuyết giảng giáo lý chi li đến từng chi tiết trong một ngôi nhà người láng giềng đầy đặc người đứng kẻ ngồi chen chúc thành kính lắng nghe. Những nhân vật của Potok, hầu hết là những thanh niên sắp đến tuổi trưởng thành, vừa cảm thấy được nâng đỡ, nhưng đồng thời cũng cảm thấy vô cùng ngột ngạt vì bị đè nén dưới áp lực của cộng đồng tôn giáo. Dù họ không bao giờ dám nghĩ đến chuyện bỏ đạo, nhưng luôn bị dằn vặt, đau khổ vì tâm hồn thì muốn tìm đến cái thế giới bao la, trần tục bên ngoài trong lúc thực tế, họ ý thức rất rõ rằng một khi làm điều đó thì có nghĩa là trở thành những kẻ phản bội và bị cộng đồng bỏ rơi. Có thể xem toàn bộ sự nghiệp văn chương của Potok xoay quanh

chủ đề chính đó: sự xung đột giữa hai thế giới "bên trong" và "bên ngoài".

Tác phẩm đầu tiên và cũng là tác phẩm được đánh giá cao nhất tong sự nghiệp của ông là "The Chosen", nằm trên danh sách *bestseller* của "New York Times" trong vòng 6 tháng liền và được vào vòng chung tuyển giải "National Book Award". Năm 1982, "The Chosen" được quay thành phim với tài tử Robby Benson và Barry Miller đóng vai chính. "The Chosen" đoạt giải "Edward Lewis Wallant Award" và tác phẩm "hậu-The Chosen" có tựa đề là "The Promise" đoạt giải "Athenaem". Tác phẩm mô tả tình bạn giữa hai thiếu niên (đều 16 tuổi) là Reuven Malter và Danny Saunders. Hai gia đình ở trong cùng một khu phố. Reuven sống với người cha góa vợ, là một nhà trí thức chuyên nghiên cứu những kinh sách Do Thái giáo, nhưng có tinh thần cởi mở. Danny, ngược lại, sống với một người cha mà cậu vừa kính trọng vừa sợ hãi. Ông Saunders là một giáo sĩ Do Thái giáo phái Hasidic. Vì là con trưởng nên Danny bắt buộc phải trở thành giáo sĩ , kế tục sự nghiệp của cha. Tuy nhiên, trong thâm tâm, Danny hoàn toàn không muốn trở thành giáo sĩ. Cậu chỉ muốn trở thành một nhà tâm lý học, điều mà cậu biết rất rõ là không bao giờ cha cậu chấp thuận và có thể đưa đến những tai họa không lường trước được cho bản thân và gia đình do tính bảo thủ từ cộng đồng tôn giáo của cậu mang lại. Cậu bí mật tìm đọc những sách vở trần tục hoàn toàn bị cấm đoán, trong số đó có cả những tác phẩm của Freud. Cậu mang mối xung đột trong lòng mà không thể nói với ai. Cha cậu lại quá nghiêm khắc và lúc nào cũng giữa một thái độ im lặng khó hiểu, khiến cậu lại càng khắc khoải. Nỗi lòng của cậu chỉ được chia sẻ bởi một người, đó là Reuven.

Hai đứa trẻ gặp nhau trong một cuộc thi đấu "baseball" giữa hai đội, đại diện cho hai giáo phái Do Thái giáo. Do sự thúc đẩy của cộng đồng, những đứa trẻ trong hai đội đều gắng hết sức mình để chiến thắng, một chiến thắng được xem không phải trong tinh thần thể thao mà trong tinh thần giáo phái. Trong một cố gắng tuyệt vọng nhằm dành thắng lợi, Danny chơi xấu bằng cách ném trái bóng ngay vào mặt Reuven, khiến cho Reuven bị thương, phải vào nằm bệnh viện. Hối hận, Danny tìm đến thăm bạn nhiều lần để xin lỗi. Nhưng Reuven cự tuyệt cho đến khi, đích thân cha của Reuven phải can thiệp. Hai đứa nối tình bạn trở lại. Khi vào đại học, hai đứa càng ngày càng thân nhau hơn. Nhưng trái lại, hai ông cha lại càng ngày càng cách xa nhau, nhất là khi phong trào vận động lập quốc Do Thái truyền vào trong cộng đồng. Ông Malter ủng hộ chủ trương thành lập nước Do Thái, trong lúc ông Sounders chống. Hai

phe Do Thái tranh chấp nhau kịch liệt cho đến khi Liên Hiệp Quốc chuẩn thuận cho thành lập nước Do Thái. Đến lúc này thì Danny mới có đủ can đảm nói thẳng với cha về dự tính của mình. Và hoàn toàn bất ngờ, cha cậu vui vẻ chấp thuận lời thỉnh cầu của cậu. Hoá ra, từ lâu, ông già biết rõ ý định và hoàn cảnh của đứa con trai, nhưng ông giả vờ giữ im lặng, để thử thách ý chí của đứa con. Im lặng, theo ý ông, cũng là một cách giáo dục.

Câu chuyện kết thúc có hậu. Nhưng điều đáng nói trong "The Chosen" không phải là phần kết thúc, mà là vô số tình tiết đan bện lẫn nhau trong toàn câu chuyện. Từ một câu chuyện đơn giản, tác giả có khả năng đặc biệt nối kết nhiều chủ đề khác nhau và làm cho chúng có những ý nghĩa đặc biệt: lịch sử Do Thái, văn hóa Do Thái, các giáo phái Do Thái, tình bạn, thể thao, tương quan phụ-tử, tâm lý thanh niên thời mới lớn, chuyện học hành, tri thức, tôn giáo và trần tục...Tác giả đã dẫn độc giả đi sâu vào trong sinh hoạt đặc biệt của giáo phái Hasidic, là một giáo phái mà các luật tắc nghiêm ngặt của nó không cách nào người ngoài có thể biết được, ngay cả đối với những người Do Thái ở giáo phái khác. Độc giả có cơ hội kinh qua khung cảnh văn hóa lạ lùng bên trong một nền văn hóa.

Potok nói, ông viết "The Chosen" là nhằm thăm dò một cách đầy đủ môi trường giáo dục của chính ông, đặc biệt là thăm dò quan điểm cực đoan dạy ông rằng chủng tộc Do Thái là trung tâm của lịch sử thế giới. Đời ông thay đổi khi ông được gửi qua làm tuyên úy quân đội tại Triều Tiên. "Khi tôi đến Á Châu, mọi sự như được tháo gỡ. Mọi sự trở thành tương đối. Mọi sự bị lật ngược", ông cho biết. Potok đã được dạy rằng người Do Thái chịu đựng đau khổ vì dân tộc Do Thái đã được Thượng Đế chọn làm như vậy. Nhưng nếu thế - ông thắc mắc - vậy hàng triệu người Triều Tiên chịu đựng cảnh chiến tranh tàn khốc thì sao? Họ có được chọn lựa không? Potok được dạy rằng những ai không tôn thờ Thượng Đế thì đều là vô thần và vô thần thì đều là quỷ dữ. Vậy thì những người Phật tử thành tâm cầu nguyện hàng ngày trong các ngôi chùa ở Triều Tiên có khác gì những người Do Thái cầu nguyện trong các nhà nguyện không? Chẳng lẽ họ đều là quỷ dữ? Vân vân và vân vân. Những câu hỏi đó đưa ông đến kết luận: tất cả đều tương đối. Tôn giáo, văn hóa, chủng tộc...cái nào cũng tương đối. Đối với chúng ta, những người ít lệ thuộc vào giáo điều, những câu trả lời trên không có gì đáng nói, nhưng đối với những người bị chi phối bởi một cộng đồng tôn giáo cực kỳ bảo thủ như giáo phái Hasidic trong đó, mọi thứ giáo điều được xem là tuyệt đối, thì quả là một cuộc cách mạng lớn lao. Chính vì

thế mà không những Potok chỉ viết truyện cho người ta đọc mà ông phải tranh đấu suốt cuộc đời ông để vượt thoát khỏi sự chi phối vô lý của một cộng đồng bảo thủ trong một thế giới mỗi ngày mỗi cởi mở.

Tờ "The Inquirer", số ra ngày 24/7/2002, trong một bài tưởng niệm Chaim Potok, viết: "Có nhiều lý do để ngưỡng mộ người đàn ông này, và điều đáng kể là sự sáng tạo không ngừng, sự thăm dò liên tục tài năng của mình. Ngay cả khi ông bị bệnh tật hành hạ, ông vẫn không ngừng viết, đọc, suy nghĩ và thảo luận. (...) Ông không bao giờ tự mãn với thành quả của mình. Những nhân vật mà ông mang vào đời sống - như Danny, Reuven, Asher Lev, Ilana Davita Chandel - tái xuất hiện trong những truyện dài sau này của ông, không phải để lập đi lập lại những điều người ta đã biết rồi mà là đưa những khuôn mặt cũ ra chạm trán với những thách đố mới (...) Cuộc tranh đấu giữa truyền thống và hiện đại chảy xuyên qua suốt những tác phẩm của ông - và dường như ông khoái sự thách đố. Luôn luôn có một điều gì đó có tính cách phổ quát về những đụng độ văn hóa mà những nhân vật của ông đối phó và đó là lý do tại sao tác phẩm của ông được nhiều người yêu mến, được dịch ra rất nhiều ngoại ngữ, và luôn dành sẵn cho những ai trong chúng ta muốn đi tìm ý nghĩa và căn cước (của con người) trong một thế giới đầy tục lụy và rối rắm. Vào lúc mà tôn giáo đôi khi đồng nghĩa với cố chấp và cuồng tín, Potok chứng minh rằng người ta vẫn có thể trung thành với một tôn giáo cũ - trung thành với đức tin, nghi lễ và kinh sách - mà tinh thần vẫn không hẹp hòi và không mất nhân bản".

*** Trở về với hiện thực: trường hợp Orly Castel -Bloom**

Orly Castel-Bloom là nhà văn đầu tiên - và lại là nhà văn nữ - của Do Thái đã đưa phong trào "Ôm bom tự sát" (suicide-bombing) vào văn chương qua một tác phẩm đầy tính cách hiện thực: "Halkim Enoshiyim" (Human Parts). Tựa đề là một cụm từ lưỡng nghĩa, vừa ám chỉ tính cách đa nhân vật trong truyện vừa ám chỉ hình ảnh ghê rợn của những phần thân thể bị bắn tung tóe sau một vụ nổ bom tự sát của người Palestine trong chiến dịch "*antifada*" của họ chống lại nhà cầm quyền Do Thái trong gần hai năm qua. Tác phẩm chẳng khác gì một biên niên sử về *antifada*, có sự hiện diện gần như đầy đủ những khuôn mặt tiêu biểu trong xã hội của Israel ngày nay, từ một kẻ thừa kế gia tài bất động sản của một người thuộc giai cấp ưu tú cho đến anh chàng lao công chùi nhà, từ một người gốc chủng tộc Kurd bị đàn áp ở Irak cho đến những di dân từ nước Ethiopia nghèo đói hiện đang làm người mẫu, vân vân.

Cuộc đời của những nhân vật này tình cờ cọ xát lẫn nhau và tụ họp với nhau trong cơn bạo động lớn lên từng ngày ở Do Thái.

Là một tác giả rất ít được biết đến ở Hoa Kỳ (chưa có bản dịch nào bằng Anh văn phát hành ở Hoa Kỳ), nhưng Castel-Bloom lại rất nổi tiếng ở Do Thái và Châu Âu trong thời gian vừa qua như là một nhà văn chuyên vẽ nên chân dung của những quan hệ thất bại và các chuyện không tưởng, ít có dấu vết của hiện thực cuộc sống hàng ngày. Cách viết đó khiến bà tách hẳn khỏi khuynh hướng văn chương dấn thân, văn chương hiện thực xã hội và chủ nghĩa tự nhiên của những nhà văn lớp trước như Amos Oz hoặc A.B. Yehoshua. Do thế, chuyện bà đột ngột trở về với hiện thực khiến không ít người sửng sốt. "Tôi muốn viết điềm tĩnh, nhưng tình hình bên ngoài mỗi ngày một tệ hại hơn. Khi tôi đang viết thì cứ một hoặc hai ngày lại có một cuộc tấn công xảy ra và lạy Chúa tha tội, cái này lại gây cho tôi một loại cảm hứng nào đó (trong chuyện viết lách). Nó buộc tôi phải xét lại quan điểm của mình, khiến tôi không thể không viết về giai đoạn này. Lịch sử trở nên cụ thể, lan tràn đến nỗi tôi phải bị cột vào thực tại". Mỗi lần có một vụ nổ bom tự sát, bà cảm thấy không những "cả bầu trời sụp xuống" mà "mặt đất cũng rung lên". Những xác người, nhất là những bộ phận cơ thể con người bắn tung tóe, không mấy ai còn nguyên vẹn.

Phát hành vào giữa tháng 3/2002, tác phẩm lập tức gây tiếng vang lớn và nhận được những lời tán thưởng từ hầu hết các nhà phê bình văn chương Do Thái. Tờ nhật báo lớn Ha'Arete đăng hình bà lên trang bìa với lời phụ chú "My Private Antifada". Nhật báo lớn nhất Do Thái "Yediot Ahronot" ca ngợi tác phẩm là "biểu trưng đáng tin cậy, đau đớn và trung thực của một cơn lốc khủng khiếp". Tiếng tăm không phải là điều mới lạ đối với nhà văn nữ trẻ tuổi này. Bà đã nhận được nhiều giải thưởng cho những tác phẩm trước đây, đặc biệt là "Dolly City" được dịch ra 8 thứ tiếng, trong đó có Anh văn, Hy Lạp, Pháp văn và cả Trung Văn. Qua tác phẩm đặc biệt này, tờ Le Monde đã không ngần ngại so sánh bà với Frank Kafka.

Trước đây, bà thuộc thế hệ những nhà văn không chấp nhận đường lối sáng tác của thế hệ đàn anh. Họ viết văn như một sứ mạng, như là "những người hướng đạo cho dân tộc Do Thái. Họ tự thấy mình như là "ý thức của quốc gia" (theo nhà phê bình văn học Gadi Taub). Castel-Bloom thuộc lớp nhà văn mới cùng với những người đương thời như Etgar Reeret, Uzi Weil và Gafi Amir, nhận thấy rằng buộc họ dính líu đến chính nghĩa quốc gia sẽ làm thui chột khả năng sống và viết của họ. Mặt khác, họ viết theo một văn phong hoàn toàn khác, lấy cái lủng

củng, sơ sài thay thế cho lối viết hoa mỹ và gọn gàng, mạch lạc của lớp nhà văn đàn anh.

Castel-Bloom sinh ở Ai Cập tong một gia đình Do Thái cha mẹ nói tiếng Pháp và được nuôi dưỡng và trưởng thành ở Tel Aviv. Bà thích lối viết của Raymond Carver, Grace Paley với những truyện khắc chạm tinh tế, thích nhà văn Á Căn Đình Julio Cortázar với lối diễn tả đứt đoạn, gãy khúc - nghĩa là một văn phong hoàn toàn mới mẻ so với lớp trước. Những truyện đầu tiên của bà là những truyện có vẻ siêu thực, hoàn toàn dựa vào khả năng tưởng tượng, chẳng dính líu gì đến hiện thực. Lúc khởi đầu viết "Human Parts", chiều hướng viết của bà đã có phần khác. Khi hai chính phủ Palestine và Israel hồi đó định ký kết hiệp ước hòa bình, bà quyết định sẽ viết về những bất công xã hội là vấn đề từ lâu bị che khuất bởi nhu cầu an ninh quốc gia. Thay vì chỉ tưởng tượng, bà bắt đầu đi vào thực tế bằng cách đến hiện trường khảo sát hiện thực: trò chuyện với công nhân, tìm hiểu tài liệu, nghiên cứu lịch sử...Đúng lúc đó thì chiến dịch *antifada* nổ bùng. Lúc đầu, bà làm lơ. Nhưng đến khi hai người lính Do Thái bị hành hình và xác của họ bị kéo đi diễu hành ở Ramallah thì bà cảm thấy rằng "không thể tiếp tục làm ngơ trước hiện thực" được nữa. Thế là truyện "Human Parts" đổi hướng. Trong khi vẫn duy trì đề tài cũ, bà phải quay về với hiện thực đầy bạo động hàng ngày.

"Thế giới thực sự bây giờ trở thành thế giới của tôi", bà nói.

---

* Đính chính: trong phần Tin Văn, Văn Học số 196 (tháng 8/2002), trang 139, giòng thứ 8 từ dưới lên, xin sửa lại là "On the Road" thay vì "On the Route". Xin cáo lỗi cùng bạn đọc và cám ơn nhà văn Võ Đình đã lưu ý nhắc nhở. (TQ)

Đã phát hành khắp nơi CD mới nhất
của nữ ca sĩ Quỳnh Giao
thơ tình phổ nhạc
hòa âm Duy Cường
gồm 11 bài thơ của Quang Dũng, Xuân Diệu, Du Tử Lê, Trần Dạ Từ...được các nhạc sĩ Phạm Đình Chương, Phạm Duy, Cung Tiến... phổ nhạc. Giá 15 MK kể cả cước phí
Liên lạc với: Đoan Trang Nguyễn
2800 Keller Drive #144, Tustin CA 92782-1018
Phone: (714) 544-0962

Giải Văn Học
của Hội Quốc Tế Y Sĩ Việt Nam Tự Do

Trần Văn Tích

Cuối tháng bảy năm 1987, Hội Y sĩ Việt Nam tại Canada đứng ra triệu tập Đại hội các y sĩ Việt nam trên thế giới tự do, qui tụ lần đầu tiên những người thầy thuốc Việt nam tỵ nạn cộng sản cùng nhau họp mặt tại Montréal. Vào dịp này, Hội Quốc Tế Y Sĩ Việt Nam Tự Do được chính thức thành lập.

Mười lăm năm sau khi ra đời, Hội Quốc Tế Y Sĩ Việt Nam Tự Do lần đầu tiên đứng ra tổ chức việc tặng giải văn học, trong phong trào phổ biến khắp thế giới nhằm đặt các giải thưởng, nó phản ảnh tình trạng nhiều tổ chức chính trị, xã hội và cả kinh tế mong muốn góp phần vào sự phát triển văn hoá nghệ thuật. Tuy nhiên nếu xét trong cộng đồng tỵ nạn Việt nam thì cũng không có nhiều giải văn học và nhất là không có nhiều giải có tầm vóc tương đối rộng và lớn.

Nhóm anh em chủ xướng việc tặng giải ý thức rất rõ rằng công việc sẽ không đơn giản. Bước đầu là gây quỹ. Một số đồng nghiệp nhận lời bảo trợ và tài trợ cho giải hoàn toàn chỉ vì yêu văn học, trọng tài năng. Theo đúng nghĩa của từ "bảo trợ", việc tài trợ hoạt động văn hoá - cho dù là rất khiêm tốn trong trường hợp của Hội Quốc Tế Y Sĩ Việt Nam Tự Do - là công việc mang tính hiệp hội, tư nhân; khác hẳn các hình thức trợ cấp, các loại đơn đặt hàng, các chế độ ưu đãi trong hệ thống quyền lực độc tài quốc nội. Lúc ban đầu, chúng tôi chỉ định đặt một giải duy nhất, gọi là Giải Văn Học, với trị giá giải thưởng 5.000 Mỹ kim. Nhưng rồi nhóm hữu trách, vì muốn mở rộng phạm vi trao giải sang nhiều lĩnh vực văn chương, nên đã quyết định đặt thêm ba giải đi kèm Giải Văn Học, gọi là Giải Montréal 1987, Giải Los Angeles 1989 và Giải Paris 1991, dựa vào tên ba địa phương tổ chức ba kỳ Đại Hội Y Sĩ Quốc Tế

trước đây. Các giải này được qui định trị giá 1.000 Mỹ kim mỗi giải.

Bước thứ hai là thành lập Hội đồng Tuyển lựa và Bình điểm. Ban Tổ chức tiếp xúc với những thành viên của cộng đồng sẵn sàng tham gia đấu tranh vì những nguyên lý cao siêu và trừu tượng như quốc gia, công lý, nhân quyền; những thành viên vừa có khả năng phê phán vừa nặng ý thức nhập cuộc; những thành viên một mặt đồng lòng dấn mình vào cuộc đấu tranh chính trị, mặt khác, chống đối phủ định mọi dạng thức tuân thủ cung đình. Song song với bước thỉnh mời này, việc soạn thảo bản thông cáo chính thức của Hội cũng được tiến hành. Ngày đầu năm dương lịch 2002, thông cáo được đăng tải trên các tạp chí văn học ở hải ngoại : *Người Việt, Việt báo Kinh tế, Ngày nay, Thế kỷ 21, Làng văn, Văn học, Viên giác*, đồng thời được phổ biến rộng rãi qua các cơ sở truyền thanh và trên mạng lưới internet; với nội dung nhấn mạnh đối tượng tuyển chọn phải là thành quả trí tuệ của những ngòi bút không can dự đến các chính quyền độc tài từng hạn chế quyền sống hay đàn áp con người. Đường hướng này mặc nhiên minh định rằng Giải Văn Học của Hội Quốc Tế Y Sĩ Việt Nam Tự Do không thể thuần túy văn học, và tác phẩm được tuyển chọn để trao giải phải có tác dụng phục vụ chính nghĩa tự do của cộng đồng tỵ nạn. Nếu thử so sánh với một giải khác, Tặng thưởng Nguyễn Trường Tộ, mà tiêu chuẩn ứng cử viên được vạch rõ là "thể hiện rõ nét tinh thần yêu nước Việt nam nhưng không cực đoan và cục bộ, thể hiện tinh thần canh tân đất nước Việt nam và phù hợp với trào lưu thời đại(...)" thì thấy rằng đã có sự can thiệp của lập trường tư tưởng, của đường lối văn hoá vào văn học. Cho dẫu rằng không hề có sự tranh chấp, nhưng vẫn có hiện tượng nhằm vào những tiêu chuẩn khác nhau.

Cuối cùng, sau nhiều công sức thăm dò rộng rãi và chu đáo, các thành viên sau đây nhận lời tham gia hội đồng tuyển lựa và bình điểm :

- Giáo sư Nguyễn Khắc Hoạch, Anaheim, Hoa kỳ,
- Bác sĩ Nguyễn Tường Bách, Westminster, Hoa kỳ,
- Giáo sư Nguyễn Quí Bổng, Ottawa, Gia nã đại,
- Giáo sư Bùi Xuân Quang, Paris, Pháp,
- Bác sĩ Nguyễn Mạnh Tiến, Sydney, Úc châu.

Riêng cá nhân người viết bài này thì vừa là thành viên hội đồng tuyển lựa và bình điểm vừa kiêm thêm nhiệm vụ điều hợp hội đồng.

Từ ngày chính thức ra thông cáo đến ngày chấm dứt tiến trình tuyển lựa và bình điểm chỉ có đúng sáu tháng. Ngày 30 tháng sáu là thời điểm chót để chư vị thành viên hội đồng gửi danh sách tác phẩm đề nghị đến người phụ trách điều hợp và tổng kết. Cung cách bình giá của

sáu thành viên hội đồng có tính chất hoàn toàn độc lập và mỗi thành viên có một tiếng nói tuyệt đối đồng đẳng. Một khó khăn lớn là địa phương cư trú của các tác giả hoặc địa chỉ hoạt động của các nhà xuất bản muốn gửi tác phẩm dự tranh phân tán trên khắp các châu, nên thời gian chuyển giao tác phẩm đến các cá nhân đảm nhiệm việc bình điểm và lượng giá đòi hỏi rất nhiều thời giờ. Vả lại, sự kiện ba thành viên hội đồng tuyển lựa cư ngụ ở Bắc Mỹ, hai ở châu Âu và một ở châu Úc cũng gây trở ngại cho việc bàn thảo trực tiếp thường xuyên. Tuy nhiên nhờ những phương tiện truyền thông thuận lợi qua thư tín, điện thư, điện thoại nên khoảng cách địa lý và chênh lệch thời gian cũng được thu ngắn và giảm thiểu phần nào. Và cuối cùng, hội đồng vẫn đạt được thành quả nhất trí tương đối dễ dàng trong việc lựa chọn các tác phẩm trúng giải.

Kết quả có chín mươi mốt (91) tác giả cư trú trên khắp năm châu ghi tên với con số tác phẩm lên đến một trăm năm mươi tám (158) thuộc nhiều bộ môn văn học, mặc dầu chỉ trong thời gian tương đối ngắn. Nguyên tắc làm việc của ban tổ chức và của hội đồng tuyển lựa là triệt để không tiết lộ danh tính những tác giả dự tranh giải.

Cuối tháng sáu đầu tháng bảy năm 2002, các thành viên hội đồng tuyển lựa lần lượt gửi danh sách tác phẩm được đề nghị kèm theo bảng chiết tính lượng giá đến người đặc trách điều hợp hội đồng. Dựa vào những danh sách này, cuối cùng chúng tôi lựa chọn được bốn tác phẩm trúng giải. Và chúng tôi hết sức hân hoan ghi nhận rằng tất cả sáu vị trong hội đồng tuyển lựa và bình điểm đều đồng lòng lựa chọn và bình điểm cao nhất tác phẩm mà Hội Quốc Tế Y Sĩ Việt Nam Tự Do rất hân hạnh được phép trao tặng Giải Văn Học 2002. Đó là công trình *Án tích cộng sản Việt nam* của sử gia quen thuộc Trần Gia Phụng. Ngoài ra, còn có ba giải sau đây : Giải Montréal 1987: *Cửu long cạn dòng biển đông dậy sóng*, tác giả Ngô Thế Vinh; Giải Los Angeles 1989: *Việt nam khát vọng dân chủ tự do*, tác giả Nguyễn Chí Thiệp; Giải Paris 199: *Việt nam thắng và bại*, tác giả Lê Quế Lâm.

Cách đây lối bảy mươi năm, trên vùng đất tự do dưới bóng cờ *stars and stripes*, một tập thể ly hương đã thành lập nền văn học lưu vong Đức, *Exilliteratur*, một nền văn học nhân bản xã hội, đối lập với nền văn học quốc xã *nationalsozialistische Literatur* chịu sự khống chế của chế độ toàn trị.

Lịch sử đã muốn rằng chúng ta hôm nay, những người Việt nam tỵ nạn cộng sản, cũng có một nền văn học lưu vong mà địa bàn phát triển chủ yếu vẫn là quốc gia trải dài dưới chân Nữ thần Tự do và bản chất là

đối kháng với nền văn học trong nước do đảng cộng sản nắm chắc toàn quyền chỉ đạo. Trong một môi trường và hoàn cảnh như thế, Hội Quốc Tế Y Sĩ Việt Nam Tự Do đứng ra tổ chức giải văn học chỉ có mục đích mong mỏi góp phần khiêm nhượng vào sự phát triển văn học Việt nam, tạo một luồng tác động hưng phấn lên tình trạng ấn loát và phát hành đang ở giai đoạn trì trệ, và tiếp tay phát hiện cho công chúng thưởng ngoạn văn chương một số tác phẩm có giá trị.

Dẫu vậy, việc trao giải, trong thực tế, không thể chỉ duy nhất căn cứ vào giá trị văn học. Vì ngay đối với giải thưởng có uy tín nhất thế giới, giải Nobel, hội đồng tặng giải cũng vẫn cứ bị tác động của những mục đích chính trị, của những yếu tố tư tưởng, ngay cả trong phạm vi các khoa học tự nhiên. Cho nên quá trình tuyển chọn khá phức tạp và không thoát khỏi sự chi phối của các tác nhân phi nghệ thuật. Công việc lựa chọn càng khó khăn hơn vì đại đa số tác phẩm đều xuất sắc, dĩ chí có khá nhiều tác phẩm đồng đều.

Sau đây là những kinh nghiệm, nhận xét, đề nghị liên quan đến quá trình tổ chức giải văn học :

1) Không nên soạn thang điểm chi tiết để áp dụng cho từng tác phẩm mà chỉ nên bình chọn một số tác phẩm tương đối nổi bật.

2) Cần ấn định một thời điểm minh bạch cho việc gửi sách : các tác phẩm gửi sau thời điểm qui định không thể tham dự giải.

3) Chư vị trong hội đồng tuyển lựa và bình điểm không nên bình chọn tác giả mà chỉ bình chọn tác phẩm. Sở dĩ như vậy là vì có vị đề nghị tác giả A, tác giả B v.v..nhưng mỗi tác giả có khi gửi ba, bốn tác phẩm dự giải nên tình huống này gây khó khăn cho người phụ trách điều hợp và tổng kết.

4) Cần nhiều thời gian tổ chức hơn để tiến trình tuyển lựa và bình điểm không quá gấp rút, công việc tuyển lựa và bình điểm không quá căng thẳng; nhằm tạo cơ hội cho các thành viên trong hội đồng có dịp tham dự vào những giai đoạn sơ kết, trung kết và chung kết, nếu có.

5) Nên tiên liệu trường hợp không nhất thiết phải trao cho kỳ được bốn giải. Gặp trường hợp không có tác phẩm thích đáng thì có thể chỉ trao hai hay ba giải. Tuy nhiên trường hợp này đã không xảy ra lần này.

Dẫu sao, người viết bài này, trong tư cách vừa là điều hợp viên hội đồng vừa là y sĩ, thấy rằng kết quả tuyển lựa đã tạo được hai điều yên tâm :

1) Không có tác phẩm trúng giải không đáp ứng nhu cầu xác định thái độ chính trị và lập trường tư tưởng của Hội Quốc Tế Y Sĩ Việt Nam Tự Do.

2) Chỉ có một tác giả trúng giải thuộc y giới. Đặt giả thuyết gặp trường hợp có hai, dĩ chí ba hay...cả bốn tác giả trúng giải đều là đồng nghiệp thì thật khó ăn khó nói với dư luận, thì thật không dễ trần tình cùng cộng đồng.

Nhận xét chung thì thấy rằng các giải năm nay thiếu vắng một số bộ môn, nhất là thơ, truyện ngắn, hồi ký. Đây là điều rất đáng tiếc. Nhưng rõ ràng đây là do dấu ấn của tâm trạng sống lưu vong nơi nước người đối nghịch với hoàn cảnh sống đoạ đày ở trong nước. Hiển nhiên, rất hiển nhiên, người sáng tác cũng như người tuyển chọn đã chịu sức chi phối hết sức nặng nề của không gian văn học

Thật vậy, không gian văn học luôn có những biến thái. Những biến thái đó có thể diễn ra hết sức qui mô và chi phối các tập hợp lớn gồm nhiều vùng địa lý. Trong suốt thế kỷ XX, châu Âu đã là trung tâm văn hoá văn học, nơi qui tụ nhiều phong trào trước tác sáng tạo mới, nhiều trường phái nghệ thuật lạ, dù rằng những phong trào đó, những trường phái đó không phải là không hề chịu ảnh hưởng đến từ bên ngoài châu Âu. Ở đầu thế kỷ, không gian văn hoá châu Âu vừa đồng nhất (thí dụ quá trình lan rộng xuyên quốc của Tân Nghệ Thuật) vừa phân cực rõ rệt; và nổi bật là một số tụ điểm như Muenchen, Berlin, Dresden (xu hướng Biểu hiện); Bruxelles, Turin rồi Moscou, Saint-Petersbourg (xu hướng Vị lai); tuy nhiên cao nhất, giữ vai trò trọng điểm là hai thủ đô Vienne và Paris. Nhưng từ cuối thập niên 1920, nhiều nhà sáng tác rời khỏi nước Nga cộng sản, còn chế độ quốc xã Đức thì biến quê hương của Goethe thành một hoang mạc văn hoá. Nhiều nghệ sĩ đã ra đi, nhiều nhà văn đã bỏ nước, thường là tới Paris. Quan niệm châu Âu là trung tâm văn hoá văn học thực sự hết thời khi các tiền chứng báo hiệu Thế Chiến II xuất hiện. Từ Jakobson đến Breton và Chagall, đội ngũ sáng tác và sáng tạo thực hiện một cuộc di chuyển thực sự và đồng loạt từ châu Âu sang Hợp chủng quốc châu Mỹ. Trước đó Hoa kỳ vốn vẫn bị coi là tỉnh lẻ, lệ thuộc vào cố đô là châu Âu, nếu không kể đến một vài hình thức biểu hiện đặc thù. Quá trình nền văn hoá châu Âu bị Mỹ hoá thể hiện vai trò bá chủ mới về địa lý văn hoá và về địa bàn kinh tế của nước Mỹ.

Hiện tượng chuyển đổi trung tâm văn hoá tác động đến mọi lĩnh vực văn học và nghệ thuật, bác học và đại chúng. Địa bàn hoạt động sáng tác phụ thuộc vào nhiều điều kiện vật chất : tầm vóc thị trường tiêu thụ, cường độ phương tiện truyền bá, số lượng nhà xuất bản, mật độ nơi ra mắt sách và phòng triển lãm, tỷ số các phòng hoà nhạc và rạp hát v.v.. Nhưng nó cũng chịu sự tác động nặng nề của hoàn cảnh lịch sử : kế

thừa truyền thống lâu đời, bảo vệ nhân quyền nhân phẩm, ngang tầm kiến thức thời đại v.v..

Nền văn học tỵ nạn cộng sản của người Việt tự do cũng đã ra đời trong những hoàn cảnh tương tự như những hoàn cảnh của *Exilliteratur*, những hoàn cảnh này là kết quả của các biến thái chính trị kinh tế gắn liền với cuộc sống lưu vong. Trách nhiệm đạo lý và trí tuệ của văn học ly hương được cộng đồng hầu như mặc nhiên công nhận, dẫu rằng không phải là không có một vài hiện tượng tiêu cực do kết quả tình hình khủng hoảng về lập trường tư tưởng, khi một số văn nghệ sĩ rụt cổ quay lưng lại chính trị, chủ trương sáng tác một cách trung tính nhằm đáp ứng nhu cầu thưởng thức vô tâm và vô tư của một thành phần công chúng quốc ngoại và quốc nội.

Chúng ta đều quá biết rằng đường lối văn hoá văn học của cộng sản dựa trên cơ sở nhà nước nắm độc quyền thao túng, theo một quan điểm cực quyền độc tài, bắt ép các nhà sáng tác phải gia nhập những hiệp hội chuyên nghiệp. Trong khi đó thì văn hoá văn học lưu vong không chịu đầu hàng thực tế mà tự thấy có nhiệm vụ ngăn chận làn sóng man rợ và tàn bạo đang đe dọa cuộc sống tự do. Tin tưởng vào tính thiêng liêng của những bản thông điệp do mình gửi đi, các nhà sáng tác nuôi hy vọng tác động đến đông đảo quần chúng. Cho nên người cầm bút có trách nhiệm cũng như người điểm sách có ý thức đều thống nhất hành động ở một điểm : chúng ta, chúng tôi từ bỏ việc tìm tòi nghệ thuật thuần túy, lìa xa con đường đi vào nghệ thuật trừu tượng hoặc thi ca bí hiểm. Trái lại, chúng ta, chúng tôi quan niệm sáng tác phải có tác dụng vận động quần chúng, mà mong ước tác động vào thực tại cuộc sống tất yếu sẽ dẫn đến tham gia vào cuộc đấu tranh chính trị, trước cơn sốt trầm trọng của lịch sử dân tộc. Chúng ta, chúng tôi đành phải nhập cuộc. Đó là những lý do tại sao bốn giải thưởng năm nay do Hội Quốc Tế Y Sĩ Việt Nam Tự Do trao tặng đều là những tác phẩm văn chương chính luận. Trong bối cảnh hiện nay, Hội chúng tôi đứng ra lập Giải Văn Học chỉ làm phần nào nhiệm vụ và nhận phần nào trách nhiệm của mình.

Nhưng nếu không có cơ sở chính trị vững vàng, nhập cuộc có thể trở thành một phương tiện nhằm phục vụ mục đích vụ lợi, ham danh được che giấu. Cho nên thật rất đáng tiếc khi mất nhiều công sức, tốn kém tiền bạc để rồi đến giờ chót, thủ tục trao giải văn học tại hội trường Khách sạn Hilton, Anaheim, California vào sáng thứ bảy 10.08.02 đã gặp rất nhiều khiếm khuyết chỉ vì cung cách hành xử của một hai cá nhân hãnh tiến, háo danh thuộc thành phần ban tổ chức.

Trần văn Tích

giới thiệu sách mới

THƠ

📖 *Mùa Tình Xin Kịp Gặt*, Đức Phổ, bìa do họa sĩ Nguyễn Trọng Khôi, Tạp chí Văn xuất bản, 180 tr., giá $12.00,

Đức Phổ là một nhà thơ quen thuộc với độc giả Văn Học từ bao nhiêu năm nay. Anh sáng tác đều đặn, sử dụng nhiều thể thơ. Đây là tập thơ thứ hai, sau tập *Một Chỗ Về* do Sông Thu xuất bản năm 2000. Viết về *Mùa Tình Xin Kịp Gặt*, Trần Doãn Nho nhận xét:

" 'Mùa Tình, Xin Kịp Gặt' có đủ. Từ lục bát, lục bát cải cách, phá thể, ngũ ngôn, thất ngôn, bát ngôn, tự do, thơ xuôi cho đến tân hình thức. Nội dung cũng có đủ. Yêu, nhớ mẹ, nhớ quê, nhớ trời, nhớ đất, tiếc, triết lý, say tỉnh, trầm tư, cụ thể, lãng mạn.

Thơ, với Đức Phổ, là một bày tỏ. Với đời, Với người. Với mình. Một bày tỏ hiền hậu. Và đôi khi, vô cùng da diết "

Sách có bán tại các hiệu sách, hay liên lạc Tạp chí Văn, PO Box 611626, San Jose, CA 95161, hoặc Đức Phổ, 725 Wounded Knee Circle. Peach Tree City, GA 30269.

📖 *Cơn Mộng Phù Sa*, Nguyên Phương, nhà xuất bản Mũi Cà Mâu, 182 tr., không đề giá, do Cơ sở Thi Văn Cội Nguồn Bắc Cali. San Jose, gửi tặng.

Việc in thơ để dùng như một tặng vật cho cha mẹ, vợ con, ngay cả chính mình, không phải là một hiện tượng độc đáo ở hải ngoại nơi có đông người Việt sinh sống vì việc in ấn dễ dàng và ít tốn kém. Ngay ở trong nước việc dùng thơ phú như một cách biểu tỏ lòng thương yêu của mình đối với gia đình cũng là một việc làm khá phổ thông. *Cơn Mộng*

Phù Sa nằm trong loại thơ đó. Rải rác trong tập thơ kèm theo hình màu in trên giấy láng là ảnh của mẹ, vợ, con cái và chính tác giả, bên cạnh những bài thơ có lời đề tặng.

Nguyên Phương sáng tác thơ với nhiều thể: lục bát, thất ngôn, ngũ ngôn, lục pbát phá thể; nhiều đề tài: tình yêu vợ chồng, tình yêu quê hương, tình bằng hữu, tình cha mẹ, và phần cuối lại dành riêng cho những bài thơ về Huế, quê hương của tác giả. Lời thơ cổ điển, ý thơ phần nào bị đóng khung trong những khuôn thước.

📖 *Đường Sơn Thi Tập*, Đường Sơn Đỗ Quý Sáng, Hải Ngoại Nhân Văn xuất bản, 120 tr., không đề giá.

Tập thơ mỏng chứa đựng 200 bài thơ viết theo thể Đường luật và một kịch thơ ngắn, theo lời nhà xuất bản giới thiệu ở trang 6 "chẳng những phản ảnh trung thực cái nhân sinh quan, vũ trụ quan của tác giả mà còn phản ảnh được cả những sinh hoạt chính trị và xã hội và thời đại," rồi khẳng định "Những bài thơ như thế chẳng khác nào những bảo vật càng để lâu càng có giá trị."

Các bài thơ không được sắp xếp theo một thứ tự nào, dù là theo thời gian sáng tác, theo chủ đề, hay theo từng thời kỳ hay biến cố trong cuộc đời tác giả. Người đọc sẽ có dịp ngao du cùng khắp, khi đang vui buồn với những cảm xúc của tác giả như Cô đơn, Hy Vọng, (tr. 20-22), bỗng được tác giả đưa đi thưởng ngoạn một vườn cây kiểng ở California, (Vườn người tị nạn ở Cali, tr. 23), trước khi cảm tác "Tiễn con gái nhỏ đi học xa" ở cùng trang. Người đọc sẽ thấy rất nhiều bài thơ có nội dung chính trị nằm cạnh những sáng tác nhẹ nhàng hơn về tình bạn, tình anh em, v.v. Bên cạnh những bài thơ tình cảm ủy mị là những bài thơ đầy khí phách hào sảng về bổn phận và trách nhiệm của kẻ sĩ, của người trai trước cảnh quốc phá gia vong. Phần lớn những bài thơ trong tập này được sáng tác trong thời gian tác giả nằm bệnh, cho nên đã có một vài bài thơ mang tính bi quan tiêu cực, hoặc thú nhận một người thấm nhuần văn hóa Âu Mỹ như tác giả (đậu ba bằng Masters và một bằng Ph. D của Mỹ) có lúc cũng tin theo các ông lang trọc suýt mất mạng:

Cầu mong tác gỉa sớm bình phục để hội thơ hải ngoại ngày càng thêm khởi sắc.

TRUYỆN NGẮN

📖 *Đêm Rừng Tràm*, Trần Hoài Thư, truyện ngắn, Thư ấn Quán, 136 tr., giá $10.00

Đêm Rừng Tràm, tuyển tập truyện ngắn Trần Hoài Thư ghi là "Những

Chuyện Hôm Qua & Hôm Nay" như một tiểu đề, gồm 9 truyện ngắn. Đây là tác phẩm thứ 15 của nhà văn có sức sáng tác phong phú nhất hiện nay tại hải ngoại. Nhất là sau khi anh khám phá/chế biến ra kỹ thuật in ấn theo nhu cầu (on demand), việc sáng tác của anh hình như cũng được tăng sức.

Trần Hoài Thư là một nhà văn của quá khứ. Anh viết nhiều về đời lính, của mình và của bạn. Những năm phục vụ trong quân đội đã theo anh như hình với bóng, như lời Tướng MacArthur: "Người lính không bao giờ chết, họ chỉ nhòe dần đi." (Old soldiers never die, they just fade away.) Trong các tác phẩm của anh, những đêm nằm kích chận địch, những ngày lặn lội rừng già sâu trong lòng giặc như mới hôm qua, ở đây. Tình đồng đội, nghĩa huynh đệ chi binh đối với anh là tình cảm sắt son. Anh xác quyết: " Chính lúc này, chúng tôi mới hiểu thế nào là tình đồng đội. Nó không dễ gì cảm nhận nếu thật sự ta không trải qua những giờ phút nhục nhằn gian khổ bên nhau. Đứng nói đến tình đồng đội tình chiến hữu nếu ngài cứ ngồi chiếu trên, xem lính là nô lệ, chưa bao giờ biết thế nào là nỗi mất mát, nỗi căm hờn, thù hận, đau thương khi một người bạn bỏ chúng ta đi xa." (Dưới những cánh rừng già, tr. 52). Nhưng anh lại không mấy thiện cảm, nếu không nói là ghét bỏ, với thứ đối đãi "em gái hậu phương," hay những sáo ngữ rỗng tuếch, những tuyên dương chung chung, những bất công dành cho người lính khi chính họ là người đã đổi máu xương mình cho cấp chỉ huy lên long lên chức, như trong "Người hạ sĩ nhất", ở các trang 10, 17 và 20. Trần Hoài Thư có một trí nhớ tốt, những chi tiết về các lần hanh quân tìm và diệt địch vẫn còn mồn một trong anh. Hiện tại cho anh ít chất liệu sáng tác, ngoài một vài cơ hội viết về những hoạt cảnh nơi sở làm, hay trong đời sống cá nhân như thành tựu của con cái, địa vị của mình trong sở làm qua hình ảnh chiếc *laptop* nhẹ hời 4 lbs, rất có thể do sở cung cấp. Hiện tại chỉ nhắc lại quá khứ nơi anh, bắt anh trở về với dĩ vãng như qua một cơn mơ. Chỉ với cái tên của một người con gái học chung lớp Toán Cao học, tuy chưa biết đích xác vì tên ghi không có dấu, người đàn ông nhân vật chính trong "Đêm Mơ" đã thả hồn về quá khứ, nhớ đến một mối tình xưa ngày còn ở quê nhà: "Đến phiên người đàn ông. Việt Nam. Niềm vui nho nhỏ dấy lên. Nguyễn Thị Nhàn hay Nguyễn thị Nhân. Nhàn hay Nhân. Nhàn. Tôi thầm thì. Tên của một người xưa. Tên mà tôi viết cả ngàn lần trong những đêm ngày nhớ nhung chất ngất. Tên tôi gọi khi tôi quằn quại cùng vết thương, khi tôi đứng trên cao để nhớ đồi Nam Ô, và nhìn xuống thấp để nhớ về biển xanh dưới chân đèo Hải Vân." (Đêm Mơ, tr. 77) Và cũng kể từ giờ phút đó, người đàn ông sống như một kẻ mộng du, sống

lại một thời quá khứ với người yêu cũ qua cô bạn học có "gương mặt thanh tú, mái tóc cất ngắn, đôi vai gầy mảnh mai,à" Cái hạnh phúc người đàn ông trong truyện bắt gặp trong đêm cuối năm ở Nữu Ước cũng chính là cái bi kịch của hắn.

Dường như sách chỉ bán qua đường bưu điện. Địa chỉ liên lạc: Trần Hoài Thư, PO Box 58, S. Bound Brook, NJ 08880.

📖 *Con Nữ*, Đỗ Quỳnh Dao, tuyển tập truyện ngắn, Văn Mới xuất bản, bìa Khánh Trường, 181 tr., giá $10.00

Tập truyện đầu tay của một nhà văn nữ sinh sống lâu năm ở hải ngoại, *Con Nữ* gồm 10 truyện ngắn đã xuất hiện trên *Văn Học*, *Văn* và *Hợp Lưu*. Tuy chỉ mới thực sự góp mặt với sinh hoạt văn học trong vòng hai năm trở lại đây, Đỗ Quỳnh Dao đã nhanh chóng thu hút lòng mến mộ của độc giả. Nhà văn Nguyễn Mộng Giác nhận xét khá sắc bén khi ông viết:

"Tôi vẫn thường ngạc nhiên thích thú khi đọc văn của những cây bút xa quê hương nhiều năm, nhiều người sống ở nước ngoài cả nửa thế kỷ mà khi viết văn vẫn sử dụng một thứ tiếng Việt tinh tế, chuẩn xác và uyển chuyển như những người hàng ngày vẫn suy nghĩ, giao thiệp, viết lách bằng tiếng mẹ đẻ." Ngoài tài năng về ngôn ngữ, Đỗ Quỳnh Giao còn biết chọn đề tài. Ông viết tiếp: "...Đỗ Quỳnh Giao thường chọn những đề tài thuộc về nhân sinh nói chung. Hạnh phúc hay đau khổ thuộc về thân phận con người, không có biên giới. Đề tài truyện nhờ thế thoát ra khỏi biên giới của một cộng đồng, một quốc gia. Đề tài của muôn nơi, muôn thuở. Như sự sống và cái chết. Như cái già cái bệnh. Như tuyệt vọng trước thời gian và hy vọng vĩnh cửu."

Sách in đẹp, bìa trang nhã. Một tác phẩm văn chương đúng nghĩa.

Sách có bán tại các hiệu sách, hay liên lạc Văn Mới, PO Box 287, Gardena, CA 90248.

BIÊN KHẢO

📖 *Thượng Đế...Đi tìm*, Vũ Ngọc Vượng, biên khảo (?), không ghi nhà xuất bản, không đề giá.

Đây là một cuốn sách khó phân loại. Nó chẳng phải là tiểu thuyết, biên khảo lại không ra biên khảo. Một cuốn sách triết lý, thần học hay tôn giáo? Ngay ở trang bìa trước, người đọc nhìn thấy ngay những vấn đề lớn: Thượng Đế xuất hiện? Chỉ có một Thượng Đế? Con gà và quả trứng? Vũ trụ, sự sống, cái chết và sự sống sau cái chết! Tóm lại, những

vấn nạn muôn thuở mà những nền văn minh nhân loại không ngừng tìm kiếm giải đáp, cho đến nay vẫn chưa thỏa đáng.

Vũ Ngọc Vượng, một Cựu luật gia [sic] tìm cách trả lời những cây hỏi hóc búa đó trong một cuốn sách chia làm hai phần: phần đầu đánh số trang từ 1 đến 208, phần hai đánh số trang cũng từ 1, nhưng đến 227 trang. Ngay cụm từ *Cựu luật gia* cũng đã làm cho người đọc phải chau mày. Theo định nghĩa, luật gia là một người chuyên nghiên cứu về luật, học luật. Vì thế mà không ai dùng từ *cựu* đứng ở đằng trước từ luật gia bao giờ. Có thể gọi là cựu luật sư, cựu thẩm phán, chứ ít khi gọi Cựu luật gia. Nghe nó vừa kỳ kỳ vừa sai.

Cuốn sách kể chuyện một đám thanh niên theo học một trường nội trú ở Sàigòn, thời gian không rõ ràng. Trường có một hiệu trưởng và một tổng giám thị mà theo lời tả của tác giả, họ là hai người thầy xuất chúng. Một đám thanh niên theo học dùng bối cảnh này để bàn luận những vấn đề lớn như đã nói ở trên. Khổ nỗi, óc lý luận, kiến thức khoa học và triết học của đám thanh niên "ưu tú" này lại quá sơ đẳng cho nên họ cứ lẩn quẩn mãi trong một lập luận mơ hồ, không có cơ sở khoa học. Tác giả cố lồng vào chuyện đời thường của thanh thiếu niên như chuyện đánh lộn, chuyện trai gái, để cho cuốn sách bớt khô tẻ, nhưng lại càng khiến cho những cậu học sinh (và hai ông thầy) trở thành những hình nộm cứng ngắt, cái gì ở nơi họ cũng toàn hảo cả. Ngay cả lúc phần lớn đám học trò lưu lạc trên đất Mỹ, họ gặp lại được ông thầy tổng giám thị ngày nọ, họ trở lại bàn luận chuyện lớn như xưa.

Cuốn sách cho thấy người viết không có được cái mạch lạc trong ngôn từ và tính thuyết phục trong lối lý luận cần thiết nơi một người theo học hay hành nghề luật. Đã thế, xem ra khả năng ngoại ngữ cũng rất kém. Khi mô tả các dụng cụ tập thể dục ở trường, tác giả đã viết parafic(s) (tr. 24) khi ông muốn nói cây xà ngang, mà nếu viết đúng tiếng Pháp thì phải là *barre fixe*. Cũng từ này ông lặp lại ở một trang khác, mà lại dưới một dạng khác nữa, *parafies* (tr. 43). Hay như cây viết Paker [sic] (tr. 34), đúng là *Parker*. Hay như salông, sa-long, (salon). Tiếng Pháp đã thế, chữ Hán lại cũng không rành hơn là mấy, khi ông viết *"Văn dĩ tái tạo"* ở trang 113, mà đúng ra phải là "Văn dĩ *tải đạo*." Nhân danh địa danh thì ưa viết sao thì viết, như Gallier (tr. 95 phần 2) thay vì *Galillée*, hay thành phố Seatle thay vì *Seattle*. Ngay cả tên Mai, một trong những người học trò tác giả cho đóng vai chính, có khi còn có tên Mike nữa kia! Tất cả những sai phạm này không thể quy lỗi đa tự hay in ấn được. Chúng nói lên một thái độ coi thường độc giả tệ hại nhất./.

Du khách nào tới vùng Orange County cũng đều ghé lại

Nhà sách Văn Khoa

9200 Bolsa Ave. Ste. # 123 Westminster CA 92683
(Trong Khu Phước Lộc Thọ)

TEL: (714) 892-0801

New Toll Free Phone # : 866-869-6384

Sách mới về mỗi tuần. Đầy đủ sách báo và CD's, Tự điển, Sách học Anh văn có Băng, Videos, Băng đọc truyện, Post-cards.

Sách mới về mùa Xuân năm 2002

Đàm thoại Tây Ban Nha (200p., 2 cass.) để giao thiệp với người Mễ, của K.V. Thất $22.00
Thân phận dư thừa (445 p.) tức *The Unwanted* của *Kiên Nguyễn, Nhật Tiến* dịch $30.00
V.N. Cuộc chiến tranh Quốc gia-Cộng sản (581 p.) *Nhóm nghiên cứu lịch sử VN* $20.00
Liêu Trai Chí Dị (2 vol. 851 p.) Bản dịch mới, xuất sắc của *Đàm Quang Hưng* $40.00
Bão lửa Hạ Long (298 p.) lần đầu nhà văn *Xuân Vũ* viết hồi ký $13.00
Hẹn thắp lên (377 p.) Lời chứng 25 năm 1975-2000 của *Nguyễn Ngọc Lan* $17.00
Truy lùng Osama Bin Laden (238 p.) để hiểu thêm cuộc chiến hôm nay, *Kiêm Thêm* biên soạn $12.00
300 Chuyện cười (225 p.) những chuyện cười mới và tếu nhất của *Trà Lũ* $14.00
Phong thủy và cuộc sống hôm nay (247 p.) mới ra của *Nguyễn Phúc Vĩnh Tung* $20.00
The Vietnamese Culture (317 p.) for English readers, by *Phạm Kim Vinh* $18.00
Trời xanh cũng khóc (3 vol., 864 p.) truyện mới của *Quỳnh Dao, Liêu Quốc Nhĩ* dịch $40.00
Dòng đời lặng lẽ (219 p.) tập truyện ngắn mới nhất của nhà văn *Nguyễn Ngọc Ngạn* $12.00
ở xa mua sách: *Xin gửi chi phiếu đề cho Văn Khoa, giá tiền bằng giá liệt kê, miễn cước phí nếu ở USA*

NHÀ XUẤT BẢN AN TIÊM

Sách mới xuất bản

* **Tô Đông Pha**
Những phương trời viễn mộng
của TUỆ SỸ. Ấn bản mới, với nhiều bổ sung của tác giả
280 trang. Giá $14.00
* **Cái Chết Của..**
Truyện của DƯƠNG NGHIỄM MẬU
Bản in mới có tăng bổ. 180 trang. Giá $10.00
* **Quê Hương và Quả Đất**
Bản dịch của NGUYỄN HỒI THỦ
Cuốn sách đề cập đến những vấn đề bức xúc của thời đại
toàn cầu hóa. 300 trang. Giá $15.00
* **Câu Hò Tiếng Hát Xứ Huế**
của BỬU BIỀN. 280 trang. Giá $12.00
* **Phật Giáo Việt Nam**
của NGUYỄN ĐĂNG THỤC. 480 trang. Giá $25.00
* **Khoa Cử Việt Nam THI HƯƠNG**
của NGUYỄN THỊ CHÂN QUỲNH 460 trang. Giá $18.00
* **Lối Xưa Xe Ngựa..** Tập II
của NGUYỄN THỊ CHÂN QUỲNH 332 trang. Giá $14.00
* **Việt Lý Tố Nguyên** (Sách tái bản)
của KIM ĐỊNH 360 trang. Giá $15.00
* **Nhà Sư Vướng Lụy**
của TÔ MẠN THÙ - Bùi Giáng dịch 274 trang. Giá $15.00
* **Niềm Yên Lặng Của Mây**
Truyện ngắn TRẦN DIỆU HẰNG 260 trang. Giá $15.00

Đã có bày bán tại các nhà sách, hoặc liên lạc
Nhà Phát Hành VĂN NGHỆ
P.O.Box 2301, Wesminster, CA 92683
Tel.: (714) 527-5761

NHÀ XUẤT BẢN VĂN MỚI

P.O.BOX 287
Gardena, CA 90248
Tel: (310) 366-6867 * Fax: (310) 366-6967
***

NHỮNG SÁCH MỚI CỦA NHÀ XUẤT BẢN:

Tuyển Tập Võ Phiến
780 trang, giá $25
Dặm Trường
Truyện dài Trần Doãn Nho, giá $17
Miêng
Tuyển tập truyện dịch, giá $12
Truy Lùng Osama Bin Laden
Kiêm Thêm, giá $12
Huyết Dằng
Tập truyện Phạm Hải Anh, giá $12
Thương Thế Ngày Xưa
Tập truyện Lê Minh Hà, giá $10
Phòng Triển Lãm Mùa Đông
Tập truyện Thơ Thơ, giá $12
Đi Giữa Bầy Thú Dữ
Truyện vừa Lâm Chương, giá $11
Gỗ Thức Trên Rừng
Tập truyện Tâm Thanh, giá $12
Lời Giáo Huấn Của Padmasambhava
Bậc Sanh Trong Hoa Sen
Thích Giác Hải dịch, giá $15
Dất Trời
Tiểu thuyết Nam Dao, giá $17
Vô Tận Trong Lòng Bàn Tay
Linh Thuy dịch, giá $22
Xóm Cầu Mới
Nhất Linh (Tự Lực Văn Đoàn), giá $25
Con Nữ
Tập truyện Đỗ Quỳnh Dao, giá $10
***

Quý độc giả muốn mua sách, chi phiếu xin đề Nguyễn Khoa gửi về địa chỉ trên. Không tính cước phí trong nước Mỹ.

NHÀ XUẤT BẢN VĂN MỚI

Xin giới thiệu cùng quí độc giả, một tác phẩm mới:

VÔ TẬN TRONG LÒNG BÀN TAY

từ đại nổ bùng đến thức giác

của MATTHIEU RICARD và TRỊNH XUÂN THUẬN
Do LINH THỤY chuyển ngữ, bìa KHÁNH TRƯỜNG
Sách dày 500 trang, giá $22.00, tính luôn cước phí.

****

Chính vì muốn cho thấy sự tương phản đó không thật, nên Matthieu Ricard và Trịnh Xuân Thuận đã hội luận ở đây. Phạm vi câu hỏi vô cùng rộng lớn: Bản chất của thế giới như thế nào? của vũ trụ? của vật chất? của thời gian? của ý thức? Làm sao đi trọn đời sống này? Làm sao sống trong xã hội? Làm sao kết hợp khoa học và luân lý? Về phần câu trả lời,, độc giả sẽ tự thẩm định xem chúng có phù hợp với các ý tưởng sẵn có của mình chăng.

Bởi vì xuyên suốt cuộc đối thoại nhiệt thành này, sinh động bởi cùng một ước vọng chân thật được hiểu biết lẫn nhau, đã đưa đến lắm bất ngờ: các đối cực mờ nhạt đi, các hội tụ sáng tỏ dần, và người ta bắt đầu mơ tưởng đến một tương lai trong đó đức tin và lý tính sẽ hòa giải vững bền.

****

Matthieu Ricard trở thành tăng sĩ Phật giáo sau khi từng làm nhà nghiên cứu sinh vật học. Tác giả nổi tiếng về Phật giáo, cùng người cha là Jean-Francois Revel, ông đã viết *Tăng sĩ và Triết gia[Le Moine et le Philosophe]*. **Ông còn là thông dịch viên Pháp ngữ của đức Đạt lai Lạt ma.**

Trịnh Xuân Thuận, thiên văn vật lý gia, giáo sư tại đại học Virginia. Tác giả của nhiều tác phẩm, trong đó có *Giai điệu Bí ẩn [La Mélodie Sècrete]* **và** *Hỗn độn và Hài hòa [Chaos et l'Harmonie]*, **ông nổi tiếng về lối trình bày sáng tỏ và tinh thần cởi mở trong các lãnh vực khoa học và triết lý.**

PHIẾU MUA / GIA HẠN BÁO

Họ và tên:.....
Địa chỉ:.....
Thành phố.....Tiểu bang.....Zip.....
Quốc gia.....
Đồng ý ☐ Mua
☐ Gia hạn báo Văn Học
Thời hạn:.....năm, từ số.....đến số.....
Gửi theo hạng:
USA: ☐ First Class
☐ Bookrate

Ngoài USA: ☐ Global Priority

Đính kèm chi/ngân phiếu với số tiền US$.....

GIÁ BIỂU BÁO DÀI HẠN

áp dụng từ 1 tháng 4 năm 2001

HOA KỲ / MỘT NĂM

Hạng bookrate : ☐ 50 Mỹ kim
Hạng First Class: ☐ 60 Mỹ kim

CANADA / MỘT NĂM

Chỉ gửi duy nhất một hạng Global Priority:
☐ 80 Mỹ kim

ÂU CHÂU, Á CHÂU, ÚC CHÂU / MỘT NĂM

Chỉ gửi duy nhất một hạng Global Priority:
☐ 100 Mỹ kim

Giá bán lẻ tại các hiệu sách: 5 Mỹ kim

Đã tái bản hạn chế
hai bộ trường thiên của nhà văn

NGUYỄN MỘNG GIÁC

(ấn bản có sửa chữa & bổ sung)

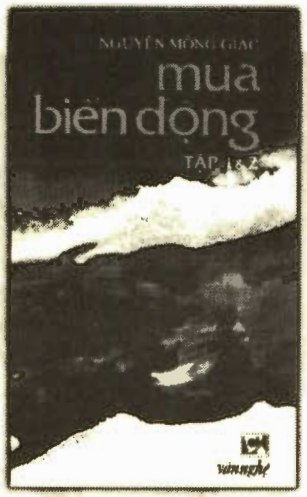

Mùa Biển Động (5 tập)
Giá 65 MK
(Ngoài USA thêm 5MK)

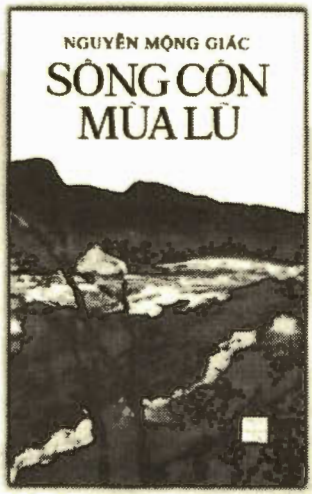

Sông Côn Mùa Lũ (4 tập)
Giá 65 MK
(Ngoài USA thêm 5MK)

Thư từ, chi phiếu xin gửi về:

Nguyễn Khoa Diệu Chi
P.O. Box 1359
Garden Grove, CA 92842

Phone: (714) 894-8535
E-mail: nmg@vinet.com

Nguyễn Thiệp

SÁCH MỚI MÙA XUÂN-HÈ

- **HUYỆT TUYẾT** 12 MK
  10 truyện 10 chuyện, *Võ Đình*
- **SÓNG TỪ TRƯỜNG II** 12 MK
  lý luận văn học, *Thụy Khuê*
- **VĂN HỌC HIỆN ĐẠI VÀ HẬU HIỆN ĐẠI QUA THỰC TIỄN SÁNG TÁC VÀ GÓC NHÌN LÝ THUYẾT** 25 MK
  lý luận văn học, *Hoàng Ngọc Tuấn*

PHÁT HÀNH

- **ĐI GIỮA BẦY THÚ DỮ** 11 MK
  truyện *Lâm Chương*
- **GỖ THỨC TRÊN RỪNG** 12 MK
  truyện *Tâm Thanh*
- **NÓI CHO CON NGƯỜI** 15 MK
  linh mục *Chân Tín*
- **HỒ SƠ ĐEN CSVN 54-02** 14 MK
  Michel Tauriac, *Nguyễn Văn* dịch
- **MIỀN LẶNG** 12 MK
  truyện *Phạm Chi Lan*
- **NGẬM HẾT MẶT TRỜI** 12 MK
  truyện *Phan Hội Yên*

NHÀ XUẤT BẢN VĂN NGHỆ
P.O. Box 2301
Westminster, CA 92683
Phone/Fax (714) 934-8514

Giá 5 Mỹ kim